NĂM THỨ MƯỜI • #111 • JULY 1998

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

HỒ XUÂN HƯƠNG NÀNG LÀ AI?

NHẤT UYÊN

NHỮNG CUỘC ĐỔI HỌ LỚN TRONG LỊCH SỬ

TRẦN GIA PHỤNG

TÌNH MẪU TỬ

TRẦN NGỌC TUẤN

GRAND DRAGON SEAFOOD BUFFET

AMERICAN - FRENCH - CHINESE - VIETNAMESE

- Trên 50 món ăn và trên 20 món tráng miệng thay đổi mỗi ngày
- Có Tôm Hùm hoặc Tôm Càng mỗi tối
  Do đầu bếp Trung Hoa đã đoạt được 7 Huy Chương vàng trên toàn nước Mỹ phụ trách
- Khung cảnh ấm cúng, tiếp viên lịch sự, parking rộng rãi
- Grand Dragon là nơi lý tưởng để tổ chức những buổi tiệc cưới, sinh nhật, họp bạn, v.v...

ĐẶC BIỆT:

LẨU HẢI SẢN
HẢI SẢN TƯƠI XÀO TẠI CHỖ

BEER & WINE

ALL YOU CAN EAT!!!

6838 & 6840 & 6842 Edinger Ave.
Huntington Beach, CA 92647
(Góc Edinger và Golden West, trong khu Home Depot)

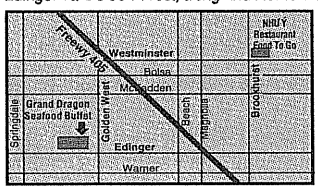

Tel: (714) 842-7262

LUNCH: 11:00AM-3:30PM
DINNER: 5:00PM-9:30PM
Mở cửa 7 ngày trong tuần

Chủ nhân Như Ý kính mời

Như Ý

(Góc Brookhurst & Westminster, trong khu chợ Kinh Đô)

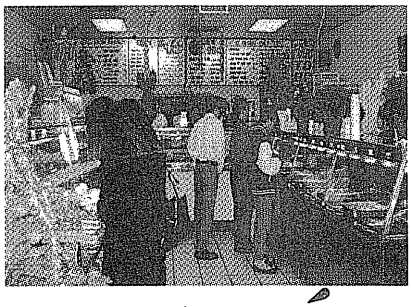

Open 7 Days a Week
Mở cửa 7 ngày trong tuần
Cơm phần Chay & Mặn

Như Ý FOOD TO GO

13898 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4883

Thứ Hai-Thứ Sáu: 5:00 AM-9:30PM
Thứ Bảy-Chủ Nhật: 6:00AM-9:30PM

- *Trên 40 món mặn và 15 món chay thay đổi mỗi ngày.* • *Bánh mì thịt đủ loại*
- *Các loại chè: Mua 2 tặng 1*
- *Các loại bánh trái, Xôi, Chè*
- *Các món nhậu: Bê Thui, Tiết Canh, Lòng Heo...*
- *Nhận đặt tiệc cho các buổi họp mặt: Chả Giò, Cơm Chiên, Mì Xào, Gỏi Sen Thập Cẩm...*

Nếu có quý vị muốn mở **TO GO, Restaurant** hoặc **Buffet** chủ nhân Như Ý sẽ tận tâm dìu dắt thân hướng dẫn từ A tới Z và chắc chắn sẽ thành công, xin L/L
(714) 636-4883
(714) 636-4885
(714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188

Như Ý RESTAURANT

BEER & WINE

13892 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4885

Thứ Hai-Thứ Năm: 10:AM-12:AM, Thứ Sáu: 10:AM-3:AM
Thứ Bảy: 8:30AM-3:AM, Chủ Nhật: 8:30AM-1:AM

- *Trên 200 món ăn Việt, Tây, Tàu*
- *Đặc biệt: Bánh Khọt Vũng Tàu ngon độc đáo*
- *Các món nhậu trứ danh: Cá sấu chiên bơ. Nai nướng vỉ, bò tái chanh, tiết canh, lươn bầm xúc bánh tráng, ốc len xào dừa, ếch chiên bơ, lẩu súng Vũng Tàu, cua tôm rang muối...*
- *Đặc biệt: lẩu lươn sống, lẩu dê, lẩu Hải sản*
- *Nhận đặt tiệc cho sinh nhật, họp mặt...*

NHÀ HÀNG CHUYÊN VỀ ĐÁM CƯỚI

DRAGON KING
SEAFOOD RESTAURANT
CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

DO ĐẦU BẾP TRUNG HOA ĐÃ ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG VÀNG TRÊN TOÀN QUỐC ĐẢM TRÁCH

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ HÀNG
- 600 chỗ ngồi
- Sân khấu đẹp
- Sàn khiêu vũ rộng
- Phòng thay đồ cô dâu
- Parking rộng thênh thang
- Tiếp viên lịch sự chu đáo

NHÀ HÀNG SANG TRỌNG, LỘNG LẪY
MỞ CỬA 7 NGÀY
CÓ CHỖ NGAY

Tel: (714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188
1830 W. 17th ST.
SANTA ANA, CA 92706

Mười lăm năm mới có một lần...

CA VŨ NHẠC HỘI VĨ ĐẠI 15 NĂM

PARIS BY NIGHT

ĐẶC BIỆT TRỰC TIẾP THÂU HÌNH THÀNH VIDEO

ĐỊA ĐIỂM: TERRACE THEATER
300 E Ocean Blvd., Long Beach, CA 90802
Đêm Thứ Bảy 25 July 1998

Với sự tham gia của trên 300 chuyên viên kỹ thuật thâu hình, âm thanh, ánh sáng, nhà trang trí, nhà kiểu mẫu, nhà may thời trang hợp cùng đoàn vũ công xinh đẹp tuyệt vời và hầu hết những tên tuổi ca sĩ Việt Nam thượng thặng từng cộng tác với Paris By Night tại hải ngoại đua nhau trình diễn trong một Đêm Văn Nghệ mùa Hè chưa từng có tại California.

* **Khánh Ly, Ái Vân, Ý Lan, Như Quỳnh, Bảo Ngọc, Mỹ Huyền, Linda Trang Đài, Thùy Dương, Thái Hiền, Thái Thảo, Lưu Bích, Thiên Kim, Hoàng Lan, Trúc Linh, Trúc Lam, Hồng Đào, Trang Thanh Lan, Phương Vy, Bảo Hân.**
* **Tuấn Ngọc, Duy Quang Don Hồ, Elvis Phương, Tommy Ngô, Thế Sơn, Nguyễn Hưng, Hoài Nam, Quang Minh v.v...**
* **Ban nhạc nổi tiếng M.F.L, và vũ đoàn danh tiếng Paris By Night.**

Phần điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN và NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Đêm Văn Nghệ đặc sắc 25 tháng 7-98, sẽ được trực tiếp thu hình để phát hành thành băng Video dưới chủ đề "PARIS BY NIGHT 15TH ANNIVERSARY CELEBRATION"

Mọi chi tiết, xin liên lạc:

Điện thoại: (714) 894-5911 / (714) 893-2860
Fax: (714) 891-9673

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

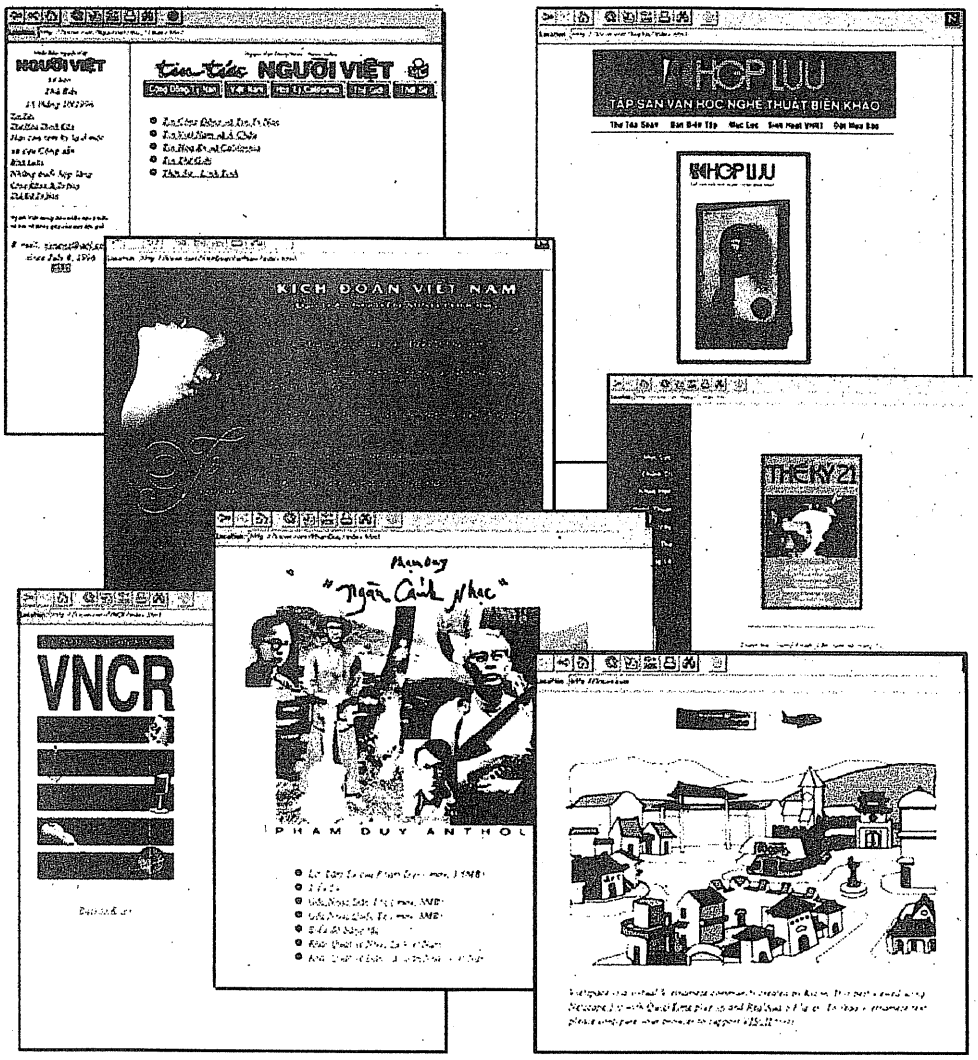

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association
11022 Acacia Parkway, Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 537-8352 * Fax: (714) 638-1944

LỚP VẼ THIẾU NHI KHÓA HÈ 1998

do nữ họa sĩ SUZIE VƯƠNG hướng dẫn

Khai giảng: Ngày thứ Bảy, 18 tháng 7 năm 1998, lúc 9 giờ 30 sáng.
Bế giảng: Ngày 03 tháng 10 năm 1998
Khóa học: Kéo dài 12 tuần lễ vào mỗi sáng Thứ Bẩy, từ 10 giờ đến 12 giờ trưa.
Cấp 1: Dành cho các em mới học vẽ.
Cấp 2: Các em đã theo học lớp hè 1997.
Địa điểm: Tại Phòng Sinh Hoạt của Hội VAALA, địa chỉ như trên đây.
Hạn tuổi: Từ 7 đến 15 tuổi, không phân biệt nam nữ.
Sĩ số thu nhận: Từ 10 đến tối đa là 25 em.
Học phí: 150 Mỹ kim, cộng thêm 10 Mỹ kim tiền mua giấy, bút, màu. Đóng tiền ngay lúc nhập học và không hoàn trả nếu bỏ học vì bất cứ lý do gì. Tiền mặt hay chi phiếu, trả cho VAALA.

Mọi chi tiết xin liên lạc với ông **Vũ Duy Tự, điện thoại (714) 537-8352.**

TRẦN ĐẠI LỘC — ẢNH

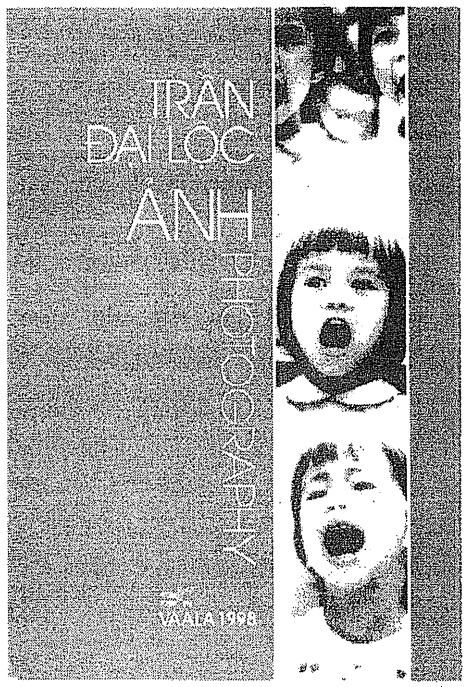

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) in và phát hành.

Trần Đại Lộc vốn là Phó Chủ Tịch của Hội VAALA. Anh mất ngày 30 tháng Chín 1997, thọ 56 tuổi.

Ngoài tài chụp ảnh ---- sau khi tốt nghiệp nhiều khóa nhiếp ảnh nghệ thuật ở Hội Việt Mỹ Saigon ---- anh còn soạn ca khúc, và cắm hoa nghệ thuật. Nhưng anh được biết đến nhiều, và được yêu mến, qua các hoạt động phục vụ xã hội và tuổi trẻ.

Hội VAALA sưu tập một số ảnh nghệ thuật, trong đó có nhiều bức đã đoạt giải ở trong nước trước 1975, cùng một số tài liệu nói về cuộc đời của Trần Đại Lộc, để giới thiệu một tài năng văn học nghệ thuật Việt Nam với bốn phương.

Mời quý độc giả và thân hữu mua với giá 25 mỹ kim một cuốn. Sách khổ 9 x 12 ins, giấy mịn, bìa màu, dày 96 trang.

Xin quý thân hữu điền vào phiếu kèm theo thư này, gửi về cùng ngân phiếu hoặc lệnh phiếu trả cho VAALA, phần memo ghi "Trần Đại Lộc."

PHIẾU ĐẶT MUA ALBUM "TRẦN ĐẠI LỘC - ẢNH"

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn với giá US$25.00 một cuốn.

Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:.....

Tôi biết rằng số tiền trên là tiền sách, kể cả công đóng gói và cước phí hạng tư trong nước Mỹ, và tàu thủy ngoài nước Mỹ. Nếu tôi muốn sách được gửi bằng hạng nhất thì tôi sẽ phải thêm US$3.00 trong nước Mỹ, hoặc US$10.00 ngoài nước Mỹ, cho 1 cuốn.

Họ tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

- Ở Pháp: 150FF -- gửi về Đinh Xuân Trần Bích Nga, 13 Place de Frenaie, 94470 Boissy St Léger.
- Ở Úc: A$33.00 -- gửi về Binh Anson, 1 Parwich Rise, Carine WA 6020.
- Ở Đức: 39DM -- gửi về Nguyen Phi Hung, Stadtspakasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr. 622016893.
- Ở Canada: C$35.00 -- gửi về Hoàng Chiều Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8.
- Ở Mỹ và các nơi khác: US$25 gửi về Hội, VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Gorve CA 92840.

Tranh bìa: *Hoài Thu* của Văn Đen
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường
Hí họa: Babui, Hiếu Đệ
Ảnh: Lê Tam Ca, Anh Thành, tài liệu báo chí

MỤC LỤC

Số 111 . Tháng Bảy 1998

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ - LỊCH SỬ

13 Đồng Yen qua một cơn xuống giá - **Vương Hữu Bột**
39 Ba mươi năm về trước, cuộc cách mạng tháng 5-68 tại Pháp - **Huỳnh Hùng**
55 Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử - **Trần Gia Phụng**

NHÂN VẬT

24 Tưởng nhớ Trần Việt Sơn - Bài nói của Bs **Trần Ngọc Ninh, Bích Hằng** ghi
32 Một tấm lòng son với nước non - **Lê Thiệp**

VĂN HỌC - GIÁO DỤC

42 Hồ Xuân Hương, nàng là ai? - **Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh**
63 Những cải cách thành công về giáo dục tại Ba Tây - **Quỳnh Anh**
74 Nguyễn Tuân và tác phẩm Chiếc Lư Đồng Mắt Cua - **Nguyễn Văn Cường**

KHOA HỌC - XÃ HỘI

66 Vũ trụ mở hay đóng? - **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**
70 Triệt sản vĩnh viễn 50 ngàn phụ nữ bằng thuốc Quinacrine - **Cam Văn**

TIẾNG VỌNG - TÀI LIỆU

77 Sự chết và người y sĩ - **Nguyễn Hoài Vân**
91 Hồ Chí Minh hoạt động tại Viễn Đông - **Tưởng Vĩnh Kính - Thượng Huyền** dịch

VĂN

60 Tình mẫu tử - **Trần Ngọc Tuấn**
79 Sợi dây chuyền - **Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm**
84 Một thuở bình yên - **Tôn Nữ Thu Nga**
97 Tiếng đá *(tiếp theo và hết)* - **Nam Dao**
106 Đường bão quét - **Nguyễn Trung Dũng**

THƠ

61. Hiện tại - **Minh Hân.** 72. Phất phới ngọn cờ - **Hồng Khắc Kim Mai.** 75. Puerto Vallarta, tháng Tư - **Thiên Yên.** 81. Tịnh tâm - **Phương Nguyễn.** 87. Lời giải - **Nguyễn Hòa Trước.** 90. Mưa - **Nguyễn Tấn Hưng.** 94. Thơ tặng vợ hiền, Gửi một nhà thơ đàn anh, Nhưng chính phút này - **Bùi Minh Quốc.** 101. Nâng mãi cung nguyệt - **Trần Hồng Châu.** 107. Ở, lòng xuân - **Lưu Hy Lạc**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: An Nhiên - **Phạm Phú Minh**
8 Bạn đọc viết
12 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
12 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
50 Sổ tay
109 Vòng chân trời Văn học Nghệ thuật
113 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

AN NHIÊN

Thời gian qua anh em *Thế Kỷ 21* chứng kiến hơi nhiều chuyện bệnh và chết. Trần Đại Lộc, rồi Mai Thảo, Nguyên Sa, Tô Thế Liệu, Becky Ngô (Ngô Bích Thược) lần lượt ra đi. Bệnh ung thư là nguyên nhân trong hầu hết các trường hợp. Chưa bao giờ ta thấy căn bệnh ngặt nghèo này gần và dữ đến thế. Cuộc sống vẫn tiếp tục, nhưng hai yếu tố "bệnh" và "tử" cứ đến thường xuyên một cách bất thường, khiến cho dù muốn dù không chúng ta vẫn phải đối diện, nhìn thẳng vào nó.

Một người bạn của chúng ta, anh Lê Đình Điểu, lại đang trực diện với ung thư, và bức thư anh gửi cho bạn bè sau khi giải phẫu giúp người đọc một cách nhìn tỉnh táo giữa một cơn có thể gọi là ác mộng của tất cả. Anh Điểu là một trong những người sáng lập tạp chí *Thế Kỷ 21* từ năm 1989, đã liên tiếp làm Chủ Nhiệm gánh vác vai trò xây dựng tờ báo trong bảy năm từ 1991 đến 1996, và hiện nay đang giữ chức vụ Giám Đốc đài phát thanh VNCR (Vietnam California Radio). Anh phát giác có bệnh ung thư vào khoảng tháng Ba năm nay, giải phẫu vào đầu tháng Năm, và hiện đang tiếp tục chữa chạy. Trích đoạn bức thư anh viết vào giữa tháng Năm:

"... Hôm 11-5 bác sĩ đã cho rút cái vòi voi ra, cũng có nghĩa là cuộc giải phẫu đã thành công: khúc ruột bị cancer không cắt đi được vì cái tumor quá lớn, đụng tới đại tĩnh mạch, phải để anh ấy ở nguyên chỗ cũ, cắt một khúc khác nối lên bao tử, mở một con đường mới cho hệ thống tiêu hóa. Giai đoạn tới sẽ dùng radiation và chemotherapy trị khúc cancer. 'Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh!' Nhưng chuyện khó còn làm được huống chi chuyện... khó hơn (!) phải không các bạn?

Cám ơn các bạn đã cho tôi sự yểm trợ vô cùng quý báu. Các bác sĩ và y tá ở đây cũng lấy làm lạ là tại sao tôi cứ về như người không có bệnh! Họ thấy tôi ngồi nghe nhạc classic, viết thư, hoặc nhìn ra cửa sổ ngắm cảnh (tuy cảnh chẳng có gì để ngắm), cứ như một du khách đang ở khách sạn, họ ngạc nhiên. Cô y tá hỏi bà Dung: 'Ông ấy không biết ông ấy bị bệnh cancer?' Bà Dung bảo, 'Ông ấy biết chứ.'

Quả thật hôm nghe bác sĩ thông báo kết quả thử nghiệm "positive" (tức là có cancer), tôi hơi choáng một chút. Nhưng nghĩ cho cùng, năm nay tôi 60 tuổi (ta) rồi, vừa tròn một hoa giáp, cũng đủ cho một đời người. Nếu phải "ra đi" thì cứ thản nhiên lên đường thôi. Còn nhiều việc muốn làm mà chưa làm được hay chưa làm xong thì cũng đành chứ sao?

Nay nhờ y khoa tiến bộ cãi lại mệnh trời, sống thêm ít lâu, cứ coi như được... bonus, càng vui! Thành ra vấn đề vẫn là giá trị đời sống, chứ không phải là chiều dài của đời sống, mới là điều quan trọng. Mỗi người có một thước đo giá trị riêng. Thước của tôi là niềm vui của người khác khi mình còn ở với họ. Hôm qua nhâm nhẩm trong đầu mấy câu thơ sau đây, gửi các bạn đọc chơi:

Vừa tròn sáu mươi tuổi
"Tri chỉ" cũng đủ rồi
Chia tay mong để lại
Nụ cười bạn mình thôi.
Hẹn gặp nhé. Thân yêu."

Một người bạn khác trong giới văn nghệ là họa sĩ Nghiêu Đề cũng đang vướng trong bạo bệnh này. Mới đây một số bạn bè đến thăm anh tại nhà ở San Diego, gặp anh đang nằm giữa một mớ dây nhợ lòng thòng của những bình thuốc đang truyền vào người, anh rất gầy nhưng tinh thần vẫn sảng khoái. Vẫn lối nói chậm rãi lúc nào cũng tếu tếu, anh bảo các bạn: "Bệnh cũng là một phần của đời sống. Nếu gọi là hưởng đời thì tại sao không 'hưởng' luôn cả bệnh hoạn của mình?"

Bệnh hoạn tàn phá cơ thể. Nhưng khi tinh thần chế ngự được sự tàn phá ấy, vẫn giữ được sự lạc quan và tích cực, và truyền tinh thần lạc quan, bao dung đó cho người khác, thì người bệnh đã giúp cả mọi người chung quanh. Chúng ta biết ơn sự lạc quan và tích cực mà anh Điểu, anh Nghiêu Đề đã truyền cho chúng ta, và cầu chúc các anh, với tinh thần vững chãi, vượt qua những khó khăn.

Về tập san Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises

Kính gửi ông Trần Anh Tuấn

Chúng tôi được đọc bài "Về tập san Bulletin de la Société des Etudes Indochnoises (BSEI)" của tiên sinh trong Thế Kỷ 21, số 110. Tiên sinh viết bài trên vì trong chút tư liệu của tôi "Lược khảo về tập san Bulletin des Amis du Vieux Huế (BAVH)" trình bày trong Thế Kỷ 21 số 108, tiên sinh thấy hai điều nhầm lẫn:

Điểm một. Trên nguyên tắc trung thực trí tuệ (probité intellectuelle), tôi xin thưa là tôi chưa biết có tập san BSEI, và tôi xin chân thành nhận lỗi. Nhất là từ lúc đọc bổn khảo sát của tiên sinh, tôi lại càng hổ thẹn tự thấy thiếu sót rất nhiều. Tuy không dám tìm cách dấu diếm điều thiếu sót của mình, tôi cũng xin giải thích vì sao đã phạm lỗi. Trong những số đầu tập san BAVH, từ 1914 đến đầu thập niên 20, mỗi số đều có mục *Echanges* (trao đổi báo chí), và lúc nào cũng có ghi tờ *"Revue d'études Indochinoises* (REI)." Sau đó từ thập niên 30, không thấy ghi REI, mà thấy ghi trao đổi với Société d'Etudes Indochinoises. Điều này trùng hợp với bài của tiên sinh, "hội trải qua một thời kỳ rất khó khăn, mãi đến năm 1926" mới trở lại sinh hoạt, và *có lẽ REI mới đổi tên* là Bulletin des Etudes Indochinoises chăng?

Một lý do khác là tôi đã cố gắng tìm kiếm trong thư viện Regenstein (là một thư viện đại học rất giàu tài liệu Việt Nam), không thấy dấu vết REI. Vì lẽ đó mà tôi đã sơ xuất kết luận là REI mệnh yểu.

Điểm hai. Tiên sinh lưu ý là tôi viết sai hai lần tên tạp chí BSEI. Ở trên đã giải thích tôi chỉ biết có "*Revue* d'Études Indochinoises," có lẽ sau đổi thành *Bulletin* mà lỗi của tôi không theo dõi được. Lần sai thứ hai, *Société des Etudes, không phải Société d'Etudes,* tôi may mắn còn giữ được bổn phóng ảnh mục Echanges năm 1938 trong BAVH, trong đó viết *Société d'Etudes.* Chúng ta có thể nhầm, nhưng Cha Cadière khó thể viết sai.

Một lần nữa, xin cảm ơn tiên sinh chỉ cho điểm thiếu sót.

Nguyễn Phúc Bửu Tập *(Long Beach, CA)*

Một thống kê, hai cách nhìn

Tôi xin có vài ý kiến về bài *Tương Quan Văn Hóa và Kinh Nghiệm Doanh Thương của Người Mỹ Gốc Việt* của Chu Huyền - Hải Sơn trong Thế Kỷ 21 số 109, Tháng Năm 1998.

Tôi không phải là một thương gia nhưng tôi nhận thấy bài này rất hay và có nhiều chi tiết rất có giá trị. Tuy nhiên, có một điểm trong bài viết làm tôi thắc mắc và đọc đi đọc lại vẫn thấy lấn cấn. Không hiểu tôi có hiểu lầm ý tác giả hay không.

Tác giả đưa ra biểu đồ 5, là thống kê nghề nghiệp của bố mẹ những doanh gia người Việt tại Mỹ cho thấy phần lớn bố mẹ của những doanh gia này không phải là những người làm thương mại. Từ đó, tác giả đưa ra dự đoán là có thể đến thế hệ thứ hai, các cơ sở kinh doanh không còn tồn tại được vì yếu tố khinh thường thương mại của người Việt.

Tôi nghĩ là thống kê trên đây không chứng tỏ được tinh thần coi nhẹ thương mại của người Mỹ gốc Việt. Đối với tôi, thống kê này có thể được nhìn bằng một con mắt khác. Đó là, người Việt ở đất Mỹ đã xóa bỏ được phần nào thành kiến coi nhẹ thương mại của ông cha mình và đã dấn mình vào thương trường một cách tích cực hơn.

Nếu muốn chứng minh rằng người Việt gốc Mỹ còn mang thành kiến coi thường thương mại thì, theo ý tôi, ta phải tìm hiểu xem con cái của những doanh nhân Việt này đang làm gì hay đang học ngành gì.

Than Nguyen *(Internet)*

Nghĩa lý hay vô nghĩa lý

Trong mục "Bạn đọc viết" của số báo vừa rồi, ông Phạm Ngọc Khôi đã viết rằng khái niệm ("thuyết"!) tình cờ trong vật lý hiện đại là"vô nghĩa lý" và phần lớn khoa học gia, những người "bám víu vào [nó] là để che dấu sự thiếu hiểu biết của họ." Ý kiến này rất khó hiểu. Và phê phán nặng như thế mà ông

không một lời giải thích nào cả!

Sự ngẫu nhiên tình cờ là một sự kiện hiển nhiên trong vật lý lượng tử. Người học vật lý chuyên nghiệp nào cũng biết rằng khái niệm này cho đến nay vẫn vững chắc và không vô nghĩa lý gì cả.

Không xét nét lời dịch của Đặng Hoàng thì Gs Thuận cũng chỉ nói như thế. Trong các thuyên giải được đa số các nhà vật lý chấp nhận, thuyên giải Copenhagen và thuyên giải 'Consistent Histories,' sự tình cờ ngẫu nhiên như một khái niệm *căn bản* hay 'chân lý tuyệt đối' là hệ luận tất nhiên của ít nhất hai định đề (*postulate*) của vật lý lượng tử. (Vật lý lượng tử có nhiều định đề mà sự có mặt của chúng — trừ Nguyên lý [nguyên lý chứ không phải "thuyết"!] bất định Heisenberg — người thiếu căn bản vật lý lý thuyết có vẻ thường không biết đến. Các định đề này cũng không phải là 'God-given,' mà được phát biểu từ thực nghiệm!)

Hai định đề đó là: *a/* hàm sóng (/vectơ trạng thái) không là một thực thể, mà chỉ là một đại lượng, công cụ toán học, chỉ có ý nghĩa xác xuất, thống kê mà thôi, và *b/* hàm sóng (hay vectơ trạng thái) chứa đựng *toàn bộ* thông tin về hệ thống được khảo sát.

Thế nên dễ dàng suy ra rằng, hai định đề này khiến phần lớn các nhà vật lý xem việc giải thích sự tình cờ ngẫu nhiên bằng một khái niệm, ý niệm khác (i.e. không xem nó như một sự kiện căn bản) là một việc làm vô nghĩa, nhất là khi khái niệm được đề nghị không có nội dung vật lý. Các khoa học gia khác thì tất nhiên phải tin theo các chuyên gia vật lý: nhà khoa học có thể nông cạn, tầm thường về một số lãnh vực nào đó, như tất cả mọi người, nhưng chúng ta hoàn toàn sai lầm nếu cho rằng, ngay trong lãnh vực của họ mà đa số trong họ cũng thiếu hiểu biết về những gì họ tin, hoặc tệ hơn, lừa dối chính mình và người khác.

Những giải thích vật lý như của Fritjof Capra (New Age), Paul Davies (Kitô giáo) v.v... do đó không có gì đáng giá đối với họ dù Capra hầu như được công chúng xem như một đạo sư và thường được chính các đạo sư trích dẫn, dù Davies được các giáo hội tưởng thưởng cả triệu đô! Điều này thật ra cũng không khó hiểu lắm. Một trong nhiều lý do là, việc nói đến một nguyên lí siêu lí trong giải thích thực tại chẳng những không cần thiết (vì không có dữ kiện thực nghiệm nào đòi hỏi như thế), mà còn dễ làm người ta rơi vào một khuynh hướng mà ở cả Đông lẫn Tây đều từng là chướng ngại hiển nhiên đối với phát triển khoa học: hễ gặp vấn đề có vẻ hơi khó giải quyết thì lại viện đến thần chú "Ý trời," "Bất khả tư nghị," v.v... Một phần vì thế mà ngay "khoa học tâm linh" của Trung Hoa cũng đã không có một dấu tích hiện hữu nào cả cho đến khi Phật giáo du nhập, và nó, so với Phật giáo Ấn Độ và Tây Tạng, nhìn chung gần như chỉ là một thứ khoa học tiền Galileo do thiếu sự khảo nghiệm bản chất của chính các khinh nghiệm tâm linh.

Trong bối cảnh của sự đồng thuận phổ biến về sự vô dụng của các chân lý tông giáo siêu hình đối với khoa học, có lẽ cần nhắc đến một biệt lệ: một bản thể luận tông giáo được một số chuyên gia tin tưởng, nói theo Fransisco Varela trong *The Third Culture*, như có khả năng đưa khoa học hiện đại thoát xác (như tư tưởng Hy Lạp đối với tư tưởng tiền Galileo). Bản thể luận này cũng không hứng thú với sự viện đến một nguyên lí siêu lí để giải thích thực tại, kể cả thực tại tâm linh (!), và, như đối với chân lý khoa học khác, nó chấp nhận sự tình cờ ngẫu niên nhưng cũng không xem đây là một sự kiện tuyệt đối. Công trình có tính khai phá về đề tài này là tác phẩm của nhà vật lý B. Alan Wallace (về sau có Ph.D. tông giáo học), *Choosing Reality: A Comtemplative View of Phisics and the Mind*, Shambhala 1989. Giống nhiều người, đọc nó tôi bàng hoàng thấy mình có nhiều chỗ siêu hình không cần thiết và không kém phi lí với việc chọn theo một thuyên giải vật lý ít sắc thái siêu hình nhất!

Như các nỗ lực lí luận 'rắc rối' cùng loại, công trình này tất nhiên không cần thiết cho những ai cho rằng không có gì nghiêm chỉnh hay vững chắc nơi chủ thuyết duy vật khoa học cùng các thuyên giải vật lí mà đa số khoa học gia chấp nhận, cũng như người xem tông giáo như không nên có gì để nói về khảo sát thuần lí và thực nghiệm.

Nguyễn Kết *(Đan Mạch)*

Đổi mới hay lập dị?

Vừa rồi đọc tờ Thế Kỷ 21 số 109 tôi có nhìn thấy sự dùng chữ "hơi lạ" ở bài *Chùa Một Cột với tinh thần Phật giáo Việt Nam thời nhà Lí* và bài giới thiệu sách *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*. Đó là cách dùng chữ "i" thay vì chữ "y".

Không biết các độc giả khác nghĩ thế nào

khi đọc thấy cách dùng như trên, nhưng riêng cá nhân tôi thấy dường như có một cái gì làm vướn mắt người đọc. Dĩ nhiên đây không phải "lỗi chính tả," mà rõ ràng là một cách dùng chữ theo lối mới, do sự cố ý hoặc là của Tòa soạn hoặc là của tác giả bài viết.

Thấy cách dùng chữ đó tôi nhớ lại sau khi Hà Nội cưỡng chiếm miền Nam, họ đã dạy học sinh cách dùng chữ mới như "ph" đổi thành "f" và "y" đổi thành "i" v.v... Cách dùng chữ mới này đã gây trở ngại không ít cho con em học sinh miền Nam thời ấy, nhưng sau đã bị bãi bỏ.

Xin Tòa soạn vui lòng cho biết đây là sự cải cách chữ viết hay chỉ là một cách viết cho "lạ" để độc giả chú ý đến bài viết hoặc tờ báo. Tôi thấy tờ Thế Kỷ 21 mỗi ngày càng phổ biến rộng rãi trong cộng đồng người Việt Nam hải ngoại, trong đó có những độc giả trẻ đang và sẽ học tiếng Việt, vậy cần viết làm sao để họ có thể học hỏi dùng cho đúng.

Nguyễn Ngọc Kim *(Philadelphia)*

Trong khi viết chữ Việt, nhiều người nhận thấy là không hợp lý khi để chỉ một âm giống nhau, lúc thì dùng "i" lúc lại dùng "y." Giáo sư Dương Quảng Hàm ngày trước cho rằng dùng chữ nào cũng được, vì cách phát âm không có gì khác nhau. Nhưng nhiều người sau này muốn thống nhất, chỉ dùng một chữ thôi cho tiện. Vì thế mới có "trường phái" chỉ dùng "i" để chỉ âm i. Công việc vận động này đã có từ ba bốn thập niên, nhưng chưa tới đâu, vì tuy hợp lý nhưng không thắng được thói quen.

Việc dùng "i" như trong hai bài đã dẫn là do tác giả chứ không phải do Tòa soạn, nhưng Tòa soạn thấy không trở ngại gì khi đăng bài mà tác giả có cách dùng như thế. Có lẽ trong một vài trường hợp nó hơi lạ mắt vì trái với thói quen, nhưng trong tất cả mọi trường hợp "i" thay "y" không thay đổi nghĩa của chữ, và khi đọc lên thì âm cũng hoàn toàn giống nhau. Vả lại hiện có nhiều chữ dùng "i" hay "y" đều thấy "không có vấn đề" vì đã quen mắt do thường được dùng nhiều như nhau, và cũng không có luật chính tả nào quy định chữ nào thì phải dùng "i" chữ nào phải dùng "y" để diễn tả âm i.

Cần ghi năm sáng tác của họa phẩm

Tranh *Đại Tùng* của tôi được đăng trên bìa Thế Kỷ 21 số 109, Tòa soạn đã quên ghi rõ năm sáng tác: 1959. Tôi ước ao rằng từ nay trở đi, chẳng những Thế Kỷ 21 mà tất cả các tạp chí "có trình độ" khác nên lưu ý đến vài chi tiết sau đây, những chi tiết đã từ lâu là tiêu chuẩn quốc tế trong giới nghệ thuật tạo hình. Có những yếu tố căn bản, ngoài danh hiệu tác giả và tác phẩm, người đọc cần biết khi xem xét và đánh giá một tác phẩm tạo hình được in lại trong sách báo: A. Thời gian sáng tác. B. Vật liệu được sử dụng. C. Kích tấc của nguyên bản.

Khi tôi gửi tranh cho Thế Kỷ 21 in làm bìa, chính tôi đã giản dị hóa tối đa, bỏ bớt đi B và C, chỉ giữ lại A. Lấy tranh bìa TK 21 số 109 làm ví dụ. Muốn "đạt tiêu chuẩn," bức tranh sẽ được ghi chú như sau: **Võ Đình, "Đại Tùng," 1959, sơn dầu trên bố, 24" x 36".**

Sơn dầu trên vải bố dày ắt có tác dụng xúc cảm khác với màu nước trên giấy bản, hay trên lụa. Hai "phít" trên ba "phít," bố cục và đường nét ắt không thể giống như bề ngang sáu "phít," bề cao chín "phít" v.v...

Trong tất cả các yếu tố kể trên, *thời gian* quan trọng nhất, vì sự sáng tác của một tác giả thường thay đổi với thời gian.

Võ Đình *(Royal Palm Beach, FL)*

Thành thật xin lỗi họa sĩ Võ Đình vì sự sơ xuất nói trên, và cũng rất cảm ơn họa sĩ đã chỉ ra sự cần thiết về cách ghi chú cho họa phẩm. TK 21 sẽ cố gắng để "đạt tiêu chuẩn" trong vấn đề này. Tuy nhiên có những trường hợp bất khả kháng, như bức tranh của họa sĩ Văn Đen in trên bìa số này, tác giả khi mất đi đã không để lại các thông tin cần thiết như đã nêu trên cho các tác phẩm của mình.

Góp ý kiến về bài Hồ Trường

Tôi có đọc trong Thế Kỷ 21 số 109, May 98 bài thơ Hồ Trường do quý báo trả lời bạn Tu Phan, thấy vài chữ "là lạ" và vài chỗ (theo ý tôi) thiếu, hoặc dư... Vậy tôi xin mạo muội góp ý thêm với quí báo và mong quí bạn đọc tham gia đóng góp để tìm về nguyên bản của một kiệt tác.

HỒ TRƯỜNG

Trượng phu không hay xé gan bẻ cật phù *cương thường*

(không xuống hàng sau chữ 'cật', không viết hoa chữ 'phù')

Hà tất tiêu dao bốn bể luân lạc tha phương
Trời Nam nghìn dặm thẳm
Non nước một màn sương

('màn' chứ không phải 'màu'. 'Màn sương' mới che khuất được quê hương 'nghìn dặm thẳm').

Học không *thành, danh* không đạt

('không' thay 'chửa'; 'đạt' thay 'toại', có lẽ vì 'đạt' vần với 'bạc' ở câu dưới).

Trai trẻ bao lâu mà đầu bạc
Trăm năm thân thế bóng tà dương!
Vố kiếm *mà* ca, *nghiêng bầu mà hỏi*

('kiếm' thay 'gươm', 'ca' thay 'hát'; thêm dấu phẩy sau chữ 'ca')

Trời đất mang mang ai người tri kỷ
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường
Hồ trường! Hồ trường!
Ta biết rót về đâu?
Rót về Đông phuongu hề, *nước biển Đông chảy xiết sinh cuồng loạn*

(câu nầy và ba câu sau mà thiếu chữ 'hề' thì còn chi là thơ tráng sĩ!)

Rót về Tây phương hề, mưa Tây *từng trận chứa chan*

('mưa Tây' chứ không phải 'mưa Tây sơn')

Rót về Bắc phương hề, *ngọn Bắc phong vi vút đá* nhảy *cát giương*

(đá 'nhảy' chứ không phải đá 'chạy')

Rót về Nam phương hề, *trời Nam nghìn dặm* thẳm, *có người quá chén như điên như cuồng*

(thiếu chữ 'thẳm')

Nào ai tỉnh, nào ai say?
Chí ta ta biết, lòng ta ta hay

(thiếu dấu phẩy sau chữ 'biết')

Nam nhi sự nghiệp ư hồ thỉ
Hà tất cùng sầu đối cỏ cây!

NGUYỄN BÁ TRÁC

Bài thơ trên đây tôi cũng chỉ "nhớ thuộc lòng" mà thôi, hiện chưa tìm được tài liệu. Tuy nhiên tôi hy vọng những điều tôi viết trên đây là gần với nguyên bản nhất, bởi vì bản thân tôi mấy chục năm sưu tầm và biên soạn những gì liên quan đến Võ Thuật cùng... "gươm với rượu" ... nên dĩ nhiên rất mê — mê nên nhớ dai (ai có bồ thì "thấm" bốn chữ nầy!)

Dầu vậy, nhưng già rồi, ai dám chắc mình không lú lẫn, mong các bạn gần xa góp ý để chúng ta có được một bản Hồ Trường thật hoàn chỉnh. Xin đa tạ.

Lạc Hà *(Maryland)*

Điều cần bây giờ là chúng ta phải biết bài thơ này trước đây tác giả có đăng ở báo nào không, để cố gắng tìm cho thấy bản gốc. Suốt mấy mươi năm nó được truyền tụng trong dân gian, nên có rất nhiều dị bản, khó biết bản nào đúng, bản nào sai.

Nguyễn Bá Trác có một hồi làm cho báo Nam Phong của Phạm Quỳnh, không biết bài thơ này có được đăng trên Nam Phong không. Vị độc giả nào biết được xuất xứ bản gốc, xin mách hộ.

Đề nghị ngưng các đối thoại chung quanh chuyện "Viết sử hay ziết sử"

Trong tháng qua TK 21 nhận được một lá thư của Giáo sư Trần Chung Ngọc, đáp ứng các đoạn thư của Giáo sư Tôn Thất Thiện và ông Nguyễn Văn Hay trong số 109. Ngoài ra Giáo sư Thiện cũng gửi E-mail sau khi đọc thư của nhà văn Nguyên Vũ trong số 110. Vào giờ chót lại thêm thư góp ý của các ông Đào Văn Lễ (Houston, TX) và T.N.Y. (Albany, NY), cả hai bàn về cách sử dụng tài liệu của người viết sử, sau khi xem mục Bạn Đọc Viết ở số báo 110.

Chúng tôi nhận thấy câu chuyện trên mở đầu về một chuyện liên quan đến một cá nhân (ông Tôn Thất Thiện) mà thôi, nên xin phép không kéo dài các "đối thoại" tuy hữu ích nhưng không phải là mối quan tâm của đa số độc giả. Người bỗng dưng phải đóng vai trò chính trong chuyện này là ông Tôn Thất Thiện cũng đồng ý như vậy. Giáo sư Tôn Thất Thiện viết: "Tôi đâu có ý đụng chạm đến ông Vũ Ngự Chiêu. Tôi cũng không biết tác giả Nguyên Vũ là Vũ Ngự Chiêu, một người mà tôi kính nể." Về tài liệu của bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ (phóng ảnh đăng trong số trước), ông Tôn Thất Thiện viết: "Nếu CIA mà làm ăn bê bối như vậy thì Hoa Kỳ thua ở Việt Nam là điều không đáng ngạc nhiên."

Đính chính

* Bài *Tính bản ác và đôi chuyện bên lề Thế Kỷ 21* của Nguyễn Kết có mấy chỗ sai cần sửa lại như sau:

- Trang 62, cột một, dòng 10 từ dưới lên: *cá voi cứu thủy thủ*, xin sửa lại *cá* heo *cứu thủy thủ.* Cùng trang, cùng cột, dòng thứ ba từ dưới lên: *không thể không nói đến*, xin sửa lại: *không thể nói đến.*

- Trang 64, cột hai, dòng 15 từ dưới lên: *trường phái Kytoto*, xin sửa lại: *trường phái Kyoto.*

- Trang 65, cột một, dòng đầu: *panentheism*, viết đúng là *pannentheism.*

* Bài thơ *Huế 1997* của Cao Xuân Tứ trang 73, TK 21 số 110, vì cách trình bày sai đã biến thành hai bài thơ. Xin sửa lại: Bốn câu đầu là của Phương Xích Lô tặng tác giả. Bài thơ chính bắt đầu từ câu *về đây cồn cát, dòng sông.*

Thành thật cáo lỗi cùng các tác giả và quý độc giả.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả: Nguyễn Hòa Trước, Hồ Tử, Minh Hân, Trần Huy Sao, Hiếu Đệ, Vũ Vĩnh Khánh, Lê Hiếu Liêm, Nguyễn Tấn Hưng, Quỳnh Anh, Quang Võ, Trần Gia Phụng, Trần Hồng Châu, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Đoàn Xuân Kiên, Phạm Ngọc Khôi, Nguyễn Cúc, Babui, Lâm Lễ Trinh, Lê Văn Nhân, Trăng Bắc Phương, Bùi Dương Chi, Đặng Trần Huân, Thiên Yên.

Nguyễn Bặc *(Stuttgart, Germany)*: Những điểm kỹ thuật anh hỏi về việc đọc Thế Kỷ 21 trên lưới, chúng tôi đã chuyển cho Công Ty Kỹ Con để họ nghiên cứu trả lời. Có thể Kicon sẽ trả lời trực tiếp bằng thư cho anh, có thể trả lời chung trên lưới. Xin anh vui lòng chờ ít lâu nữa.

Về việc trao đổi báo, chúng tôi rất muốn mọi việc như cũ, nhưng thời gian qua Ban Trị sự tổ chức lại việc phát hành một cách chặt chẽ hơn, nên phải tạm đình hoãn việc trao đổi một thời gian. Mong Kicon sớm điều chỉnh kỹ thuật để có thể đọc được trên lưới dễ dàng. Thân.

Hồ Trường An *Troyes, France)*: Nếu bạn mê đá banh thì chắc giờ này đang bận rộn với không khí hào hứng của cả nước Pháp. Xã hội Mỹ khá "lơ đễnh" với môn bóng tròn, chỉ có người Việt Nam (thế hệ thứ nhất) và người Mễ và một số di dân khác là theo dõi sát các trận đấu mà thôi.

Bài HTVMT sẽ đăng trong số tới. Thời ở Sài Gòn ngày trước mới đó mà đã thành "chuyện ngày xưa," rất cần những hồi tưởng và ghi chép lại. Các chuyện về chính trị quân sự thì được viết lại nhiều, còn chuyện trong giới văn nghệ những người cầm bút biết nhiều thì lại ít được viết. Chắc bạn cũng thấy thế? Chúc viết được nhiều.

Hộp thư trị sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Thủy Phạm (Loveland CO), Trần Quí Phiệt (Kerrville TX), Đỗ Kim Bảng (Waltham MA), Yung Krall (Decatur GA), Bonnyrigg High School (AUSTRALIA), Tường Hà (Elk Grove CA), Nguyễn Văn Đức M.D. (Arcadia CA), Bùi Văn Nho (Santa Ana CA), Trần Văn Tiền (Gardena CA), Nguyễn Thành Lộc (Mounds View MN), Dung Phạm (Campbell CA), Trần Kim Thập (AUSTRALIA), Bùi Thúc Qui Nhơn (Belleville NJ), Võ Tá Hân (SINGAPORE), Huỳnh Khải Quang (Wildwood MO), Mạnh Nguyễn (Mission Viejo CA), Phan Thương V. (Bellevue WA), Phúc Nguyễn (CANADA), SBS Radio Melbourne (AUSTRALIA), Thái Vĩnh Khiêm (Fountain Valley CA), Vĩnh Hà (CANADA), Nguyễn Đức Thông (Troy OH), Đỗ Văn Nhân (Nashua NH), Tường Lưu (Houston TX), Bùi Mỹ Hoa (San Jose CA), Trịnh Tân (Pasadena CA), Phạm Trung Toàn (Upper Darly PA), Dương Đình Nghiệp (Northridge CA), Nguyễn Quốc Đạt (Anaheim CA), Phạm Lương (Tulsa OK), Thu Đoàn (Plano TX), Vũ Trọng Tiến (Stockton CA), Chí Phạm (Potomac MD), Lan Nguyễn (Dale City VA), Nguyễn Văn Cường (Oklahoma City OK), Trần Đức Thuận (Hayward CA), Mai Hương Trương (Rowland Heighs CA), Phan Anh Tú (Oakland CA), Tina Trần (Laguna Hills CA), P. Nguyễn (ENGLAND), Ngô Bảo (Los Angeles CA), Nguyễn Hữu Thống (San Jose CA), Trần Ngọc Minh (Corpus Christi TX), Nguyễn Gia Khanh (New York NY), Phương Ngọc Châu (JAPAN), Nguyễn Hùng Vũ (Chino Hills CA), Trần Thị Phụng (Sacramento CA), Trần Thư Hòa (Rochester MN).

Độc giả đổi địa chỉ

Trịnh Long Việt (Malvern PA), Phan Minh Triết (Elsmere KY), Phùng Mai Trâm (Irvine CA), Nguyễn Phúc Bửu Tập (Long Beach CA), Nguyễn Quốc Đạt (Anaheim CA).

ĐỒNG YEN QUA MỘT CƠN XUỐNG GIÁ

VƯƠNG HỮU BỘT

Một năm trước đây, khi một Mỹ kim trị giá 116 Yen, kinh tế gia Tadashi Nakamae đã ước tính giá trị thật của đồng Yen phải vào khoảng từ 140 Yen/một đô la đến 180 Yen/một đô la. Ông Kanamae tính trên căn bản khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Nhật sau khi mở cửa cho các công ty ngoại quốc vào làm ăn và cho người Nhật tự do đầu tư ở nước ngoài. Người Nhật tiết kiệm nhiều, sẽ mua đô la Mỹ để đầu tư vào các cổ phần và trái khoán ở Âu Mỹ, trong khi các nhà sản xuất Nhật sẽ không còn độc chiếm thị trường nội địa, lợi nhuận sẽ giảm bớt, hai điều đó sẽ khiến đồng Yen xuống giá. Trong Tháng Sáu vừa qua, khi kinh tế Nhật chưa thật sự mở cửa rộng như chương trình Big Bang dự trù, nhiều người thấy mức dự đoán của ông Nakamae đã tới rồi.

Năm 1995 đồng Yen của Nhật từng đổi 75 Yen một đô la, so sánh thì trong tháng Sáu vừa qua đồng Yen đã mất nửa giá trị. Có lúc cần hơn 146 Yen đổi một Mỹ kim. Sau khi đồng Yen xuống giá suốt hai tuần, chính phủ Nhật hứa sẽ cải tổ hệ thống ngân hàng và kích thích tiêu thụ mạnh hơn. Ngân hàng Trung ương Mỹ (Fed) và Nhật can thiệp, bỏ 6 tỷ đô ra mua Yen, trong một ngày giá đồng Yen tăng từ 145 Yen/ 1 đô la lên 136 Yen/ 1 đô la. Nhưng tương lai đồng Yen còn tùy thuộc vào khả năng thực hiện lời hứa của chính phủ để phục hồi kinh tế Nhật.

Khi Yen mất giá thì thị trường chứng khoán Nhật xuống theo. Người ngoại quốc làm chủ các chứng khoán ở Nhật cũng thấy giá trị các cổ phần giảm khi tính ra Mỹ kim, họ lo đồng Yen còn xuống nữa nên cũng bán. Chỉ số Nikkei có lúc xuống dưới mức 15 000, giảm 21% so với một năm trước. Khi còn lo đồng Yen chưa vững giá thì người nước ngoài sẽ không dám mua cổ phần ở Nhật.

Đồng Yen mất giá vì người ta không tin vào chính sách vãn hồi nền kinh tế của chính phủ Nhật, trong một năm qua được coi là ngập ngừng, bất nhất. Kinh tế Nhật đã ngưng trệ từ tám năm, cuộc khủng hoảng tài chính và ngân hàng suốt năm tháng cũng chưa thấy lối thoát. Có hai căn bệnh lớn, và hai biện pháp cứu chữa. Căn bệnh lâu dài là cơ cấu kinh tế chỉ huy và hệ thống ngân hàng cần cải tổ để thị trường có vai trò quan trọng hơn, hoạt động hiệu quả hơn. Căn bệnh tức thời là dân Nhật không tiêu thụ, các thị trường Á châu bớt tiêu thụ hàng Nhật, vì thế các xí nghiệp Nhật cũng bớt đầu tư.

Dân chưa chịu tiêu thụ

Nhật đã bắt đầu chương trình cải tổ cơ cấu (Big Bang) từ đầu Tháng Tư, nhưng cần thời gian để thực hiện. Chính phủ Hashimoto đưa ra chương trình chi tiêu thêm 16 650 tỷ Yen (tương đương với 115 tỷ Mỹ kim,) để đổ tiền vào nền kinh tế, trong đó có bốn ngàn tỷ Yen cắt thuế cho dân, khuyến khích tiêu dùng. Chương trình này chỉ được Quốc hội biểu quyết vào lúc Yen đang xuống thấp. Muốn biết chương trình chi tiêu của chính phủ có hiệu quả phục hồi kinh tế hay không, nên biết trong sáu năm qua chính phủ Nhật đã chi 70 ngàn tỷ Yen theo lối đó, nhưng kết quả bây

giờ là kinh tế đã suy thoái, lần thứ nhì trong thập niên này. Việc tăng ngân sách chi tiêu của chính phủ không giúp kích thích nền kinh tế vì phần lớn các dự án chi tiêu không có tác dụng dây chuyền, bị coi là phí phạm, chỉ cốt giúp các dân biểu Đảng Dân chủ Tự do đang cầm quyền đem tiền về đơn vị bầu cử của mình.

Việc cắt giảm thuế không thúc đẩy dân Nhật chi tiêu thêm, vì người ta vẫn vẫn còn lo tương lai, khi tỷ lệ thất nghiệp lên mức kỷ lục 4,1%, ở một nước mà xưa nay không mấy ai lo thất nghiệp. Một giáo sư ở Đại học Sophia, ông Mobumitsu Kagami tiên đoán rằng tỷ số thất nghiệp có thể sẽ lên 5% tới 10%.

Mức tiêu thụ chịu ảnh hưởng của Lợi tức (income effect) nhưng cũng được quyết định bởi Tài sản (wealth effect.) Trên giấy tờ, người dân Nhật tự nhiên thấy mình nghèo hẳn đi. Giá nhà cửa hạ xuống, cả nước thấy tài sản giảm 250 tỷ Mỹ kim. Các cổ phần xuống giá trong mươi năm qua, khi Chỉ số Nikkei từ 40 000 xuống còn 15 000, mất 10 ngàn tỷ Mỹ kim khác. Khi nghèo thì ai cũng bớt tiêu xài, số bán tại các cửa hàng bách hóa giảm 15% trong một tháng. Nước Nhật đang có những triệu chứng giống như ở Mỹ trước cuộc đại khủng hoảng năm 1929: giá hàng hóa giảm mà không có người mua, ngân hàng không đòi được nợ không thể cho ai vay, xí nghiệp không vay được nợ phải bớt sản xuất, công nhân mất việc bớt tiêu dùng, v.v., một cái vòng luẩn quẩn khó thoát.

Người Nhật để dành gửi quỹ tiết kiệm bây giờ được trả tiền lãi dưới 1%. Tiền Nhật được đổi ra Mỹ kim, chạy ra nước ngoài đầu tư vào chứng khoán để hưởng suất lời cao hơn. Lãi suất Công khố phiếu (thời hạn mười năm) của chính phủ Nhật thấp hơn công khố phiếu mười năm của Mỹ khoảng 4% một năm. Cổ tức (dividend) trung bình của các công ty Nhật trả cho cổ đông khoảng 0,8%, thấp nhất trong các nước công nghiệp hàng đầu, bằng nửa cổ tức trung bình của 500 công ty Mỹ trong Chỉ số S&P 500 ở Mỹ, họ trả 1,84%. Các cổ đông không chỉ trông đợi vào cổ tức mà còn được lợi khi giá cổ phiếu lên, nếu thị trường lên. Nhưng khi thị trường xuống thì họ thiệt cả đôi đường, vì thế trong tháng qua họ đua nhau đi mua công khố phiếu Mỹ.

Thí dụ một người Nhật mua công trái Mỹ lãi 6%, mua công trái Nhật chỉ 2%. Lúc mua, một đô la ăn 116 Yen, năm sau một đô la thành 140 Yen, thì công khố phiếu Mỹ có lời thêm về hối đoái, lên tới 28% (1,06 x 140/116 1,) cao gấp 14 lần mức lời 2% mà chính phủ Nhật trả. Vì vậy, khi luật cho phép, người Nhật sẽ đầu tư ở nước ngoài. Năm 1995, 144 Quỹ hưu bổng ở Nhật đầu tư khoảng 7% vào cổ phần ngoại quốc, sang năm 1997 tỷ lệ đó thành 11%, và sẽ lên tới 30% trong tương lai. Sau khi luật kiểm soát hối đoái bãi bỏ Tháng Tư năm nay, tiền Nhật chạy đi tìm nơi đầu tư ở nơi khác. Trong năm 1997 người Nhật mua tổng cộng 13 tỷ Mỹ kim cổ phần các công ty ngoại quốc, tăng 77% so với năm trước. Bộ Tài chính Nhật tiết lộ trong Tháng Tư người Nhật đầu tư 20 tỷ Mỹ kim ở nước ngoài, phần lớn là trái khoán. Một tờ báo Mỹ đăng tin trong Tháng Năm vừa qua, người Nhật mua 176 tỷ Yen cổ phần ngoại quốc, và 587 tỷ Yen trái khoán ngoại quốc (tổng cộng 4,4 tỷ Mỹ kim). Khi nhiều người đổi Yen ra đô la để đầu tư, họ tạo thêm áp lực đẩy giá đồng Yen xuống. Nhưng giá trị đồng Yen tùy thuộc tương lai nền kinh tế, mà kinh tế thì Nhật bị trì trệ vì hệ thống tài chánh cổ lỗ thành hình từ đầu thế kỷ đến nay.

Hệ thống tài chánh

Trong năm qua nhiều công ty chứng khoán và ngân hàng phá sản. Chính phủ Nhật bỏ ra 30 ngàn tỷ Yen để cứu nguy các ngân hàng. Cứu chữa như vậy chỉ làm chậm trễ việc cải tổ hệ thống ngân hàng. Thà để cho các ngân hàng yếu kém đóng cửa, các ngân hàng còn lại có cơ hội củng cố hiệu năng, một số ngân hàng sẽ bị thiệt nhưng ích lợi chung cho tất cả mọi người.

Việc cứu trợ các ngân hàng không giúp cho hệ thống tài chánh tập thói quen theo kỷ luật thị trường, mà tình trạng thiếu thị trường năng động là lý do khiến cho kinh tế Nhật gặp những khó khăn hiện giờ. Hệ thống tài chánh, như ngân hàng, thị trường chứng khoán, đóng vai trung gian giữa các nguồn cung cấp vốn (người tiết kiệm) và các đơn vị sử dụng vốn (xí nghiệp). Nó thu góp vốn từ người tiết kiệm để chuyển qua dùng trong các dự án đầu tư, sản xuất. Nền "Kinh tế thật" của Nhật mạnh nhưng hệ thống Trung gian Tài chánh (Fiancial Intermediation) yếu từ trong cơ cấu. Một hệ thống gọi là hữu hiệu khi giúp chuyển vốn của những người tiết kiệm vào các dự án với lợi suất cao nhất cho mỗi đồng vốn bỏ ra, so với mức rủi ro phải chịu, với phí tổn trung

gian thấp.

Từ đầu thế kỷ này thế giới có hai lối xếp đặt vai trò trung gian tài chánh này. Một bên là nhà nước xô viết thâu thuế, cưỡng bách tiết kiệm để chuyển vào các vụ đầu tư; bên kia thì để mọi việc cho các người tham dự trong thị trường quyết định, nhà nước đóng vai trọng tài, can thiệp càng ít càng tốt. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929, Nhật Bản đã chọn phỏng theo lối xô viết, dù trên danh nghĩa là một nước tư bản. Thay vì "Trung ương Đảng," ở Nhật có tập hợp các công chức bộ Tài chánh, các giám đốc ngân hàng, và các quản đốc xí nghiệp. Nói chung họ muốn tránh rủi ro của hệ thống thị trường, họ tin rằng nền kinh tế có thể điều hợp từ bên trên xuống, để giữ trật tự, điều hòa. Họ tin vào khả năng của "giai cấp ưu tú" tốt nghiệp từ các đại học lớn, suy nghĩ và quyết định thay thế cho hàng triệu người tham dự trong các thị trường. Vì lạc quan như vậy nên họ cũng không đặt ra các thủ tục ngăn ngừa những vấn đề nẩy sinh trong sự Ủy nhiệm (Agency problems) thí dụ quyền lợi riêng xung khắc với lợi ích chung (conflict of interests), hay tính ỷ y làm liều (moral hazard).

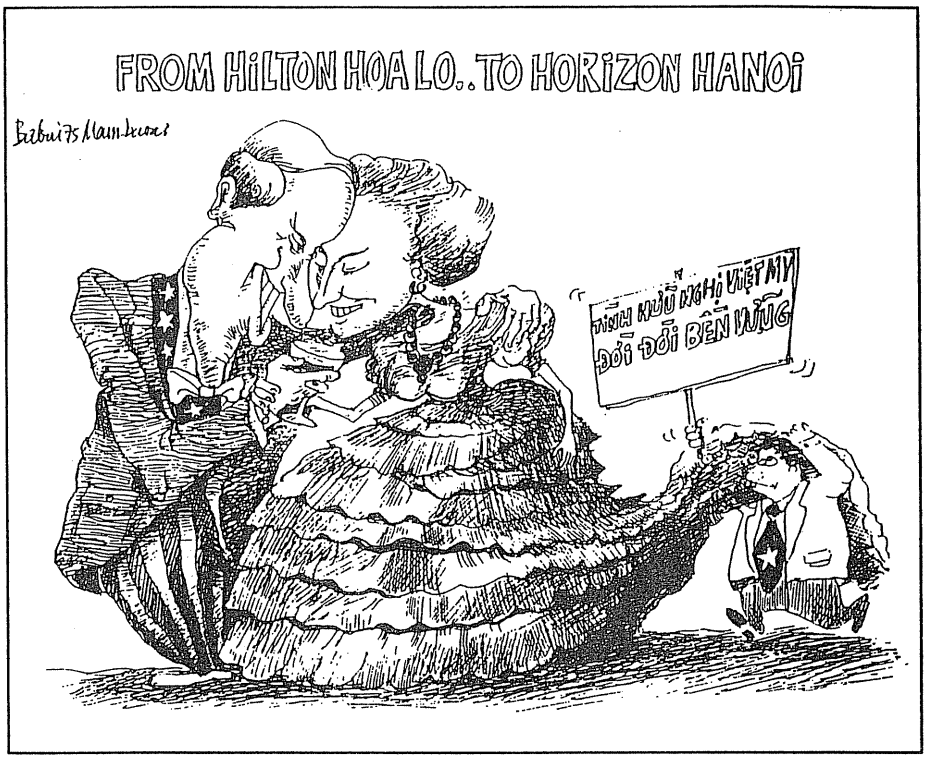

Các định chế, luật lệ ở Nhật đều giảm bớt vai trò thị trường, đề cao những quan hệ cá nhân. Năm 1931 ở Nhật làm luật bắt đi vay phải có thế chấp, kết quả làm thị trường trái phiếu không phát triển được, việc cho vay tập trung vào các ngân hàng, đến năm 1979 mới sửa. Năm 1937 họ làm "luật tạm thời" hạn chế lãi suất và cổ tức (tạm thời nhưng đến năm 1997 mới bỏ.) Năm 1939 luật còn hạn chế cả lợi nhuận các công ty. Mục tiêu của các định chế đó là giảm kinh phí tư bản, cấp vốn rẻ cho các nhà sản xuất nhờ thế hàng xuất cảng dễ cạnh tranh hơn. Khi nền kinh tế còn trẻ, tăng trưởng cao không ngừng, thì chủ trương đó có hiệu quả, khi kinh tế đã trưởng thành thì nó biến thành trở ngại, vì trói buộc các thị trường, không thể phát huy hết khả năng.

Các ngân hàng Nhật có quá nhiều tiền, cần phải cho vay, vì dân Nhật tiết kiệm nổi tiếng, dù được trả lãi rất thấp. Tính trên Tổng Sản Lượng Quốc Nội thì nền kinh tế Mỹ lớn gấp đôi Nhật. Năm 1997 khi các ngân hàng Mỹ cho vay tổng cộng 2,8 ngàn tỷ Mỹ kim, tức 340 ngàn tỷ Yen thì các ngân hàng Nhật cho vay 500 ngàn tỷ Yen. Chính vì thế mà họ lo tìm người vay hơn là lo duyệt xét mức rủi ro của con nợ. Bao nhiêu năm qua, nhiều xí nghiệp làm ăn thiếu hiệu năng vẫn sống được nhờ hệ thống ngân hàng chú trọng đến tương quan cá nhân hơn là lợi nhuận. Họ cho vay mà không thẩm lượng đúng tiêu chuẩn tín dụng như các ngân hàng quốc tế, nhiều xí nghiệp không thể trả nợ, ngân hàng vẫn cho vay thêm. Các ngân hàng bao che các xí nghiệp kém hiệu năng.

Bây giờ ngân hàng chỉ cần thắt chặt hầu bao chút đỉnh cũng tạo những hậu quả trầm trọng, tăng số người phá sản và thất nghiệp.

Một lý do khiến các ngân hàng không quan tâm đến rủi ro là vì Bộ Tài chánh Nhật mặc nhiên đóng vai bảo lãnh khi họ gặp khó khăn. Hệ thống này được đặt tên là "Đoàn xe kéo nhau" (convoi). Các đại công ty che chở các xí nghiệp nhỏ, các ngân hàng bao bọc các đại công ty, và sau cùng Bộ Tài chánh bảo vệ các ngân hàng. Thiếu kỷ luật thị trường, thói ỷ y làm liều sinh ra từ đó. Các ngân hàng có thể đem tiền đánh bạc, thắng thì ăn, thua thì nhà nước chịu, tức là toàn dân phải chịu. Trong thời hậu chiến, tăng trưởng kinh tế lên đều đều, chính sách đó chưa gây tai hại vì không mấy ai vỡ nợ. Khi nền kinh tế đến giai đoạn trưởng thành, mức tăng trưởng gặp giới hạn thì tai họa mới đến, và trầm trọng hơn vì những hậu quả của tính ỷ y làm liều bấy giờ mới lộ rõ. Và khi một hệ thống đã sống quá lâu, trở thành sơ cứng thì chuyện cải tổ cũng khó khăn hơn.

Việc cải tổ nào cũng gây đau đớn trong ngắn hạn, nhưng sẽ lợi ích trong dài hạn khi toàn thể hệ thống trở nên hiệu quả hơn. Nếu nước Nhật cải tổ từ dăm năm trước, khi kinh tế còn mạnh, thì các khó khăn ngắn hạn vượt qua dễ hơn. Nhưng nay thì việc cải tổ có thể phải trì hoãn vì các khó khăn ngắn hạn cũng quá nặng. Nếu cơ cấu ngân hàng được thay đổi hai năm trước đây thì ảnh hưởng đến các xí nghiệp còn nhẹ. Đó là lúc kinh tế Nhật còn tăng trưởng 3,9% một năm. Đợi đến bây giờ, kinh tế đang co lại thì người Nhật sẽ khó mạnh tay cải tổ. Mà trì hoãn việc cải tổ ngân hàng thì cũng làm chậm đà tăng trưởng kinh tế trong tương lai.

Bên cạnh hệ thống ngân hàng, thị trường vốn của Nhật cũng chưa thông thoáng. Trong những thị trường hữu hiệu, giới đầu tư phản ứng nhanh trước tin tức, giá cổ phần lên xuống báo hiệu cho các Ban quản đốc công ty. Giá xuống liên tục là họ biết cần phải cải thiện, nếu không sẽ có người "công khai hiến giá," trả giá cao hơn hẳn giá đang mua bán trên thị trường, để họ mua đa số cổ phần, nắm quyền kiểm soát rồi thay đổi cách quản lý.

Ở Nhật, phần lớn cổ phần những đại công ty do các công ty khác và ngân hàng làm chủ lẫn nhau (cross-shareholding), do đó số cổ phần trong tay công chúng rất giới hạn. Mước Nhật không có những vụ "hiến giá công khai" vì không ai có hy vọng mua được 515 cổ phần các công ty, khi các tập đoàn *(keiretsu)* nắm số cổ phần quyết định. Thị trường chứng khoán khó tạo ra áp lực trên các Hội đồng Quản trị và ban giám đốc các công ty, vì những người trong tập đoàn liên kết với nhau có ảnh hưởng mạnh trên giá cả, lấn át các cổ đông thiểu số. Giới quản đốc không cảm thấy họ đang chịu trách nhiệm trước các cổ đông, mà khi gặp khó khăn thì họ được các quản đốc các công ty khác hay ngân hàng hỗ trợ. Do đó, thị trường không đóng vai trò "giám sát" các quản đốc - như ở Anh, Mỹ - khiến họ dễ ỷ y hơn. Hiện tượng cross-shareholding nay đã giảm. Số cổ phần do các công ty và ngân hàng làm chủ lẫn nhau từ 52% năm 1992 đã xuống chỉ còn 48% đầu năm 1997. So sánh tỷ lệ người dân tham dự vào thị trường, người ta thấy ở Nhật chỉ có 8,1% dân làm chủ cổ phần các công ty, cao hơn 1% ở Phi luật Tân, nhưng thấp hơn Đài Loan và Singapore (30%) và rất thấp so với Úc (40%) và Mỹ (12% năm 1975, nay lên đến 43%.) Khi một số công ty và ngân hàng làm chủ cổ phần của nhau thì các ban quản đốc dễ che chở cho nhau; các cổ đông nhỏ sẽ bị thiệt thòi, càng thấy việc mua cổ phần, tham dự thị trường, không hứng thú cũng như lợi lộc.

Hệ thống tài chánh Nhật là do các viên chức nhà nước chủ động, và họ không đủ hiểu biết về những biến chuyển trong thị trường tài chánh thế giới. Nhiều loại chứng khoán mới không được mua bán ở Nhật, như swap, option, khi các nơi khác đã phát triển từ lâu. Cơ chế thị trường chứng khoán ở Nhật không năng động, để nơi khác lấn vào. Một phần ba việc mua bán những hợp đồng có hạn kỳ dựa trên Chỉ số Nikkei 225 (index futures) diễn ra ở Singapore (thị trường Simex), và 15% giao dịch cổ phần các công ty Nhật thực hiện ở London. Thị trường Nhật còn khá khép kín, còn nặng tính "địa phương". Nomura Research Institute cho biết trong năm 1995 thị trường London mua bán 1,200 tỷ Mỹ kim cổ phần ngoại quốc, thị trường New York giao dịch 261 tỷ Mỹ kim cổ phần nước khác; còn tại Tokyo việc mua bán cổ phần nước ngoài chỉ trị giá 1 tỷ Mỹ kim.

Những món nợ khó đòi

Đóng vai độc quyền trung gian tài chánh, các ngân hàng Nhật nhận được rất nhiều tiền tiết kiệm — tuy họ còn thua hệ thống Tiết kiệm Bưu điện vì số chi nhánh quá ít. Mức lời

của ngân hàng gần như được bảo đảm, dù rất thấp. Nhưng chính vì lãi suất thấp nên họ càng phải cho vay nhiều để bù lại. Các ngân hàng không chú trọng đến việc tăng lợi suất trên vốn bỏ ra (return on equity,) mà chỉ lo bành trướng tài sản. Tài sản của ngân hàng là các món nợ của thân chủ, khi nhiều nợ xấu quá thì tài sản và số vốn xuống.

Trong thập niên 1970, khi các công ty lớn cũng dư nhiều tiền, ngân hàng tìm thân chủ nơi các công ty nhỏ hơn, chuyên xây cất hoặc mua bán địa ốc. Giá địa ốc tăng lên mãi, phồng như bong bóng chờ ngày xì hơi. Lúc bong bóng xì, Bảng Tích sản (tài sản có) của các ngân hàng đầy những món nợ mà người vay không thể trả. Nạn "chim cút" này ở nơi nào cũng có thể xẩy ra, nhưng ở Nhật nó gây ảnh hưởng trầm trọng trên các ngân hàng và cả nền kinh tế, vì vai trò của ngân hàng quá quan trọng.

Lần suy thoái trước, năm 1992, số nợ xấu của các ngân hàng Nhật khoảng 3,5 ngàn tỷ Yen. Nợ xấu năm 1997 lên đến 76 ngàn tỷ, (từ 550 đến 600 tỷ Mỹ kim, tùy giá đồng Yen.) Nhưng con số chính thức đó còn thấp, vì hệ thống kế toán các ngân hàng Nhật không coi là nợ xấu số nợ 120 tỷ mà các người vay đã ngưng không trả lãi.

Ngoài ra, các ngân hàng Nhật nắm trong tay các bất động sản thế chấp trị giá 22 ngàn tỷ Yen. Theo lối kế toán ở Nhật, các ngân hàng không "xóa sổ" các món nợ cho vay về địa ốc, mặc dù con nợ không trả được tiền lãi và vốn. Số các gia đình tuyên bố phá sản tăng 21% trong năm 1997, lên 71 ngàn hộ. Luật sư Kenji Utsunomiya chuyên về phá sản nói có tới 400 ngàn gia đình khác chưa khai phá sản chỉ vì sợ mất thể diện. Sau khi giá nhà cửa giảm 70%, Công ty xây dựng Shimuzu phải xóa nợ 360 triệu Mỹ kim vì không thể đòi được, mà chắc nhiều công ty xây cất khác cũng vậy.

Theo lối ở Mỹ, ngân hàng phải sai áp những nhà đất không trả được nợ, rồi đem bán, thu được đồng nào hay đồng đó. Kết quả là tích sản ngân hàng sẽ giảm xuống mức thực tế, nhưng thị trường địa ốc vẫn tiếp tục mua bán. Ở Nhật, các ngân hàng giữ các tài sản đó, hy vọng lúc giá nhà đất lên sẽ bán. Nhưng làm như vậy thì các chủ nhà, đất cũng không thể bán được, khiến thị trường địa ốc cứng đọng. Khóa họp Quốc hội Tháng Bẩy sẽ sửa luật về bất động sản, hy vọng việc mua bán phục hồi lại. Khi đó, người tiêu thụ sẽ tin tưởng hơn vào tương lai, có thể họ sẽ tiêu thêm!

Tổng số công trái bằng 250% GDP

Trong kinh tế thị trường, nợ là chuyện bình thường, nó chỉ gây hại khi người vay đem tiền làm ăn thua lỗ. Khi ngân hàng và chính phủ cho vay mà quá nhiều món nợ không hy vọng đòi được, tức là họ đang thua lỗ. Nếu cả hai cùng thua lỗ một lúc thì thật nguy hiểm. Một điều làm các nhà đầu tư lo ngại về đồng Yen là các món nợ khổng lồ do chính phủ Nhật cho vay hoặc bảo đảm, và những khoản nợ do xí nghiệp Nhật vay ở nước ngoài vẫn bị che giấu vì hệ thống kế toán thiếu thông suốt.

Theo con số chính thức, các chính phủ trung ương và địa phương ở Nhật đang nợ tổng cộng 4,5 ngàn tỷ Mỹ kim, lớn bằng Tổng Sản Lượng Quốc Nội (GDP). Nhưng các món nợ của nhà nước được giáo sư David L. Asher thuộc Đại học Oxford ước tính thực sự lên đến 11 ngàn tỷ, bằng 250% GDP, trong đó có 1000 tỷ cho vay không thể đòi được.

Một khoản nợ lớn nhưng không được chính phủ Tokyo ghi nhận trên giấy tờ là 2 800 tỷ Mỹ kim mà cơ quan *Zaito* của Bộ Tài chánh cho vay, trong đó ít nhất 250 tỷ không thể đòi lại được vì đầu tư vào những dự án vô bổ. Số tiền đó chính phủ Nhật đã đi vay, phần lớn từ *Yucho,* Quỹ Tiết kiệm Bưu điện, rồi đem cho các dự án vay vì lý do chính trị hơn là kinh tế. Ngoài ra, chính phủ còn quản lý quỹ hưu bổng. Trong một nước mà tỷ lệ người già càng ngày càng tăng, chính phủ Nhật đang "nợ" các người về hưu rất nhiều. Quỹ hưu bổng độ 600 tỷ Mỹ kim đang thiếu hụt 40%. Năm 1997 số người trên 65 tuổi là 15,5% dân số, năm 2007 sẽ lên đến 21%.

Ngoài ra còn khoảng 700 tỷ nợ mà các công ty, ngân hàng Nhật đang vay các ngân hàng ngoại quốc nhưng không ghi trong sổ sách. Đó là những khoản nợ do các chi nhánh ở ngoại quốc vay, và trụ sở trung ương ở Nhật bảo lãnh, nhưng không ghi trong kết toán tài chánh cuối năm.

Dân Nhật hiện nay làm chủ 800 tỷ Mỹ kim chứng khoán của các nước khác, nhất là Mỹ, và chính phủ có 206 tỷ dự trữ ngoại tệ. Nhưng một ngàn tỷ Mỹ kim đó cũng không đủ để thanh toán các món nợ xấu của chính phủ và các công ty Nhật.

Tóm lại, nước Nhật đang ngồi trên một quả bom nổ chậm, trái bom nợ. Khi Tokyo chưa chứng tỏ có một chương trình đáng tin cậy nào

để thoát hiểm thì đồng còn Yen xuống. Bộ Tài chánh Nhật từ nửa thế kỷ nay nắm quyền điều khiển nền kinh tế, nay chính họ bị mất uy tín vì bất lực cũng như vì các vụ tham nhũng, cho đến cảnh các viên chức tự tử. Có một khoảng trống về lãnh đạo. Giới chính trị giành lại được quyền quyết định từ các công chức nhưng họ thiếu khả năng, lại còn lo tranh chấp chính trị phe đảng. Ông Ogha, chủ tịch công ty Sony đã nhận xét doanh nhân Nhật có cái nhìn toàn cầu vì họ được cơ hội cạnh tranh trên trường quốc tế, trong khi các nhà chính trị thì không có viễn quan đó.

Nói chung, có một cơn khủng hoảng niềm tin. Người dân không còn tin tưởng các định chế tài chính, và các định chế đó cũng mất tin tưởng những doanh nhân muốn vay tiền. Nước Nhật đang rơi vào cái bẫy mà chính họ giăng ra từ nửa thế kỷ nay khi để guồng máy thư lại can thiệp quá nhiều vào nền kinh tế.

Ông Jay W. Chai, thuộc Itochu International Inc. nói, "Một chuyện lý thú nhất khi viết lịch sử kinh tế thế kỷ 20 này, là chuyện nước Nhật đã làm hỏng nền kinh tế của họ."

Nhật chính thức suy thoái

Giữa Tháng Sáu thống kê của chính phủ Nhật chính thức công nhận kinh tế Nhật suy thoái. Từ tám năm nay Nhật chưa suy thoái mà chỉ trì trệ, với tỷ lệ tăng trưởng trên dưới 1%. Một nền kinh tế được coi là suy thoái khi nào Tổng Sản Lượng Quốc Nội giảm (tỷ lệ tăng trưởng là số âm) trong hai tam cá nguyệt liên tiếp. Ba tháng đầu năm nay, kinh tế Nhật sút giảm 1,3% so với quý trước, tương đương 5,3% một năm, một tỷ lệ lớn hơn mọi dự đoán, sau khi đã giảm trong Quý trước.

Đây là lần thứ nhì kinh tế Nhật suy thoái, kể từ năm 1974 khi giá dầu lửa tăng đột ngột trên thế giới. Triệu chứng đáng lo là số đầu tư vào máy móc, thiết bị của các công ty Nhật cũng giảm trong ba tháng đầu năm, tương đương với mức giảm 19% một năm. Việc đầu tư càng trì hoãn thì mức sản xuất càng khó tăng. Khi đồng Yen xuống giá, nhiều người ở Nhật có thể bình tĩnh vì nghĩ rằng nhờ thế số hàng xuất cảng sẽ tăng, một ngõ thoát cho các xí nghiệp đang suy yếu. Nhưng hàng xuất cảng tăng không đủ để cứu vãn.

Đầu tháng Sáu, Tokyo có vẻ chưa quyết định dứt khoát cải tổ hệ thống ngân hàng Nhật và kích thích sức tiêu thụ trong nước. Họ còn chờ sau ngày bầu cử Tháng Bẩy này. Nhiều nhà phân tích nghi chính phủ Nhật bằng lòng với giá đồng Yen thấp để tăng xuất cảng, giảm nhập cảng. Mối nguy hiểm của chính sách đó là khi Yen xuống giá quá thì nhiều ngân hàng Nhật sẽ sụp đổ. Bộ Tài chánh Nhật mong giá đồng Yen thấp, nhưng họ không muốn nó thấp quá. Công ty Toyota đã tính rằng khi giá đô la tăng thêm một Yen thì họ có thể lời thêm 110 triệu đô la nhờ số xe xuất cảng tăng ở các nước Tây phương. Nhưng ngược lại, vì Yen xuống, tiền các nước Á châu xuống theo, số xe bán trong vùng cũng giảm. Hơn nữa các công ty Nhật, như Toyota đã chuyển việc sản xuất ra nước ngoài rất nhiều, từ Anh, Pháp, qua Mỹ. Năm nay, công ty Hitachi dự đoán số xuất cảng sẽ giảm đi một nửa, vì số tủ lạnh, thang máy, máy lạnh, v.v. khó bán sang các nước Á đông hơn, vì các nước này nghèo hơn.

Nhật Bản chiếm 70% sản lượng kinh tế trong vùng, và cũng là một đầu tầu của nền kinh tế thế giới. Từ một năm nay, người ta vẫn hy vọng Nhật đầu tư thêm sang các nước Đông Nam Á, nhập cảng thêm nhiều hàng hóa, để giúp họ vực dậy. Nay các nước Đông Á lo điều đó còn lâu mới xẩy ra.

Trong những ngày đồng Yen mất giá trên thị trường tiền tệ, giá các chứng khoán khắp thế giới cũng xuống theo. Cổ phần trong các thị trường từ New York, London, Paris, Zurich đều XUỐNG. Các nhà đầu tư quốc tế lo kinh tế Nhật suy yếu sẽ gây hậu quả dây chuyền qua các nước khác ở Á Đông, rồi từ đó có thể lan ra khắp thế giới.

Trung Quốc hứa giữ giá nhân dân tệ

Khi đồng Yên xuống giá, các nước Á đông lo ngại họ bị họa lây. Tiền tệ và giá chứng khoán của cả khu vực đều xuống theo. Lo nhất là Trung Quốc. Thống đốc Ngân hàng Trung ương Đới Tường Long và Chủ tịch Quốc hội Lý Bằng đều cảnh báo Nhật Bản cần bảo vệ hối suất đồng Yen, đồng thời họ cam kết không phá giá đồng Nhân dân tệ. Ông Lý Bằng và Đại Sứ Trung Quốc tại Washington kêu gọi bảy cường quốc kinh tế (Nhóm G-7) phải giúp giữ giá đồng Yen.

Đồng Nguyên của Trung Quốc vẫn giữ giá khoảng 8,2 Yuan / một Mỹ kim. Hàng Trung Quốc xuất cảng sang Nhật tính bằng Yen giá tăng lên vì Yen xuống. Số hàng xuất cảng trực tiếp qua Nhật chiếm 17,4% tổng số xuất cảng

của Trung Quốc. Với giá đồng Yen thấp như hiện nay, các nhà kinh tế dự đoán số xuất cảng đó sẽ giảm từ 10% tới 15%. Ngành dệt và may mặc sẽ bị ảnh hưởng nặng nhất. Một nhà chuyên xuất cảng hàng may nói rằng trong mấy tháng đầu năm nay số bán sang Nhật và Đại Hàn đã giảm mất một nửa. Một nhà sản xuất đồ điện tử, công ty Stone Corp. cho biết những nhà nhập cảng Nhật đang yêu cầu thảo luận lại các hợp đồng, cho giá thấp hơn. Nằm ngoái Trung Quốc tăng thêm 12% số xuất cảng sang Nhật, năm nay sẽ giảm đến 5%. Hàng Trung Quốc bán sang Đại Hàn trên đà giảm 30% và sang các nước ASEAN giảm 10%. Nhưng điều làm Bắc Kinh lo ngại hơn cả là nếu nền kinh tế Mỹ bớt tăng trưởng thì hàng Trung Quốc bán sang Mỹ cũng giảm. Hiện kinh tế Mỹ đã tăng trưởng suốt tám năm, ai cũng chờ coi bao giờ sẽ xuống. Khi điều đó xảy ra, Bắc Kinh khó tránh việc phá giá đồng Nguyên. Nhiều người tiên đoán trong năm 1999 chuyện phá giá đồng Nguyên sẽ xảy ra.

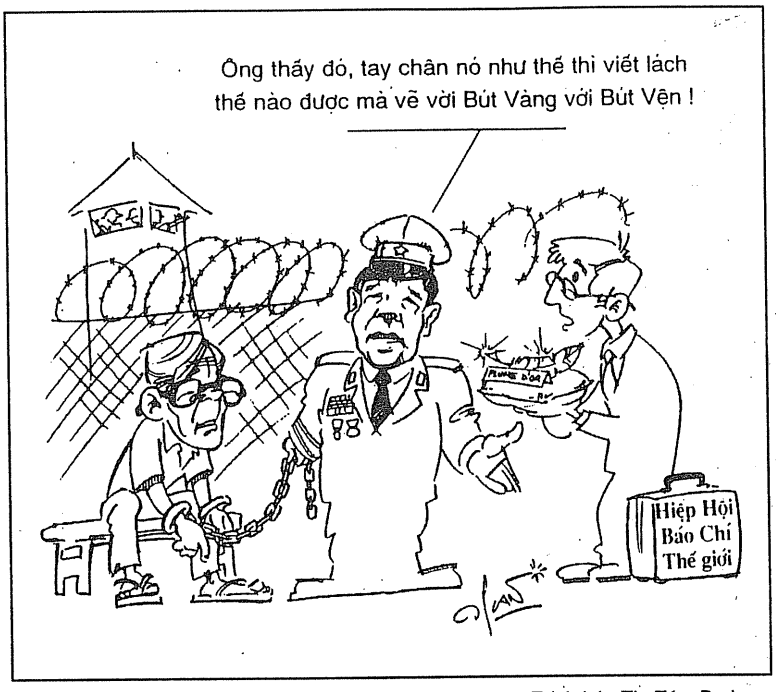

Trích báo Tin Tức, Paris

Khi đồng Yen xuống, hàng Trung Quốc bán sang các nước khác cũng bị ảnh hưởng nếu cạnh tranh với hàng Nhật. Những thứ hàng phải cạnh tranh với Nhật như hàng điện tử, tuy tổng số còn nhỏ nhưng thuộc loại công nghiệp có giá trị "chiến lược" mà Bắc Kinh đang muốn phát triển, cho nên nếu giảm thì ảnh hưởng xấu lâu dài hơn.

Trong tháng Năm, lần đầu tiên số hàng xuất cảng của Trung Quốc giảm, kể từ gần hai năm. Sau khi các nước Á đông phá giá tiền tệ, số thặng dư mậu dịch của Trung Quốc đã giảm khoảng 12 tỷ Mỹ kim từ con số 45 tỷ thặng dư năm 1997. Nếu muốn xóa bỏ ảnh hưởng đó thì Bắc Kinh phải hạ thấp giá trị nhân dân tệ khoảng 6%. Nhưng nếu họ phá giá thì các nước trong vùng sẽ phá giá thêm để chạy đua, cho nên chẳng ích lợi bao nhiêu, thà giữ nguyên hối suất đồng Nguyên. Vả lại ông Chu Dung Cơ cần bảo vệ giá trị cả đô la Hồng Kông, như một vấn đề thể diện quốc gia. Bắc Kinh không phá giá đồng Nguyên, nhưng sẽ dùng các biện pháp khác để bảo vệ việc xuất cảng, như giảm lãi suất và bớt thuế cho các nhà xuất cảng.

Việc Bắc Kinh tuyên bố nhất định bảo vệ hối suất đồng Nguyên cũng là một quyết định có giá trị ngoại giao. Trong lúc Trung quốc đang vận động để được vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO), họ muốn chứng tỏ cho các nước biết rằng họ là một thành viên có tinh thần trách nhiệm trong nền kinh tế toàn cầu hóa. Bình thường, một nước thành viên của WTO mà trợ cấp hàng xuất cảng thì sẽ bị các nước khác kiện ra trước WTO. Nhưng trong tháng rồi Liên hiệp Âu châu vui vẻ đón tiếp Bộ trưởng Ngoại thương Trung Quốc bàn về chuyện gia nhập WTO. Trở ngại còn lại là Mỹ vẫn yêu cầu Trung Quốc mở cửa rộng hơn cho hàng nhập cảng từ Mỹ.

Cơn suy thoái Á Đông sẽ kéo dài

Từ cuối năm ngoái, đồng Yen đã lên giá từ 18% so với tiền Phi Luật Tân, cho đến 76% so với tiền Indonesia. Nhưng Yen xuống giá khiến việc phá giá tiền tệ của các nước Á Đông mất bớt hiệu quả vì hàng xuất cảng sang

Nhật giờ cũng tăng giá. Một kinh tế gia của Viện nghiên cứu Nomura ở Tokyo dự đoán khi Yen xuống giá 1% thì tỷ lệ tăng trưởng của vùng Á đông sẽ bớt 0,1%. Trong 12 tháng qua, Yen đã mất giá 21% so với Mỹ kim, do đó tỷ lệ tăng trưởng của kinh tế Á đông chắc đã giảm đi 2%. Cơn khủng hoảng của các nước Á đông sẽ kéo dài hơn nếu thế giới không bảo vệ giá đồng Yen.

Một hậu quả khác của đồng Yen yếu là số tiền đầu tư của Nhật sang các nước trong vùng giảm. Các công ty Nhật đem tiền đi xây dựng nhà máy ở các nước Á châu để sử dụng công nhân rẻ hơn ở nhà. Nay những số tiền đầu tư đó sẽ bớt giá trị khi đổi sang đô la, và lương công nhân các nước kia cũng cao hơn khi tính sang đồng Yen. Họ không còn ham đầu tư như trước. Năm 1997 Nhật đầu tư 4,3 tỷ Mỹ kim vào Trung Quốc, năm nay sẽ giảm mất 2 tỷ.

Các ngân hàng Nhật cũng giảm bớt không cho các nước Á đông vay vì luật lệ đòi hỏi. Vốn của các ngân hàng này tính bằng đồng Yen, mà khi cho nước khác vay thì món nợ tính bằng ngoại tệ, như Mỹ kim. Theo luật lệ, các ngân hàng Nhật phải giữ một tỷ lệ cố định của "tổng số vốn" so với "tổng số tiền đem cho vay." Đó là một giới hạn để ngân hàng khỏi cho vay nhiều quá, rủi ro. Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (ISB) ở Basel, Thụy Sĩ khuyến cáo tỷ lệ 8%, nhưng Nhật đặt một giới hạn cao hơn. Bây giờ, các ngân hàng Nhật khó giữ được tỷ lệ đó. Vì khi đồng Yen xuống giá thì số vốn không thay đổi, nhưng số tiền cho vay sẽ tăng lên khi tính từ đô la ra Yen.

Ngoài ra, trong tài sản các ngân hàng có các cổ phần. Khi giá chứng khoán ở Tokyo giảm thì tổng số tài sản (và do đó, vốn = tài sản-nợ) của các ngân hàng cũng giảm. Vì các ngân hàng Nhật đầu tư nhiều vào thị trường chứng khoán, và họ cũng nhận cổ phần làm đồ thế chấp khi cho vay, nay cả hai khoản đó cùng giảm giá. Do đó các ngân hàng Nhật sẽ không thể cho vay thêm nữa, và nhiều ngân hàng sẽ đòi lại các món nợ đáo hạn. Bị ảnh hưởng nặng là Hồng Kông, là nơi có nhiều món nợ ngắn hạn. Việc các ngân hàng Nhật rút tiền về khi đồng Yen xuống giá cũng là nguyên nhân tăng thêm tình trạng bất ổn tài chánh cho cả vùng.

Các nước Đại Hàn, Đài Loan bị ảnh hưởng nhiều khi Yen mất giá. Đại Hàn tranh đua với Nhật để bán xe hơi, thép, chất bán dẫn (semi-conductor), nay sẽ phải hạ giá. Đài Loan xuất cảng đồ điện tử cạnh tranh với Nhật cũng cùng một tình trạng. Thị trường chứng khoán Seoul, Đài Bắc xuống khi đồng Yen xuống.

Nhưng ẩn số lớn nhất vẫn là chính sách tiền tệ của Bắc Kinh. Nếu Trung Quốc phá giá đồng Nguyên của họ để tự vệ trước đồng Yen sụt giá thì ảnh hưởng sẽ quá lớn lao, vì tiền tệ các nước Á Đông khác, từ Đại Hàn đến Đài Loan, Thái Lan, Singapore, v.v. cũng phải phá giá theo để cạnh tranh. Cuộc tranh đua phá giá này có thể làm cho kinh tế cả thế giới suy thoái. Khi tiền tệ các nước Á đông xuống, người ta không thể nhập cảng lẫn của nhau cũng như mua hàng của Mỹ và Âu châu. Các nhà sản xuất khắp nơi không bán được hàng, tất cả kéo nhau vào tình trạng ngưng trệ, không ai có thể làm ngơ. Âu châu đang mong một thế giới tài chánh ổn định trước khi đồng Euro ra đời, bộ Tài chính Đức liên tiếp than phiền về phản ứng chậm trễ của chính phủ Nhật, chính phủ Pháp cũng lên tiếng thúc dục. Nhưng cường quốc kinh tế số một là Mỹ phải chia sẻ trách nhiệm nặng nhất, sau chính phủ Nhật.

Đồng Yen ảnh hưởng gì đến Mỹ

Ngày Chủ Nhật 14 Tháng Sáu, trang nhất của báo *Nihon Keizai Shimbun,* tờ báo quan trọng nhất về tài chánh ở Nhật, không đăng một tựa đề nào về tình trạng đồng Yen xuống giá, cũng như tin công bố hôm trước về tình trạng kinh tế Nhật suy thoái 1,3%. Điều đó cho thấy người Nhật, ngay cả giới kinh doanh, không coi hiện tượng đồng Yen xuống giá quan trọng như chính phủ các nước Á châu khác thấy. Phó thủ tướng Koji Tanami lên tiếng đòi "các nước" phải có hành động phối hợp để đồng Yen khỏi xuống tiếp, trong khi các viên chức Nhật than phiền thái độ thờ ơ của Mỹ. Người ta thấy chính phủ Nhật coi đây không phải chuyện họ phải lo một mình. Nhưng nước Mỹ có thấy họ cần phải cáng đáng việc phục hồi đồng Yen không? Nhìn từ phía khác, khi Yen xuống thì đô la Mỹ cũng lên giá đối với hầu hết các ngoại tệ, đó có phải là điều Mỹ đáng lo hay không?

Đồng Yen mất giá khiến các nước Á đông giảm tiêu thụ compputer, phi cơ, thiết bị máy móc, v.v. nhưng đối với nước Mỹ, có thiệt mà cũng có điều lợi. Hãy lấy thí dụ hãng Hewlett-Packard sản xuất computer mà một nửa thương vụ bán ở nước ngoài. Đồng đô la lên giá làm cho số hàng bán của họ tại các

nước Á đông không tăng như đã tưởng (từ 16% xuống còn 11%) nhưng mặt khác chi phí tại các cơ xưởng của họ ở nước ngoài giảm đi 18% đến 21%, khi tính ra bằng đô la. Khi tiền tệ các nước khác giảm theo đồng Yen, các công ty Mỹ nhập cảng nguyên liệu và phụ tùng rẻ hơn. Giá đầu lửa xuống thấp nhất từ 12 năm nay. Công ty Chrysler mua các đầu máy và bộ phận từ Nhật, hưởng lợi khi Yen xuống giá, những nguyên liệu như cao su và thép rẻ hơn cũng giúp họ giảm phí tổn.

Kinh tế Mỹ vững nhờ chính nước Mỹ đã là một thị trường lớn. Hàng xuất cảng chỉ chiếm 13% Tổng Sản Lượng Quốc Nội Mỹ, trong khi số mua hàng tiêu thụ và nhà cửa chiếm 72%. Trong Tháng Tư, số bán lẻ ở Mỹ tăng 0,7% so với tháng trước; tháng Năm, lại tăng 0,9%, ước tính cả năm sẽ tăng 4,5%. Thêm nhiều người mua đồ đạc và máy móc dùng trong nhà, phản ảnh số nhà mới cất đang cao, hơn một triệu rưỡi trong Tháng Năm, và các nhà xây cất vẫn còn lạc quan, đang tiếp tục xây thêm.

Một mối lợi khác là thêm nhiều người ngoại quốc đầu tư vào Mỹ vì tin ở giá trị đô la vững. Khi nhiều người muốn cho vay thì lãi suất xuống. Các công ty Mỹ đã phát hành 146,5 tỷ Mỹ kim trái phiếu trong 5 tháng đầu năm 1998, gần gấp đôi số tiền vay 88,2 tỷ trong cùng thời gian năm trước.

Hàng ngoại quốc bán vào Mỹ rẻ hơn cũng giúp chỉ số giá sinh hoạt không tăng, nước Mỹ chưa thấy áp lực lạm phát. Nhờ thế, Ngân hàng Trung ương Mỹ (Fed) không phải tăng lãi suất, người dân vay tiền tiếp tục tiêu thụ, và xí nghiệp tiếp tục đầu tư. Số xe hơi bán ở Mỹ tăng 2,4% trong Tháng Tư.

Nhưng dù kinh tế Mỹ không bị ảnh hưởng của tình trạng đồng Yen xuống giá hiện nay, nếu đồng Yen xuống thêm nữa, thí dụ ở mức 160 Yen/đô la, thì kinh tế cả Á châu sẽ khó khăn, các nước Á châu sẽ thi đua phá giá tiền tệ, và kéo nhau vào cơn khủng hoảng. Khi đó cả Âu châu lẫn Mỹ sẽ bị họa lây, cho nên chính phủ Mỹ vẫn phải đề phòng cho đồng Yen đừng xuống nhiều quá.

* Bác sĩ nói với con bệnh:
"Tôi có hai tin cho ông, một tin vui, một tin buồn."
"Vậy bác sĩ nói tin buồn trước đi."
"Hôm qua chúng tôi cưa nhầm chân của ông, chân phải thay vì chân trái!"
"Vậy còn tin vui?"
"Chúng tôi đã khám lại, và thấy cái chân còn lại không cần phải cưa, chỉ cần uống thuốc là khỏi."

Mỹ có thể làm gì

Mỹ có thể hạ thấp đồng Mỹ kim, nếu Ngân hàng Trung ương Mỹ chịu cắt lãi suất. Nhưng điều đó khó xẩy ra, vì ông Thống đốc Alan Greenspan lo giảm lãi suất thì tăng áp lực lạm phát.

Một cách khác là Ngân khố Mỹ can thiệp, đem đô la ra mua Yen trên thị trường thế giới, tạo áp lực nâng Yen lên. Năm 1991 chính phủ Mỹ đã làm như vậy để cứu đồng Yen một lần.

Như ông Takanobu Igarashi, kinh tế gia của ngân hàng Sanwa ở New York nói, chỉ Ngân hàng Trung ương Nhật mới có thể ngăn cho đồng Yen không xuống tiếp. Nhật có 204 tỷ Mỹ kim dự trữ, ông nghĩ có thể bỏ ra 40 tỷ để mua Yen.

Thứ Tư 10 Tháng Sáu, Bộ trưởng Ngân khố Mỹ điều trần trước Quốc hội, nói: "Can thiệp vào thị trường ngoại tệ để cứu đồng Yen cũng chỉ có tác dụng tạm thời, vấn đề lớn là kinh tế Nhật có hồi phục hay không. Đồng tiền chỉ phản ảnh sức mạnh của nền kinh tế." Giá đồng Yen sụt ngay, trong vài phút sau đó. Trước khi rời Quốc hội, ông Robert Rubin xin ông Chủ tịch ủy ban cho minh xác lại, "Tôi muốn nói, Mỹ sẽ can thiệp nếu thấy thích hợp, và không can thiệp khi chưa thích hợp."

Nhưng thế nào thì gọi là thích hợp? Thứ Tư tuần sau đó, thế giới biết câu trả lời. Mỹ đã đồng ý can thiệp, đem hai tỷ đô la ra mua đồng Yen sau khi Thủ tướng Nhật, Bộ trưởng tài chánh, và Thống đốc Ngân hàng Trung ương Nhật đồng thanh nói, Yes, chúng tôi sẽ cải tổ ngân hàng, sẽ kích thích nền kinh tế nhanh chóng hơn.

Ông Clinton cũng được được Bắc Kinh yêu cầu can thiệp, theo tin hành lang của báo *Business Week*. Ông đi Trung Hoa ngày 25 tháng 6, và ông không thể đến đó đúng lúc hay sau khi Bắc Kinh phá giá đồng Nhân dân tệ. Nếu đồng Yen tiếp tục xuống thì Bắc Kinh không có lựa chọn nào khác. Cả thế giới sẽ đổ tội "bất động, vô trách nhiệm" cho Hoa kỳ. Nhưng nếu chính phủ Mỹ can thiệp trễ, thí dụ một tuần sau, thì ông Clinton sẽ bị phe đối lập chỉ trích là ông chỉ cứu đồng Yen vì muốn đem một món quà cho các nhà lãnh đạo Bắc Kinh.

Nhưng lý do để chính phủ Mỹ chờ tới ngày

17 Tháng Sáu mới can thiệp, là sự nhượng bộ công khai của chính phủ Nhật, và sau cuộc điện đàm giữa Clinton và Hashimoto. Đúng như Bộ trưởng Rubin nói, nếu Nhật không cho thấy họ quyết tâm cải tổ cơ cấu để phục hồi nền kinh tế thì các biện pháp can thiệp sẽ vô hiệu. Tháng Tư vừa qua, chính phủ Nhật đã bỏ ra 20 tỷ đô la để mua Yen mà giá Yen vẫn xuống như vậy. Năm 1995, khi đô la Mỹ mất giá, chính phủ Mỹ đem đồng Mark của Đức và đồng Yen ra mua Mỹ kim để nâng giá đô la. Họ phải mua liên tiếp ba đợt mới có kết quả. Bây giờ, nếu chính phủ Nhật không chịu thay đổi cơ cấu thì Mỹ bỏ tiền ra can thiệp cũng cứu không nổi đồng Yen mà còn bị mất uy tín. Khi đó người ta có thể mất tin tưởng

đồng hồ, Clinton yên tâm nghe ông Hashimoto nhắc lại các chính sách đó.

Đồng Yen lên, từ 146 thành 136 Yen đổi một đô la. Nhiều tay đầu cơ tiền tệ bị bật ngửa vì đã lầm đánh cá là chính phủ Mỹ tiếp tục bất động. Họ sẽ không tha thứ ông Rubin, một chuyên gia mua bán ngoại tệ ở Wall Street trước khi vào chính phủ. Ông đã làm họ hiểu lầm từ tuần trước, tưởng Mỹ sẽ không bao giờ can thiệp. Nhờ mánh khóe của ông Rubin mà quyết định can thiệp bất ngờ nên có ảnh hưởng mạnh hơn, nghĩa là chính phủ Mỹ cũng bớt tốn tiền hơn.

Nhưng đây cũng chỉ là màn thứ nhất trong tiến trình nâng giá cứu đồng Yen. Thị trường thế giới còn đợi coi chính phủ Nhật sẽ thực

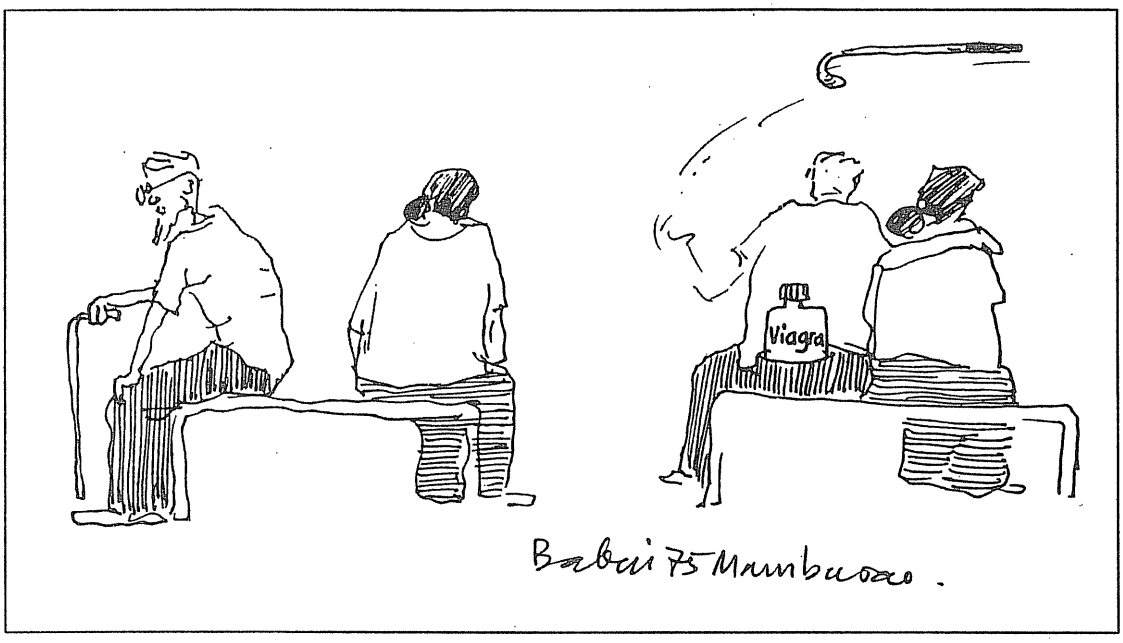

vào hệ thống tài chánh trên thế giới. Cả hệ thống đó còn đang ở thời kỳ chuyển tiếp, dò đường, để thích ứng với nền kinh tế toàn cầu hóa còn mới mẻ, vào thời đại kỹ thuật tin học. Nếu niềm tin đó bị chao đảo thì cả thế giới gặp tai họa.

Đáp ứng của chính phủ Nhật được đưa ra tuần tự: Đầu tiên là Thống đốc Ngân hàng Trung ương Masaru Hayami lên tiếng bảo các ngân hàng Nhật phải công bố và giải quyết các món nợ khó đòi. Tiếp theo, Bộ trưởng Tài chánh nói sẽ cải tổ cơ cấu ngân hàng, buộc các ngân hàng báo cáo công khai về các món nợ xấu, và từ nay đến Tháng Chín sẽ chi tiêu 20 ngàn tỷ Yen để kích thích kinh tế. Và sau khi điện đàm với Thủ tướng Hashimoto nửa tiếng

hiện lời hứa ra sao. Vì chìa khóa của sự phục hồi kinh tế Nhật là nhịp độ cải tổ hệ thống ngân hàng và chương trình kích thích tiêu thụ nhanh hay chậm. Nếu chính phủ Nhật chậm trễ thì đồng Yen lại xuống giá, nhưng bây giờ sẽ xuống từ từ hơn. Các chuyên viên mua bán ngoại tệ từ London, Singapore qua New York đã thận trọng hơn sau bài học của Robert Rubin.

Tất cả tùy thuộc người Nhật

Nhật báo tài chánh *Nihon Keisai* viết rằng Nhật Bản cầm vận mạng kinh tế thế giới trong tay mình, cần phải hành động sớm. Nhật báo *Yomiuri* cũng nhắc nhở nói xuông không đủ, phải có hành động. Nhưng không hy vọng

chính phủ Nhật sẽ có các biện pháp cụ thể nào trước cuộc bầu cử Thượng viện 12 Tháng Bẩy. Đảng Dân chủ Tự do hy vọng tăng số đại biểu trên số 61 người hiện nay, trong số 252 nghị sĩ. Sau đó, Quốc hội Nhật, mệnh danh là "Quốc hội Nợ," sẽ bàn về các món nợ ngân hàng không đòi được. Thứ trưởng Ngân khố Mỹ Lawrence Summers có thể đóng vai cố vấn về các bước cải tổ ngân hàng. Nước Mỹ có khá nhiều kinh nghiệm. Mười năm trước đây, chính phủ Mỹ đã lập ra một cơ quan chỉ để mua lại các món nợ xấu của những ngân hàng tiết kiệm bị phá sản. Nhờ quyết định nhanh chóng và dứt khoát, cho các ngân hàng yếu đóng cửa, chỉ bảo vệ các người gửi tiền trong ngân hàng, nên cơn khủng hoảng đó đã qua mau. Các nước G-7 đã họp với 11 nước Á châu để bàn chuyện đồng Yen, và họ cũng thúc đẩy chính phủ Nhật hành động đúng lời hứa hẹn. Trong tương lai những buổi họp như vậy chắc sẽ thường xuyên hơn, vì tình trạng ổn định tiền tệ là điều hữu ích cho tất cả các nước. Vai trò của Trung Quốc được đề cao trong thời gian đồng Yen xuống giá, và chắc họ sẽ biết cách sử dụng uy tín đó trong thời gian tới. Khi tranh luận với Quốc hội Mỹ để xin cho Trung Quốc quy chế Tối huệ quốc vĩnh viễn, ông Clinton sẽ nhắc đến tầm quan trọng mới của Trung Quốc.

Nhưng còn phải chờ coi chính phủ Nhật thực sự sẽ làm gì. Các nhà chính trị đã hứa, nhưng họ cũng bị ràng buộc bởi cơ chế có sẵn từ bao nhiêu năm. Ngay trong giới chính khách đảng cầm quyền cũng chưa có quyết tâm thay đổi. Tổng thư ký đảng Dân chủ Tự do Koichi Kato vốn chống đối việc giảm thuế và chỉ muốn tăng chi tiêu. Trong quá khứ, các chương trình chi tiêu đặc biệt của chính phủ phải mất hàng năm mới thấy tiền xuất ra sau khi quyết định. Tháng Tám này mới bàn đến kế hoạch cải tổ ngân hàng, và phải mất chừng một năm rưỡi mới thực hiện được. Việc bán các món nợ xấu thì từ nhiều năm trước các ngân hàng Nhật đã lập một tổ chức chung để thi hành, nhưng không đi tới đâu. Không biết nay họ muốn duy trì định chế đó, hay chịu cho chính phủ lập ra một cơ quan mới, theo lối Mỹ đã làm mười năm trước. Thủ tướng Hashimoto đã gợi ý lập một "Ngân hàng trung gian" để cho các ngân hàng gặp khó khăn vay. Ông cũng tiết lộ số nợ xấu của các ngân hàng lên đến 100 ngàn tỷ, 729 tỷ Mỹ kim. Bộ tưởng Tài chánh Matsunaga hứa chính phủ sẽ buộc các ngân hàng phải công bố rõ các khó khăn của họ, "để các động lực của thị trường sẽ quyết định tương lai các ngân hàng."

Những việc mà chính phủ Nhật có thể làm là:

1. Buộc các ngân hàng tái tổ chức cơ cấu. Với 30 ngàn tỷ Yen hứa hẹn, chính phủ có phương tiện để khuyến khích các ngân hàng thay đổi. Nhưng luật lệ ở Nhật có thể buộc tay chính phủ nếu giới ngân hàng không cộng tác.

2. Buộc các ngân hàng áp dụng chính sách thông tin thông thoáng, công bố rõ các món nợ xấu.

3. Ngân hàng Trung ương Nhật sẽ giám sát các ngân hàng thương mại kỹ hơn. Ông Matsunaga đã nói sẽ tăng số thanh tra ngân hàng.

4. Cải tổ thuế vụ, điều này Bộ Tài chính Nhật đã dự định.

5. Giảm bớt các luật lệ để thị trường thêm tự do, linh động. Nhưng một trong những cải tổ của Big Bang là cho các công ty tài chính ngoại quốc tham dự vào việc thu hút vốn đầu tư trong nội địa Nhật có thể bị hoãn lại. Vì trong lúc này các "Hiệp hội đầu tư - mutual funds) Nhật chưa đủ sức cạnh tranh.

Tương lai nền kinh tế Nhật và đồng Yen tùy thuộc cuộc cải tổ ngân hàng, quyết định tiêu thụ của người dân Nhật, và các công ty quyết định đầu tư thêm. Nền kinh tế đó bị trì trệ vì cơ cấu tài chánh, không phải vì khả năng sản xuất và tiếp thị của người Nhật. Cho nên khi cơ cấu tài chánh được cải tổ, thông thoáng, cạnh tranh tự do hơn, thì sự phục hồi cũng nhanh chóng. Các nước, đặc biệt vùng Á châu, đều mong Nhật sớm phục hồi, khi đó tất cả đều có cơ hội phục hồi. Kinh tế, khác với trò cá độ đá bóng, không cần phải là một trò chơi "ăn bù thua" (zero-sum game), mà là một cuộc chơi trong đó có thể những người tham dự đều thắng, nếu cùng theo theo quy luật. Nói chung, hầu hết những việc cộng tác, trao đổi, cạnh tranh tự do giữa con người với nhau đều như vậy.●

20-06-89

* Ít có người đàn bà nào thú nhận số tuổi thiệt của bà ta, cũng như là ít có người đàn ông nào hành động đúng theo số tuổi của ông ta.

* Tại sao ai cũng muốn lên thiên đàng mà không ai muốn chết cả?

TƯỞNG NHỚ KÝ GIẢ TRẦN VIỆT SƠN

Bài nói chuyện của
Bác sĩ TRẦN NGỌC NINH
BÍCH HẰNG ghi

LTS. *Trong tháng qua, bốn tờ báo Ngày Nay (Houston), Người Việt, Thế Kỷ 21 (Quận Cam) và Xây Dựng (San Jose) đã tổ chức tại phòng Sinh Hoạt của báo Người Việt (đường Moran, Westminster) lễ tưởng niệm nhà báo Trần Việt Sơn (vào chiều ngày 16 tháng Năm 1998) và kỷ niệm 100 ngày mất của nhà báo Đặng Văn Sung (vào chiều ngày 17 tháng Năm 1998). Bác sĩ Trần Ngọc Ninh, bào đệ của nhà báo Trần Việt Sơn, đã có bài nói chuyện trong buổi tưởng niệm người anh, mà Bích Hằng đã ghi lại sau đây.*

*

Anh hay thầy?

Bác sĩ Trần Ngọc Ninh nói rằng ông không tin rằng tiềm thức lại thông minh sáng suốt hơn ý thức, nhưng cũng không thể phủ nhận sự kiện là những nhận thức, thấu hiểu và giải quyết các vấn đề một cách mau chóng mà ông có được, một phần nhờ ông anh, ký giả Trần Việt Sơn, đã dạy ông không ngưng nghỉ những học trình của lớp hơn tuổi ông từ những ngày ông mới chập chững biết nói. Giải thích rõ hơn, bác sĩ Ninh cho biết, ông Trần Việt Sơn — hơn ông bốn tuổi — không dạy em theo lối thông thường mà dạy theo lối đặc biệt của ông: Ông thích môn học nào học được ở trường, về nhà dạy em môn học đó. Mà học môn gì ông cũng ham, từ toán đến văn chương, càng ham học ông càng cố gắng dạy em để em có cùng trình độ với ông, có thể nói chuyện với ông về các điều ông học. Vì đó, ngay từ thuở chập chững biết đi, chập chững biết nói, bác sĩ Ninh được anh dạy cho những điều ông chẳng hiểu gì cả, nhưng anh thì cứ dạy, và em thì bị bắt buộc phải học.

Lớn lên một chút nữa thì anh dạy em toán để thi vào trường Bưởi, nơi anh hãnh diện được học. Anh còn quyến rũ em vào thế giới kỳ diệu của hóa học bằng những trò mà em cho là ảo thuật, biến nước đỏ thành nước xanh, làm lửa cháy trên những cục đá. Khi em còn đang là một học sinh ban toán trung học đệ II cấp, đang phải vật lộn với những con quái vật mà em gọi là Hydre de Lerne, con rắn chín đầu mà Đệ Nhất Hùng Herakles (Hercula) của thần thoại cổ Hy Lập đã chật vật lắm mới giết được, vì chặt được cái đầu này thì nó mọc ra một đầu khác, liên miên vô tận — toán học ở lớp Toán có chín môn, chín quyển phải học hết trong chín tháng trời với giáo sư Hoàng Xuân Hãn, rồi ôn lại để đi thi — thì anh đang học Luật, và không quên mang bộ Luật La Mã về giảng cho em nghe. Ngoài Luật La Mã, anh còn thích cả Luật Hiến Pháp và Kinh Tế, Chính Trị nữa. Anh cũng không quên huấn luyện em về cả hai bộ môn này.

Thế nhưng, bác sĩ Ninh tiết lộ: anh vẫn không dứt bỏ được toán học. Đến năm 1941, khi trường Đại học Đông Dương, ở Hà Nội, mở thêm một trường Khoa Học, thì anh Sơn, giấu cha mẹ, bỏ Luật, tuy anh đang học năm thứ hai, để lấy các lớp của Toán Học Đại Cương. Nói cho cùng thì học gì cũng là tiền của anh, anh dạy học (dạy chị tôi, cô học trò duy nhất) có được tí tiền còm, xẻ ra một nửa giúp gia đình, còn thì để ăn trưa cho đỡ đói với

một cái bánh mì rỗng ruột, gọi là "bánh tây không," và đóng tiền học.

Tôi cũng lên đại học năm ấy, bác sĩ Ninh nói, cũng đánh lừa gia đình để không học thú y mà lao vào cái học dài nhất đời là y khoa, rồi lại còn lén lút theo anh Sơn vào ngồi trong lớp Toán Đại Cương của giáo sư Bosc, đồng thời chui vào đại giảng đường trường Luật nghe lai rai về Kinh Tế học. Vì không đóng học phí nên cứ phải lủi như một con chó tiền rưỡi, con chó hủi. Thời ấy trạng từ "chui" chưa phát đạt, vì Việt Minh chưa sinh, nên gọi là "lậu" như nấu rượu lậu.

Thế nhưng có một môn mà ông Trần Việt Sơn rất mê và rất giỏi là đánh đàn mandoline, nhưng ông đã không dạy em. Bác sĩ Ninh kể: anh không dạy tôi đàn. Tôi phải mò học lấy. Cũng bắt chước anh lấy cái vỏ hộp diêm, dùng lưỡi dao cạo cắt răng cưa, răng lược, để có những bút kẻ những đường năm dòng song song và viết nốt nhạc lên trên, như rắc hạt đậu thành những điệu mà Joséphine Baker, Maurice Chevalier, hay Tino Rossi tung ra trên màn ảnh và trong những dĩa nhựa mà những người có tiền cho quay trên mặt những cái hộp có cái loa kèn với một cái tay quay giống như cái ma-ni-ven của những xe ôtô thời ấy. Các bài nhạc thì đều có những điệu du dương, những lời tình tứ, hoặc là theo ý hệ của Mặt Trận Bình Dân đang cầm quyền ở Pháp, ca ngợi sự nghèo hèn, đời ăn mày, đời đĩ bợm, báo hiệu trước một cuộc thất trận đau đớn tủi hổ của một đại cường đã vang bóng hơn ba trăm năm.

Bác sĩ Trần Ngọc Ninh nói chuyện trong buổi tưởng niệm.

Bác sĩ Ninh kể tiếp: Cuộc đời sinh viên của hai anh em chúng tôi, tuy lao đao chật vật như thế, nhưng cũng chưa đến nỗi chết lên chết xuống. Anh Sơn thành hôn với chị Thuần, một nữ sinh trung học mà anh kèm ở tư gia về Pháp văn và Toán trong thời gian anh còn là một sinh viên trường Luật.

Cho đến cuối năm bốn mươi hai. Một đứa em trai của chúng tôi đột nhiên ngã bệnh. Lúc gần chết, nó làm đủ mười mấy thứ "sài": sài chém mép, sài bắt chuồn chuồn, sài nấc, sài múa... những hình dung từ rợn tóc gáy mà tôi không còn nhớ nổi, và mừng rằng những phiêu lưu liều lĩnh của mình đã cho phép mình đóng góp một chút vào sự nghiệp xóa bỏ những danh từ khốn nạn của cõi âm ấy ra khỏi tâm tư của các bà mẹ Việt Nam. Đến lúc nó sài trợn mắt, mẹ tôi liều đi mời một ông Đốc Tờ đến tuy trong túi không còn lấy một "hào chỉ." Ông Đốc đến và lấy ra năm cái chén thủy tinh, đốt một miếng bông tẩm cồn ngoáy ngoáy trong lòng chén và rất mau úp chụp miệng chén vào lồng ngực em tôi. Ông nói rằng giác như thế để bớt ứ máu trong phổi. Lúc ấy tôi đang học lớp Lý, Hóa, Sinh còn được gọi là P.C.B. để chuẩn bị vào y khoa, nhưng chỉ đứng đực mặt ra đấy mà nhìn, trong lòng xao xuyến mà tâm trí mù tịt. Cả nhà nín khóc. Ông Đốc về. Thằng em tôi vẫn nóng hừng hực và bắt đầu lên cơn sài uốn, rồi cổ nó ngoẹo. Mẹ tôi nghĩ đến phương pháp tối hậu là bồng con lên đền Ngọc Sơn bán khoán cho Thánh. Nhưng em tôi nặng quá, hơi thở khò khè, không đều. Bỗng vụt một cái, anh Sơn tôi đứng đằng sau từ nãy không nói gì cả, nhảy lên giường, áp miệng và miệng em tôi và hút, rồi nhổ ra miếng giấy, rồi lại hút. Tôi nhắm mắt lại tự thấy không những bất lực mà còn hèn. Thằng bé dễ thở hơn một chút, nhưng rồi chừng nửa giờ sau thì nằm yên. Anh tôi vuốt mắt cho em.

Ba tháng sau, anh Sơn mọc mấy cái cục ở cổ. Anh giấu tất cả nhà vì biết rằng không có tiền chạy chữa thế nào, ở đâu? Nhưng rồi mẹ

tôi cũng biết, vì anh gầy ốm đi trông thấy. Mấy cái hạch cổ sưng lên, rồi vỡ ra chảy mủ. Định bệnh "tràng nhạc." Ôi văn từ! Ôi chữ nghĩa! Khi y học còn sơ khai, người ta thấy các triệu chứng, người ta thấy vài dấu hiệu, người ta thấy cả một số bệnh. Và người ta tả, đẹp thay là những lời tả: toàn là những siêu dụ, những ẩn dụ, những hình ảnh, những ví von. Ở Âu Châu thời trung cổ cũng thế, người ta nói bướu trắng (là lao khớp xương), phồng hơi gió (lao xương bàn tay), bệnh mọc củ (bệnh lao), nấm hiền (củ lao vỡ ra và mọc đùm), vân vân. Ở Việt Nam và Trung Hoa cũng thế, các chứng sài tôi kể trên là những triệu chứng kiệt nước, thiếu oxygen trong máu và mô (anoxia), nguy kịch hô hấp cấp tính (acute respiratory distress) vì bệnh lao cấp tính ở phổi. Còn cái "tràng nhạc" vòng quanh cổ con người thì là hình ảnh để tả những chuỗi hạch cổ bị sưng vì bệnh lao, một bệnh mà người Pháp xưa gọi bằng danh từ scrofule để tả. Anh Trần Việt Sơn không những bị tràng nhạc, nghĩa là lao hạch cổ, mà còn bị lao phổi, anh ho ra máu ít lâu sau đó. Anh mắc lao vì thương đứa em nghẹt thở có thể chết, đã quên mình nhảy lên mút và hút đờm cứu em, không ngờ rằng em bị lao phổi cấp tính. Một chuyện nhỏ tiêu biểu cho tính tình và ý thức nghĩa vụ của anh.

Vì bị bệnh, anh phải nghỉ học hẳn để dưỡng bệnh. Bằng thuốc ta, thuốc Tàu phải nấu, phải sắc, đắt tiền quá không có cho anh dùng. Chữa bệnh lao hạch đã rò, chỉ bằng cao lá dán đầy cổ, gọi là cao hút mủ. Tôi nghĩ rằng những lá cao ấy bít đường mủ thì đúng hơn. Còn bệnh lao phổi thì chữa bằng cách... cho anh ăn riêng bát riêng đũa, sau khi anh ho ra máu. Tuy rằng như thế thì gọi là chữa mà cũng như không, nhưng một năm sau, anh Sơn dần dần khá hơn.

Nhưng một việc khác lại đến, đe dọa sự sống trong gia đình: Thầy chúng tôi đến tuổi về hưu. Cụ làm giáo học ở trường tiểu học Sinh Từ, có lẽ đó là lý do tất cả chúng tôi, sáu người không chết non, đều không dùng tiếng "cha" mà dùng tiếng "thầy" để nói với Cụ. Tuy rằng trên thực tế, chỉ có một mình tôi là học trò của thầy tội. Năm tôi lên tám, cả ngày thui thủi chơi bắt cái bút chống ngòi trên đầu ngón tay cho nó nhảy và cắm xuống đất mềm. Thấy thế, mẹ tôi bảo cho nó đi trường, và tôi được đi học ở lớp của thầy tôi. Lớp Năm. Tôi được ngồi bàn đầu, được cho một quyển vở với một cái ngòi bút Mallat hay răng cưa còn tốt, một lọ mực tím, và trong một năm liền, chỉ vẽ những cái que đứng thẳng như cái hàng rào sắt bao quanh trường. Vậy mà hết năm cái que cũng vẫn nhấp nha nhấp nhô, ít khi thẳng, phần nhiều thì càng cố bao nhiêu nó lại càng giống cái đầu giải rút bấy nhiêu. Nhưng tôi vẫn được lên lớp Tư.

Anh Sơn tôi không học thầy mà học mẹ ở nhà. Vì vậy anh được học sớm hơn tôi. Mẹ chúng tôi đọc được chữ quốc ngữ và thuộc lòng tất cả các truyện cổ bằng thơ, Phạm Công Cúc Hoa, Chuyện Trê Cóc, Thạch Sanh, nhiều lắm, cả Phan Trần, Bích Câu, Hoa Tiên, Kiều, nhưng không biết Lục Vân Tiên và không biết Sơn Kính Tân Trang. Ở nhà, tên anh Sơn là Lập. Thông thường thì người ta nói Lập là "tên thật," tôi không biết thật giả gì cả. Nhưng khi nói chuyện với tôi thì anh không xưng "anh" mà xưng tên là Lập. Bây giờ nói chuyện nhà và thời trẻ. Tôi không nói đến anh Trần Việt Sơn nữa mà nói về anh Lập.

Mẹ tôi dạy anh học quốc ngữ và kể rằng anh học nhanh lắm, nhưng khi đến vần /uông/ thì dạy sao anh cũng không nhớ được, đánh vần thì cứ nhất định u-ô-en-gê /ông/ hay /oăng/. Giận quá, mẹ tôi buộc cẳng anh vào chân giường và bắt học cho nhớ mới được tha. Nhưng đến bữa ăn tối cũng phải cởi dây cho anh và chịu thua, bỏ dạy học luôn. Mấy bữa sau, tự nhiên anh đọc được đúng là /uông/, rồi hết vần xuôi đến vần trắc trôi chảy.

Tôi ví chuyện này với chuyện Einstein và Kepler. Hai nhà bác học này lập thuyết và tính xem đến đâu, nhưng cả hai đều vào ngõ bí, không ai ra nổi, đành bỏ. Ít lâu sau, tự nhiên thoáng thấy một ý nghĩ mới mẻ, thí dụ như Kepler tính độ nhanh của hành tinh quay quanh mặt trời bị sai mãi, không sao đúng được với những số mà Ticho... Brahê đã ghi lại bằng sự đo lường chính xác tinh vi, đột nhiên nghĩ ra rằng quỹ đạo của các hành tinh không phải là những vòng tròn tuyệt đối hoàn hảo như triết gia Aristote đáng kính nghĩ, mà là những hình bầu ellip có một tiêu điểm ở chính trung tâm của mặt trời, tới lúc ấy thì bao nhiêu con số của lý thuyết ráp như rập khuôn vào những con số thực, tìm thấy bằng những ống nhòm và máy giác kế. Hoặc giả như Einstein, muốn mở rộng thuyết tương đối hẹp cho bao trùm hết cõi không và cõi trời, và chỉ tiến được sau khi vụt thấy rằng tại chỗ, sự hấp (gravitation) đồng lực với sự trì (inertia) vì hấp trường tại chỗ bị "triệt tiêu" (cancelled)

bởi những khung tại chỗ của sự trì.

Các học giả Tây phương giảng rằng những phá trường, những chọc thủng ấy là do sự hoạt động không ngừng nghỉ của tiềm thức trong khi ý thức đã bỏ cuộc. Nhưng tôi không tin rằng tiềm thức lại có thể thông minh sáng suốt hơn ý thức. Đây là một chỗ mà cái Tâm Phật, kinh Lăng Già gọi là Như Lai Tạng trong mỗi người, trong Kepler, trong Einstein, trong anh Lập tôi lúc lên năm, đã bừng sáng trong một sát na để phá một bế tắc ảo huyền quá đầy đặc. Với những ai không biết đạo Thiền và không hiểu giáo lý nhà Phật, tôi xin gọi là cái "linh đài" soi sáng, hay theo Tiên Điền Nguyễn Du là cái "tinh anh" (chết là thể xác, còn là tinh anh).

Trở lại chuyện thầy chúng tôi đến tuổi về hưu. Lương hưu trí của một ông giáo tiểu học xưa cũng như nay, nào có được là bao. Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1930, rồi trận Thế Chiến Thứ II, đã lay động mảnh đất An Nam đến cỗi rễ. Gót giầy đinh của quân đội Hoàng gia Nhật Bản chưa dội vào tim gan của người Việt Nam cho đến sau 1941, khi họ đem quân đến đóng ở các tỉnh lớn. Nhưng ngay từ cuối năm 1940, Không quân của họ đã ra oai dội hai trái bom ở Bạch Mai gần Hà Nội. Áp lực của họ rồi sẽ gây ra nạn đói ở Hà Nam, Nam Định, Thái Bình năm 1944, mở đường cho cộng sản vào được thôn quê Bắc Việt. Những chuyển động trên trường quốc tế này đã làm cho miếng cơm trong dạ dày người Việt Nam càng ngày càng nhỏ lại, trên mâm cơm rau má dần dần chiếm chỗ của rau muống. Trước cái viễn ảnh lương tháng tối thiểu bị mất và phải trông vào cái phụ cấp mỏng tanh ba tháng lãnh một lần, không đủ để đong gạo ăn mười bữa, Thầy Mẹ chúng tôi quyết định bắt anh Lập tôi phải đi làm.

Với sự giúp đỡ vật chất đằng gia đình chị Thuần, anh Lập hãy còn bệnh, mấy cái hạch lao hãy còn rò, đã đi cày mấy lớp học hành chính để được thi ra làm ở tòa án. Anh đỗ, và được bổ vào Sài Gòn, làm greffier hay commis greffier ở Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, ta gọi là lục sự hay tham tá lục sự chi đó. Một chức vụ không cao không thấp, hoàn toàn không sáng tạo, không sản xuất, chỉ biên chép từ phiên tòa này sang phiên tòa khác, rồi phiên tòa sau nữa. Không than phiền, nhưng tôi biết là anh ghét cái nghề thư lại, gọi nôm na là cạo giấy nhất. Tiền lương chẳng được bao nhiêu, mặc dù người ta nói là "ngạch Tây." Thế là anh chị với cơ đồ để vừa cái vali và trên vai nặng chĩu tất cả hy vọng của gia đình gói ghém những lời căn dặn cuối cùng của thầy mẹ tôi, lên chuyến tầu suốt vào Nam.

Tôi ở lại Hà Nội, làm một anh sinh viên nghèo của trường Y Dược, với một cái án treo chưa phải bỏ học, vì may mắn sao được cái "buốc" mấy đồng một tháng đem về nhà. Tôi còn đỡ, anh Lập tôi mới khổ. Anh là một người có trái tim vàng, một khối óc kim cương và hai cái túi rỗng.

Người ta nói rằng Sài Gòn đi dễ khó về, có nghĩa là ở Sài Gòn, làm giầu nhanh chóng, và gái Sài Gòn vừa đẹp vừa tự do. Đối với thành phố Sài Gòn, Hà Nội chỉ là một khu hội chợ có nhiều hương sắc của thời trung cổ. Thế nhưng với anh Lập tôi thì chắc chắn là không đúng. Tuy có việc làm ngay, nhưng việc định cư của anh rất chật vật. Vì vậy ba bốn tháng mới có một bưu phiếu, gọi là "măng đa," của anh chị gửi về giúp nhà, mà khổ quá, cũng đại khái chỉ bằng cái buốc của tôi. Thầy mẹ tôi phải dọn về quê ngoại, ở Mọc, cho khỏi xa tôi vì tôi phải làm việc ở nhà thương, không còn "buốc" nữa, nhưng được làm "ngoại trú," rồi "nội trú," được ăn khi "gác" và được tí tiền còm. Lúc này, tôi còn làm báo để gom thêm ít tiền, vài tuần lại đi bộ từ nhà thương Phủ Doãn vào Mọc ở quá Đống Đa và Thái Hà Ấp để đưa cho mẹ tôi đong gạo.

Tôi nói làm báo là làm báo thực, sống ở nhà báo (tư gia một anh bạn), lãnh tiền nhuận bút hằng tháng (những tháng nào thu được tiền về), bút chiến cả với các vị lão thành như Trương Tửu, ngồi cùng một tòa soạn với những nhà văn như Khái Hưng, Nguyễn Tuân

* Cuộc sống phải tiến tới phía trước, nhưng muốn hiểu nó thì chỉ có thể nhìn về phía sau.

— Kierkegaard

* Người nào không nhớ được quá khứ thì phải lặp lại quá khứ thôi.

— Santayana

* Lịch sử về vết thương của người lính che đậy sự đau đớn của nó.

— Sterne

* Tất cả các sách lịch sử nào không chứa đựng sự nói dối thì sẽ buồn tẻ khủng khiếp.

— France

và đến năm 1996 còn được báo Hà Nội khui ra hai bài lặt vặt ngày xưa để đăng lại, coi như chưa thiu, và được cái hân hạnh bị công an thành cảnh cáo vì dám sỏ xiên chính sách phá thai tân tiến của Liên Xô.

Những lúc này, tôi nhớ anh Lập tôi ở Nam Kỳ, nhớ những kỷ niệm hai anh em đi xem xi nê "công tử bọn gian" ngược (ngồi bên kia màn ảnh cho rẻ tiền), và tối tối có khi đội mưa ra đứng ở cửa một nhà bán đĩa hát ở phố Hàng Bông để nghe trạc (nghe cọp) tiếng hát của Tino Rossi (giống anh Panurge ăn bánh mì trước cửa tiệm thịt quay rồi khi bị đòi tiền thì lắc lắc cái hộp xu hào cho chủ nghe tiếng bạc tiếng đồng, thế là đủ), lại còn nhớ cả những lúc bị anh chòng ghẹo, tức không nói lại được, tôi đã ném cả dao và cái lọ hoa vào anh để bị một trận đòn nên thân (lúc 11, 12 tuổi) nhớ mà không hình dung ra anh như thế nào ở Nam Kỳ. Tôi viết một truyện ngắn về một thằng bé, nghe mẹ nói về những kỳ quan lạ lùng mà mấy người đi xa về kể lại, đêm đêm nằm nghĩ đến cái đất Nam Ngư xa xôi, kỳ diệu ấy như một thiên đường hạ giới, có biết đâu rằng mấy người đi nơi viễn xứ ấy là những người đi phu ở Tân Thế Giới sống sót trở về làng. Truyện ngắn ấy tôi giữ riêng không cho lên báo, định để cho anh Lập tôi, nhưng rồi loạn lạc, chắc đã rách mủn ra trong một đống rác vô định nào đó rồi.

Ở Sài Gòn, anh chị Lập gặp nhiều gian truân. Anh đi làm ở tòa án, nhưng để bổ túc cho ngân sách gia đình, tối về lại mở lớp dạy đàn mandolin. Anh đánh đàn rất hay. Hình như anh có viết một cuốn sách nhỏ dạy chơi cây đàn mà anh yêu thích từ thuở tuổi học trò.

Hoạt động chính trị

Anh Lập gia nhập đảng Đại Việt trong thời gian ở Sài Gòn và có bí danh là Thái. Anh giữ việc tuyên huấn (tuyên truyền và huấn luyện) của đảng. Trong trách nhiệm này, tôi thấy anh viết và đánh máy tối ngày. Tuy cái máy chữ lọc cọc, lung lay là chứng nhân của sự hoạt động đảng phái bí mật của anh, nhưng đã hơn "người" ở chỗ nó không tố cáo anh khi nó bị công an vào xách cổ đem đi. Hơn một đảng viên Đại Việt, sau đó, đã khai và tố anh với công an, làm anh bị bắt lần thứ hai. Họ tố rằng trong những buổi họp mà họ được tới, mọi người chỉ nói chuyện tào lao cho đến khi anh mở cửa vào, tất cả đều phải đứng dậy, và sau khi anh đi bắt tay một lượt không chừa một ai rồi ngồi vào ghế đầu bàn thì buổi họp mới bắt đầu.

Trong nhiệm vụ tuyên huấn, anh chủ tọa những buổi học tập kín và anh viết những bài giảng để gửi cho những đồng chí ở xa. Anh còn phải làm những bản thông tin nội bộ thường xuyên và thỉnh thoảng có những bài phân tích tình hình quốc tế và quốc nội đặc biệt cho đảng.

Anh Lập nói với tôi rằng, từ ngày anh làm báo Dân Việt ở Hà Nội để mở đường cho cựu hoàng Bảo Đại về, lập chính phủ quốc gia, quy tụ những thành phần không Cộng và chống Cộng, thì đảng Đại Việt đã phân hóa thành một khuynh hướng cách mạng và một khuynh hướng chính trị. Khi ông Nguyễn Hữu Trí lên làm Thủ Hiến Bắc Việt thì sự chia rẽ càng đào sâu, tách rộng vì Đại Việt chính trị giúp ông Trí tổ chức hành chính và an ninh. Ông Trí chết, rồi Hiệp định Genève chia đôi đất nước, anh Lập trở lại miền Nam và không dính dáng đến chính quyền nữa, kể cả trong thời kỳ bác sĩ Phan Huy Quát, thuộc khuynh hướng Đại Việt chính trị, lập chính phủ dân sự. Một chính phủ dân sự đầu tiên kể từ khi TT Ngô Đình Diệm bị lật đổ và bị giết thảm. Trong Nam cũng có Đại Việt Cách Mạng do ông Nguyễn Văn Xuân cầm đầu. Thế nhưng anh Lập là người đứng giữa chính trị và cách mạng. Hiền và nhẫn nại quá để làm cách mạng. Không biết thắt cà vạt ở cổ nên không làm chính trị. Anh làm báo.

Làm báo

Cái tên Trần Việt Sơn viết báo ở Sài Gòn thì có mấy ai sống ở Sài Gòn dưới thời đệ nhất và đệ nhị Cộng Hòa mà không biết. Bắt đầu là với báo Tự Do, rồi thêm Chính Luận, anh giữ mục bình luận chính trị, và phân tích tình thế. Trang hai của tờ Chính Luận là của anh. Nhà báo Trần Việt Sơn nhiều tên lắm: Trần Triệu Việt là anh, chia sẻ với Việt Sơn khi anh bắt đầu viết cả về kinh tế, tài chính. Người ta nói rằng nhiều vị Thượng Nghị Sĩ và Dân Biểu, cầm đến tờ Chính Luận, là mở trang trong ra, đọc anh trước khi đi họp. Có người không dùng chữ đọc và dùng chữ "học," không biết có trẹo khẩu hay không. Những bài anh viết xúc tích, trong sáng, mạch lạc, và tôi thích nhất là có cái khôn ngoan, thường thức, các thông trí mà Trang Tử gọi là "phàm lý chư dung," và đôi khi có một trực giác thấu suốt vấn đề. Tôi ít đọc các bài viết về chính kiến

của anh, cũng như anh không đọc những gì tôi viết. Cho đến mấy tháng trước khi anh từ trần, trong một bức thư anh viết cho tôi, anh mới nói rằng bây giờ không còn làm được gì, ngồi trên cái ghế lăn, anh mới đọc một tập diễn văn về giáo dục và văn hóa của tôi, và tiếc rằng nếu đọc trước thì có thể tiếp tay tôi vì nhiều điểm đồng ý với tôi. Anh kết luận "anh em mà lị," tôi không hiểu rằng "anh em thì không đọc của nhau" hay "giá biết thì anh em mình giúp nhau là chuyện "mà lị." Về phần tôi, tuy không đọc anh nhiều, nhưng cũng đủ để tán đồng đại quan tư tưởng của anh và đánh giá qua cách viết để phổ thông những hiểu biết chuyên môn có phần phức tạp.

Trước khi viết báo Tự Do và Chính Luận, anh Việt Sơn một mình chủ trương một tờ báo có tên là Dân Việt, từ 1948 đến 1954, ở Hà Nội. Lúc ấy, Pháp cử Bollaert sang Việt Nam để sửa soạn một giải pháp chính trị, đồng thời gửi Tướng De Lattre de Tassigni tới cầm quyền chỉ huy quân đội. De Lattre thắng được vài trận và bắt đầu nổi tiếng. Còn Bollaert thành công trong việc điều đình với cựu Hoàng Bảo Đại. Việt Nam thành một nước tự trị trong Liên Hiệp Pháp, đại khái nghĩa là có tất cả trừ ngoại giao. Chính phủ đầu tiên của Việt Nam tự trị có ông Phan Huy Đán, đổi chữ đệm đi thành Phan Quang Đán, làm Tổng trưởng thông tin. Ông Đán là một người trong gia đình, chúng tôi gọi là cậu. Đó là lý do anh Trần Việt Sơn được mời ra để lập nên cơ quan thông tin Vietnam Press. Không ngờ đây là chỗ rẽ quặt trong đời anh. Vietnam Press được lập ra ở Nha Trang hay Đà Lạt, tôi cũng không nhớ.

Một chuyện khó tin nhưng có thực về anh Lập là vào khoảng 1969-70, anh Lập nói với tôi rằng anh gặp chuyện phiền là Thiệu, anh gọi trống không như thế, Thiệu cho người ra nói muốn cho anh làm Tổng trưởng Thông Tin. Tôi hỏi lại anh, sao lại Thiệu? Thiệu là Tổng thống, tìm Tổng trưởng thông tin là trách nhiệm và quyền của Thủ tướng, đâu phải của Tổng thống? Tôi không muốn nói rằng như thế là lạm quyền, là lộng quyền, là tiến đến độc tài. Tôi cũng không muốn kể ra cho anh biết rằng ông Diễn, thầy tướng nổi danh ở Sài Gòn, nói cho tôi hay ông Thiệu đang tham khảo các chính khách và nhân sĩ để tìm người làm Thủ tướng, và ông Diễn phải đứng sau bức rèm nhòm ra để xem vị khách ấy có thể phản được không, rồi cho ông Thiệu biết.

Anh Lập nói với tôi rằng việc làm thì anh không sợ, nhưng chỉ ngại vì phải mặc đồ lớn "mà Lập thì không quen." Tôi bảo anh đừng nghĩ chuyện đó, chỉ cần anh có chịu cộng tác hay không mà thôi. Còn việc quần áo, anh không có thì em đưa anh đi may vài bộ, hay em đưa anh mấy bộ cũ em mặc chật rồi, để anh dùng đỡ.

Anh Lập trả lời để anh tính xem sao. Mấy bữa sau, anh ghé lại nhà tôi, chỉ nói một câu: "Chuyện ấy Lập từ chối rồi, mặc áo sơ mi là, cổ cứng, khó chịu quá." Ngày xưa khi còn ở nhà, anh em tôi khi nào muốn có áo sơ mi hộp để diện, thường chỉ gấp lại để dưới cái gối một đêm, về sau tôi hư thân, theo thói đời, mới mặc đồ lớn, còn anh Lập tôi, vẫn giữ thói nhà, không thay đổi.

Nằm tù lần cuối cùng trong trại giam Chí Hòa, cùng xà lim với cựu Thủ tướng Phan Huy Quát. Ngày lại ngày, ngồi viết đi viết lại những lời khai ba đời nội ngoại, trăm thứ bà rằn, mà phải nhớ hết để ngày mai khỏi lỡ lời hay mất tự tin mà viết thêm hay sai một chữ, tới đến hai ông "Đít Vịt," theo cách gọi hỗn xược của Cộng Sản từ thời Việt Minh — Đại Việt là quốc hiệu, là tên nước gần suốt trong lịch sử độc lập trước khi Tây sang, mà bọn mách qué vô tổ quốc đã bẻ quẹo đi để xỏ xiên, bẻu riếu — không biết hai ông trò chuyện những gì với nhau. Bác sĩ Quát đã chết trong ngục tù, vì tù tội, vì đói, vì bệnh, vì nản, vì buồn. Anh Lập tôi thì được thả ra để quản thúc tại nhà.

* Con nhà giàu khoe với con nhà nghèo:
"Ba tao thừa hưởng cây kiếm của tổng thống Washington!"
"Ba tao ấy à, ổng thừa hưởng cái nón của tổng thống Lincoln."
Con nhà nghèo, sau một hồi suy nghĩ:
"Còn ba tao, ổng thừa hưởng quả táo của ông Adam!"

* Hai bà sùng đạo tán dóc. Bà A khoe:
"Ông mục sư nhà thờ tôi ăn nói giỏi lắm. Bất cứ vấn đề gì ông cũng có thể thao thao bất tuyệt cả tiếng đồng hồ."
Bà B:
"Chưa bằng ông mục sư nhà thờ tôi. Ông ta có thể nói cả giờ mà không về bất cứ một vấn đề gì."

Ngã bệnh

Nhưng không quản thúc thì anh cũng không đi đâu được, vì chỉ ít tuần sau, lẩy bẩy trong nhà buổi tối cúp điện, anh ngã và gẫy cổ xương đùi phải. Đưa vào bệnh viện Bình Dân, anh được các bác sĩ học trò của tôi — tôi gọi là học trò với nghĩa là học trò ruột, như Tăng Tử với Đức Khổng, như Mục Kiền Liên với Đức Phật — đã hết sức mổ để ráp xương cho anh (một việc bắt buộc phải làm để cứu mạng và cứu cái chân) nhưng việc giải phẫu không được như ý. Cái đinh đóng trong xương là một cái đinh ba cánh kiểu 1910, lại là một cái đinh cải táng, thu hồi từ một bệnh nhân khác không biết đã chết hay chưa, phòng mổ thì thiếu điện, thiếu nước, cái máy quang tuyến cà rịch cà tàng chụp hình lên tấm nào cũng bị khói thu xây thành, làm sao mà có gì như ý được? Anh Lập tôi từ ấy không đi lại được nữa, mọi việc đều nhờ chị tôi, một người đàn bà Việt Nam tuy có học nhưng chỉ biết lễ bái, thờ chồng để chồng suốt đời ngày nào cũng vác một cái ngà voi đi rồi lại vác một cái ngà voi về mà không trách móc oán than.

Trối trăn

Anh lập mất năm 1983, thọ 64 tuổi. Chị tôi mất sau đó vài tháng.

Trước khi mất, anh còn viết cho tôi một bức thư dài, với bốn câu thơ, mà tôi xin nhắc lại ở đây:

Bồ đề vốn không cây
Gương sáng cũng không đài
Phật tánh thường thanh tịnh
Chỗ nào để nhuốm bụi?
(bản dịch của HT Mãn Giác)

Tôi biết không phải anh dạy tôi như khi tôi còn nhỏ, anh chỉ muốn nói với tôi rằng "xong rồi!"

Anh còn viết cho tôi một bức thư dài nữa nói về Truyện Kiều. Toàn thư anh viết về một nhân vật phụ của Truyện Kiều, một người cả truyện chỉ nói có ba câu mà người ta ai cũng bảo là vô duyên, là cô em Thúy Vân. Anh nói rằng tất cả những sóng gió, gian truân, lầm than, khổ nhục của Thúy Kiều chỉ là để tương phản với cuộc sống êm đềm, phẳng lặng của Thúy Vân. Cái tâm bất yên của chị, lúc nào cũng tĩnh, lúc nào cũng động, so với cái trầm tĩnh của em, là nguyên động lực làm ra cốt truyện của Đoạn Trường Tân Thanh.

Nhận được bài luận văn này của anh, tôi chỉ có một câu hỏi: tại sao trong khi thân thể anh đang đau đớn như thế, tại sao tính mệnh của anh còn đang treo trên sợi chỉ mành như thế, mà anh lại nói chuyện với tôi về Thúy Vân? Và tôi hiểu. Em hiểu chứ, anh em mà lị. Anh muốn nhắc cho em biết rằng người ta chỉ nói đến mối tình "ngó còn vương tơ" giữa Tiên Điền Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương mà không ai biết bà Nguyễn Du là ai, phải không? Người ta chỉ biết nhớ đến Tú Xương quên ô ở nhà cô đầu mà chẳng nhắc nhở gì đến bà Tú nếu ông Tú không có một bài thơ về bà, và chỉ có mỗi một bài thơ ấy thôi. Anh biết mình sắp chết, nên nhắn lại với em rằng chị là người hiền thục, chịu đựng, nhẫn nại, phục tùng; không có chị thì anh không thể nào vừa là anh Lập, lại là anh Thái, là Trần Việt Sơn, là Trần Triệu Việt (và còn là Hạnh Thuần, tên con và tên chị ráp vào, để trả lời và khuyên nhủ các bà, các cô có những thắc mắc tin tưởng gì gửi về một tờ tạp chí anh giúp). Chị là Thúy Vân, đừng quên rằng nếu không có Thúy Vân thì đoạn kết của Truyện Kiều không làm gì có cái cảnh điền viên:

Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.

Nhưng chị đã đi theo anh, chỉ cách đó vài tháng. Anh chị vẫn đứng ở tay trái của ảnh Anh, không còn vấn đề gì nữa.

*

Đảng trưởng Nguyễn Thái Học trước khi lên đoạn đầu đài, có nói rằng: "Không thành công nhưng thành nhân." Trong công cuộc cách mạng, sự thành công không tùy thuộc một người. Chúng ta nay đều đã hiểu rằng chủ nghĩa anh hùng cá nhân là một tư tưởng lạc hậu. Cướp được chính quyền chưa phải là thành công. Thắng được một cuộc chiến cũng chưa phải là thành công. Những yếu tố làm cho một mục tiêu gần và ngắn hạn có thể đạt được nhiều lắm và rất phức tạp, không phải tất cả là do ta. Trong nhiều trường hợp lịch sử, nhận là sự thành công, tức có sự cướp công, và tỏ ra rằng trí thức cạn hẹp, ấu trĩ, con ếch nhảy từ một lá bèo này sang một lá bèo khác cũng kêu ầm trời lên là thành công!

Thành công là một sự ở trong tương lai vô tận và là một điều ước mong của cả một khối người, một dân tộc, một nước, một khu, đồng tâm, kiên trì và nỗ lực, thực hiện từng bước.

Thành nhân là một việc khác: đó là điều kiện của sự thành công nhưng là một lý tưởng

và một quyết tâm của cá nhân. Thành nhân khó lắm. Đối với một người, không có gì khó hơn. Vì phải cả một cuộc đời hoạt động cho một lý tưởng cao đẹp của nhân loại. Trong tuyệt đối, chỉ có Đức Phật là thành nhân. Thành Chân Nhân. Có người chỉ thành nhân bằng sự chết: Trần Bình Trọng, Nguyễn Biểu, Nguyễn Thái Học. Đó là những cái chết không vô ích, những cái chết làm thức tỉnh người khác, những cái chết giúp cho người khác thành nhân. Có thể tôi thiên vị, điều đó cũng dễ hiểu và một phần nào tha thứ được, nhưng thực tâm tôi nghĩ rằng Trần Việt Sơn, tức Thái, tức Lập có thể đứng sau những bậc anh hùng ấy được. Tuy anh không phải là anh hùng, không chết lẫm liệt, nhưng anh đã tự tâm làm tròn hết các bổn phận của mình đã nhận cho đời mình. Cũng đã thành nhân.

Anh Lập tôi, anh Thái, Trần Việt Sơn, và Trần Triệu Việt để lại được gì? Việc đảng không đi đến đâu, không phải lỗi ở anh. Anh kiên trì hơn người, làm việc đảng cho đến lúc chết, chết vì làm việc đảng. Nhiều người trong đảng sống cũng như chết, lỗi ở những người ấy.

Không bao lâu nữa, chế độ Cộng Sản Việt Nam sẽ cáo chung như một giống vật tiền sử vì môi trường sinh sống chung quanh đã thay đổi mà những cơ cấu nội bộ của nó cứng rắn quá không thích nghi được. Đảng Cộng Sản sẽ phải nạp vũ khí, thu hồi tài sản, truất phế các độc quyền và giải tán. Những chính đảng thích hợp với hiến pháp dân chủ sẽ được thành lập. Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng có còn tham gia vào đời sống chính trị hay không? Dưới hình thức nào? Anh Thái không còn nữa để giúp đảng lúc đó.

Còn những gì anh đã viết ra? Bỏ đi các sách, chỉ gom lại các bài báo, cái khối lượng chắc có thể gần bằng Voltaire. Nếu sau này, trong một nước Việt Nam vẫn văn hiến, có những học giả lập ra được một thư mục Trần Việt Sơn, có một nhà xuất bản có lòng với văn chương và lịch sử Việt Nam cho xuất bản được một Trần Việt Sơn Toàn Tập, tôi nghĩ rằng lợi ích không phải nhỏ. Cho đến nay, không có ai đọc được hết Voltaire. Sau này, cũng không ai đọc được hết Trần Việt Sơn. Nhưng Trần Việt Sơn Toàn Tập, rồi sau đó, Trần Việt Sơn Trích Văn sẽ là một hãnh diện của văn chương Việt Nam và một sử liệu quý giá về một quãng đường đau thương của dân tộc.●

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Chị BECKY NGÔ
(tức NGÔ BÍCH THƯỢC)

Cộng tác viên của đài VNCR trong chương trình Từ Nhà Đến Trường

đã qua đời ngày 24 tháng Sáu năm 1998 tại Western Medical Center

Hưởng dương 52 tuổi

Vô cùng thương tiếc trước mất mát này, chúng tôi chân thành chia buồn cùng gia đình và cầu chúc linh hồn Chị sớm về nước Chúa.

Đài phát thanh VNCR
Nhật báo NGƯỜI VIỆT
Hội VAALA
Tạp chí THẾ KỶ 21

MỘT TẤM LÒNG SON VỚI NƯỚC NON

LÊ THIỆP

Đã được nhà báo Ngô Vương Toại đọc tại lễ 100 ngày mất của Bác sĩ Đặng Văn Sung, tổ chức tại phòng Sinh Hoạt báo Người Việt ngày 17-5-1998.

Bác Sĩ Đặng Văn Sung

Ông có thể là một chính khách khôn ngoan, một người chuyên môn đứng trong hậu trường giật giây những sinh hoạt chính trị. Ông có thể là một người tròn trịa, được lòng cả Tây lẫn Mỹ, có một quan hệ tốt đẹp với đảng phái, đối lập, báo giới và chính quyền để đến nỗi có kẻ đặt cho ông bí danh Đặng Bi Ve hoặc quá quắt nữa là Việt gian. Ông có thể là một ông quan lớn của Đại Việt quan lại, kẻ được đích thân đảng trưởng Trương Tử Anh tuyên thệ và trao sứ mạng xuất ngoại tìm hiểu thế giới và tìm kiếm nguồn tài trợ. Ông có thể là một tay tổ gián điệp, người đứng ra tổ chức công cuộc gài người lại miền Bắc Việt Nam, thiết lập cả một màng lưới gián điệp khắp ngang cùng ngõ hẻm ở miền Bắc sau hiệp định Genève. Ông cũng có thể là một nghị sĩ thấu hiểu quy luật đấu tranh nghị trường, biết lúc nào phải nhượng bộ, lúc nào phải cương quyết và lấn tới.

Ông cũng có thể là một ông chủ báo tài hoa, thành công, đầy uy tín và có một ảnh hưởng lớn trong dư luận.

Ông còn có thể nhìn dưới nhiều nhãn quan khác nữa, hoặc như chính ông vẫn cứ tự nhận "Tớ chỉ là một anh nông dân xứ Nghệ" và sau này, quãng thời gian lưu vong ở Mỹ, "tớ chỉ là một anh social worker đi lo chuyện chồng đánh vợ, con bỏ nhà đi..." Ông cũng cười bảo "tớ là bác sĩ không biết tiêm, không biết chích..."

Cho dù được nhìn dưới nhãn quan nào, từ góc độ nào, trong cảnh huống cá biệt nào, có một điều không thể phủ nhận được nơi ông là tấm lòng yêu nước thiết tha. Mọi hành động của ông trong suốt cuộc đời đều chỉ qui về một mối duy nhất là đấu tranh cho Việt Nam với một tấm lòng son.

Có lẽ không có cuộc đời nào giống như cuộc đời của ông Đặng Văn Sung nhưng có lẽ mọi cuộc đời của những người quốc gia trong giai đoạn sau 1945 đều có những điểm giống như những gì ông Sung đã trải qua, một cuộc đời tiêu biểu cho cả một thế hệ miệt mài với cái ước vọng không thành sự thật, khi nằm xuống vẫn không thấy được một Việt Nam phú cường thịnh vượng đủ để góp mặt với cộng đồng thế giới trong thế kỷ sắp tới.

Nằm trên giường với ống thở dưỡng khí khoảng sáu tháng trước đây, Bác Sĩ Đặng văn Sung đã kể lại cuộc đời của ông với câu mở đầu "Tớ lao vào chuyện này cũng chỉ vì lòng yêu nước và không thể chấp nhận chủ nghĩa Mac."

Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ vào 1945, ông Đặng văn Sung đã học xong y khoa, chỉ còn chờ trình luận án. Mộng ước lúc đó của ông thật giản dị. Ông tâm sự chỉ muốn trở về Phủ Diễn để làm "một ông lang, tất nhiên là lang Tây, sống một cuộc đời lông bông một tí và lòng hướng về những việc làm có tính cách xã hội."

Cái ước mơ đó có thể khởi từ những suy nghĩ của ông khi còn thơ, như thể là một câu trả lời cho đại gia đình họ Đặng. Ông sinh trưởng trong một gia đình thế phiệt, ông nội Đặng Văn Thụy là một nhà nho, sau này giữ chức Tế Tự Quốc Tử Giám một năm thì cáo quan về dạy học. Cụ Đặng Văn Thụy sinh được chín trai, bốn gái. Thân phụ của ông Sung là người con thứ ba, tên chính thức là Đặng Văn Cửu nhưng trong giấy tờ khai sinh của ông Đặng Văn Sung thì tên cụ thân sinh lại là Đặng Văn Bảo. Ông cười kể "Tôi cũng chả hiểu tại sao lại để tên bố là Đặng Văn Bảo nữa. Rất nhiều người tưởng tôi là con của ông Đặng Văn Hướng, nhưng ông Hướng là bác, nhạc phụ của Bs Phan Huy Quát, cũng như tôi với Đặng Văn Đệ là anh em chú bác - Đệ là con ông Đặng Văn Oánh."

Ông kể lại ông nội là nhà nho, sống đạm bạc và mọi cơ nghiệp nhà họ Đặng đều nhờ bà nội - bà Cao Thị Bé, giòng dõi Cao Xuân Dục. Mô tả bà nội, ông Sung nói "Bà nội tôi là một bà tướng, chỉ huy đông tây, lèo lái mọi sự."

Thân mẫu ông là bà Đạo Thị Định, còn có tên gọi là Dinh.

Ông mồ côi cha sớm và điều này đã có một ảnh hưởng sâu đậm đến cái nhìn của ông về đại gia đình họ Đặng. Ông nghĩ rằng thân mẫu của ông, và cái tiểu gia đình mẹ góa con côi đã bị các bác, các chú và họ hàng quyến tộc chèn ép nhiều. Ông nói "Tôi thương mẹ tôi lắm. Làm cái gì thì làm, tôi luôn luôn nghĩ đến mẹ."

Ông học trung học ở Nghệ An cho đến khi đậu Thành Chung năm 1936, lên Hà Nội và đậu tú tài vào 1939, theo học Đại học Y khoa, chuyên về sản khoa. Như cái nhìn của ông về bất cứ chuyện gì cũng được một chút phóng khoáng, ông kể "Tớ chỉ học vừa đủ đỗ, kiếm được cái học bổng đâu sáu, bảy đồng một tháng là vui rồi. Tớ đáng lẽ được du học sang Pháp nhưng rồi chuyện đất nước đẩy tớ vào một cuộc đời khác, đỗ bác sĩ mà không dám tiêm, dám chích cho ai cả." Nhớ lại thủa ấu thời hơn 3/4 thế kỷ trước, ông Sung băn khoăn: "Tớ vẫn không hiểu tại sao ông nội lại đặt tên tớ là Sung. Sung là điếc, lấy từ câu trong kinh Dịch "Thúc hề, bá hề, điệu như sung nhĩ," có nghĩa là chú cười, bác cười làm như thể điếc, và cụ lại còn đặt cho tên tự là Biểu Khanh có nghĩa là thằng điếc." Cụ Đặng Văn Thụy có thể muốn đứa cháu bưng tai bịt mắt trước thế sự đảo điên chăng, nhưng nếu quả như vậy thì cái tên Sung thật sự có vận vào đời ông, nhưng một cách ngược lại. Ông rất thính và không bao giờ là một người điếc trong công cuộc đấu tranh cho đất nước.

Cái ước mơ trở về làm đốc tờ Tây ở Phủ Diễn cho tới khi ông nằm xuống vẫn chỉ là ước mơ. Ông cho hay trong suốt thời kỳ học đại học, ông không hề tham gia sinh hoạt đấu tranh, hội kín, đảng phái. "Tớ chỉ lo học, đi kèm trẻ kiếm thêm tiền và đi hát cô đầu."

Cho đến ngày kháng chiến bùng nổ, Hà Nội đứng dậy, một cái dấu mốc lớn trong đời ông đã hiện ra. "Lúc đó tớ — ông hay xưng tớ với những người nào trẻ hơn ông — lúc đó tớ lơ mơ lắm. Nhìn thấy toàn dân đứng dậy, tớ cũng thấy lòng bừng bừng và vì là bác sĩ, tớ tham gia vào công tác cứu thương. Khi đó có hai tổng hội sinh viên, một là sinh viên cứu quốc của Việt Minh, một là của anh em quốc gia. Tớ nhìn thấy ngay Mác xít không phải là con đường thích hợp cho mình, nhất là nó đi ngược lại với dân tộc tính của người Việt Nam. Và tớ chống. Anh em bèn bầu tớ lên làm Chủ tịch sinh viên Y khoa. Thế là tớ dấn thân." Cách nói vắn tắt đó không đủ diễn tả không khí của Hà Nội mùa thu 1945. Nhật bị tước khí giới. Tây toan tính lập lại thuộc địa. Việt Minh chiếm độc quyền kháng chiến, tìm đủ mọi cách tiêu diệt các đảng phái quốc gia như VNQDĐ, Đại Việt, Duy Dân...

Và người bác sĩ trẻ tuổi, chưa đụng chạm với những thực tế của đấu tranh, biết mình không thể đơn thân độc mã. Ông Sung kể lại: "Từ lâu có một người tên Hướng, cùng quê xứ Nghệ vẫn cố vận động tôi vào Đại Việt. Tôi có cảm tình với anh Hướng vì là người đứng đắn và tôi cũng đồng ý với lý thuyết sinh tồn của Đại Việt, nên tôi đồng ý gia nhập Đại Việt với điều kiện được gặp trực tiếp Trương Tử Anh."

Phong thái của Trương Tử Anh đã hoàn toàn chinh phục ông. "Đó là một người tầm thước, chắc chắn, nước da ngăm đen, biết mình nói gì và quan trọng hơn cả là biết nghe, nhất là nghe những lời phê bình hợp lý." Ông đã chất vấn Đảng Trưởng về hệ thống tổ chức,

về thực lực, về chiến lược đấu tranh. Đó là lần duy nhất ông gặp Đảng Trưởng nhưng ấn tượng của cuộc gặp gỡ đã đẩy ông vào một cuộc đời không phải là cuộc đời của quan đốc ở tỉnh lẻ. Hơn nửa thế kỷ sau, ông Sung vẫn nghĩ "nếu còn Trương Tử Anh thì Đại Việt sẽ khác, và cục diện cũng có thể khác." Tuy nhiên ông cũng rất rõ ràng khi gia nhập Đại Việt "Tôi vào đảng để làm việc cho nước." Và cũng vì vậy cái chất Đảng trong người ông không lấn nổi để ông trở thành mù quáng chật hẹp. Nó giải thích những lúng túng của ông khi được hỏi về sinh hoạt Đại Việt, cơ cấu tổ chức, nhân sự, tài chính và ngay cả lý thuyết đảng. Ông trầm ngâm khá lâu, để rồi kể: "Lý thuyết Đảng hồi đó tôi được đọc qua một tập nhỏ lớn cỡ quyển lịch gập đôi lại, dày đâu mươi trang. Cái quan trọng nhất là không Mác xít. Tôi tuyên thệ với Trương Tử Anh và chỉ biết thêm một đảng viên khác là ông Hướng, người giới thiệu tôi. Tôi chưa dự một sinh hoạt đảng nào theo kiểu họp hành có bí thư chi bộ, tỉnh bộ, có báo cáo kiểm điểm công tác..."

Ông Sung nói: "Cái hay và cái dở của Trương Tử Anh có lẽ là ở chỗ đó. Vì tình thế đòi hỏi, áp lực từ Pháp và Việt Minh khiến ông tổ chức Đại Việt quá bí mật, mọi công tác đều do ông phân phối, thành phần này không biết thành phần kia nên khi không có ông, không có đảng trưởng, Đảng vỡ tứ tán." Sau này khi từ Tàu về, ông đã cố gắng đi tìm Trương Tử Anh và Việt Minh đã lừa ông bằng cách gửi thư của Trương Tử Anh để toan diệt toàn bộ Đại Việt. Ông kể Hoàng Đạo, một cán bộ tình báo Việt Minh đã dựng lên Đảng Phục Việt, một đảng giả ở trong vùng Việt Minh kiểm soát, rồi tìm cách liên lạc với phòng nhì Pháp và với ông để tạo thế liên minh chống Cộng. Ông nhờ Hoàng Đạo tìm xem liệu Trương Tử Anh có ở trong vùng Việt Minh chăng. Ít lâu sau ông nhận được thư của Trương Tử Anh. Ông viết thư trả lời, trong đó có những chi tiết chỉ có Trương Tử Anh mới biết. Sau đó không có thư của Trương Tử Anh nữa.

Sau lần gặp duy nhất, cái phong thái trượng phu của Trương Tử Anh đã chinh phục ông và khoảng một tháng sau đó, ông nhận được lệnh của Đảng Trưởng xuất dương qua Tàu "để làm tai mắt cho Đại Việt, nhìn xem thế giới bên ngoài đang có những gì xảy ra." Cùng với lệnh công tác là một mớ những thư giới thiệu bằng Hoa ngữ gửi cho các chi bộ VNQDĐ Tàu nhờ giúp đỡ. Ông cũng được hứa là sẽ có ngân khoản lớn để chi dùng khi vượt biên giới.

Cái khởi đầu vô cùng lãng mạn. Một cậu sinh viên vừa tốt nghiệp đại học, một đảng viên vừa được chính đảng trưởng tuyên thệ - chàng thanh niên Đặng Văn Sung thủ trong túi dăm ba cái thơ chữ Tàu chính chàng cũng chẳng hiểu gửi cho ai, nói cái gì, dấn thân trên đường xuất dương cứu quốc.

Ông kể lại cái khởi đầu bằng một giọng đầy hứng khởi. "Tớ có biết gì đâu. Theo kế hoạch, tớ sẽ nhận được một ngân khoản lớn. Nhưng làm gì có — hoặc có mà không nhận được. Sau này đọc lại cuốn sách của ông Hoàng Văn Đào có thấy nói đến lúc đó có một đảng viên Đại Việt tên Hướng bị giết và bị cướp một số vàng lớn. Trước khi đi tôi được biết là sẽ gặp ông Hướng để nhận kinh phí. Chắc là ông bị giết. Ai giết, tiền ở đâu ra, thú thật tôi không rõ." Nhưng chàng vẫn đi. Dọc đường ông Đốc mới ra trường kiếm ăn bằng cách hành nghề bác sĩ chữa những bệnh lặt vặt và có một lần đỡ đẻ nữa.

Có lẽ phải nhắc đến một người Nhật đặc biệt, Yamaguchi với cái tên rất Việt Nam Đặng Văn Thường. Theo ông Sung, có lẽ Yamaguchi là một cán bộ của tình báo Nhật sang VN lo sinh viên vụ. Ông có quen biết với Yamaguchi và khi Nhật bị đồng minh tước khí giới, Yamaguchi đã trốn ở 96 Hàng Bút, nhà của ông Sung. Trên con đường đi Tàu, vào lúc đến Lạng Sơn, ông gặp lại Yamaguchi và một Nhật, một Việt, hai người dắt díu nhau đi vượt biên giới.

Xem ra những lá thư viết bằng Hán văn đó có ích lợi, vì đến đâu ông cũng được các chi bộ Quốc Dân Đảng Trung Hoa giúp đỡ. Ông đi quá giang các xe nhà binh của các lộ quân Quốc Dân Đảng đến Côn Minh. Mục tiêu của ông là muốn tới Nam Kinh rồi lên Trùng Khánh, lúc đó là thủ phủ của Quốc Dân Đảng Trung Hoa và của thống chế Tưởng Giới Thạch. Ông muốn gặp cụ Trần Trọng Kim và Bảo Đại. Lần mò đến Nam Kinh thì được tin Cụ Kim và Bảo Đại đã rời đó, không lên Trùng Khánh mà đi Hương Cảng. Ông quyết định không đi Trùng Khánh nữa.

Sự kiện vua Bảo Đạo không đi Trùng Khánh gây một ấn tượng sâu sắc nơi ông và ông có cái nhìn khá đặc biệt với Bảo Đại. Phải chăng đó là tại sao sau này ông ủng hộ Giải Pháp Bảo Đại?

Theo lời ông kể thì Bảo Đại đã không đi Trùng Khánh, nơi mà ông ta chắc chắn được tiếp đón và sống đế vương hơn là Hồng Kông, vì "nếu đến đó thì tôi chẳng khác gì Lê chiêu Thống ngày xưa. Thà đi Hồng Kông vốn là một cái chợ trời có đủ mặt quốc tế Anh Pháp Mỹ... còn có nhiều cơ hội hơn là sống trong lồng son Trùng Khánh, chỉ biết có Tàu." Ông Sung khi kể lại chuyện này đã cho rằng Bảo Đại có một quyết định chính trị đúng.

Trên con đường đi Hồng Kông, đến Quảng Châu thì Yamaguchi Đặng Văn Thường ra đầu thú với chính quyền Trung Hoa. Ông có dịp gặp lại Yamaguchi gần ba mươi năm sau tại Nhật, khi ông đi dự Hội nghị Liên Hiệp Nghị Sĩ Á Châu Chống Cộng. Yamaguchi lúc đó là chủ một khách sạn nhỏ.

Đến Hồng Kông, ông gặp lại cả một tập hợp những khuôn mặt lịch sử của Việt Nam dưới mọi hình thái từ Bảo Đại, Trần Trọng Kim, Phan Văn Giáo, đến Đỗ Đình Đạo, họa sĩ Nguyễn Gia Trí và... cả thứ phi Mộng Điệp, cùng nhiều người khác.

Kể lại thời gian này, ông mỉm cười nói: "Tôi khổ đã đành. Mình còn trẻ, xoay sở được. Nhưng thấy những người như cụ Trần Trọng Kim thì thật muốn rớt nước mắt. Cụ Kim lúc đó có cả cụ bà và một người con gái cùng sống, đời sống vất vả lắm. Có lúc không có nước tắm." Ít lâu sau có lẽ là do Tây hoặc do chính quyền Trung Hoa can thiệp, Bảo Đại được ở một phòng ở khách sạn.

Nhưng cái khổ nhất là không thấy lối thoát. Không ai biết phải làm gì, ngày qua ngày nhìn nhau, nghe ngóng. Ông Sung quyết định về nước. Ông trình bày và cụ Kim đồng ý. Ông viết một lá thư trình bày lập trường của người quốc gia và những việc cần phải làm và đưa tới cho Bảo Đại. Bảo Đại gặp, đồng ý và cấp cho ông một sự vụ lệnh để về nước.

Khi đi là đảng viên Đại Việt với công tác lệnh của Đảng trưởng, ông vượt biên giới với vài cái thư giới thiệu viết chữ Tàu. Tám tháng sau ông trở về với một sự vụ lệnh bằng tiếng Tây của một ông vua không còn ngai, và ông nói: "Chưa biết ra sao nhưng cứ phải về đã."

Khi trở về bước xuống cảng Sài Gòn, ông trình sự vụ lệnh. Ông cười kể lại "Thằng cha commissaire chẳng biết đối xử với tôi ra sao, yêu cầu ngồi chờ. Sau đó từ sáng mãi tới chiều, chắc là do mật thám Tây giải quyết, ông chú họ của tôi đang ở Sài Gòn lúc đó ra đón tôi về."

Ông Sung cho hay sau đó ông đi gặp rất nhiều người để trình bày lập trường quốc gia. Có lẽ ông là người không quen những lập luận có tính cách lý thuyết, có thể là từ môi trường sinh viên bước vào đấu tranh không được sửa soạn, ông không bao giờ trình bày lập trường quốc gia như một lý thuyết, một chủ trương có lý luận hẳn hòi, một thứ cương lĩnh — hay một ý thức hệ. Nó chỉ tóm gọn trong cái ý niệm tạo lập một quốc gia VN độc lập không cộng sản. Để đạt được mục tiêu đó, những người quốc gia phải đồng thuận với nhau. Ông hình như tránh chữ Đoàn Kết, Nhất Trí, và ông dùng chữ concensus quốc dân như ông nói là căn bản cho tất cả.

Từ Hồng Kông về nước, gặp gỡ nhiều người để trình bày và có thể ông đã gây được một tiếng dội nào đó với người Pháp. Qua sự trung gian tổ chức của ông Trần Đình Quế, một bữa ăn gặp gỡ được tổ chức. Phía Đại Việt có ông và bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn thuộc Đại Việt miền Nam. Phía Pháp có khoảng 13 đến 17 người ông không nhớ tên nhưng như lời ông nói "Toàn là tụi mật thám." Họ nghe ông nói. Sau đó ông còn có dịp gặp nhiều người Pháp nữa kể cả tướng Salan và cuối cùng là Paul Ganay ở Hà Nội. Kết quả của bữa ăn do ông Quế tổ chức không bao giờ được phía người Pháp chính thức công bố hoặc thừa nhận nhưng họ yêu cầu ông Hoàn hoạt động trong Nam và ông Sung phụ trách miền Bắc không điều kiện bó buộc gì cả. Khi gặp Paul Ganay, họ hỏi ông cần giúp đỡ gì. Ông yêu cầu giúp phương tiện để xuất bản một tờ báo và giúp đỡ Hội Đồng An Dân có đủ phương tiện trợ giúp những đồng bào hồi cư từ vùng Việt Minh. Người Pháp đồng ý, mở cho ông một chương mục 20,000 đồng và cấp giấy phép cho ông ra báo. Nói về sự việc này, ông kể "Bảo tớ là Việt Gian tớ cũng chịu. Nhưng đó là những điều cần phải làm, họ cung cấp phương tiện thì mình làm, cốt sao có lợi cho chuyện chung. Và tớ ra báo, tờ Thanh Niên quảng bá lập trường quốc gia của mình. Cái hoàn cảnh của người quốc gia lúc đó nói chung và của tớ nói riêng, khó vô cùng. Một phía là Pháp, một phía là Việt Minh và đang có một cuộc chiến tranh."

Tờ Thanh Niên do ông chủ trương có sự cộng tác của nhiều nhân vật thuộc tổng hội sinh viên như Nguyễn Tấn hồng, Trần Lê Cung... Song song ông lập Phong Trào Bình Dân để — vẫn theo lời của ông — là quảng bá

lập trường quốc gia và vận động cho một sự đồng thuận toàn dân trong mục tiêu dành độc lập và chống cộng sản.

Cái mà ông hay dùng, chữ "Consensus" là một ám ảnh lớn với ông ngay từ đó. Ông không giải thích tại sao nhưng có lẽ những chia rẽ ngay trong Đại Việt và rộng hơn giữa các thành phần quốc gia, các tôn giáo đã đẩy ông vào cuộc vận động này. Kết quả là Quốc Dân Đại Hội họp tại Tòa Đô sảnh Sài Gòn.

Cho tới lúc tuổi già, sống lưu vong và đã chết một lần — ông bị ngưng thở khá lâu tưởng phải đưa xuống nhà xác nhưng sau đó hồi tỉnh lại — ông vẫn say sưa nói về Quốc Dân Đại Hội, coi như đó là một hình thức của Hội Nghị Diên Hồng. Ông kể "đem được các ông ấy ngồi lại với nhau không phải dễ. Phật giáo, Công giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Đại Việt, Việt Quốc, phe Nam, phe Bắc, phe Trung. Nhưng ai cũng thấy cái lập trường quốc gia minh bạch đó và đều đồng ý phải ngồi lại."

Một nghi vấn lớn nhất trong Quốc Dân Đại Hội mà khi hỏi thì đến phút cuối đời ông Đặng Văn Sung vẫn chỉ trả lời "không rõ tại sao lại thế." Mục tiêu của QDĐH là đòi hỏi Việt Nam được độc lập để tự cường có chính nghĩa chống lại cộng sản. Bản quyết nghị được thông qua có ghi rõ rệt ý nguyện này của đại hội nhưng khi công bố thì lại ghi VN vẫn nằm trong Liên Hiệp Pháp.

Điều lạ là chính ông Sung không nổi giận, hoặc không lên tiếng vào lúc đó về sự tráo trở này mà sau này ông vẫn nói "không hiểu do đâu mà xảy ra."

Có thể giải thích cái thành công của QDĐH là chính ở sự tập họp được một tập thể thực sự đại diện cho nhiều thành phần của xã hội VN lúc đó và đây là lần đầu tiên có một sự kiện như vậy trong lịch sử đấu tranh của người Việt Nam.

Tờ Thanh Niên sau đó cũng bị đóng cửa. Tổng số tiền ông Sung đã xử dụng chỉ có 2,000, số còn lại vẫn ở ngân hàng và ông nói "tớ cũng chả biết tiền đó sau đi về đâu."

Cuộc chiến Việt Pháp kết thúc sau trận Điện Biên Phủ và ông Sung nghĩ ngay tới cuộc đấu tranh trường kỳ với cộng sản. Ông nghĩ và thực hiện ngay kế hoạch cấy người ở lại miền Bắc. Ông đã từng đụng chạm với mật thám Tây, với cán bộ tình báo cộng sản và nay chính ông và các cán bộ Đại Việt dấn thân vào một kế hoạch lớn. Ông kể "Chúng tôi làm việc này một cách nghiêm túc. Người được tuyển rải rác khắp miền Bắc từ Bắc Trung phần lên tới Thái Nguyên. Thành phần cài lại được chọn kỹ đủ ngành nghề từ thày bói đến nông dân, dân chài lưới, giáo sư, thương gia. Họ được đưa vào huấn luyện tại miền Nam ở nhiều địa điểm khác nhau." Tuy nhiên khi hỏi sâu hơn vào những chi tiết thì ông không rõ vì những công tác tổ chức do các cán bộ trưởng toán đảm trách. Ông không biết có bao nhiêu người được gài lại và công tác huấn luyện gồm những địa hạt nào. Giữa lúc đó Lansdale xuất hiện. Tướng Lansdale đã gặp thẳng bác sĩ Sung và tình nguyện trợ giúp về kỹ thuật và tài chính. Sau này trong nhiều tài liệu mật được công bố, điển hình là Pentagon Papers, người Mỹ nói là họ đã gài người lại miền Bắc mà không bao giờ nói đến Đại Việt. Bác sĩ Sung khẳng định công tác này hoàn toàn do Đại Việt chủ trương và những người được gài lại đều là những người có liên hệ đến Đại Việt.

Ông cho hay có một vài người liên hệ đến công việc này hiện có mặt ở ngay California và khi được yêu cầu tên tuổi để tiếp xúc thì ông cho là không tiện, nhưng có hứa sẽ liên lạc với các nhân chứng đó để hỏi ý kiến trước. Rất tiếc chuyện này không thể thực hiện được nữa.

Việt Nam bị cắt đôi và ông Diệm về nước, truất phế Bảo Đại, lên làm Tổng Thống của Việt Nam Cộng Hòa.

Người Mỹ — hoặc có thể chính tướng Lansdale — muốn Đại Việt chuyển nhượng lại hệ thống gián điệp này lại cho chính quyền ông Diệm. Phía Đại Việt không chịu. Một hôm hai người trưởng toán của ông Sung bị công an bắt. Ông Sung kể là chính tướng Nguyễn Văn Là chỉ huy vụ bắt bớ này. Ông Sung hạ tối hậu thư nội trong ngày công an phải trả lại người nếu không chính ông sẽ thân chinh đến đồn công an xin cùng đi tù. Buổi chiều hai người trưởng toán được về.

Sau đó phía chính quyền ông Diệm và Đại Việt đồng ý để ông Diệm xử dụng hệ thống gián điệp này. Ông Sung kể lại "Tối hôm đó, tôi đi cùng với mấy người trưởng toán đến căn cứ điều hợp, tôi khóc như một đứa con nít."

Đa số những cán bộ Đại Việt nằm vùng ở miền Bắc bị lộ, điển hình và được cộng sản miền Bắc làm ầm ĩ nhất là vụ liên quan đến một tổ bị lộ vì công an cộng sản tình cờ tìm được một bộ phận truyền tin chế tạo tại Mỹ, còn cả nhãn hiệu Made in USA. Những cán bộ này bị đưa ra tòa án nhân dân và lãnh án tù

rất nặng.

Cuộc chạm trán đầu tiên với ông Diệm là một chua cay, nhưng ông Đặng Văn Sung đồng ý vì nghĩ rằng chính quyền có đủ phương tiện hơn trong việc nuôi dưỡng và phát triển các tổ gián điệp, chỉ tiếc ông đã nghĩ sai.

Cái khoảng trống lớn nhất trong đời ông Sung có lẽ là khoảng thời gian ông Diệm tại vị. Ông trách ông Diệm đã tìm cách tiêu diệt sinh hoạt của đảng phái và giáo phái quốc gia, có cái nhìn chật hẹp của một quan lại và cả tin những người trong gia đình họ Ngô. Bản thân ông chỉ bị theo dõi nhưng không bị bắt bớ cầm tù. Ông cho hay có gặp ông Nhu nhưng những lời đóng góp của ông không được chú ý. Ông sống rất đạm bạc và lợi tức duy nhất là dịch sách. Ông không có những hoạt động cụ thể nào trong suốt thời kỳ đệ nhất cộng hòa ngoài việc bàn luận với một số những đồng chí và thân hữu như các ông Nguyễn Hữu Phiếm, Phan Huy Quát, v.v... Ông đã không tham gia vào nhóm Caravelle vì cho rằng "vô ích, ông Diệm và ông Nhu đầu óc chật hẹp, không chấp nhận ý kiến từ những phía khác."

Và ông cười "Đến nỗi hôm đảo chính ông Diệm tớ cũng không biết trước. Mình như người ngoài lề."

Câu hỏi đặt ra là trong khoảng thời gian khá dài, hơn năm năm đó, ông suy nghĩ gì? toan tính gì? Ông cho hay là sống như một anh thường dân ngoài phố.

Nhưng cái mộng ước về một consensus quốc dân lúc nào cũng ám ảnh ông. QDĐH quả có đánh động được cái ước vọng cùng làm việc của nhiều thành phần quốc gia khác nhau và khi có cơ hội, ông lại lăn mình vào cái nỗ lực xây dựng một đồng thuận quốc gia.

Ông ứng cử và đắc cử vào Quốc Hội lập hiến, và sau đó dân biểu quốc hội, thượng nghị sĩ với liên danh Nông Công Binh. Có lẽ ám ảnh đồng thuận quốc dân khiến trong suốt thời đệ nhị Cộng hòa, ông không bao giờ đứng hẳn về phía đối lập, chống đối hoặc đánh phá chính quyền. Nhưng ông cũng không bao giờ thuộc phe thân chính — phe mà báo chí Sài Gòn vẫn gọi là phe nâng bi. Ông đứng trên, đứng giữa những tranh chấp cá biệt, nhỏ nhoi, phe phái để cố tạo một căn bản cho công cuộc chống Cộng. Khi được hỏi cung cách đó có thích hợp cho hoàn cảnh VN lúc đó chăng — một VN quằn quại trong chiến tranh, một xã hội băng hoại đến tận cùng và bị nhồi xốc giữa các thế lực quốc tế — trong hoàn cảnh đó, chủ trương xây dựng tiệm tiến, từ từ có thể đưa đến những kết quả tức thời, cái mà VN lúc đó rất cần? Ông cho hay "đó là bản tính của tôi." Không những thế, vị trí của ông không cho ông có cơ hội đóng góp nào khác hơn là những gì ông miệt mài, cố gắng làm.

Và để yểm trợ cho những hoạt động chính trị, ông xuất bản tờ Chính Luận với sự cộng tác của các nhà báo chuyên nghiệp Từ Chung, Thái Lân, Thái Linh và nhiều người khác nữa.

Ông cười bảo "Tớ có số làm chủ báo. Anh Từ Chung là một người trẻ, trí thức, lý tưởng và vì vậy có cá tính rất mạnh. Tớ cũng cứng cựa nữa nên trong những ngày đầu có những đụng chạm nảy lửa. Hoàn taon về đường lối căn bản của tờ báo. Điều đáng mừng là sau những va chạm, anh em hiểu tớ hơn nên tờ Chính Luận vẫn có mặt."

Chính Luận đã đóng đúng vai trò phản ảnh lại những suy nghĩ của chủ nhiệm Đặng Văn Sung. Tờ báo không đăng tin và truyện nhảm nhí chiều theo thị hiếu của quần chúng. Chính Luận cũng không ngả theo các phong trào chống đối, về hùa với một số những tổ chức hay cá nhân để đánh phá chính quyền với những mục đích riêng rẽ. Nhưng Chính Luận cũng không bao giờ bị xem như là phát ngôn viên của chính quyền. Ông chủ nhiệm Đặng Văn Sung nhìn lại tờ báo và nói "Chính Luận có những đóng góp của nó nhưng quá rải rác, không đủ sâu, không đủ rộng." Lời nhận xét trên đây sự khiêm nhường nhưng cũng rất xác thực. Nó hé lộ cho thấy ông Đặng Văn Sung nhìn việc nước, nhìn công cuộc đấu tranh cho Việt Nam ở một tầm vóc lớn hơn.

Suốt đời ông Sung chưa bao giờ tham chính. Vào những ngày cuối cùng của miền Nam, ông vẫn nghĩ mọi sự không thể kết thúc vô lý như đã xảy ra. Ông dự đoán Sài Gòn có thể bị vây, thất thủ nhưng còn cả miền đồng bằng Cửu Long và sẽ có một hình thức kháng chiến nào đó. Ông có tìm gặp ông Kỳ để hỏi và

* Nếu bạn đạt trình độ khi đi ăn tiệm chỉ gọi độc một món thì đã đến lúc bạn có thể quyết định lấy vợ được rồi.

* Chồng đang xem báo thống kê, nói với vợ:
"Ghê không này! Cứ mỗi hơi anh thở, trên thế giới lại có bốn người chết."
"Vậy anh đi bác sĩ khám cuống họng đi."

ông nói "Tớ chưa bao giờ nhận một chức vụ nào trong chính quyền nhưng kỳ này nếu có, tớ sẽ tham gia." Ông không bao giờ có dịp tham chính.

Đến Mỹ, ông cho hay chưa biết làm gì nên để tiêu thì giờ ông lo giúp đỡ đồng bào tị nạn ở Orange County với tư cách tự nguyện. Vài tháng sau đó sở Xã hội đề nghị ông chính thức làm việc và "bỗng nhiên tớ là một anh *social worker*. Tớ vui với công việc giúp đỡ những đồng bào ít học, bỡ ngỡ trước cuộc sống mới." Cái cách nói rất Đặng Văn Sung đó đẩy tới một câu hỏi khác. Ông có giữ lại những mối giây liên lạc với chính phủ Mỹ, hoặc với những quan chức Mỹ ông đã từng quen, từng làm việc? Ông kể lại khi ở trại chuyển tiếp, Cronin, nhân viên CIA từng làm việc nhiều với ông gọi điện thoại tới hỏi ông cần gì? "Tớ cần gì lúc đó? Nước mất, anh em thất tán, bản thân chưa biết sẽ ra sao, tớ chả muốn gì ngoài một chai rượu. Tớ bảo nó gửi cho tớ một chai rượu. Không bao giờ có rượu." Ông tuyệt giao với những người Mỹ, ngay cả một lần đảng Cộng Hòa liên lạc yêu cầu ông đứng ra vận động tranh cử cho ông Reagan, ông cũng từ chối. Ông nói "Tớ sống như một người tị nạn, đi làm tối về xem ti vi, và thỉnh thoảng xoa mạt chược. Làm gì được nữa bây giờ? Thỉnh thoảng anh em có đến hỏi ý kiến. Ông Trần Minh Công của kháng chiến hồi đó có gặp tôi nhiều lần. Tôi có nói, muốn làm gì thì phải đi từ cơ bản, phải xây dựng một cái cộng đồng trước đã."

Trong những nhân vật đấu tranh cho Việt Nam, ông là một trong số hiếm hoi chọn đời sống ẩn dật sau 1975. Ông cho rằng so với những anh em ở trong tù cải tạo, so với những người dân đang lây lất sống trong chế độ cộng sản, ông sống vất vả như thế nào, làm việc gì dù cực khổ, vẫn hơn họ. Và ông yên phận với chức năng cán sự xã hội của quận Orange, mặc dù trên 70 tuổi vẫn còn kiếm sống bằng đồng lương công chức.

Ông cho hay có những đêm nằm khóc một mình, nước mắt cứ trào ra. Sức khỏe ông một ngày một suy yếu, và khoảng tháng Mười năm ngoái ông phải vào nhà thương khẩn cấp. Đã có lúc tim ông ngưng đập nhưng rồi ông gượng dậy được, có cảm tưởng khỏe mạnh, nhưng vẫn phải thở bằng dưỡng khí.

Một số những câu hỏi ông khất sẽ trả lời trong một dịp rất gần. Ông hẹn sẽ nói ý kiến của ông về vai trò và chính sách của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Ông hẹn sẽ nói rõ hơn về đời sống gia đình, về tình cảm của ông, về những mối tình của ông. Trước câu hỏi "Ông muốn nói gì với những người trẻ tuổi," ông chần chừ suy nghĩ và "Cho tớ khất, sẽ trả lời sau. Chuyện này quan trọng."

Cuộc đời của bác sĩ Đặng Văn Sung có lẽ không gì đúng hơn là chính lời ông nhận xét về mình "Cái thất bại của tôi là không đủ tham vọng, và sống một cuộc đời lãng tử."

Vào khoảng đầu 1945, tình cờ gặp một ông thầy bói, ông kể "Cái ông thầy bói đó đoán tớ có số làm cách mạng. Công danh có, tiếng tăm có, gia đình có, hưởng đủ mọi thứ trên đời nhưng lại như chẳng có gì cả, ngay cả gia đình, có đó mà cũng như không."

Bước chân vào đấu tranh vì lòng yêu nước, gia nhập đảng là để có chỗ thực thi lòng yêu nước đó, miệt mài với lý tưởng quốc gia, cần cù không ngơi nghỉ trong ý hướng xây dựng một đồng thuận quốc dân, ông đã sống một cuộc đời đáng sống. Ông chính là một tiêu biểu cho thế hệ ông, những người quốc gia đấu tranh cho một Việt Nam độc lập không cộng sản.●

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

BA MƯƠI NĂM VỀ TRƯỚC, CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG 5-68 TẠI PHÁP

HUỲNH HÙNG
(Phát biểu trên đài RFI)

Khi nói đến cuộc cách mạng tháng 5-68 tại Pháp, người ta không thể không nói đến triết gia Herbert Marcuse, một giáo sư người Mỹ gốc Đức của đại học San Diego, tác giả cuốn "Con Người Một Kích Thước" (L'homme unidimensionnel). Marcuse là thầy tư tưởng của giới trẻ thời đó, cho rằng lý do chính thúc đẩy sinh viên biểu tình, xuống đường, là họ muốn chống đối lối sống một kích thước, một chiều, do xã hội áp đặt. Những sinh viên trẻ muốn sống với tất cả ý nghĩa vật chất lẫn tinh thần của cuộc sống.

Trong lịch sử, nhiều cuộc cách mạng lớn đã được bắt đầu bằng những biểu tình nhỏ. Chẳng hạn tại Trung Quốc, cuộc biểu tình của sinh viên trong "ngũ tứ vận động" vào năm 1919 là ngòi nổ khai sanh ra đảng Cộng Sản Trung Quốc. Trong đảng sử của đảng Cộng Sản Trung Quốc, họ cũng thừa nhận cuộc họp của Đại Hội đảng Cộng Sản Trung Quốc lần thứ nhất tại Thượng Hải vào năm 1921, dưới sự chủ tọa của Mao Trạch Đông, là hậu quả trực tiếp của cuộc "ngũ tứ vận động." Cuộc cách mạng tháng 5 - 68 tại Pháp cũng thế.

Nó bắt đầu vào ngày 8 tháng Giêng 1968, tại đại học Nanterre, tọa lạc tại ngoại ô nghèo của Paris. Nhân dịp khánh thành một hồ tắm cho Đại học này, Francois Missoffe, Tổng Trưởng Thanh niên và Thể thao của Tổng Thống De Gaulle và lãnh tụ sinh viên Daniel Cohn-Bendit đã có một cuộc đấu khẩu vừa thích thú, vừa là tín hiệu báo trước cuộc cách mạng tháng 5-68. Daniel Cohn-Bendit nói: "Trong cuốn Bạch thư 600 trang của ông, chỉ toàn là những điều ngu xuẩn, vô ích. Ông không đả động gì đến vấn đề tình dục của giới trẻ." Ông Tổng trưởng đã nhanh nhẹn trả lời: "Nếu anh có những vấn đề tình dục, tôi khuyên anh nên nhảy ngay xuống hồ bơi để hạ hỏa."

Đại Học Nanterre vào thời điểm 1968 là một đại học vừa được xây cất, trong một khu dân cư "bùn lầy nước đọng." Đại học xá Nanterre chứa 1500 sinh viên, một nửa là con trai, một nửa là con gái, là ổ của các trào lưu chính trị cực tả Trốt kít, hoặc Mao ít. Các sinh viên nam được phép đi thăm các sinh viên nữ, tại phòng trọ của họ. Nhưng điều ngược lại, nghĩa là con gái đi thăm con trai, thì bị cấm tuyệt đối.

Ngày 22 tháng Hai 1968, sau một vài tuần lễ xáo trộn tại các đại học xá, Alain Peyrefitte, Tổng Trưởng Giáo Dục, tuyên bố sẽ nới lỏng có giới hạn những biện pháp cấm đoán thăm viếng các cô sinh viên.

Nhưng biện pháp này không làm cho những cuộc biểu tình của sinh viên tại Đại học Nanterre giảm xuống. Thật ra, sinh lý chỉ là một cái cớ.

Ngày 2 tháng Năm, Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa Nanterre ra lệnh đóng cửa. Đây là một quyết định sai lầm. Các sinh viên Nanterre đã đổ về khu La tinh, khu sinh viên của đại học nổi tiếng Sorbonne, để lôi cuốn đại khối sinh viên Paris vào làn sóng phản kháng.

Ngày 3 tháng Năm, Viện Trưởng Đại học Sorbonne đã gọi cảnh sát đến trục xuất sinh viên biểu tình ra khỏi sân Đại học Sorbonne. Năm trăm sinh viên bị bắt đi, trong đó có lãnh tụ Daniel Cohn-Bendit.

Cao điểm của phong trào tháng 5-68 là đêm mồng 10 rạng ngày 11. Đó là đêm được gọi là "đêm phòng ngự tuyến" (nuit des barricades), sinh viên khu La tinh đã nạy đá trải đường của Paris để lập phòng tuyến chống lại cảnh sát. Vào khoảng hai giờ sáng, cảnh sát đã tấn công sinh viên, dưới vòng khói dày đặc của lựu đạn khói và cay. Năm giờ sáng, cuộc chiến chấm dứt. Khoảng 400 người bị thương phải đem vào bịnh viện, 500 sinh viên bị bắt. Các sinh viên đại học Bordeaux, Lyon, Strasbourg, Tours, Grenoble, Lille v.v... cũng đã biểu tình, chiếm đóng trụ sở đại học để ủng hộ phong trào nổi dậy của sinh viên Paris.

Ngoài giới sinh viên, nếu không có sự tham gia của giới thợ thuyền và nông dân Pháp, biến cố tháng 5-68 sẽ không trở thành một cuộc "cách mạng văn hóa," như báo chí quốc tế vẫn thường gọi. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, những cuộc biểu tình bộc phát của sinh viên, đã được hàng triệu công nhân đình công ủng hộ. Những cuộc đình công này đã làm cho nước Pháp hoàn toàn bị tê liệt. Để thỏa mãn những đòi hỏi của công nhân, chính Thủ Tướng Pompidou đã phải liên tục bàn cãi với các nghiệp đoàn trong suốt 25 giờ, để đi đến Thỏa Hiệp được gọi là Thỏa Hiệp Grenelle. Tình trạng vô cùng bi đát đến nỗi Tổng Thống đương nhiệm là De Gaulle đã có ý định rút lui.

Đảng Cộng Sản Pháp đã bị sinh viên, trí thức và ngay cả một số nhân vật của Đảng Cộng Sản chỉ trích là không ủng hộ sinh viên trong cuộc tranh đấu của họ, mà còn có thái độ chống đối, phỉ báng. Nhật báo Humanité (Nhân Loại), cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng Sản Pháp, chụp mũ Cohn-Bendit, lãnh tụ ăn khách của sinh viên, là đồng lõa với Thủ Tướng Pompidou. Trong khi đó Cohn-Bendit đã chửi đảng Cộng Sản Pháp là những tên bợm kiểu xít ta lin (les crapules staliniennes). Các nhân vật chỉ trích Đảng không phải là những đảng viên thường mà là những nhân vật có vai vế trong Ban Bí Thư, Bộ Chính Trị, Ban Chấp Hành Trung Ương như Roland Leroy, Roger Garaudy, Louis Aragon.

Trích báo Tin Tức - Paris

Cha đẻ thuyết hiện sinh, Jean Paul Sartre, trong một cuộc biểu tình của sinh viên tại Đại học Sorbonne đã đả kích kịch liệt công đoàn CGT, ngoại vi của Đảng Cộng Sản Pháp là đón gió, là cơ hội để tìm cách khai thác phong trào nổi dậy của sinh viên. Để kết luận, nhà trí thức nổi tiếng, người đã từ chối giải Nobel văn chương, thần tượng của giới trẻ Pháp thời bấy giờ, phán một câu vô cùng độc đáo: "Độc tài của vô sản, chỉ có nghĩa là độc tài trên vô sản."

Để cứu vãn tình thế, Tổng Thống De Gaulle đã tuyên bố trên đài truyền hình Pháp sẽ tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để:

- Cải tổ đại học
- Cải tổ kinh tế và các xí nghiệp để cải thiện đời sống và việc làm của giới lao động, với chính sách nhân viên tham gia vào các trách nhiệm nghề nghiệp, mở lớp đào tạo, huấn nghiệp các thành phần trẻ.

Ngoài ra, Tổng Thống De Gaulle còn cho biết rằng, nếu dân chúng trả lời "không" trong cuộc trưng cầu dân ý này, thì ông ta sẽ rút lui. Ở đây, xin mở một dấu ngoặc về nguyên tắc trưng cầu dân ý. Dân chúng được hỏi về một vấn đề chính xác bằng một số câu hỏi. Họ có hai lá phiếu, một đề chữ thuận một lá đề chữ chống. Dân chúng chọn một trong hai lá phiếu để bỏ vào thùng thiếu, tùy theo lập trường chống hay thuận của mình đối với những câu hỏi đã được đặt ra. Trưng cầu dân ý là một thể thức thực thi dân chủ trực tiếp và cao độ, chưa bao giờ có ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Trên mặt chính trị, phe Tả với Francois Mitterrand và Pierre Mendès France đã có những toan tính khai thác tình thế để lên nắm chính quyền. Trong trường hợp Tổng thống De Gaulle từ chức hoặc bị bắt buộc ra đi nếu cuộc trưng cầu dân ý thất bại, thì Francois Mitterrand sẵn sàng ra ứng cử tổng thống. Trong khoảng thời gian chuyển tiếp, một chính phủ lâm thời sẽ phải được thành lập và ông ta đã đề nghị đồng chí của mình trong đảng Tả Phái Dân chủ Xã hội (FGDS) là Pierre Mendès France lên làm thủ tướng.

Nhưng Tổng Thống De Gaulle đã giải tán Quốc Hội và đã thắng trong cuộc bầu cử lập pháp được tổ chức vào tháng Bảy 1968. Chính trường và xã hội Pháp dần dần trở lại đời sống bình thường. Do đó, có một số nhận định cho rằng cuộc cách mạng tháng 5-68 là một "cuộc các mạng không thành."

Ba mươi năm sau, cuộc cách mạng tháng 5-68 đã đem lại những gì và thay đổi nước Pháp như thế nào?

Có một số ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong xã hội Pháp.

Trước hết, tất cả đều không giống như trước.

Thanh niên, sinh viên học sinh và thợ thuyền đã ý thức được sức mạnh của mình và vai trò của mình trong xã hội. Họ không còn muốn sống ù ù cạc cạc theo khuôn mẫu xã hội áp đặt, nghĩa là ngoan ngoãn đi dưới những "tấm bảng chỉ đường cho trí tuệ." Họ hành động, biểu tình, bãi khóa để đòi hỏi những cải thiện nghề nghiệp hoặc tại học đường, để có một đời sống thoải mái hơn, đáng sống hơn.

Châm ngôn của họ là "Il est interdit d'interdire," nghĩa là "cấm không được cấm." Người Pháp, nổi tiếng là bảo thủ, đã có những cái nhìn tự do, cấp tiến hơn về mọi mặt, nhất là xã hội.

Một thí dụ điển hình là luật Phá Thai của bà Bộ Trưởng Bộ Xã Hội Simone Veil đã được Quốc Hội Pháp thông qua.

Những cải tổ giáo dục của Tổng Trưởng Edgar Faure đã cho sinh viên nhiều quyền hạn trong việc quản trị đại học và cho đại học Pháp có một nền tự trị rất lớn.

Người Pháp đã vượt qua cái nhìn quốc gia hạn hẹp để xúc tiến một cách nhanh chóng việc thành hình Liên Hiệp Châu Âu. Hiện nay, việc thừa nhận chính thức đồng Euro là đồng tiền độc nhất cho cả Liên Hiệp Châu Âu, trong một chừng mực nào đó, là công của tháng 5-68.

Về mặt chính trị, tuy có những sai lầm chiến lược vào tháng 5-68, nhưng Francois Mitterrand và Phe Tả đã được quần chúng biết đến nhiều hơn. Trong khi đó uy tín của phái Hữu đã bị một trận động đất, tuy không kinh thiên động địa, nhưng có sức lan truyền khá rộng. Phái Hữu không còn cái hào quang cố hữu, và đã phải nhường chỗ cho Francois Mitterrand trong vai trò tổng thống và hiện nay Lionel Jospin trong vai trò thủ tướng.

Hai nạn nhân khác của tháng 5-68 là Đảng Cộng Sản Pháp và các công đoàn.

Sau 68, uy tín của Đảng Cộng Sản Pháp đã bị xuống dốc, một phần vì không hết mình ủng hộ sinh viên, như đã nói ở trên. Phần khác, Tổng Bí Thư của Đảng Cộng Sản Pháp sau 68 là Georges Marchais là người đã hung hăng chống đối sinh viên nhất vào thời điểm 68. Lúc đó Georges Marchais chỉ là thành viên của Bộ Chính Trị và Ban Bí Thư.

Về mặt công đoàn, cũng vì thái độ của CGT, công đoàn ngoại vi của Đảng Cộng Sản Pháp, uy tín của các công đoàn nói chung giảm xuống. Số người gia nhập công đoàn bớt đi. Một số những cuộc tranh đấu sau 68 để bảo vệ quyền lợi giới lao động, đã được chỉ huy bởi các ủy ban bộc phát, hoàn toàn độc lập với các công đoàn. Ngoài ra, một số công đoàn cũng thay đổi khuynh hướng, bớt chính trị hơn và chuyên về hoạt động thuần túy nghiệp đoàn hơn.●

Paris tháng 5-98

HỒ XUÂN HƯƠNG, NÀNG LÀ AI?

NHẤT UYÊN
PHẠM TRỌNG CHÁNH*

Hồ Xuân Hương, nàng là ai, mà tài thơ văn và sắc đẹp của nàng đã làm say đắm các bậc thi hào, danh sĩ đương thời?

Nàng mất rồi, hai trăm năm sau, dân tộc Việt Nam còn đổ bao bút mực để tìm kiếm nàng, truyền tụng về nàng. Thơ văn nàng tạo nên một trường phái Thơ Hồ Xuân Hương, thơ giả lẫn lộn với thơ thật, giai thoại truyền khẩu thêu dệt, thêm thắt đời này đến đời khác.

Nhưng nàng sinh năm nào? Tên thật là gì? Gia phả thế tộc nàng ra sao? Cư ngụ nơi đâu? Sắc đẹp nàng như thế nào đối với các danh sĩ đương thời? Tài văn chương chữ Nôm chữ Hán nàng ra sao? Thơ nàng còn lại những gì? Bao nhiêu bài chữ Hán, bao nhiêu bài chữ Nôm? Thơ truyền khẩu Hồ Xuân Hương trong nhân gian, bài nào thật bài nào giả? Các mối tình nàng với các bậc thi hào, danh sĩ đương thời, các vị ấy ngâm vịnh xướng họa với nàng những bài gì nơi Cổ Nguyệt đường? Bốn đời chồng của nàng thế nào mà người sau tiếc thương cho thân phận tài sắc vẹn toàn mà hồng nhan đa truân? Nàng mất năm nào, mộ nàng nơi đâu?

May mắn thay cho nền văn học nước nhà, khoảng năm 1956-57 Cụ Nguyễn Văn Tú, Cử nhân Hán Học, quê làng Hành Thiện, một làng có trình độ văn học vào hàng cao nhất thời xưa, tìm thấy trong tủ sách gia đình có tập LƯU HƯƠNG KÝ 琉香記 mang chú dẫn *Hoan Trung Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương nữ sử tập* 驩中古月堂春香女處集

Với lòng yêu dân tộc, bảo tồn văn hóa gốc, ông đã đóng lại cẩn thận cuốn sách nói trên, và gửi cho Ban Văn Sử Địa vừa thành lập ở Hà Nội, nhưng sách chưa có người chú ý đến.

Năm 1963, Ông Trần Thanh Mại phát hiện tại Thư Viện Khoa Học Trung Ương đóng lẫn với bài Du Hương Tích Động Ký của Chu Mạnh Trinh, một bài văn tựa của một tập thơ Hồ Xuân Hương nhan đề Lưu Hương Ký mà chính nàng đã đưa cho bạn bút tự là Tốn Phong 巽風 đọc và đề tựa. Sau bài tựa ấy không có thơ Lưu Hương Ký, nhưng có 31 bài thơ chữ Hán của Tốn Phong làm tặng đáp với nữ sĩ. Năm 1971 hai cụ Lê Thước, Trương Chính gặp cụ Nguyễn Văn Tú thì cụ Tú cho hay là Lưu Hương Ký đã nằm sẵn trong tủ sách Ban Văn Hóa đã 15 năm. Di cảo còn 22 trang viết hàng tám, có 52 bài thơ hay thể từ, gộp lại dưới 30 đầu đề gồm 24 bài chữ Hán và 28 bài chữ Nôm, phần xướng họa có lẫn thơ văn các danh sĩ đương thời. Các thơ Hồ Xuân Hương truyền khẩu góp nhặt trong tập Giai Nhân Di Mặc của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến gốc tích các thơ Hồ Xuân Hương về sau không có trong tập này.

Tại Paris, năm 1952 nhân làm đề yếu thư mục sách Hán Nôm cho Thư Viện Quốc Gia Paris, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn tìm được năm bài thơ chữ Hán của Hồ Xuân Hương đề vịnh Hạ Long. Tháng 12 năm 1983, ông công bố toàn thể nghiên cứu về Hồ Xuân Hương mà ông đã dày công tìm tòi trong nhiều năm trời, trên Tập San Khoa Học Xã Hội tại Paris số 10-11, với sự tổng hợp các khám phá trong nước và các tài liệu tìm được tại Paris: văn bản chữ nôm của Antony Landes, Giám Đốc Trường Thông Ngôn Sài Gòn, năm 1892 mướn

Lê Quý, Nguyễn Văn Đại chép thơ Hồ Xuân Hương truyền khẩu, hiện lưu trữ tại Société Asiatique Paris; bản Hồ Xuân Hương thi tập chữ Nôm in tại Thăng Long năm 1914 hiện lưu trữ tại Thư Viện Hoàng Xuân Hãn Paris; những tình tiết về cuộc đời Hồ Xuân Hương, các bản gia phả họ Hồ Quỳnh Lưu, các sách sử chép việc người chồng cuối cùng của Hồ Xuân Hương là Quan Tham Hiệp Trấn Yên Quảng, bị viên án Thủ Dung ghen ghét tố cáo, xúi dục dân kiện tội hối lộ, bị giam một năm và bị Vua Gia Long phê án tử hình...

Tại Hànội, cụ Trần Văn Giáp công bố tìm được tám bài thơ chữ Hán của Hồ Xuân Hương Vịnh Đồ Sơn Bát cảnh trên báo Văn Nghệ số 247.

Trong tạp chí Văn Học số 3-1974, Nguyễn Huệ Chi và Hồ Tuấn Niệm công bố tìm được ở Thanh Hóa một cuốn sách cũ chép thơ liên quan đến xứ Nghệ, sách chép tay có bốn bài thuộc loại Lưu Hương, có hai bài thơ tặng-đáp Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán.

Mùa hè năm 1983, tôi đưa gia đình về nghỉ hè tại Dã thự Cam Tuyền của GS Hoàng Xuân Hãn, tại Trouville bờ biển Normandie nước Pháp. Bác Hãn vẫn về đây mỗi dịp hè. Năm ấy bác vừa hoàn thành xong công trình nghiên cứu về Hồ Xuân Hương. Tôi có dịp đọc và học hỏi nơi Bác Hãn về Hồ Xuân Hương, dịp này tôi dịch hơn trăm bài thơ chữ Hán của Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, Bác Hãn xem lại và lấy làm đắc ý, mừng được thấy có thanh niên trẻ yêu thích văn học, bác khuyến khích tôi nghiên cứu di sản văn hóa dân tộc.

Công trình nghiên cứu về Hồ Xuân Hương, tôi cũng không quên ơn nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc, nguyên giáo sư trung học Phan Bội Châu, Phan Thiết, người đã truyền cho tôi lòng yêu thích thơ Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du.

Từ năm 1981 đến năm 1985, trước khi mất, thi hào Xuân Diệu có gửi tặng tôi toàn bộ di cảo, tác phẩm cả đời viết văn thơ của ông, nhờ tôi gìn giữ những tâm sự ông cho người đời sau. Trong đó có nhiều bài viết về Hồ Xuân Hương, những bài viết thật giá trị và sâu sắc, so sánh thơ Hồ Xuân Hương và Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Vua Lê Thánh Tông, giúp ta nhận chân được tài sử dụng ngôn ngữ, vần điệu của Xuân Hương, qua đó chúng ta có thể thẩm định được đâu là thơ Xuân Hương thật cùng mạch thơ với Lưu Hương Ký, đâu là thơ giả.

Nối tiếp việc làm của GS Hoàng Xuân Hãn, học giả Trần Thanh Mại và thi hào Xuân Diệu, tôi tiến tới việc hoàn thành: HỒ XUÂN HƯƠNG TOÀN TẬP cho xứng đáng với tài nghệ, tính tình, thân thế của một nữ thi hào độc đáo trong Văn học Việt Nam mà Xuân Diệu gọi là Bà Chúa Thơ Nôm. Phần một của sách sẽ gồm thơ diễu cợt lúc thiếu thời được dân gian truyền khẩu. Phần hai: thơ lãng mạn lúc yêu đương, phần lớn là thơ trong Lưu Hương Ký. Xuân Hương đã ghi lại cuộc đời tình ái của mình lúc gần 50 tuổi, nàng chỉ chọn thơ có cùng một phong thái, các loại thơ đùa nghịch hồi còn trẻ nàng không để vào đó. Và phần ba gồm các bài thơ Vịnh Hạ Long hay Đồ Sơn bát cảnh, Xuân Hương viết sau tập Lưu Hương Ký, lúc nàng là bà Tham Hiệp ngồi sảnh đường cùng chồng. Thơ chữ Hán tôi sẽ cố dịch cho gần với mạch thơ Hồ Xuân Hương để không làm mất đi những tinh anh của nữ sĩ. Phần bốn sẽ gồm thơ văn xướng họa Cổ Nguyệt đường, thơ các danh sĩ đương thời viết tặng Xuân Hương. Và phần phụ lục là các bài thơ trường phái Hồ Xuân Hương do các nhà thơ vô danh đời sau viết và gán ghép cho Xuân Hương.

Các thơ truyền khẩu Hồ Xuân Hương được in, xuất phát từ năm 1913. Ông Nguyễn Ngọc Xuân sớm có máy in chữ quốc ngữ tại Bắc Kỳ liền mở nhà xuất bản Xuân Lan để in truyện và thơ chữ quốc ngữ. *Xuân Hương Thi Tập* lần đầu tiên xuất bản bằng quốc ngữ, bán chạy nhờ những bài thơ có tính khiêu dục, ít tứ thơ, nghịch ngợm châm chọc ít tế nhị, người đưa ra nó cũng không nói rõ lấy từ đâu, e rằng thơ ngụy tạo.

Năm 1917, Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến viết Giai Nhân Dị Mặc thì số thơ gán cho Hồ Xuân Hương cũng tăng nhiều và thơ cũng được chỉnh đốn. Đông Châu cộng tác với Nam Phong Tạp Chí, giữ mục "Tồn Cổ lục," có dịch một bộ tiểu thuyết cổ của Trung Quốc tên Lĩnh Nam Dật Sử, ông biến thành tiểu thuyết Việt đời Trần với cái tựa ngụy tạo của danh nhân đời Trần là Trần Nhật Duật. Trong không khí thiếu nghiêm túc và không kiểm soát đó, người góp nhặt cũng không có đức tính nghiêm túc khi khảo cứu, đến đỗi nhiều lúc lẫn lộn điều mình tưởng tượng hay giả tạo với điều thật thấy, thật nghe. Trong tinh thần như vậy thơ Hồ Xuân Hương được góp nhặt

in thành sách. Các sách về sau lại căn cứ vào Giai Nhân Dị Mặc tạo thành những lầm lẫn nghiêm trọng trong suốt thế kỷ. Phải chăng lúc làm việc tại Trường Viễn Đông Bác Cổ; Nguyễn Hữu Tiến đã đọc và dùng bản của Landes năm 1892?

Hồ Xuân Hương nàng là ai?

Hồ Xuân Hương tên thật là Mai, đó là lý do khiến chàng Tốn Phong trong 31 bài thơ tặng nàng đã có 29 bài nhắc đến Mai, có bài nhắc đến hai ba lần. Tên Hồ Phi Mai hiệu là Xuân Hương, Phi Mai, hoa mai bay trên hồ nơi ngắm cảnh xuân, Mai là hương hoa mùa xuân, thật là đồng điệu. Chàng Tốn Phong tên Huân 薰 nghĩa là Nam Phong, Gió Nam cũng gọi là Tốn Phong, hiệu Nham Giác Phu, là chàng ẩn trong núi mà hiểu sự đời. Người Hoan Nam, Thạch Ẩn Nhi, chàng họ Phan, huyện Thạch Hà, họ Phan Huy Ích.

Hồ Phi Mai hiệu Xuân Hương, Phan Huy Huân hiệu Tốn Phong, GS Hoàng Xuân Hãn và Học giả Trần Thanh Mại đã đồng ý với nhau việc giải mã tên của nàng.

Hồ Xuân Hương tên húy là Hồ Phi Mai sinh năm 1772, tại phường Khán Xuân, huyện Vĩnh Thuận, Thăng Long Hà Nội. Nhà trông xuống Hồ Tây nơi có đền Khán Xuân Vua Lê Chúa Trịnh thường cùng cung nữ ra đó ngắm xuân, họp hội chợ, thả hoa đăng dưới hồ.

Thân phụ nàng là Hồ Phi Diễn sinh năm 1703 và mất năm 1786. Năm 20 tuổi ông đậu Tam Trường đời Bảo Thái thứ 4 năm Quý Mão 1723. Ông đồ Nghệ phiêu bạt đi dạy học tại Hải Dương và kết hôn với mẹ nàng họ Hà quê Hải Dương làm thứ thiếp, ông sinh nàng lúc gần 70 tuổi, bà có lẽ chỉ hai mươi và còn sống đến sau 1814, năm Tốn Phong trở lại đề tựa Lưu Hương Ký.

Hồ Phi Diễn chánh quán tại làng Quỳnh Lôi huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An. Họ Hồ tại Quỳnh Lưu rất có tiếng tại Nghệ An và có từ đời đất còn bị nhà Hậu Hán (917 - 971), Trung Quốc cai trị. Viên Thái Thú Diên Châu là Trạng Nguyên Hồ Hưng Dật làm nhà ở đây, con cháu phồn thịnh sau khi nước nhà độc lập. Đời Trần có chi ra Thanh Hóa lập nghiệp, sau sinh ra Hồ Quý Ly. Gia phả họ Hồ ở Nghệ An chép đến đời Trần Xương Phù (1377 - 1389) một cách liên tục. Đời Trần có một chi vào đất Đông Thành cùng phủ sinh ra Hồ Tông Thốc có ba đời Trạng Nguyên. Chi ở xã Hoàn Hậu đời Lê có nhiều người đậu Tiến sĩ và nổi danh như Hồ Sĩ Dương một nhà chính trị học, sử học. Riêng chi ở Quỳnh Lưu thì đời thứ tám có Hồ Sĩ Anh (1618 - ?), Đời Lê có hai người đậu Hoàng Giáp Hồ Phi Tích (1665 - 1744) đậu năm 1700 và Hồ Sĩ Đống (1744 - 1745) đậu năm 1772. Có chi vào Tây Sơn đổi họ Nguyễn, tức Hồ Phi Phúc sinh ra Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ.

Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, Hoàng Giáp Hồ Sĩ Đống và nữ sĩ Hồ Xuân Hương, Tú Tài Hồ Phi Hội đều cùng một đời thứ 12, cùng có một ông tổ đời thứ tám là Hồ Sĩ Anh.

(Theo *Hồ Quỳnh gia phổ* của chi Hồ Phi Tích, Thư viện Hoàng Xuân Hãn, Paris.)

8. Hồ Sĩ Anh

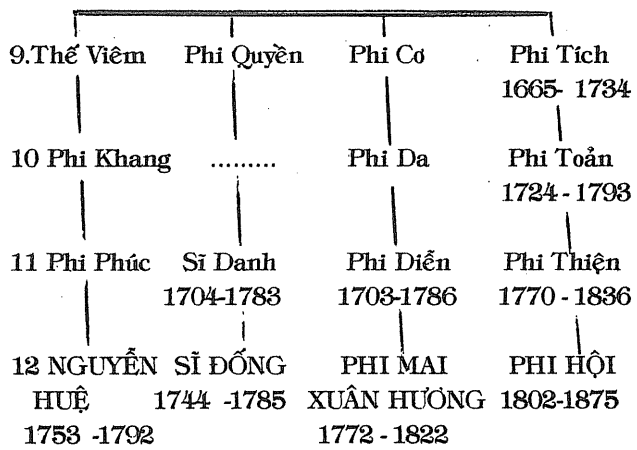

Thuở nhỏ Hồ Xuân Hương học với cha, cha dạy học tại gia, mẹ có lẽ dệt lụa trồng dâu, nuôi tằm và buôn bán chợ phiên như bao phụ nữ khác ở làng Nghi Tàm. Hồ Trọng Chuyên soạn Hương Biên làng Quỳnh Đôi năm 1941 và biên nối Hồ Tộc hiền lục thuật lại rằng:

"Nàng từng ở quê nhà thuở nhỏ, nhưng đã sớm rời quê hương, theo cha ra Bắc Hà. Cô ta rất thông minh, đĩnh ngộ, chỉ nghe lóm mà hay chữ. Năm 13 tuổi đã biết làm thơ, có biệt tài về thơ Quốc âm; đã từng xướng họa với Dương Tri Tạn, một danh sĩ trong làng. Một đôi lúc Hồ Xuân Hương có giúp tiền cho một vài bà con nghèo trong họ, Hồ Xuân Hương rất dạn trai, không bẻn lẽn khi con trai chọc

ghẹo, tính hồn nhiên. Dương Tri Tạn đã mượn cớ Vịnh cái điếu bát để đùa với nàng:

Eo lưng thất đáy thật xinh xinh
Điếu ai hơn nữa điếu cô mình
Thoát châm, thoát bén duyên hương lửa
Càng núc càng say nỗi tính tình

Năm 1786, Hồ Xuân Hương 14 tuổi, cha mất thọ 84 tuổi. Nàng tự học tự đọc sách cổ văn và nối nghề dạy trẻ của cha và giúp mẹ dệt lụa, buôn bán sinh nhai.

Thuở 18, Hồ Xuân Hương xinh đẹp. Nguyễn Du trong bài 'Mộng thấy hái sen,' đã kín đáo ví nàng như hoa sen

Hoa sen đẹp xinh xinh

và

Hoa sen ai cũng yêu

Nàng đã là đóa hoa, cách sau khóm hoa chỉ nghe tiếng hồn nhiên nói cười.

Nàng đến tự bao giờ
Cách hoa nghe cười nói

Năm 1807 nàng 35 tuổi. Chàng thi sĩ đa tình Tốn Phong đã làm thơ tặng nàng, ca tụng vẻ đẹp của nàng trong thi tập của mình:

Nét thanh xuân ấy nghìn vàng khó mua
(bài số 23)
Mười phần xuân sắc tới trời Nam
(bài số 8)
Người Tiên rạng rỡ từ mây đến
(bài số 13)
Như dáng cây mai, xinh cốt cách
Mười phần xuân sắc rạng trời xanh
(bài số 22)

Và bài thơ số 12 Tốn Phong đã ca tụng nàng, họ nhà quan đẹp như tiên nữ đầu thai xuống trần, vẻ đẹp của Hoan Châu đẹp thuần, nàng như sao Khuê ngôi sao Văn Học, đẹp mười phân vẹn mười. Nàng là tinh anh 99 ngọn núi Hồng Lĩnh. Nàng là hoa Mai riêng chiếm cả một trời Xuân chốn kinh thành

Tao đàn nay đã có Thần
Gặp nàng đồng quận bội phần hân hoan
Hỏi ra thật họ nhà quan
Ngấm dường tiên nữ thác thân xuống trần
Hoan Châu vốn tiếng đẹp thuần
Sao Khuê rạng rỡ mười phân vẹn toàn
Tinh anh "chín chín Hồng Sơn"
Hoa Mai riêng chiếm trời Xuân Đế Thành

Nói theo ngôn ngữ ngày nay, chàng thi sĩ Tốn Phong, đã chấm nàng chiếm giải Hoa Khôi thành Thăng Long. Thơ Tốn Phong đã đánh đổ giả thuyết nàng xấu xí, mặt rỗ lại ẩn ức về tình dục.

Xuân Hương danh giá, em họ quan Hoàng Giáp, dạy học trò, một thầy đồ hiếm hoi phái nữ, khác với các thiếu nữ dòng dõi đương thời chỉ chăm sóc Công Dung Ngôn Hạnh, phần trí tuệ thơ phú dành cho phái nam. Người đến đủ trình độ xướng họa đối đáp với nàng cũng không phải là thư sinh tầm thường cỡ như *Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông, nó bảo nhau là ấy ái uông.* Mà là những danh sĩ, những nho sĩ dạy học, những quan tri huyện, tri phủ, tham hiệp, hoặc con, em của bậc công hầu bậc nhất triều đình như Nguyễn Du, hay Tiến Sĩ Phạm Quý Thích...

Tài thơ văn của nàng, Tốn Phong đã tả trong bài tựa Lưu Hương Ký

"Tứ thơ dồi dào, nhưng vẫn tỏ ra vui mà không buông tuồng, buồn mà không đau thương, khốn khổ mà không lo phiền, cùng mà không bức bách. Thật là do tính tình nghiêm chỉnh mà ra, cho nên khi hát lên, ngâm lên những thơ ấy, thì tay cứ muốn múa, chân cứ muốn dậm mà không tự biết.

Lưu Hương Ký tuy đầy vẻ gió mây trăng móc, nhưng đều tự đáy lòng mà phát ra, biểu hiện thành lời nói, lại cũng đều đúng với cái ý đã nói trên kia là: xuất phát từ mối tình mà biết dừng lại trên lễ nghĩa".

Trong bài tựa trên Tốn Phong cũng đã dẫn lời khen của bạn là Cư Đình:

"Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương học rộng mà thuần thục, dùng chữ ít mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp đẽ, thơ đúng phép mà văn hoa, thực là một bậc tài nữ."

Tốn Phong ca ngợi:

"Tôi thường nghe: người đất Nghệ An thuần tú mà ham học. Đúng như thật! Đàn ông tuấn kiệt thì có các bậc khoa bảng đời trước, đàn bà tinh anh thì có những người như Phan My Anh và Hồ Xuân Hương. Người ta nói núi cao sông sâu sinh ra nhân tài tuấn kiệt, quả không sai vậy."

GS Hoàng Xuân Hãn nhận xét:

"Một người thẩm phán về mặt hình thức văn thái (Cư Đình), một người xét về mặt ý tứ văn (Tốn Phong). Cả hai lời phẩm bình đều đúng. Riêng về mặt thơ nôm, ta nhận thấy có kỹ thuật chắc, lời nghiêm nghị mà bóng bẩy, từ thiết tha. Nhưng thơ trữ tình mà không có gì lả lơi hay bỡn cợt, trái với hầu hết những thơ nôm mà ta thường đọc trong các sách báo dưới mục "Thơ Hồ Xuân Hương."

Những lời bình phẩm thơ văn của Hồ Xuân Hương của người đương thời đã đánh đổ truyền thuyết, xem Hồ Xuân Hương là một kỳ nữ lẳng lơ, dâm ô. Trái lại nàng là một nữ sĩ

tính tình nghiêm chỉnh, thành thật, học rộng, thơ xuất phát tự đáy lòng, chữ mới lạ, văn hoa. Có lẽ vì thơ Lưu Hương Ký chưa bao giờ được khắc bản in ra, chỉ được các bậc danh sĩ xướng họa với nàng chép lại. Nàng là một nhà thơ trữ tình, lãng mạn đầu tiên của Văn Học Việt Nam. Khi nàng mất đi, những huyền thoại về nàng tiếp tục phát triển thêu dệt dần dần do thị hiếu dâm tục, làm xa đi con người thật của nàng.

Cổ Nguyệt Đường là nơi Hồ Xuân Hương dạy học, bên cạnh có trà quán của bà mẹ đã là Phòng Khách Văn Học của Việt Nam cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19. Cổ 古 Nguyệt 月 là chiết tự chữ Hồ 胡 là nơi tao nhân mặc khách, các nhà thơ, nhà văn lớn của Việt Nam đương thời xướng họa. Thi hào Nguyễn Du tác giả Truyện Kiều, Phạm Đình Hổ tác giả Vũ Trung tùy bút, Tiến Sĩ Phạm Quý Thích người khắc bản và in thơ Nguyễn Du, Nguyễn Huy Tự tác giả Hoa Tiên Ký, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán, Mai Sơn Phủ, Tốn Phong Phan Huy Huân, Cư Đình, Trần Quang Tỉnh, Trần Phúc Hiển... Cổ Nguyệt Đường từng tổ chức thi thơ văn mà người đoạt giải nhất là Trần Ngọc Quán.

Năm 1814, Tốn Phong trở lại Thăng Long gặp Xuân Hương có tặng nàng bài thơ trong đó có hai câu:

Mai, quả đã từng ba độ kết
Khách, tình vẫn vậy sáu năm nay

Có nghĩa là trước năm 1814 nàng đã ba lần lấy chồng. Dựa vào thơ Lưu Hương Ký ta thấy có ba khoảng thời gian, ba khoảng trống nàng vắng làm thơ: 1794 - 1798, 1802 - 1806 và 1810 - 1812 có lẽ là ba thời kỳ Xuân Hương lấy chồng rồi bị góa. Tương truyền rằng nàng lấy lần thứ nhất một thầy thuốc, nên có bài thơ 'Bà lang khóc chồng.' Lần thứ nhì bà lấy một Chánh Tổng tên Cóc, bài 'Vịnh Tổng Cóc,' theo Xuân Diệu, trong *Hồ Xuân Hương, bà chúa thơ nôm*, hiện nay tại Vĩnh Yên vẫn còn nhà thờ Chánh Tổng Cóc. Lần thứ ba nàng lấy một quan Tri Phủ, có bài 'Khóc Ông Phủ Vĩnh Tường.' GS Hoàng Xuân Hãn bác bỏ việc lấy ông Phủ Vĩnh Tường vì lẽ tên Phủ Vĩnh Tường năm 1822 mới có, phủ ấy giữ tên Tam Đái suốt đời Gia Long. Đại Nam Nhất Thống Chí quyển Sơn Tây chép năm Minh Mạng thứ hai 1821 đổi ra Tam Đa, có lẽ kiêng tiếng Đái cho là tục, năm thứ ba 1822 lại đổi ra phủ Vĩnh Tường. Theo đó nếu Hồ Xuân Hương mất vào năm đó thì không thể là vợ ông phủ Vĩnh Tường. Do đó bài thơ nôm khóc ông phủ Vĩnh Tường quyết không phải là thơ Hồ Xuân Hương. Ba mối tình trên không có dấu vết trong Lưu Hương Ký, mà chỉ có trong thơ văn truyền tụng, có lẽ nàng không muốn nhắc đến. Tôi sẽ lần theo dấu vết thơ truyền khẩu để tìm cuộc đời nàng.

Dựa vào năm ghi trên các bài thơ Lưu Hương Ký và tựa viết tên các danh sĩ, ta biết được Hồ Xuân Hương đã kết bạn thơ và bạn tình với các danh sĩ sau:

Nguyễn Du vào khoảng 1790 - 1793
Lấy chồng lần thứ nhất 1794 - 1798
Mai Sơn Phủ 1799 - 1801
Lấy chồng lần thứ hai 1802 - 1806
Tốn Phong 1807 - 1808
Trần Quang Tỉnh 1808 - 1809
Lấy chồng lần thứ ba 1810 - 1812
Trần Phúc Hiển 1813...
Tốn Phong trở lại 1814
Trần Ngọc Quán 1815 - 1816
Lấy chồng lần thứ tư
Tham Hiệp Trần Phúc Hiển 1816
Hồ Xuân Hương mất 51 tuổi 1822

Người yêu đầu tiên Hồ Xuân Hương thố lộ trong thơ văn là Nguyễn Du. Qua bài thơ chữ đề: Cảm cựu kiêm trình Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu, Hầu Nghi Xuân, Tiên điền nhân. (Cảm tình cũ và trình quan Cần Chánh Học Sĩ họ Nguyễn người huyện Nghi Xuân làng Tiên Điền). Cho biết mối tình kéo dài được ba năm, sau đó tan vỡ, vì chàng ra đi về quê Hồng Lĩnh. Có lẽ khoảng năm 1790 - 1793. Thời gian này Nguyễn Du đã đổ Tam Trường ở Sơn Nam năm 19 tuổi, 1784 sau đó nhà Trịnh sụp đổ, loạn lạc, nên không thi tiếp được, dinh thự của anh bị loạn kiêu binh phá tan hoang, Tây Sơn đem quân ra Bắc, anh cả là Tiến Sĩ Nguyễn Khản đã mất, một người anh tên là Nguyễn Quýnh nổi lên chống Tây Sơn, nên làng Tiên Điền bị đốt sạch, anh cùng mẹ là Nguyễn Nễ ra làm quan với Tây Sơn, xuất tiền ra trùng tu lại từ đường và chùa làng. Nguyễn Du về ở với anh Nguyễn Nễ cạnh Giám Hồ nơi đây Nguyễn Du nghe tiếng đàn người nhạc nữ cung vua Lê cũ, tôi sẽ phân tích kỹ hơn trong chương mối tình Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du. Lúc ấy nàng khoảng 18 tuổi và chàng 25 tuổi, chàng và nàng có nhiều kỷ niệm cùng hái sen trên Tây Hồ. Mối tình đó còn lưu dấu vết trong nhiều bài thơ khác của Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương. Hai người cảm phục thơ nhau, Hồ Xuân Hương

yêu chàng "Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung," nhưng Nguyễn Du lúc này đã có vợ là em Đoàn Nguyễn Tuấn người đi sứ Tây Sơn cầu phong nhà Thanh năm 1790. Nguyễn Du thân phận còn ăn nhờ ở đậu nơi các ông anh, khi quê vợ, khi góc bể chân trời. "Chữ tình chốc đã ba năm vẹn" ba năm yêu nhau mà không đi đến đâu, chàng không danh phận cũng không muốn nàng làm thứ thiếp, rồi Nguyễn Du dứt áo về quê Hồng Lĩnh và năm 1795 toan tính về Gia Định giúp Nguyễn Ánh, bị Quận Công Thận bắt, nhưng nể tình bạn là Nguyễn Nễ nên chỉ giam ba tháng, ra tù chàng lại lang thang ăn nhờ ở đậu, có lúc đi xin ăn: "Sách vở ích gì cho cuộc sống, nào ngờ đói rách người thương tâm" (Thơ Nguyễn Du bài Khất thực).

Khi Gia Long thắng trận, Nguyễn Du đón xe, dâng sớ được Gia Long cho cùng ra Bắc. Tháng 8-1802 được bổ làm Tri huyện Phù Dung, Trấn Sơn Nam, năm sau được thăng Tri Phủ Thường Tín, gần Hà Nội, nhưng thời gian này Hồ Xuân Hương trong cơn tao loạn, mẹ già nhà túng thân gái một mình nàng đã nhận lời lấy Tổng Cóc ở Vĩnh Yên. Chàng có trở lại Cổ Nguyệt Đường thì cũng ngậm ngùi tình xưa dang dở. Mùa thu 1804 Nguyễn Du cáo bệnh về quê nghỉ một tháng; rồi được triệu về kinh giữ chức Đông Các Học Sĩ. Năm 1809 giữ chức Cai bạ Quảng Bình. Tháng 2-1813 được thăng Cần Chánh Học Sĩ, được cử làm Chánh Sứ sang cầu phong nhà Thanh, tin này đến Thăng Long, Hồ Xuân Hương gửi bài thơ mừng, lúc này Nguyễn Du đã có một vợ hai thiếp, con đã cả chục. *Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập* còn nàng đã góa chồng lần thứ ba trở về Cổ Nguyệt Đường *phấn son càng tủi phận long đong,* chàng có nhớ tình cũ chăng? *Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong* nàng thao thức năm canh bên đèn một mình, ngắm trăng cũng một mình.

Không biết hai lần đi sứ, làm Chánh sứ, công việc quan trọng như Bộ Trưởng Ngoại Giao ngày nay, Nguyễn Du có dám xé rào đi thăm Hồ Xuân Hương khi đi ngang qua Thăng Long chăng? Một người đa tình như Nguyễn Du trong bữa tiệc tiễn sứ ở nha Tuyên Vũ, chàng xót xa khi nghe tiếng đàn nguyệt của người nhạc nữ đã về chiều nhan sắc tàn tạ, lẽ nào không nhớ đến Xuân Hương?

Mối tình để lại thơ văn nhiều nhất trong Lưu Hương Ký, là mối tình với Mai Sơn Phủ, những bài thơ hẹn thề nồng nàn thắm thiết. Hồ Xuân Hương viết bài Cảm nghĩ khi thề:

Mười mấy năm trời một chữ tình
Duyên tơ này đã sẵn đâu dành
Mái mây cất nửa nguyền phu phát
Giọt máu đầy hai chữ tử sinh
Một kiếp đã thề cùng dạ thắm
Trăm năm đành phụ với đầu xanh
Mai sau lòng chẳng như lời nữa
Dao búa nguyền xin lụy đến mình

Mai chỉ là một thư sinh ra học tại Thăng Long trong thời Tây Sơn, chưa có danh phận gì. Vì đâu Hồ Xuân Hương không kết hôn cùng Mai Sơn Phủ? Khi chàng từ biệt nàng về quê Hoan Châu năm 1801, sau đó không còn tìm thấy dấu vết của chàng, chàng mất vì một cơn bạo bệnh hay vì trái lời thề nguyền mà bị dao búa trong cơn hoạn lạc triều Tây Sơn sụp đổ?

Sau khi Triều Nguyễn được thiết lập năm 1802, nhiều văn nhân, danh sĩ được bổ vào các chức vụ tri huyện, tri phủ, tham hiệp, hiệp trấn ở các địa phương và các chức ở ba tào Bắc Thành. Sự kiện này đã mang lại cho Xuân Hương nhiều bạn mới: Tốn Phong, Trần Quang Tỉnh, Trần Ngọc Quán, Trần Phúc Hiển.

Tốn Phong cùng họ với Phan My Anh, người huyện Thạch Hà, Hoan Châu, ra Thăng Long thi Hương năm 1807, thi hỏng, chàng ở lại Thăng Long dạy học cạnh Hồ Kim Ân, khu Sinh Từ ngày nay, qua lời giới thiệu của Cư Đình, chàng quen biết Xuân Hương. Hai người kết bạn thơ tri kỷ tri âm, nhưng chàng chửa thi đỗ, thì chưa... cưới nàng được. Năm 1808 chàng lại về quê và năm 1814 chàng lại trở ra thi Hương, lại thi hỏng nữa, nàng thố lộ mọi tâm tình, kể chàng nghe mọi mối tình, đưa chàng tập thơ Lưu Hương Ký nhờ chàng đề tựa, nhưng trở lại yêu chàng thì nàng không thể, vì đã có tình yêu mới với quan Tham Hiệp Trần Phúc Hiển, người hò hẹn sẽ cưới nàng đưa nàng về Vịnh Hạ Long.

Mối tình Hồ Xuân Hương với Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Hạ Trần Quang Tỉnh cũng không kém phần thắm thiết trong bài Họa vần thơ Quan Sơn Nam Hạ Hiệp Trấn năm 1809. Thơ chữ Hán, Hoàng Xuân Hãn dịch ra lục bát:

Chia tay, giữa tiệc, tình còn
Nghẹn ngào ngây ngất tan hồn Sảnh Nương

Hồ Xuân Hương muốn thoát trần như chuyện Sảnh Nương yêu Vương Trụ trong Liêu Trai Chí Dị. Mối tình bị cha mẹ ngăn cản

nàng bất tỉnh suốt năm năm, nàng thoát hồn theo Vương Trụ, Vương đang đi thì thấy Sảnh Nương chạy theo, hai người lấy nhau đi xa làm ăn, năm năm sau hai người trở về thú tội, cha mẹ sửng sốt, xác Sảnh Nương từ trong buồng chạy ra ôm lấy hồn và nhập lại thành một. Ai ngăn cản nổi mối tình Hồ Xuân Hương và Trần Quang Tỉnh? Cha mẹ chàng chăng?

Còn mối tình Hồ Xuân Hương và quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán, có lẽ là mối tình đến muộn sau khi nàng đã yêu Trần Phúc Hiển, nên chỉ là bạn thơ. Trần Ngọc Quán nguyên Cai bạ Quảng Đức, Thừa Thiên ngày nay. Tháng ba năm Ất Hợi 1815 được bổ nhậm chức Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng, Trấn này gồm đất hai tỉnh Hà Nội và Hưng Yên và trị sở ở Châu Cầu, Phủ Lý. Ở tại chức được hơn ba năm, đến tháng năm năm Mậu Dần, 1818 thì bị bệnh mất.

Khi mới tìm đến Cổ Nguyệt Đường năm 1815, gặp Xuân Hương chàng đã tán:

Tài cao nhả phượng, thế gian kinh
May đến Long Thành, được thấy danh
Chạm hộc tự cười, tài vốn kém
Mổ rồng thêm thẹn, thuật chưa tinh

Chàng khen nàng có tài làm thơ hay như phượng múa, thế gian kinh phục, nay mới Thăng Long được hân hạnh gặp nàng. Chàng tự khiêm nhường học còn vụng, chạm chim hạc hóa ra con cò. Muốn làm thơ cao như chuyện chàng đi học nghề mổ rồng tinh diệu, nhưng học xong chẳng có rồng mà mổ, thẹn mình học thuật chưa tinh, chưa làm được gì cả.

Xuân Hương họa lại:

Tài tôi thẹn kém khiến ai kinh?
Lận đận mười năm tự dối mình!
Vào cuộc mới hay tay đối giỏi
Cần chi gọt giũa chữ cho tinh...

Từ đó Xuân Hương lập Tao đàn tại Cổ Nguyệt Đường, nàng mời các bạn thơ "chung đỉnh" chung chí hướng, cùng chung đốt đỉnh hương trầm, uống rượu, trà, thi nhau làm thơ. Bài Gửi Quan Trấn Hiệp Sơn Nam Thượng họ Trần cho ta biết những điều ấy. Trong cuộc thi Trần Ngọc Quán đã chiếm giải nhất, làm vẻ vang danh sĩ đất Hoan Châu, Nghệ An, kể cả chủ nhân, riêng nàng mang tiếng thèo đảnh vì đàn bà mà làm thơ văn, hội họp văn nhân tài tử. Bài thơ như sau:

Vào cẩm tao đàn một ngọn cờ
Ấy người thân đấy, phải hay chưa?
Lắc đầy phong nguyệt, lưng bầu rượu,
Giắt lỏng giang hồ, nửa túi thơ.
Đình Nguyệt, góp người chung đỉnh lại,
Trời Hoan, mở mặt nước non xưa.
Bấy nay tài tử bao nhiêu tá,
Thèo đảnh khen ai khéo đặt cho.

Năm 1816 Hồ Xuân Hương được quan Hiệp Trấn Yên Quảng Trần Phúc Hiển cưới làm thiếp.

Trần Phúc Hiển con Trần Phúc Nhàn, giữ chức tham mưu trong quân đội Nguyễn Ánh trước khi khôi phục Phú Xuân, có lẽ tử trận, để đền công, khi lên ngôi Gia Long phong cho con là Phúc Hiển được bổ chức Hàn Lâm Viện Thị Thư năm 1803, sau đó được thăng dần đến chức tri phủ Tam Đái thuộc Trấn Sơn Tây. Đến tháng 12 năm 1813 được thăng nhậm chức Tham Hiệp Trấn Yên Quảng. Phép trị gia ngày xưa vợ cả không theo chồng tại chức mà ở lại quê cai quản gia trang, sai khiển gia nhân, chăm sóc cha mẹ chồng, con cái, Phúc Hiển rời phủ Tam Đái, Việt Trì ngày nay, dong thuyền qua Thăng Long rũ bạn tình Hồ Xuân Hương cùng đi, khi đến gần trấn lỵ trên sông Bạch Đằng, "nghĩ mình phương diện quốc gia, quan trên trông xuống người ta trông vào" Phúc Hiển để bạn tình trở lại Thăng Long và hẹn sẽ rước nàng về làm vợ. Xuân Hương trong bài thơ "Tiễn bạn trên sông Bạch Đằng" tỏ rõ lòng thắc mắc, sợ bạn tình bội bạc, rồi mình lại thêm một phen đau khổ

Vui hoa khéo kẻo lay cành gấm
Vục nước coi mà đọng bóng trăng
Lòng nọ chớ rằng mây lạt lạt
Lời kia hay đã núi giăng giăng
Với nhau tình nghĩa sao cho trọn
Chớ thói lưng vơi cỡ nước Đằng

Nàng sợ chàng chỉ theo nhục dục, chơi hoa lay cành, vục nước rung trăng, sợ chàng hẹn hò dông dài vu vơ; mây lạt lạt, núi giăng giăng. Nàng xin tình lang ở sao cho trọn tình sâu nghĩa thẳm, chớ có như nước sông Bạch Đằng khi lên cao, khi thật cạn.

Với lòng bâng khuâng ấy Xuân Hương trở lại Thăng Long. Chừng tháng sau bạn cũ Tốn Phong trở lại an ủi cảm thông khuyến khích cầu duyên. Nàng nghĩ đến Tham Hiệp Yên Quảng nên trả lời bài thơ họa vận của Tốn Phong:

Kiếp này chẳng gặp nữa thì liều
Nhưng chắc trăm năm há bấy nhiêu
Nghĩ lại luống đau cho phận bạc
Nói ra thêm nhẹ với thân bèo
Chén thề thuở nọ tay còn dính

Món tóc thời xưa vẫn cánh đeo
Được lứa tài tình cho xứng đáng
Nghìn non muôn nước cũng tìm theo

Nghìn non muôn nước chỉ vùng Hoa Phong Vịnh Hạ Long, nàng vô tình hay hữu ý dùng thành ngữ ấy; người xứng đáng mà nàng đã tìm được là quan Tham Hiệp Trấn Yên Quảng.

Năm 1816 Trần Phúc Hiển trở lại cưới Hồ Xuân Hương làm thiếp, nàng tham dự việc quan cùng chồng. Trong thời gian này nàng viết sáu bài thơ Vịnh Đồ Sơn Bát Cảnh bằng chữ Hán.

Năm 1818, nhân vụ việc ruộng tại Châu Vạn Ninh bị bỏ hoang nhiều, Quan Hiệp Trấn ép dân phá ruộng cày, dân không chịu. Viên án thủ Dung, phụ trách an ninh vốn có tị hiềm với Phúc Hiển và Xuân Hương, xui dân kiện Phúc Hiển đòi ăn hối lộ 700 quan. Phúc Hiển bị bắt. Vua Gia Long phê án "Tham nhũng như thế mà không giết thì lấy gì khuyên liêm," bảo quan Bắc Thành trị tội. Phúc Hiển bị giam một năm, đến tháng 5 ta năm 1819 thì bị tử hình. Cùng một thời kỳ đó nhiều công thần của Gia Long cũng bị tội, bị giết như Hữu Quân Nguyễn Văn Thành và con là Nguyễn Văn Huyên, như Tả Quân Lê Văn Duyệt, Đại công thần Lê Chất mả cũng bị san bằng. Phải chăng khi về già, lo sợ uy quyền triều đại bị các công thần lấn lướt, Gia Long đã hành xử theo lối "được chim bẻ ná, hết thỏ thịt chó săn."

Sau khi chồng mất, Hồ Xuân Hương vào tu chùa Hoa Yên núi Yên Tử, nhưng sau đó nàng lại trở về Cổ Nguyệt Đường. Trong số bạn thơ cũ có Trần Quang Tỉnh bấy giờ đã trở nên một vị quan to Tham Tri Bộ Binh coi Tào Binh Bắc Thành không biết có giúp đỡ gì được nàng không?

Các mối tình Hồ Xuân Hương, tôi sẽ lần lượt dẫn chứng qua thơ nàng, qua thơ xướng họa, và qua những dữ kiện lịch sử xảy ra từng năm tháng. Hồ Xuân Hương mất chồng lần cuối năm 1819 vài năm sau thì mất vào năm 1822, hưởng dương được 50, 51 tuổi, mộ chôn tại làng Nghi Tàm Hồ Tây.

Năm 1842, hai mươi năm sau Vua Thiệu Trị ra Hà Nội tiếp sứ nhà Thanh, sang phong Vương tại Bắc Thành. Tùng Thiện Vương Miên Thẩm theo anh đi du lịch. Vương thăm Hồ Tây có viết 14 bài thơ tứ tuyệt thể liên hoàn trong đó có đoạn viết về mộ Hồ Xuân Hương. GS Hoàng Xuân Hãn dịch ra lục bát như sau:

"Đầy hồ nực rỡ hoa sen
Sai người xuống hái để lên cúng đường
Chớ trèo qua mộ Xuân Hương
Suối vàng còn giận tơ vương lỡ làng
Son tàn phấn rữa mồ hoang
Xuân Hương đã khuất bên đàng cỏ xanh
U hồn say tít làm thinh
Gió Xuân mấy độ vô tình không hay

Mộ Xuân Hương bên Hồ Tây. Một nước mấy nghìn năm văn hiến mà để mộ nàng như mộ Đạm Tiên chăng? Dựng lại tấm bia kỷ niệm nàng, dựng lại Cổ Nguyệt Đường cho người sau đến đó thăm viếng là việc làm ý nghĩa cho văn hóa dân tộc ngày nay.●

Paris 3-1998

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Xuân Hãn: *Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long. Phụ lục Tình sử và văn thơ Hồ Xuân Hương.* Tạp chí Khoa Học Xã Hội số 10 - 11 Paris tháng 12-1883.
- Xuân Diệu. *Hồ Xuân Hương. Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, Nxb Văn Hóa, Hà Nội 1982.
- Nguyễn Du. *Thơ chữ Hán*, Văn Học, Hà Nội 1965.
- Nguyễn Lộc. *Thơ Hồ Xuân Hương*, Văn học, Hà Nội 1982.
- Bùi Hội Tỉnh. *Tình sử Hồ Xuân Hương*, Nxb Phụ Nữ, Hà Nội 1996.
- Trần Thanh Mại. *Thử bàn lại vấn đề dâm và tục trong thơ Hồ Xuân Hương*, Tạp chí Nghiên Cứu Văn Học 4-1961
- *Hồ Xuân Hương*, Tạp chí Văn Học 3-1963
- TCVN số 10 - 1964
- *Lưu Hương Ký*, TCVN số 11 - 1964

* Tiến sĩ Khoa Học Giáo Dục, Viện Đại Học Paris V. Sorbone, nhà thơ.

Suzie Vuong
Gallery

Bán tranh originals và Limited Editions

207 N. Broadway, Suite # 6A,
Santa Ana, CA 92701

Tel: (714) 558-8218 **Fax: (714) 444-1082**
Pgr: (714) 967-7571 **http://kicon.com/art/SuzieVuong**

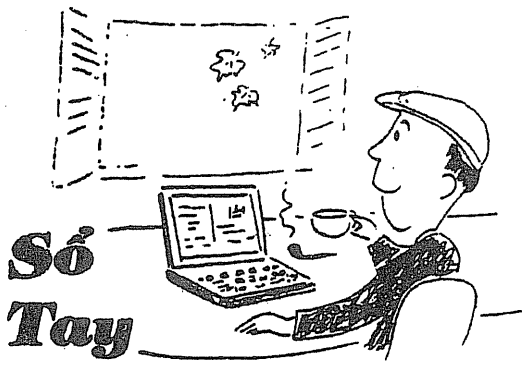

CALIFORNIA: TIỀN KHÔNG THẮNG CỬ

Cuộc bỏ phiếu ở California đầu Tháng Sáu có tin mừng cho những người tin tưởng ở thủ tục bầu cử trong chế độ dân chủ: các ứng cử viên chi nhiều tiền nhất đã bị cử tri loại bỏ. Lần này mới là bỏ phiếu sơ bộ, để chọn các ứng cử viên chính thức đại diện các đảng vào tháng Mười Một. Đây là lần đầu tiên California áp dụng lối bầu sơ bộ "để ngỏ," cử tri chọn đảng nào thì đến phòng phiếu mới cho biết, khỏi ghi tên trước.

Khi đảng Dân chủ chọn người đưa ra tranh chức Thống đốc Tiểu bang California, hai ứng viên triệu phú thất bại dù họ chi rất nhiều tiền túi. Ông Al Checchi bỏ ra 40 triệu Mỹ kim để vận động, nữ Dân biểu Jane Hartman chi 15 triệu Mỹ kim. Cả hai thua Gray Davis, ông đương kim Phó thống đốc chỉ dùng đến 9 triệu, số tiền đó ông có nhờ lạc quyên gây quỹ. Tiền đã gây phản ứng ngược: Nhiều người ghét các chính trị gia giầu đem tiền đi tranh cử, nên muốn có mặt để loại bỏ các triệu phú làm chính trị; 50% cử tri đảng Dân chủ nói họ đi bỏ phiếu chỉ vì muốn chọn đúng người đại diện cho đảng vào chức Thống đốc.

Một nhà báo ở Cali, bà Arianna Huffington nhận xét: "Al Checchi cho thấy năm nay phải chi ra 40 triệu Mỹ kim mới được thất cử. Quý vị biết, bốn năm trước chỉ cần chi 28 triệu cũng được thất cử rồi!" Năm 1994, chồng bà Huffington tốn 28 triệu vận động mà cũng thất bại khi tranh cử Nghị sĩ California. Nhà báo Arianna đùa nói tiếp, "Thế mà ông Greenspan cứ bảo là không có dấu hiệu lạm phát!"- Ông Greenspan đứng đầu Quỹ Dự trữ Liên bang (Fed), tức Ngân hàng Trung ương Mỹ.

Sau 25 năm trong chính trường tiểu bang, Gray Davis đã tranh cử với khẩu hiệu "Kinh nghiệm mà tiền không mua được." Trong thời gian kinh tế đang lên, cử tri có khuynh hướng tránh rủi ro, họ chọn các khuôn mặt quen thuộc. Một khuôn mặt quen là Bộ trưởng Tư pháp Dan Lungren, ông được chọn đại diện đảng Cộng hòa để tranh cử với ông Davis mùa thu này.

California cũng là bang đầu tiên bầy ra các cuộc bỏ phiếu cho các đề án (proposition), có khuynh hướng dân chủ trực tiếp. Các ý kiến được đưa ra cho cử tri chọn, nếu đa số chấp thuận sẽ thành luật. Trong cuộc bỏ phiếu tháng rồi, Thống đốc Wilson tuy không tranh cử nhưng đã thua to khi đề án 226 mà ông nhiệt liệt cổ động bị đánh bại với tỷ số 53%/47%. Ông Wilson đã bỏ một triệu lấy từ quỹ tranh cử của riêng ông để góp vào chuyện vận động đề án 226. Thất bại này khiến cho ông Wilson khó được đảng Cộng hòa đưa ra tranh cử tổng thống vào năm 2000.

Đề án 226 là một chủ trương của đảng Cộng hòa, đề nghị cấm các nghiệp đoàn dùng quỹ do đoàn viên đóng góp để tặng cho các ứng cử viên, nếu không được đoàn viên ký giấy chấp thuận. Các nghiệp đoàn ở Mỹ xưa nay thường ủng hộ đảng Dân chủ. Mấy tháng trước đây, các cuộc thăm dò ý kiến cho thấy 70% cử tri (với ý định sẽ đi bỏ phiếu) ủng hộ đề án 226. Tại sao đến ngày bầu cử kết quả lại khác hẳn?

Vì các công đoàn lớn dồn sức vào California vận động chống đề án 226. Tất nhiên các nghiệp đoàn cũng chi hàng triệu Mỹ kim để vận động (phe đối nghịch nói tổng số chi là 20 triệu, phe công đoàn nói họ chỉ tiêu mất 5 triệu.) Nhưng yếu tố chính làm thay đổi kết quả là những vận động của các đoàn viên.

Các nghiệp đoàn đã kêu gọi đoàn viên và gia đình họ ở California đi bỏ phiếu đánh bại đề án 226. Họ lập một "băng gọi điện thoại," gọi 659 ngàn cú tê lê phôn, cử người đến thăm viếng 18 ngàn nơi làm việc, gửi 500 ngàn lá thư vận động tới gia đình đoàn viên các nghiệp đoàn. Tại thị xã Panorama City, các cô trong nghiệp đoàn y tá đã làm bánh ngọt mời các người đi qua trước cửa nhà thương, và phát tài liệu kêu gọi họ bỏ phiếu chống đề án 226.

Nhờ chiến dịch vận động chống đề án 226 này, Tổng công đoàn AFL-CIO đã lập được danh sách và địa chỉ 24 ngàn người sẵn sàng hoạt động tích cực, kho tài nguyên họ có thể vận dụng trong các vụ tranh cử tương lai. Mùa

bầu cử tháng Mười Một họ sẽ dùng danh sách này ngay.

Tuy nhiên, những nỗ lực của Nghiệp đoàn Giáo chức chống đề án 227 (bãi bỏ chương trình song ngữ Anh-Tây Ban nha) thì đã thất bại. Nghiệp đoàn này cũng rất mạnh, và khá nhiều tiền. Nhiều phụ huynh gốc châu Mỹ La tinh cũng không muốn con mình học hai thứ tiếng, sợ biết tiếng Anh chậm, bị thua thiệt khi ra đời.

Đây là một bài học cho những sinh hoạt dân chủ. Tiền bạc có ảnh hưởng trong khi vận động bầu cử, nhưng không phải là yếu tố quyết định. Và khi một tổ chức có cơ sở hạ tầng mạnh mẽ, biết động viên đoàn viên vào việc vận động dư luận thì họ có sức mạnh thật sự.

Một bài học khác cho các chính phủ nước ngoài: Cuộc bầu cử sơ bộ ở California tiêu tốn 100 triệu Mỹ kim. Không thể đem mấy trăm ngàn hay mấy triệu góp cho các chính trị gia Mỹ để vận động họ.

TRÁI BOM NỔ CHẬM ĐƯỢC THÁO KỊP

Ngân hàng Nhà nước, tức Ngân hàng Trung ương ở Hà Nội, đã tự gây rắc rối, với một quy định về tín dụng bị các ngân hàng ngoại quốc phản đối khiến ông Tân Thống Đốc Nguyễn Tấn Dũng phải gánh.

Các ngân hàng nước ngoài đã báo động rằng việc áp dụng Quy luật này sẽ khiến nhiều ngân hàng phải rút khỏi Việt Nam, việc đầu tư và mậu dịch của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng.

Đầu đuôi câu chuyện như thế này: Từ lâu nay, Ngân hàng Nhà nước vẫn đặt ra quy định là các ngân hàng thương mại không được cho một thân chủ vay quá 10% số vốn điều lệ của mình, cho một dự án. Trên nguyên tắc, đây là một biện pháp đứng đắn, đặt ra để tránh cho các ngân hàng khỏi bị ảnh hưởng khi cho một thân chủ vay nhiều quá, nếu thân chủ đó phá sản thì ngân hàng lỗ to hay cũng phá sản theo. Một quy luật hạn chế mức rủi ro cho ngân hàng là điều cần thiết. Nhưng giới hạn 10% không thực tế chính vì ở nước ta vốn ngân hàng rất thấp. Như ông Trương Văn Phước, một Phó giám đốc Vietcombank ở Sài Gòn, có lần nói, "10% vốn điều lệ của các ngân hàng chẳng có là bao,... đưa đến cảnh xí nghiệp muốn đi vay thì không vay được, mà ngân hàng thì dư tiền không để đem cho vay." Vì nỗi khó khăn đó, các ngân hàng của chính phủ vẫn "linh động," cho vay ngoài quy luật mà chẳng sao cả.

Quy luật 10% này lâu nay không áp dụng cho các ngân hàng ngoại quốc nếu họ được ngân hàng mẹ bảo đảm cho họ khỏi bị phá sản. Bây giờ Ngân hàng Nhà nước nới lỏng giới hạn từ 10% lên 15%, nhưng bắt các ngân hàng ngoại quốc phải tuân thủ đúng. Đó là lý do khiến các ngân hàng ngoại quốc phải khiếu nại.

Tại sao các ngân hàng trong nước không thắc mắc mà ngân hàng nước ngoài lại thấy họ sẽ gặp khó khăn? Vì các ngân hàng quốc doanh xưa nay "linh động" quen rồi, luật lệ thế nào họ cũng xoay trở được, còn các người làm ngân hàng ngoại quốc chưa học được thói quen đó, họ cứ làm ăn ngang bằng sổ ngay theo đúng luật! Chúng ta có thể hiểu lý do khiến ngân hàng ngoại quốc thấy, nếu theo đúng giới hạn 15%, thì họ khó tiếp tục làm ăn ở Việt Nam.

Có khoảng 25 ngân hàng ngoại quốc đang hoạt động ở Việt Nam. Vốn điều lệ của những ngân hàng này chỉ có từ 15 đến 20 triệu Mỹ kim. Nếu theo giới hạn 15% thì một ngân hàng không thể cho thân chủ vay quá con số 2,25 đến 3 triệu Mỹ kim cho một dự án.

Đứng ở địa vị một ngân hàng, mỗi khi thẩm định một dự án đầu tư hay thương mại, người ta phải nghiên cứu, tốn thời giờ và công của nhân viên. Tổn phí đó không tùy thuộc số tiền cho vay lớn hay nhỏ. Cho vay 3 triệu hay 30 triệu thì tổn phí cũng gần như nhau. Khi tổn phí đó lớn thì cho vay ít quá không bõ công.

Vấn đề thực tế thứ hai là nếu các ngân hàng ngoại quốc phải theo giới hạn 15% này thì chính các xí nghiệp quốc doanh và ngân hàng Việt Nam bị khó khăn. Thí dụ công ty nhập cảng dầu lửa và xăng Petrolimex mỗi tháng cần vay 50 triệu Mỹ kim bằng các tín dụng thư (LC) của các ngân hàng ngoại quốc, mỗi LC khoảng 5 đến 7 triệu. Tiền vay đó đặt cọc cho những công ty bán xăng dầu nước ngoài, bảo đảm sẽ có tiền thanh toán. Lâu nay, mỗi ngân hàng ngoại quốc có thể phát hành một LC 5 hay 7 triệu, nay thì phải hai hay ba ngân hàng ngoại quốc họp lại mới phát hành được một tín dụng thư như vậy. Mất công, tốn thời giờ, chậm trễ, và có thể không bõ công làm giấy tờ nữa. Họ sẽ ngưng, việc ngoại thương của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng, và nếu họ rút ra thì việc đầu tư cũng tệ hơn, dù nay đã xuống rồi.

Đài phát thanh RFI đã loan tin này với lời

báo động "Một trái bom nổ chậm!" Để trả lời, báo Nhân Dân, trong số đầu tiên lên mạng lưới điện toán toàn cầu ngày 22 Tháng Sáu, đã chỉ trích đài RFI là tung ra "Một trái bom hoang tưởng." Nhưng các lời bào chữa của tờ Nhân Dân không đả động gì đến các mối nguy thực tế trên, sau khi chính phủ Việt Nam đã "Gỡ trái bom nổ chậm" đó bằng cách khoan áp dụng khắt khe điều lệ 15% cho các ngân hàng ngoại quốc!

Những món nợ ngắn hạn cho việc ngoại thương, tuy nhỏ nhưng khá quan trọng. Khi các nước Á đông như Thái, Indonesia gặp khủng hoảng tài chính, mức tín nhiệm chung của cả nước bị đánh giá thấp, nhiều nhà xuất, nhập cảng cũng bế tắc vì không nhờ được các ngân hàng cấp tín dụng thư. Không có ngân hàng bảo đảm thì phía đối tác nước ngoài không dám mua hay bán! Từ khi các nước Đông Nam Á phá giá tiền tệ, người ta tưởng họ tha hồ xuất cảng đi Âu Mỹ nhờ giá rẻ. Trong thực tế, số xuất cảng tăng chưa có là bao, cũng vì hệ thống tín dụng ngắn hạn còn bị kẹt.

EURO RA ĐỜI, MỸ THIỆT HAY LỢI?

Ngày 01 Tháng Giêng năm 1999 Liên hiệp Tiền Tệ Âu châu (EMU) sẽ chính thức dùng đồng tiền chung gọi là euro, (đọc tạm là ơ rô theo lối Pháp.) Đến năm 2002 thì chắc các đồng tiền quốc gia như Franc của Pháp, Mark của Đức, v.v. sẽ biến mất, dân Âu châu sẽ dùng euro đi mua bánh mì hay cổ phiếu. Đồng euro ra đời sẽ ảnh hưởng đến vai trò của đồng đô la Mỹ như thế nào?

Trước hết, nhu cầu dùng đô la Mỹ sẽ giảm đi. Hiện nay đô la Mỹ đóng một vai trò quá quan trọng, phải nói không lành mạnh. Các nước trên thế giới khi mua bán với nhau có thể dùng tiền của họ, nhưng một số lớn thích dùng đô la làm đơn vị trao đổi. Người Pháp có thể mua đồng Mark để trả tiền cho Đức, hay khi bán hàng cho Nhật họ có thể nhận đồng Yen. Nhưng giữa Thái Lan với Brazil chẳng hạn, khi mua bán với nhau, họ sẽ thấy dùng đô la Mỹ tiện hơn cả, dễ tránh được rủi ro khi đồng tiền hai bên lên xuống giá.

Khi có đồng euro, chuyện đầu tiên là giữa 11 nước cùng dùng đồng euro họ không cần dùng đô la Mỹ làm đơn vị trao đổi nữa. Trước năm 2002 người ta đã có thể đổi tiền địa phương ra đồng euro khi mua bán với nhau. Khi đồng euro đã đủ mạnh, nhiều nước ngoài Âu châu thêm tin tưởng vào đồng euro không kém đồng đô la, họ sẽ dùng euro làm đơn vị giao hoán. Thay vì bây giờ mỗi khi đi vay trên thị trường thế giới người ta vay bằng đô la, sau này các nước có thể vay đồng euro cũng tiện không kém.

Nhu cầu dùng đô la còn giảm đi khi nhiều quốc gia bớt số Mỹ kim trong kho dự trữ ngoại tệ. Các nước thường giữ một số Mỹ kim không chi dùng, một phần để bảo đảm giá trị đồng bạc của họ, hoặc để bù vào khiếm hụt khi nhập cảng nhiều hơn xuất cảng. Trung Quốc ôm 140 tỷ Mỹ kim, Đài Loan, 80 tỷ, những khoản dự trữ đó càng cao thì người ta càng cần mua đô la Mỹ. Mà đó chính là những "món nợ" của chính phủ Mỹ. không cần trả lãi! Vì một đồng tiên chính là một tờ giấy nợ của ngân hàng phát hành!

Bây giờ, thí dụ chính phủ một nước quyết định đổi thành phần dự trữ ngoại tệ, thay vì 90% là tiền Mỹ họ đổi ra, chẳng hạn, chỉ có 40% bằng đô la Mỹ, 30% bằng đồng euro của Âu châu, 10% bằng đồng Yen của Nhật, còn lại họ dự trữ vàng và tiền tệ các nước khác. Sự thay đổi đó sẽ đưa đến hậu quả là nhu cầu dùng đô la sẽ giảm đi.

Các nước Âu châu đang nước này giữ tiền của nước kia trong Quỹ dự trữ. Khi hợp nhất lại, họ không cần đến nữa. Khối Âu châu sẽ giảm số ngoại tệ dự trữ chung, thấp hơn tổng số dự trữ của các quốc gia trong khối. Khi đó họ cũng sẽ bán bớt phần đô la Mỹ đi.

Khi nhu cầu dùng đô la Mỹ giảm đi, đồng tiền sẽ bị áp lực phải giảm giá. Nhưng hiện tượng đó có làm hại cho nền kinh tế Mỹ hay không? Câu trả lời là có, trong ngắn hạn, nhưng trong dài hạn, sự ra đời của đồng euro sẽ giúp cho kinh tế Mỹ "lành mạnh" hơn!

Trong nửa thế kỷ vừa qua, đô la Mỹ đã đóng vai trò "bản vị tiền tệ" cho cả thế giới. Khi các nước mua nhiều đô la Mỹ, để họ mua bán với nhau, hay để cất làm kho dự trữ, thì người Mỹ cứ dùng đô la mua hàng nhập cảng hoài khỏi lo, tình trạng đó nuôi dưỡng cán cân mậu dịch thâm thủng triền miên. Người Mỹ không những tiêu sài nhiều, họ còn vay nợ càng ngày càng nhiều hơn trước. Tỷ lệ tiết kiệm so với tiêu dùng của dân Mỹ cứ giảm dần, trong khi dân Nhật tiết kiệm nhiều và đầu tư ở ngoại quốc cũng nhiều. Từ địa vị một nước bỏ tiền ra đầu tư khắp thế giới, bây giờ Mỹ là con nợ của thế giới. Tình trạng này không thể kéo dài. Tiền tiết kiệm ít, nợ chồng

chất mãi đe dọa có ngày tài chính Mỹ bị khủng hoảng.

Điều làm các nhà kinh tế Mỹ lo ngại là nếu có một cơn "sốc" nào đó khiến thế giới bỗng nhiên bớt nhu cầu dùng đô la, thì kinh tế Mỹ sẽ gặp nạn. Thử tưởng tượng nhiều nhà đầu tư ngoại quốc cùng một lúc muốn bán bớt các trái phiếu và cổ phần mà họ đang đầu tư ở Mỹ! Mà khi đô la Mỹ gặp nạn thì nhiều nước khác cũng khốn khổ. Năm 1995 khi kinh tế Mexico khủng hoảng, đô la Mỹ mất giá, chỉ còn 79 Yen một đô. Khi đó, vì đồng Yen lên giá so với Mỹ kim, Nhật cũng bị vạ lây. Hàng Nhật khó bán ra ngoài, dân Nhật vẫn không chịu tiêu sài, kinh tế bị trì trệ cho đến ngày nay.

Nay với sự xuất hiện của đồng euro hệ thống tài chánh thế giới sẽ thăng bằng hơn trước, không quá lệ thuộc vào đồng đô la. Ngược lại, khi người ngoại quốc bớt mua tiền Mỹ, và bớt cho các công ty và chính phủ Mỹ vay tiền, điều này sẽ tạo áp lực cho tỷ lệ tiết kiệm nội địa của Mỹ phải tăng, nghĩa là dân Mỹ sẽ phải để dành tiền nhiều hơn trước. Khi đó sự phát triển của kinh tế Mỹ, căn cứ trên khả năng sản xuất và tổ chức tiếp thị có hiệu năng, sẽ phải "đổi mới" để vững hơn bây giờ.

Sự có mặt của đồng euro sẽ còn giám tiếp tạo ra ảnh hưởng tốt khác cho kinh tế Mỹ. Đồng euro sẽ thay đổi hệ thống kinh tế và hệ thống tiền tệ các nước Âu châu. Hệ thống đó chắc chắn sẽ hữu hiệu hơn bây giờ, và sẽ cạnh tranh với Mỹ ráo riết hơn. Nhưng đồng thời, khi các nước thành viên của Liên hiệp Âu châu phải mở cửa cho nhau, họ cũng sẽ mở cửa rộng hơn đối với các công ty Mỹ. Cuộc cạnh tranh trong một khung cảnh cởi mở, mọi chuyện công khai và minh bạch hơn, sẽ giúp cho cả đôi bên. Mà các xí nghiệp Mỹ thì quen thuộc với lối làm ăn trong thị trường minh bạch và công khai, hơn nhiều xí nghiệp Âu châu, họ sẽ thích ứng nhanh hơn, chính họ cũng có lợi.

TỔNG THỐNG CLINTON ĐI TRUNG QUỐC

Người đứng đầu cường quốc mạnh nhất thế giới đi thăm một nước đông dân nhất thế giới, hiển nhiên chuyến đi đầy tính chất tượng trưng. Tính chất tượng trưng còn đậm đà hơn vì Hoa Kỳ là biểu tượng của hệ thống kinh tế tư bản, và Trung Hoa đang qua giai đoạn từ bỏ lối làm kinh tế hoạch định tập trung để thiết lập các định chế thị trường. Khi Trung Hoa thị trường hóa thật sự — chắc phải mất một thế hệ — Trung Quốc và Mỹ sẽ là hai cường quốc kinh tế dẫn đầu thế giới trong thế kỷ 21. Trước khi ông Clinton lên đường, cứ hai người Mỹ ủng hộ chuyến đi thì có một người chống.

Tổng thống Clinton biết rằng Mỹ đang ở thế mạnh để nói chuyện với Bắc Kinh. Thủ tướng Chu Dong Cơ đang gặp khó khăn để cải tổ các xí nghiệp quốc doanh, và lo kinh tế không thể tăng trưởng như các năm trước. Trung Quốc rất muốn gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO) mà Mỹ nắm quân bài quyết định. Số đầu tư ngoại quốc vào Trung Hoa bây giờ trông cậy nơi Mỹ, sau khi các nước Á đông và Nhật gặp khó khăn. Từ trước đến nay, hai phần ba số vốn đầu tư vào lục địa là của các Hoa kiều ở Đông Nam Á, Hồng Kông và Đài Loan, nay các nguồn vốn đó đang cạn. Nước Mỹ có thể giúp Trung Quốc tiến đến một nền kinh tế thị trường thật sự, với tốc độ nhanh nhất.

Nhưng việc thị trường hóa chỉ thành tựu, nghĩa là đưa đến cảnh phồn vinh, nếu có dân chủ hóa. Bài học từ các nước Á đông cho thấy các nước phát triển kinh tế thị trường mà chế độ chính trị thiếu dân chủ thì sẽ gặp khủng hoảng, không sớm thì muộn. Và sau đó, các nước dân chủ hóa sơm hơn cũng phục hồi mau hơn. Các người lãnh đạo Trung Hoa chắc biết điều đó, họ phần lớn đều có học và đã trải qua kinh nghiệm bị đầy đọa dưới thời Mao Trạch Đông. Trước khi ông Clinton đến dự lễ tiếp đón ở Thiên An Môn, cựu Tổng Bí thư Triệu Tử Dương phổ biến một lá thư yêu cầu đảng Cộng Sản Trung Quốc xin lỗi nhân dân về vụ tàn sát ở Thiên An môn năm 1989.

Một điều mà các nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh biết, là không thể có kinh tế thị trường nếu không có những luật lệ và những định chế bảo đảm việc thi hành luật lệ. Một chứng cớ của mối quan tâm đó là gần đây khi vị khoa trưởng một Đại học Luật ở Bắc Kinh thuyết trình về "các luật lệ tài chánh" thì ông Giang Trạch Dân, Tổng bí thư đảng Cộng Sản đến nghe.

Trong mười năm qua, chính phủ Bắc Kinh đã chú ý đến một chuyện cần thay đổi, là thay thế lối cai trị bằng nghị quyết đảng hoặc uy tín cá nhân của các cấp ủy, bằng một chế độ cai trị trong luật pháp, bằng luật pháp — pháp trị. Khi còn làm Chủ tịch Quốc hội, ông Kiều Thạch cố thúc đẩy việc giáo dục các thẩm phán, luật sư cũng như ban hành các đạo luật. Mùa Thu năm ngoái, khi thăm Mỹ, ông Giang

Trạch Dân đã thỏa hiệp với ông Clinton cộng tác trong việc huấn luyện các thẩm phán, cải thiện các quy tắc hành chánh, soạn thảo các đạo luật thương mại, và, đặc biệt, học lối tổ chức những cơ quan giúp đỡ về pháp lý cho người nghèo.

Thị trường là nơi trao đổi tự do, chỉ có thị trường thật sự khi các người tham dự được trao đổi trên tinh thần tự nguyện. Có trao đổi là có cạnh tranh, và cạnh tranh cũng là một sức mạnh của thị trường. Trong một chế độ pháp trị, các lời hứa hẹn khi trao đổi được luật pháp bảo đảm, gọi là các hợp đồng. Trên hết, những luật lệ được ban hành đều nằm trong một bản hợp đồng chung của cả xã hội. Khi người dân quen sống trong luật pháp thì người ta cũng ý thức rõ hơn về bản hợp đồng xã hội đằng sau luật pháp. Không ai có thể nói lối cả vú lấp miệng em, "Đảng đã được nhân dân trao phó, v.v." Người ta sẽ hỏi, "Giao phó từ bao giờ? Giao phó cái gì? Lấy gì chứng minh? Giao phó một tấm ngân phiếu trắng muốn viết con số bao nhiêu tiền thì viết, hay giao phó trong một phạm vi giới hạn?" vân vân. Tại những xã hội dân chủ, người dân ủy nhiệm cho nhà nước việc cai trị, trong nhà nước có nhiều định chế, mỗi định chế lãnh một phần nhiệm vụ có giới hạn, với thế cân bằng và kiểm tra lẫn nhau, không ai "giao phó" một ngân phiếu trắng.

Trong một chế độ pháp trị, người dân sẽ ý thức rõ hơn về quyền sống bình đẳng trước pháp luật. Khi nào luật lệ thiên vị, nghiêng về một người hay nhóm người nào, người dân sẽ nhận ra dễ hơn, không có lơ mơ như trong chế độ đảng trị.

Người dân Trung Hoa sẽ dần dần học được những điều này, và đó là cuộc thay đổi lớn nhất ở Trung Hoa bây giờ. Trong mười năm qua Trung Hoa đã thực hiện việc bầu cử ở 500 ngàn làng xã trên toàn quốc, một thí nghiệm dân chủ từ hạ tầng. Tháng Tư vừa qua, bà Madeleine Albright, ngoại trưởng Mỹ đã được mời nói chuyện ở Đại học Quốc gia huấn luyện các thẩm phán ở Bắc Kinh. Đây là một điều hiếm có. Các sinh viên thẩm phán đã ghi chép các lời biểu dương những giá trị của luật pháp, bà nói "những đạo luật công nhận quyền của các công dân bình thường, nhờ thế mỗi người dân Mỹ có tiếng nói trong việc cai trị của chính phủ, và được dự phần trong các tiến bộ kinh tế và xã hội."●

CÁO PHÓ và CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần: Con, Chồng, Cha, Em của chúng tôi là

LÊ NGỌC LÂN

từ trần ngày 7 tháng 6 - 1998, nhằm ngày 13 tháng Năm, Mậu Dần
hưởng dương 52 tuổi.

Xin chân thành cảm tạ Hòa Thượng MINH TÂM,
chủ trì chùa KHÁNH ANH, Paris, (Pháp)
cùng tất cả quý tăng ni, đạo hữu và thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần đã tới tham dự lễ cầu siêu, chia buồn cùng gia đình chúng tôi.

Trong lúc tang gia bối rối có điều gì sơ xuất, xin quý vị lượng tình tha thứ.

Tang gia đồng bái tạ

Mẹ: Bà quả phụ LÊ NGỌC CHẤN (Pháp)
Vợ: CHANTAL CHAUSSAT (Pháp)
Các Con: LÊ THỊ KIM LAN (Pháp)
LÊ NGỌC LUÂN (Pháp)
LÊ NGỌC LINH (Pháp)
LÊ NGỌC KIM ANH (Pháp)

Anh: LÊ NGỌC SƠN, vợ và các con (Pháp)
Các Chị: LÊ THỊ PHƯƠNG MAI, chồng và các con (Ý)
LÊ THỊ MINH HẰNG, chồng và các con (Mỹ)

NHỮNG CUỘC ĐỔI HỌ LỚN TRONG LỊCH SỬ

TRẦN GIA PHỤNG

1. Từ họ Lý ra họ Nguyễn

Đầu năm 1226 (tháng 12 năm Ất Dậu), Trần Thủ Độ tổ chức đảo chánh lật đổ nhà Lý, đưa Trần Cảnh lên ngôi tức Trần Thái Tông (trị vì 1226-1258), lập ra nhà Trần (1226-1400).

Nguyên Trần Thủ Độ ép vua Lý Huệ Tông (trị vì 1211-1224) nhường ngôi cho người con gái mới sáu tuổi là Chiêu Thánh công chúa tháng Mười năm giáp thân (cuối 1224), tức Lý Chiêu Hoàng (trị vì 124-1225). Lý Huệ Tông lên làm thái thượng hoàng, xuất gia đi tu tại chùa Chân Giáo, pháp danh là Huệ Quang thiền sư. Trần Thủ Độ sắp đặt cho con cháu của mình là Trần Cảnh, mới tám tuổi, cưới Lý Chiêu Hoàng. Chiêu Hoàng lại nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh tức Trần Thái Tông.

Để củng cố nhà Trần, Trần Thủ Độ kiếm cách tiêu diệt tất cả con cháu nhà Lý. Việc đầu tiên là Trần Thủ Độ bức tử thượng hoàng Lý Huệ Tông. Một hôm ngang qua chùa Chân Giáo gặp thiền sư Huệ Quang đang nhổ cỏ trong vườn, Trần Thủ Độ nói rằng: "*Nhổ cỏ phải nhổ hết rễ cái.*" Nghe thế thầy Huệ Quang trả lời: "*Lời nhà ngươi nói ta hiểu rồi.*" Sau đó, Trần Thủ Độ cho người mời thầy Huệ Quang vào triều bàn việc. Huệ Quang biết ý, vào sau chùa thắt cổ tự vận. (1)

Trần Thủ Độ ra lệnh đem gả các cung nhân và con gái họ Lý cho các tù trưởng các bộ tộc ít người ở các vùng núi xa xôi miền biên viễn. Tháng tư năm nhâm thìn (1232), nhân việc ban chữ húy về tiên tổ họ Trần, ông nội của Trần Thái Tông tên là Trần Lý, nên Trần Thủ Độ đưa ra biện pháp quyết liệt là *buộc con cháu họ Lý phải đổi thành họ Nguyễn.*

Gần cuối năm nhâm thìn (1232), tôn thất nhà Lý tập trung làm lễ tế tổ tiên ở thôn Thái Đường, xã Hoa Lâm (nay thuộc Bắc Ninh). Trần Thủ Độ cho làm nhà tế lễ bằng tre lá trên một cái hầm, khi con cháu nhà Lý tập trung hành lễ, Trần Thủ Độ ra lệnh chôn sống hết con cháu nhà Lý để dứt điểm một vấn đề làm cho Trần Thủ Độ lo lắng bấy lâu nay. Sau cuộc thanh trừng khủng khiếp này, con cháu nhà Lý không còn dám về Bắc Ninh làm lễ tế hàng năm, và họ thay tên đổi họ sống lẫn khuất trong dân gian để tránh bị tiêu diệt. (2)

Đặc biệt hoàng tử Lý Long Tường, con trai thứ của Lý Anh Tông đã bỏ nước ra đi năm 1226, cùng đoàn tùy tùng khoảng 40 người vượt biên sang lập nghiệp ở Triều Tiên hay Cao Ly tức Korea. Tám trăm năm sau, con cháu của hoàng tử này đã về Việt Nam thăm lại đất tổ. (3)

Một câu hỏi cần được đặt ra là tại sao triều đình nhà Trần buộc họ Lý đổi thành họ Nguyễn mà không qua họ khác? Điều này rất khó trả lời vì không có tài liệu cụ thể, chỉ biết được rằng họ Nguyễn là một dòng họ ít người bên Trung Hoa, và ngược lại họ Nguyễn có nhiều và có sớm ở nước ta. (4) Phải chăng Trần Thủ Độ muốn cho họ Lý hòa lẫn trong số đông người Việt rải rác khắp nước?

2. Họ Trần qua họ Trình

Để quân Minh chóng rút về nước, cuối năm 1427, Lê Lợi chấp nhận giải pháp hòa bình trong danh dự cho cả hai bên: trước đây quân Minh xâm lăng nước ta dưới chiêu bài "phù Trần diệt Hồ", nay Lê Lợi đồng ý đưa Trần

Cao lên ngôi, xem như quân Minh viễn chinh đã đạt được mục đích ban đầu là đưa người họ Trần trở lại ngôi báu, nay rút về nước trong vinh quang. (5)

Sau khi quân Minh về nước, Trần Cao biết thân phận mình, bỏ trốn về châu Ngọc Ma (Nghệ An), nhưng bị bắt lại, và uống thuốc độc chết. Lê Lợi lên ngôi vua, tức Lê Thái Tổ (trị vì 1428-1433).

Lê Thái Tổ được nước không do một cuộc đảo chánh cung đình mà do công lao chiến đấu của chính ông và gia đình, nên ông ít có thái độ kỳ thị với họ Trần là họ cầm quyền trước đó. Ông có một sách lược rất khôn khéo là ban quốc tính rộng rãi cho các công thần. Ngay khi vừa lên ngôi năm 1428, Lê Thái Tổ ra sắc chỉ cho ghi chép công trạng của những người đã theo vua khởi nghĩa, ban chức tước và quốc tính (họ của nhà vua) cho 221 người. Đây là đợt ban quốc tính nhiều nhất trong lịch sử nước ta, đến nỗi vua Tự Đức đã lên tiếng chê rằng *"...cho quốc tính nhiều quá như thế này thì nhàm lắm."* (6)

Việc làm này của Lê Thái Tổ bề ngoài xem ra là một đặc ân, nhưng thật sự là một thủ đoạn chính trị ràng buộc các công thần bằng cách đồng hóa các quan vào họ nhà vua để dễ kiểm soát nhằm tránh hậu hoạn. Lê Thái Tổ là một người rất đa nghi. Những công thần đã cùng ông dày công đóng góp cho công cuộc giải phóng đất nước mà có bất cứ một biểu hiện nào khả nghi tức thì bị Lê Thái Tổ tiêu diệt ngay.

Nạn nhân đầu tiên là Lê Hãn tức Trần Nguyên Hãn. Trần Nguyên Hãn dòng dõi Trần Nguyên Đán, lập nhiều chiến công thời kháng Minh, được phong Hữu tướng quốc và họ Lê năm 1428, sau khi Lê Thái Tổ cầm quyền. Lê Hãn cho rằng *"nhà vua có tướng như Việt Vương Câu Tiễn, không thể cùng hưởng yên vui sung sướng được,"* nên ông bắt chước Trương Lương, xin rút lui về hưu dưỡng. *"Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng,"* khi Lê Hãn về ấp Sơn Đông (Sơn Tây ngày nay) hưu dưỡng, ông vẫn bị gièm pha là mưu toan làm phản. Lê Thái Tổ ra lệnh cho người đến bắt. Khi thuyền đến bến sông Sơn Đông, Lê Hãn tự trầm mình qua đời. (7) Dĩ nhiên việc trầm mình này cũng là một dấu hỏi lớn không bao giờ được trả lời.

Sau Lê Hãn đến Lê Văn Xảo tức Phạm Văn Xảo, bị Lê Thái Tổ nghe lời gièm pha ra lệnh phải chết và tịch thu nhà cửa cuối năm 1430. Dưới triều con của Lê Thái Tổ là Lê Thái Tông (trị vì 1434-1442), thêm ba vị đại công thần bị giết là Lê Nhân Chú (1434), Lê Sát (1437), và Lê Ngân (1437). Ngoài ra còn có Lê Khả và Lê Khắc Phục bị triệt hạ vào năm 1451 thời vua Lê Nhân Tông (trị vì 1443-1459).

Sau khi Lê Nghi Dân bị các tướng lãnh phản đảo chánh và lật đổ năm 1460, Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497) được sử sách đánh giá là một minh quân, nhưng lại đi vào vết xe của nhà Trần. Vừa cầm quyền được hai tháng, Lê Thánh Tông hạ chiếu ra lệnh đổi tên những họ nào đã phạm vào chữ huý của Cung Từ hoàng thái hậu. Bà này tên huý là *Phạm Ngọc Trần*, người làng Quần Lai, huyện Lội Dương (Thanh Hóa), vợ của Lê Thái Tổ, mẹ của Lê Thái Tông, tức bà nội của Lê Thánh Tông. Nhà vua cho rằng bà nội của mình tên Trần nên yết thị cho dân chúng khắp nước, nơi nào có họ "Trần" đều phải đổi chép thành chữ "Trình." (8)

Tại sao thời Lê Thái Tổ, rồi đến Lê Thái Tông và Lê Nhân Tông, các vua không kỵ huý bà Cung Từ mà Lê Thánh Tông lại kỵ huý? Phải chăng sau những biến động của triều đình kể từ khi Lê Thái Tông bất đắc kỳ tử năm 1442, và Lê Nhân Tông bị Lê Nghi Dân lật đổ và bắt giết năm 1459, Lê Thánh Tông đã dùng cách kỵ huý (như Trần Thủ Độ trước đây) để tách ảnh hưởng của họ Trần, hoặc để ngầm đe dọa con cháu họ Trần đừng kiếm cách lợi dụng tình hình để phục hồi triều đại cũ.

Dầu sao, Lê Thánh Tông chưa đi đến chỗ quyết liệt như Trần Thủ Độ, nghĩa là Lê Thánh Tông vẫn chưa tận diệt họ Trần, và để cho những người họ Trần giữ những chức quan nhỏ như trong đoàn sứ thần gởi sang nhà Minh năm nhâm ngọ (1462) có Trần Bàn, hoặc trong viện Khâm hình của triều đình lúc đó có Trần Phong, nhưng không thấy có nhân vật nào họ Trần giữ chức vụ quan trọng mãi đến thời kỳ loạn lạc sau khi Mạc Đăng Dung đảo chánh (1527) mới thấy vài nhân vật họ Trần xuất hiện trở lại trên sân khấu chính trị nước ta.

3. Họ Mạc đổi thành nhiều họ

Mạc Đăng Dung thuộc dòng dõi Mạc Đỉnh Chi, đỗ cử nhân võ và làm đô chỉ huy sứ năm 1508 (mậu thìn), nhờ thời thế dần dần được các vua nhà Lê tin dùng, thăng dần lên chức thái phó tiết chế các doanh quân thủy bộ, tước

Nhân Quốc Công triều vua Lê Chiêu Tông (trị vì 1516-1522). Quyền hành càng ngày càng lớn, Mạc Đăng Dung lấn ép vua Lê và cuối cùng đảo chánh lật đổ vua Lê Cung Hoàng (trị vì 1522-1527), tự mình lên làm vua tức Mạc Thái Tổ (trị vì 1527-1530) lập ra nhà Mạc.

Nhà Mạc cầm quyền từ thời Mạc Thái Tổ đến thời Mạc Mậu Hợp (trị vì 1562-1592), truyền được năm đời trong 65 năm. Trong lịch sử, họ Mạc bị lên án về các lỗi lầm sau đây:

* Tổ chức đảo chánh lật đổ nhà Lê, không trung quân (1527).

* Đầu hàng nhà Minh và cắt đất chia cho nhà Minh (1540).

Trước hết, bất cứ một cuộc đảo chánh nào cũng đều có phản ứng cả. Từ Lê Hoàn, Trần Thủ Độ đến Lê Quý Ly, tất cả đều bị những cựu quan bảo thủ của triều trước, mất quyền lợi đứng lên phản đối. Mạc Đăng Dung cũng nằm trong trường hợp đó.

Thứ đến, chúng ta cần chú ý: ai là người đã lên án gắt gao họ Mạc? Câu trả lời rất rõ ràng là các sử quan nhà Lê trung hưng là những người đầu tiên lên án họ Mạc. Việc nầy rất dễ hiểu vì nhà Mạc dẹp nhà Lê, nay trung hưng được thì nhà Lê kết tội nhà Mạc. Sau đó là các sử quan nhà Nguyễn vì nhà Nguyễn không muốn ai lật đổ ngôi báu của mình nên lên án tất cả những ai đã tổ chức đảo chánh cung đình.

Nhưng *"ở đời muôn sự của chung,"* một triều đại (chính quyền) yếu đuối, kém khả năng cần được thay thế bằng một triều đại (chính quyền) khác hữu hiệu hơn để cai trị nước, đó là lẽ tự nhiên, nên việc đảo chánh của Mạc Đăng Dung không đáng bị lên án như các sách vở trước đây đã làm.

Việc đầu hàng nhà Minh và cắt đất xin hàng cần được xét lại trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Sau khi nhà Lê mất ngôi, hai vị cựu thần nhà Lê là Trịnh Ngung và Trịnh Ngang chạy qua nhà Minh tố cáo hành động của Mạc Đăng Dung và *xin nhà Minh đưa quân qua hỏi tội họ Mạc* năm 1529 (kỷ sửu). (9)

Năm 1533 (quý tỵ), Nguyễn Kim tìm được con của Lê Chiêu Tông là Lê Duy Ninh, lập lên làm vua là Lê Trang Tông (trị vì 1533-1648) trong lúc đang lưu vong tại Ai Lao. Lê Trang Tông sai Trịnh Duy Liễu cùng hơn mười người đi đường biển từ Chiêm Thành theo thuyền buôn Quảng Đông tới Trung Hoa xin thỉnh cầu nhà Minh xuất quân đánh nhà Mạc. Năm 1536 (bính thân), một lần nữa Lê Trang Tông sai Trịnh Viên yêu cầu nhà Minh đánh họ Mạc.

Hành động của vua Lê, kêu gọi người nước ngoài về đánh nước mình, trong đó có ý kiến cố vấn của Nguyễn Kim, không bị một sử gia nào lên án. Việc làm nầy đưa đến kết quả cụ thể là nhà Minh cử Cừu Loan làm tổng đốc, Mao Bá Ôn làm tán lý quân vụ đem binh mã sang ải Nam Quan năm 1540. Ngược lại, trong thế yếu, muốn tránh một cuộc chiến mà mình nắm chắc phần thất bại, đồng thời dân Việt sẽ một lần nữa bị đặt dưới ách thống trị trực tiếp của ngoại nhân như thời Mộc Thạnh, Trương Phụ, Mạc Thái Tổ, lúc đó đã lên làm thái thượng hoàng, đành chấp nhận đầu hàng và chấp nhận hy sinh danh dự cá nhân, lên ải Nam Quan (Lạng Sơn) chịu nhục. Nhờ sự nhẫn nhục của Mạc Thái Tổ, nước ta trên danh nghĩa là lệ thuộc Trung Hoa, nhưng trong thực tế vẫn độc lập một phương, vua Mạc vẫn cai trị đất đai từ Lạng Sơn trở xuống, đâu có viên tướng Tàu nào bén mảng sang cai trị. Ai cũng bảo Mạc Đăng Dung đầu hàng nhà Minh vì quyền lợi gia đình họ Mạc, nhưng giả thiết, một giả thiết không bao giờ có thể quay lại được, Mạc Đăng Dung chống cự quân Minh như họ Hồ, nước ta bị tái đô hộ, thì nhân dân ta còn khổ biết bao nhiêu nữa. Đàng nầy, Mạc Đăng Dung một mình chịu nhục cho trăm họ bình yên. Người ta ưa ca tụng Hàn Tín khi nghèo khổ đã lòn trôn tên bán thịt chợ Hoài Âm (Trung Hoa) như là một gương nhẫn nhục đáng noi theo, nhưng chẳng một ai chịu chia xẻ với nỗi nhẫn nhục vĩ đại của Mạc Đăng Dung. Mạc Đăng Dung rất buồn tủi về sự kiện Nam Quan (Lạng Sơn) nên về nhà chưa được một năm, ông nhuốm bệnh từ trần năm 1541.

Cuối cùng việc cắt đất nghe ra khá to lớn, nhưng đó chỉ là năm động của những sắc tộc ít người nằm ở vùng biên giới Hoa Việt: Ty Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm. Liễu Cát, và La Phù thuộc châu Vĩnh An, ở Yên Quảng. Chúng ta cần chú ý là những sắc tộc ít người sinh sống trong các động dọc biên giới Hoa Việt không nhất định về theo chính quyền Trung Hoa hay Đại Việt, mà chỉ bên nào mạnh thì họ triều cống để được yên thân. Do đó, việc cắt đất nầy chỉ có tính cách giấy tờ chứ trên thực tế là bên nào mạnh họ theo.

Trong khi đó, sau khi trở về Thăng Long, năm 1596 vua Lê Thế Tông (trị vì 1573-1599) cử người đem hình dạng hai quả ấn của nhà Mạc và vua Lê lên Nam Quan cho đại diện

nhà Minh khám xét, nhưng quan nhà Minh không chịu, bắt vua Lê phải thân hành đến gặp. Vua Lê phải chấp hành, nhưng khi đến nơi đợi lâu quá không được gặp quan nhà Minh, vua Lê đành trở về, rồi năm sau (1597) lên một lần nữa mới được hội kiến. (10) Sự kiện nầy chẳng khá gì hơn việc Mạc Đăng Dung lên Nam Quan năm 1540.

Vì quá ham lên án nhà Mạc, sử sách lơ là những công trạng đáng nhớ của nhà Mạc. Sau khi Trịnh Tùng chiếm lại Thăng Long, nhà Mạc chạy lên Cao Bằng, rồi chạy sang Trung Hoa. Trước khi từ trần năm 1594, đại tướng nhà Mạc là Mạc Ngọc Liễn để thư lại dặn vua Mạc Kính Cung: "*...Họ Lê lại trung hưng, đó là số trời. Còn như dân ta là người vô tội, sao lại nỡ để cho dân mắc vào vòng mũi tên hòn đạn lâu mãi như vậy! Chúng ta nên lánh ở nước khác, cốt phải cẩn thận giữ gìn, đừng lại cố sức chiến đấu với họ nữa. Lại dứt khoát chớ có đón rước người Minh kéo sang nước ta để đến nỗi dân ta phải lầm than khốn khổ...*" (11)

Đây không phải lời nói suông trong cảnh trà dư tửu hậu, nhưng đây là tâm huyết của một con người sắp nằm xuống trong cơn hoạn nạn cùng cực vì mất nước. Suốt trong lịch sử Việt Nam, chúng ta thường được nghe những lời nói của Trần Hưng Đạo, Trần Bình Trọng, Đặng Dung, hào hùng như vó ngựa tổ tiên, nhưng ít khi được đọc những dặn dò như Mạc Ngọc Liễn, nhân bản, đầy tình tự dân tộc không khác gì lời ru êm ái trong những câu ca dao mộc mạc.

Điểm quan trọng nhất là con cháu nhà Mạc đã không kêu nài van xin người Minh đem quan sang đánh nước ta giống như nhà Lê đã làm. Họ chỉ yêu cầu nhà Minh can thiệp cho họ về sinh sống đất Cao Bằng. Chính họ đã góp công phát triển Cao Bằng, tạo thế đoàn kết kinh thượng và biến Cao Bằng thành một vùng biên giới vững chắc để chống lại Trung Hoa. Công trạng nầy tuy không rực rỡ như đường về phương nam của chúa Nguyễn, nhưng sử sách cũng không thể quên tuyên dương họ Mạc.

* "Sao anh có vẻ buồn vậy?"
"Vợ tôi cãi lộn với tôi, bả thề rằng không nói chuyện với tôi trong vòng một tháng. Thấm thát mới đó mà đã gần hết tháng rồi."

Khi Trịnh Tùng chiếm được Thăng Long, trung hưng nhà Lê (1593), con cháu họ Mạc tẩu tán khắp nước, một số lên Cao Bằng, một số chạy vào Thanh Hóa, Nghệ An ẩn trốn, và một số vào Nam theo chúa Nguyễn. Con cháu họ Mạc đổi ra rất nhiều họ khác nhau. Sách *Thế phả* ghi rõ là con của Mạc Đăng Doanh, em của Mạc Kính Điển là Mạc Cảnh Huống vào Nam theo Nguyễn Hoàng, sau con là Mạc Cảnh Vinh đổi là Nguyễn Hữu Vinh. (12) Không những chỉ một họ Nguyễn, mà chắc chắn còn nhiều họ khác nữa. Trước đây, những họ nầy không lên tiếng vì một mặt sợ các chính quyền quân chủ trả thù, và một mặt việc sử sách lên án triều đại nhà Mạc ít nhiều gây những ưu phiền cho con cháu họ nhà nầy. Hy vọng sẽ có một ngày nào đó, con cháu những họ nầy thấy rõ rằng nhà Mạc không đáng bị lên án như người ta đã làm xưa nay, bỏ qua những ưu phiền không đáng, sẽ lên tiếng để tìm về gốc gác ông bà mình.

Qua ba cuộc đổi họ trên đây, lý do chính đưa đến việc đổi họ là do tiên tổ các họ nầy đã lên nắm chính quyền, lập triều đại, sau bị truất phế và bị nghi ngờ nên con cháu bị bắt buộc phải đổi họ. Ngược lại, trong lịch sử nước ta, có một dòng họ lớn từ thời Ngô Quyền lập quốc cho đến nay không thay đổi mà mỗi ngày một phát triển, hưng thịnh. Đó là họ Nguyễn Phúc ở Gia Miêu ngoại trang, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

4. Một họ lớn không thay đổi

Theo *Thế phả, "Đức Định Quốc Công huý là Nguyễn Bặc, thân phụ và thân mẫu của ngài không được rõ, ngài được xem là thuỷ tổ của dòng họ Nguyễn Phúc."* (13)

Nguyễn Bặc (924-979) là bạn chí thân từ thuở hàn vi và là cận thần của Đinh Bộ Lĩnh tức Đinh Tiên Hoàng (trị vì 968-979). Khi Đinh Tiên Hoàng lên ngôi vua, Nguyễn Bặc được phong Định Quốc Công, đứng đầu các công thần. Năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám sát, Nguyễn Bặc bắt giết ngay kẻ thích khách là Đỗ Thích, và tôn phò con của Đinh Tiên Hoàng là Vệ Vương Đinh Tuệ. Lê Hoàn có ý làm phản nhà Đinh, Nguyễn Bặc chống đối, cầm quân đánh Lê Hoàn, nhưng bị Lê Hoàn bắt giết.

Theo sách *Thế phả*, tức sách gia phả của dòng họ nầy, từ thời Nguyễn Bặc cho đến ngày nay, thời nào họ Nguyễn ở Gia Miêu ngoại trang (Thanh Hóa) cũng đều có người giữ

những địa vị cao trong các triều đại, và thường được phong tước công. Chỉ có một thay đổi nhỏ so với lúc ban đầu là họ nầy lót thêm chữ "Phúc" vào thế kỷ 16. Tương truyền rằng khi sắp sinh, vợ của Nguyễn Hoàng nằm mộng thấy thần nhân cho một tờ giấy viết đầy chữ "Phúc." Có người đề nghị bà lấy chữ "Phúc" đặt tên cho con, thì bà trả lời rằng: *"Nếu đặt tên cho con thì chỉ một người được hưởng phúc, chi bằng lấy chữ "Phúc" đặt làm chữ lót thì mọi người đều được hưởng phúc."* Bà liền đặt tên con là Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1635, cầm quyền 1613-1635). Từ đó, họ Nguyễn ở Gia Miêu ngoại trang đổi thành họ Nguyễn Phúc. (14)

Dù có người nghĩ rằng các tác giả *Thế phả* đương nhiên tâng bốc tổ tiên mình, nhưng không ai có thể phủ nhận những khuôn mặt lớn trong quá trình lịch sử dân tộc như Nguyễn Bặc, Nguyễn Nộn (?-1229), Nguyễn Kim (1468-1545), Nguyễn Hoàng (1525-1613), Nguyễn Phúc Tần (1620-1687, cầm quyền 1648-1687)...

Thời điểm cực thịnh của họ Nguyễn Phúc là việc lên ngôi năm 1802 của Nguyễn Phúc Ánh tức vua Gia Long (trị vì 1802-1819), đóng đô tại Phú Xuân, cai trị một đất nước rộng lớn nhất so với các triều đại trước, từ Lạng Sơn đến Cà Mau. Các vua Nguyễn rất đông con nên ngoài việc lập Tôn nhân phủ (15) như các triều đại trước để quản lý người trong hoàng gia, vua Minh Mạng (trị vì 1820-1840) còn làm một bài đế hệ thi và mười bài phiên hệ làm chữ lót cho con cháu Nguyễn Phúc để phân định thứ bậc các hệ phái từ con cháu của Gia Long trở xuống.

Năm 1945, vua Bảo Đại (trị vì 1925-1945) thoái vị tại Huế, chấm dứt chế độ quân chủ tại nước ta, nhưng họ Nguyễn Phúc, vốn rất đông người từ thời các vua Nguyễn, vẫn cứ phát triển vững vàng, và có nhiều nhân vật nổi tiếng trong khắp các lãnh vực chính trị, quân sự, văn hóa, học thuật, kinh tế, khoa học... chẳng những ở trong nước mà cả trên thế giới.●

CHÚ THÍCH:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Việt sử thông giám cương mục*, gọi tắt là *Cương mục*, bản dịch của Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957, tt. 448-449.

2. *Cương mục*, bản dịch, tr. 456.

3. Nguyệt san *Làng Văn*, Toronto, Canada, số 125, tháng 1-1995, tr. 17.

4. Chỉ cần xem lịch sử danh nhân Trung Hoa, chúng ta thấy rất ít người họ Nguyễn; trong các từ điển danh nhân Việt Nam, họ Nguyễn rất nhiều. Ngày nay, mở danh bạ điện thoại, chúng ta thấy họ Nguyễn chiếm khoảng gần 50%.

5. Thổ quan châu Ngọc Ma (Nghệ An), tên là Hồ Ông, tự xưng là cháu ba đời vua Trần Nghệ tông (trị vì 1370-1372). Cuối năm bính ngọ (1426), để đáp ứng ý muốn của người Minh trong các cuộc thương thuyết, Lê Lợi cho đón Hồ Ông về, đổi tên là Trần Cao, đặt lên làm vua, lấy niên hiệu là Thiên Khánh. (Cương mục, bản dịch tt 803-804)

6. *Cương mục*, bản dịch tt. 864-865.

7. *Cương mục*, bản dịch tr. 880.

8. *Cương mục*, bản dịch tr. 1013.

9. *Cương mục*, bản dịch tr. 1327.

10. *Cương mục*, bản dịch tt. 1418-1419.

11. *Cương mục*, bản dịch tr. 1411.

12. *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc, Nxb. Thuận Hóa 1995, tr. 126. Gọi tắt *Thế phả*.

13. *Thế phả*, tr. 21.

14. *Thế phả*, tr. 113. Chú ý: Chữ "Phúc" còn được đọc là "Phước."

15. Sau năm 1954, Tôn nhân phủ đổi thành Hội đồng Nguyễn Phúc tộc.

TÌNH MẪU TỬ

TRẦN NGỌC TUẤN

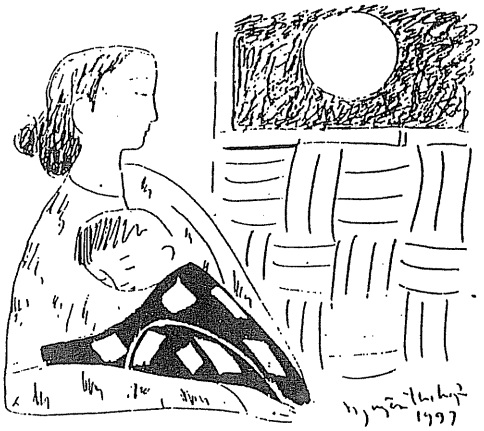

1. Dẫn Chuyện:

Năm ngoái tôi ghé lại thành phố P (thủ đô một nước Trung Âu), trọ trong khách sạn năm tầng toàn người Việt cư ngụ, giá phòng rẻ - 200 Kuron * một tối. Ở đây tôi gặp lại những món ăn "sau thời xa vắng " như : phở, bún, thịt chó... (đó là vật chất), còn tinh thần thì được nói chuyện bằng tiếng Việt thả giàn. Buổi tối, thay đi ra quán bia ngoài phố tôi giam mình trong căn phòng khoảng sáu chục mét vuông mà quý đồng hương có sáng kiến chế tác thành quán bán rượu và đồ nhắm bình dân - tiết canh, lòng lợn. Chỗ này nghe nhiều chuyện cổ nhân nói chẳng sai "Đi một ngày đàng học một sàng khôn" ngẫm lại, đúng ra phết. Ngôn ngộn chất liệu văn học mà các nhà văn giầu trí tưởng tượng cũng khó hình dung nổi. Sau này, tôi gửi tác phẩm về Việt Nam (ý có thằng bạn thân hiện làm chủ biên phần truyện ngắn trên tạp chí thuần túy văn chương) chờ mãi chẳng thấy đăng, nửa năm sau nhân có người về nước chịu tang mẹ chết (vì ăn thịt cóc bị ngộ độc), tôi nhờ anh tới tòa soạn hỏi về số phận cái truyện ngắn dạo nọ. Thằng bạn gửi thư trả lời:

... "Nữ nhà văn H nói ... văn chương nước mình là văn chương công cụ... Cố nhà văn C thì cho là văn chương minh họa... Còn truyện ngắn của mày là văn chương phản ánh hiện thực dưới lăng kính méo mó khai thác bản năng thú vật nơi con người. Thông cảm, nếu tao đăng thì rất phiền, thôi cố đợi đến năm năm, 10 năm hoặc lâu hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng và một số... tờ báo khác có thể bị tàn phá, song nhà văn Việt Nam quyết không sợ, không có gì quý hơn được viết tự do, ngày ấy các nhà văn Việt Nam sẽ xây dựng lại nền văn học đàng hoàng hơn, to đẹp hơn..." (nó nhại lại câu nói của ông Hồ trong bản di chúc). Đọc xong, ức như có xương cá mắc trong cổ, tôi khạc ra nhé !

2. Vào Chuyện:

Người Việt số 1 nói với người Việt số 2, số 3, số...: ...Tình mẹ con thiêng liêng nhất trong các loại tình cảm, mình yêu mẹ, mẹ cũng vậy.

Người Việt số 2: Tôi biết nhiều trường hợp ngược, không rõ đọc đâu - hình như ở Miền Nam nước Pháp có giống sói khi đẻ, nó ăn thịt ngay đứa đầu lòng, nếu để lớn lên con này sẽ ăn thịt mẹ và em.

Người Việt số 1: Súc vật khác với con người vì không biết tư duy.

Người Việt số 3: Cách đây không lâu, hồi hai nhà nước ký kết Hợp Tác Lao Động, khi ấy mình đang làm phiên dịch cho một đội lao động nữ, đã phải phổ biến cho chị em nghe mấy điều khoản thế này: - Nghiêm cấm quan hệ nam nữ bất chính, nếu có thai hoặc sinh con phải chịu kỷ luật với hình thức cao nhất - Buộc phải về nước - đền bù mọi chi phí - ghi lý lịch. Tội nghiệp, chị em cô nào cũng mơn mởn, vú mông cứ căng ra, họ phải yêu, lẽ dĩ nhiên chẳng ai " Yêu Chay," mình tâm lý đến nỗi phải nói với các cô về phương pháp tránh thai ví dụ như: tính chu kỳ vòng kinh, xuất tinh ra ngoài, dùng bao cao su...

Người Việt số...: Cấm đẻ, cấm yêu, thế nào là quan hệ bất chính? Giữa thời đại văn minh mà vi phạm "Bướm Quyền" nghe cứ như đùa.

Người Việt số 2: Thật đấy, bạn mới qua nên không biết. Chính sự cấm đoán đã xẩy ra nhiều vụ việc đôi khi nghĩ lại mình cứ băn khoăn về tình mẫu tử?

Người Việt Số 1: Tại sao ?

Người Việt Số 2: Có một cô gái, đẹp nhé! Nếu đi thi hoa hậu chắc sẽ đoạt vương niệm, sang Tiệp năm 18 tuổi, hai năm sau cô cắn vào trái cấm. Khổ! Lại dính vào thằng có vợ con, thằng này buôn lậu hạng "Siêu Quốc Gia," gia tài thời điểm ấy cỡ triệu phú dollar. Chỉ cần thả chút "Thính Còm" con cá diếc sinh ra ở "Ao Làng" đã mắc câu... Thai trong bụng phình to theo thời gian, cô héo hắt, xanh xao sợ bị đuổi về nước lấy đâu ra tiền đền bù, quê cô là nơi "Chó ăn đá gà ăn sỏi." Đúng lúc gay cấn thì vợ người chồng hờ mang hai đứa con sang du lịch thăm chồng, chẳng còn trông cậy vào ai, thai đã to, nạo cũng không xong vì thủ tục vô cùng rắc rối, để thì bị đuổi. Sực nhớ có bà chị con ông bác ruột qua trước mấy năm, trước kia bà chị làm nghề đỡ đẻ nhà hộ sinh xã, cô làm đơn xin nhà máy nghỉ không lương tới chỗ chị, ở trong phòng không dám ra ngoài. Ngày sinh nở người chị giúp em, (vì có chuyên môn) chỉ tiếc "Mẹ Tròn Nhưng Con Không Vuông," đợi đêm hai người nhét đứa bé vào vali mang ra rừng đào đất chôn sống, sự việc vỡ lỡ cả hai bị trục xuất về nước với tội cố sát lại còn phải ngồi tù. Năm ngoái có người cùng làng với cô về phép, khi sang kể: mới 30 tuổi, đầu tóc cô bạc trắng, suốt ngày lang thang đi bới đất, nhặt lông gà, thỉnh thoảng ôm khúc gỗ ngồi ru. Người cùng làng còn đọc cho tôi cả bài ru ấy, lời thế này:

Gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Ngủ cõi nào cho mẹ thấu con ơi!
À ơi.. xa xôi... âm dương đâu cách trở
Cũng đều vậy thôi
Mẹ xin tiền ông trời
Bay sang bên ấy đón con về
À ơi !..

Người Việt Số 3: Các bạn có nhớ phong trào vượt biên sang Đức rộ lên vào năm 89, 92 không? Từ Tiệp hình thành các đường giây đưa người. Mình quen với mấy "Ông Chủ Lớn" trong đường giây ấy, nghe kể lại ối chuyện. .. Có chị (phải gọi bằng chị vì tuổi trên 40) từ Nga sang Tiệp để tìm cách sang Đức - phó tiến sĩ hẳn hoi, làm việc ở Viện Bảo Vệ Bà Mẹ Và Trẻ Em khi sang bên này bụng chửa to, lại bế theo đứa con khoảng hơn hai tuổi vượt biên đúng lúc mùa đông, trong rừng tuyết ngập tới đầu gối hành lý lỉnh kỉnh mà nào có được đi đàng hoàng suốt mấy tiếng đồng hồ lội tuyết, vùi mình vào tuyết để tránh chó, tránh lính biên phòng. Đứa bé lại đang sưng phổi cứ ho sù sụ, chị phải bịt mồm nó sợ lính đi tuần nghe thấy phát hiện bắt cả bọn thì tiền mất tật mang. Đứa bé bị chết vì lạnh, vì ngạt, hay vì lý do gì thì mình không biết, đành phải vùi xác nó vào đống tuyết. Chuyến đi ấy trót lọt, sang Đức chị kết hôn với một ông Việt kiều, mở quán ăn, có tiền, có tình, lại đẻ thêm hai đứa nữa, nhắc lại kỷ niệm xưa, chị thở dài: Mất một, thêm ba, chắc nó phù hộ

MINH HÂN

HIỆN TẠI

Chuyện ban sáng đã qua,
Việc buổi chiều chưa tới.
Ta ngồi ngắm nắng trưa
Nghe lòng mình phơi phới...

Orange, tháng Năm 1998

cho tôi và em nó, còn trứng còn đẻ, hết trứng mới thôi... rồi còn đọc thơ :

Tổ Quốc với chẳng tổ cò
Nơi nào no ấm ta dò ta bay.

Người Việt Số...: Mình vừa sang Đức thăm bà dì, họ đang trục xuất người Việt, tuần nào, tháng nào cũng có chuyến bay, có cặp vợ chồng nhận được giấy báo hồi hương, ông bố bà mẹ mang con ra ga thả nó ngoài ấy đứa con mới ba tuổi, cảnh sát điều tra, đưa ảnh lên báo chẳng thấy ai ra nhận họ phải cho đứa bé vào trại mồ côi. Hai vợ chồng mừng rỡ, dù sao con mình vẫn sướng hơn, có tương lai hơn. Đúng lúc tôi sang, còn có đôi vợ chồng ném con từ nhà sáu tầng xuống đất sau đó cả hai nhẩy xuống tự tử, con không chết còn bố mẹ thì "Tịch" chẳng hiểu thế nào ? Nhà sáu tầng cao lắm.

Người Việt Số 1: Ở Thái Bình tết vừa rồi tôi về, nghe dân thị xã kể: Có bà mẹ dẫn hai đứa con ra trước cửa Ủy Ban Tỉnh tẩm xăng vào cả ba mẹ con yêu cầu chủ tịch phải ra nhận đơn khiếu nại việc địa phương chèn ép thuế má quá cao, nếu không ra chị sẽ châm lửa, ông chủ tịch còn sai người ra đuổi... chị bật diêm ba bó đuốc lăn lộn thét gào trên mặt đất, mọi người xô vào dập lửa thì đã muộn.

Người Việt Số 2: Làm sao lý giải về tình mẫu tử qua vài ví dụ trên, bản năng, giá trị truyền thống, quy luật sinh tồn, đạo lý, văn hóa...? Tất cả lộn tùng phèo!

Người Việt Số 3: Nhưng dù sao trong ca dao tục ngữ, truyện cổ tích vẫn còn câu hay, ý đẹp, đa nghĩa ngợi ca tình mẫu tử.

Người Việt Số...: Cũng chẳng ít các ông bố bà mẹ thương yêu hy sinh tất cả vì con, mấy cái vụ trên đây nó cũng hiếm như có người thời nay ra ngoài đường nhặt được ví tiền tìm cách trả lại cho người đánh mất.

... Đã mười hai giờ đêm cô chủ quán tới nhắc khéo: - Chỉ còn 15 phút nữa quán đóng cửa. Tôi châm thêm điếu thuốc đi về phòng - không ngủ được dù uống thêm mấy chén rượu nặng, đứng trên tầng cao nhìn xuống thành phố P (nơi được mệnh danh Paris của Trung Âu) vẫn lung linh ánh đèn. Việt Nam vào lúc này là sáu giờ sáng, một ngày mới lại bắt đầu các ông bố bà mẹ cho con ăn sáng, đưa con đến trường hoặc nhà trẻ. Bất chợt tôi nghĩ : Tối qua cái bọn trẻ con ấy chúng nó ngủ có ngon không?●

Chú Thích: * Kuron - đơn vị tiền Tiệp.

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Anh TÔ THẾ LIỆU

đã tạ thế vào ngày 5 tháng Sáu năm 1998 tại bệnh viện City of Hope, thành phố Duarte, California

Hưởng thọ 59 tuổi

Chân thành chia buồn cùng chị Tô Thế Liệu và tang quyến, và xin cầu chúc hương hồn Anh sớm tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Hội VAALA
Đài phát thanh VNCR
Tạp chí THẾ KỶ 21

NHỮNG CẢI CÁCH THÀNH CÔNG VỀ GIÁO DỤC TẠI BA TÂY: BÀI HỌC NÀO CHO CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN NHƯ VIỆT NAM?

QUỲNH ANH

Ba Tây là một nước cộng hòa liên bang với diện tích chiếm gần phân nửa Nam Mỹ. Là một nước đang phát triển về kinh tế, những năm gần đây, Ba Tây là một gương sáng cho các nước đang phát triển khác với những cải cách rất thành công và triển vọng của họ về mặt giáo dục. Dưới sự lãnh đạo của bộ trưởng bộ giáo dục Paulo Renato, số học sinh ghi danh học đã gia tăng, nạn mù chữ đã giảm thiểu và giáo dục đã trở thành mối quan tâm hàng đầu trong chính sách phát triển của chính phủ.

Trong những thập niên 50 và 60, Ba Tây có những trường công lập rất giỏi nhưng chỉ lo được cho một thiểu số học sinh mà thôi. Thời ấy, Ba Tây là một quốc gia nông nghiệp và sức mạnh cạnh tranh về kinh tế của họ phần lớn dựa trên một lực lượng lao động rẻ tiền. Ngày nay, các trường công lập cung cấp dịch vụ giáo dục cho tất cả mọi người nhưng phẩm chất giáo dục lại xuống dốc thảm hại. Dân số đã chuyển từ nông thôn, tập trung đông hơn ở thành thị. Đồng thời nền kinh tế phát triển hơn cũng đòi hỏi một lực lượng lao động có học và có tay nghề. Các kỹ nghệ gia, thương gia và tất cả mọi người tại Ba Tây bừng tỉnh hiểu ra rằng với tình trạng toàn cầu hóa và trật tự mới ngày nay, một nền giáo dục có phẩm chất cao cho tất cả mọi người không còn là chuyện xa xỉ phẩm nữa mà là một chuyện thiết yếu.

Từ nhận thức về tầm vóc chiến lược của giáo dục cho sự phát triển của quốc gia, năm 1994, tổng thống Ba Tây Fernando Henrique Cardoso đã bổ nhiệm ông Paulo Renato Souza, một nhà giáo dục chuyên môn vào chức vụ Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Tổng thống Fernando đã không theo truyền thống chính trị trước kia coi nhẹ chức vụ này và thường bổ nhiệm những người không chuyên môn với mục đích chia ghế và dàn xếp giữa các phe phái chính trị. Lần này khác hẳn, ông Paulo Renato là một nhà kinh tế lỗi lạc, viện trưởng viện đại học Campinas, một trong những viện đại học xuất sắc nhất của Ba Tây và thứ trưởng giáo dục tiểu bang Sao Paulo, nơi có hệ thống trường học lớn nhất trong nước.

Khi ông Paulo Renato nhậm chức, những vấn đề giáo dục ông phải giải quyết quả lớn lao. Trong số lực lượng lao động 71 triệu người, chỉ có 5 triệu người có học lực đại học và 20 triệu người có học lực trung học. Nạn mù chữ toàn quốc lên đến 15%. Việc đào tạo giáo chức còn rất kém và lương bổng họ thấp, có thể xuống tới mức 30 Mỹ kim một tháng. Số học sinh không đi học tại nông thôn hay bỏ học khá cao. Học sinh không đủ khả năng lên lớp trong năm đầu tiểu học lên đến 50%. Thế mà nền giáo dục Ba Tây lại có điểm mâu thuẫn : quốc gia này có nền giáo dục đại học tốt nhất trong các nước đang phát triển và họ có một số chương trình đại học xuất sắc có thể sánh vai với những đại học lỗi lạc nhất trên thế giới. Có nghĩa là trong quá khứ ngân sách quốc gia về giáo dục đã đem lại nhiều lợi ích cho cấp đại học mà không chú tâm đủ vào gia dục tiểu học và trung học cho quảng đại quần chúng. Mà giáo dục đại học thì lại có lợi cho một thiểu số rất nhỏ những con em gia đình giàu có. Cho nên việc phân bố ngân sách giáo

dục giữa cấp tiểu học, trung học và đại học cần phải cân nhắc kỹ lưỡng sao cho tiền thuế của người dân đem lại lợi ích lớn nhất cho cả nước và cho số đông nhân dân.

Khi lên đảm nhận trọng trách bộ trưởng bộ Giáo Dục, ông Paulo Renato ý thức được những nan đề giáo dục của Ba Tây và đã có một chương trình đối phó. Ngày nay, những thành quả giáo dục đã thấy rõ: sĩ số học sinh ghi danh học tiểu học và trung học đã gia tăng, số học sinh ở thôn quê bỏ học đã giảm sút, những người mù chữ trên 15 tuổi có cơ hội học lại, giáo chức trên toàn quốc được huấn nghiệp rất tốt qua một chương trình truyền hình, máy điện toán được đem vào các trường học công lập, lương giáo chức gia tăng, chương trình giảng dạy và sách giáo khoa có tiến bộ, ngân sách giáo dục cho từng địa phương được dựa trên sĩ số học sinh tại các trường và tiền của bộ giáo dục được chuyển thẳng và nhanh đến trường học và hội đồng phụ huynh học sinh.

Những thành tựu về giáo dục này của Ba Tây có phải là một bài học hữu ích cho các quốc gia đang phát triển không? Trong buổi họp tại Pakistan giữa các quốc gia có dân số cao nhất trên thế giới, ông Federico Mayor, tổng giám đốc của UNESCO, tổ chức Liên Hiệp Quốc về giáo dục, khoa học và văn hóa đã lưu ý mọi người về những sáng kiến cải cách về giáo dục của Ba Tây và hiệu quả rộng lớn của chúng. Chắc chắn rằng các quốc gia đang phát triển và đặc biệt là các quốc gia có dân số cao với rất nhiều nan đề về giáo dục, đều có thể rút tỉa được những bài học quý giá từ Ba Tây.

Trong bài phỏng vấn ông Paulo Renato Souza, bộ trưởng bộ Giáo dục Ba Tây do tập san *Hemispheres* thực hiện (tháng 4 năm 1998) ông Paulo đã cho biết những biện pháp cải cách về giáo dục của chính phủ ông.

Trong nhiều thập niên qua, tất cả các bộ trưởng giáo dục Ba Tây đều nói đến chuyện thăng tiến nền giáo dục quốc gia của họ nhưng phẩm chất giáo dục tại các trường công lập vẫn cứ xuống dốc. Nhưng lần này quyết tâm đặt giáo dục lên ưu tiên hàng đầu đến từ chính tổng thống Fernando Henrique Cardoso, người ở vị thế quyền lực nhất trong thể chế chính trị cộng hòa tại Ba Tây. Chính vì lý do đó, ông Fernando đã bổ nhiệm ông Paulo Renato Souza, một người có kiến thức chuyên môn về giáo dục trong chức vụ bộ trưởng. Mặt khác, để tránh trường hợp những chương trình cải tổ bị cắt ngang khi có một vị tổng thống và bộ trưởng giáo dục mới, chính phủ của ông Fernando đã chú trọng đến những biện pháp cải cách có tính chất cơ chế và có hiệu lực lâu dài. Đó là những thay đổi trong hiến pháp liên quan đến việc phân bố tiền trợ cấp giáo dục, những thay đổi trong luật pháp về việc thẩm định hệ thống giáo dục, về việc chuẩn nhận các đại học và những chương trình cải tổ có tính chất lâu dài, bền vững. Quan trọng hàng đầu là việc thông qua tu chính án hiến pháp, quyết định phân bố tiền trợ cấp giáo dục cho các tiểu bang và khu vực dựa trên sĩ số học sinh đi học tại các trường địa phương thay vì dựa trên tổng số dân số hay dựa trên lợi tức hay bất cứ các yếu tố nào khác. Tu chính án này đã đem lại thêm 2.3 tỷ Mỹ kim một năm cho ngân sách giáo dục. Hơn nữa, sự phân bố tiền trợ cấp giáo dục lô gíc hơn vì nó dựa trên sĩ số học sinh đi học thực sự.

Để đối phó với nạn mù chữ cao lên tới 15% dân số tại Ba Tây, ông Paulo Renato một mặt phải giải quyết tình trạng mù chữ của những người trên 15 tuổi và mặt khác tạo điều kiện cho tất cả các trẻ em có thể cắp sách đến trường. Chương trình Tương Trợ Cộng Đồng do đệ nhất phu nhân Ruth Cardoso phối hợp đã đẩy mạnh công tác dạy chữ tại các tỉnh lỵ có nạn mù chữ cao nhất trong lứa tuổi trên 15. Chương trình này phối hợp công tác giữa chính phủ, cộng đồng địa phương, các đại học và khu vực tư nhân. Thày cô được tuyển chọn từ chính cộng đồng địa phương. Họ được đại học huấn luyện về khả năng sư phạm. Bộ Giáo Dục cung cấp tài liệu giáo khoa. Khu vực tư nhân như các cơ sở thương mãi, kỹ nghệ nhận tài trợ một khu vực nhỏ và trang trải mọi chi phí cần thiết kể cả tiền trợ cấp cho các thày cô. Đây là một sáng kiến động viên cộng đồng và nhiều thành phần trong xã hội vào chiến dịch chống nạn mù chữ. *Đặc biệt là chính phủ đã từ bỏ cung cách cố hữu vừa gia trưởng vừa tập trung trước kia khi giải quyết các vấn đề xã hội.* Lần này, ý kiến, tài năng và tài lực của cộng đồng, đại học và các thương gia trong khu vực tư đã được huy động. Tại Ba Tây, nhất là ở nông thôn nhiều trẻ em không đi học vì phải ở nhà giúp cha mẹ kiếm ăn. Có đến 9% trẻ em giữa mức tuổi từ 7 đến 14 tuổi không đi học. Một chương trình hành động mang tên là *Mọi trẻ em đều đến trường* đã chuyển tiền tài trợ vào chương trình này để khuyến khích tất cả

trẻ nhỏ ở tuổi tiểu học đến trường. Một chương trình liên bang nhằm chấm dứt tình trạng thiếu nhi lao động đã giúp tiền cho các gia đình khi họ gửi con em đến trường. Một đạo luật mới thông qua tại quốc hội cũng tài trợ tiền cho các chương trình địa phương giúp đỡ tiền cho các gia đình chịu gửi trẻ đi học. Kết quả là đã có 33 000 trẻ nghỉ làm để đi học và con số này sẽ còn tăng thêm trong tương lai.

Để đối phó với nạn học sinh thi rớt, học kém và bỏ học ở tiểu học và trung học, bộ Giáo dục đã làm mọi cách để hỗ trợ các trường học. Giáo chức được huấn nghiệp tốt hơn. Bộ cũng thẩm định lại tất cả các sách giáo khoa và chỉ khuyên dùng những cuốn hay nhất. Sách giáo khoa được giao đến trường vào đúng đầu niên học thay vì chậm trễ tới giữa niên học. Tiền tài trợ của bộ giáo dục cũng đến tận tay nhà trường thay vì qua trung gian các thị trưởng như trước kia. Ngày nay số học sinh ghi danh học tiểu học và trung học đã gia tăng và số học sinh bỏ học cũng sút giảm.

Một nan đề khác là tình trạng giáo viên tiểu học vừa không được huấn luyện đủ vừa có mức lương thấp, có thể xuống đến 30 Mỹ kim một tháng. Một đạo luật mới đã bắt buộc nhà chức trách địa phương lấy ra 60% tiền tài trợ giáo dục để trả lương giáo chức giúp cho lương giáo chức được gia tăng. Một chương trình huấn luyện giáo chức có phẩm chất cao mang tên là Ti-Vi Học Đường đã giúp giáo chức trên 50 trường học toàn quốc được huấn nghiệp mỗi ngày trên ti-vi. 100 ngàn máy điện toán được cung cấp cho các trường công lập và các giáo chức đã được huấn luyện để dùng máy điện toán.

Tại Ba Tây, các học sinh các trường trung học tư thục giỏi mới có khả năng thi đỗ vào các trường đại học nổi tiếng công lập. Trong khi các học sinh nhà nghèo thuộc các trường công lập khó mà lọt qua các cuộc thi tuyển rất gắt gao trên. Để tránh tình trạng tiền đóng thuế của dân chỉ hỗ trợ một thiểu số sinh viên nhà giàu đỗ vào các trường đại học công, chính phủ đặt trọng tâm và tiền bạc vào nền giáo dục công lập tại các cấp tiểu học và trung học.

Tuy Ba Tây có một số trường đại học xuất sắc có tầm vóc quốc tế nhưng cũng có rất nhiều trường đại học kém. Chính phủ đã đặt ra một hệ thống thẩm định các chương trình học ở đại học. Đối với những trường đại học có kết quả thấp, một ủy ban của bộ giáo dục sẽ đưa ra một bản đề nghị cải tổ. Nếu nhà trường không tuân theo có thể sẽ không được tiếp tục chuẩn nhận.

Hệ thống thẩm định phẩm chất giáo dục tiểu học và trung học cũng là một thành quả đáng kể của nền giáo dục Ba Tây. Hệ thống này đã được quốc tế công nhận.

Chắc chắn rằng các nước đang phát triển trong đó có nước Việt Nam chúng ta có thể rút tỉa được nhiều bài học từ những cải cách giáo dục thành công kể trên của Ba Tây.

- **Tài liệu:** *Making the grade: an interview with Paulo Renato Souza, Hemispheres* Magazine, April 1998.

Huế chay, Huế đặc
Chưa bằng Huế rặt, Huế ròng
Những người Huế toàn tròn
và những thân hữu của Huế muốn đi vào thế giới kỳ của Cơm Hến, Bún Bò, Ngủ Đò, Mắm Ruốc....

Xin mời đọc:

Chuyện Khảo VỀ HUẾ

Của TRẦN KIÊM ĐOÀN

Sách dày 250 trang, bìa Đinh Cường, tựa Lê Văn Lân, bạt Kiêm Thêm.

Giá $12

Xin liên lạc:
Tuần báo *Làng*
6171 Stockton Blvd., Suite 180
Sacramento, CA 95824
Tel. (916) 393-4500
Fax (916) 393-6299
E-mail: langmag@aol.com

VŨ TRỤ MỞ HAY ĐÓNG?
VŨ TRỤ HỮU HẠN NHƯNG VÔ BIÊN

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Hình dạng vũ trụ như thế nào? Các nhà bác học dùng những ngôn ngữ dễ hiểu nhất nói vũ trụ giống như một quả cầu. Thật dễ tưởng tượng có một trái cầu tròn trong đó có chúng ta (nghĩa là Trái Đất, Thái Dương hệ và giải Ngân hà) đại khái nằm ở một nơi nào đó bên trong. Hình ảnh trái cầu quá quen thuộc với cuộc sống hàng ngày, nếu nó có nhân lổn nhổn bên trong cũng là chuyện thường.

Các nhà bác học còn nói vũ trụ như một quả ba lông bằng cao su mỗi lúc một nở lớn để mô tả tình trạng giãn nở của vũ trụ và khoảng cách của các thiên hà (galaxies) mỗi lúc một xa nhau thêm. Hình ảnh này cũng dễ tưởng tượng, Chúng ta lấy một quả ba lông trẻ em chơi, thổi phồng lên, rồi lấy bút chấm trên quả ba lông cao su những chấm đen cách nhau đều. Đó là hình ảnh các thiên hà trong vũ trụ. Kế đó tiếp tục thổi cho quả ba lông lớn thêm nữa, chúng ta sẽ thấy hiện tượng các chấm đen mỗi lúc một cách xa nhau. Đó là hình ảnh các thiên hà mỗi lúc một xa nhau thêm. Nếu lấy một chấm đen là thiên hà của chúng ta (thường được gọi là Ngân hà hay Milky Way), chúng ta ngồi trong chấm đó sẽ thấy các chấm khác ở xung quanh đều chạy ra xa chúng ta. Nếu có thước đo chính xác, trong khi quả ba lông tiếp tục nở lớn, ta còn thấy những chấm đen càng ở xa chúng ta càng chạy nhanh. Tốc độ chạy của các ngân hà được tính theo tỷ lệ thuận của khoảng cách. Khỏi cần nghĩ đến toán pháp, chỉ cần hình dung vũ trụ như quả ba lông có chấm đen đang bị thổi phồng cũng đủ. Dễ ợt.

Nhà bác học Stephen Hawking nói một câu có vẻ bí hiểm: Vũ trụ hữu hạn nhưng vô biên. Hữu hạn là bất cứ cái gì cũng có giới hạn của nó, chẳng hạn tờ giấy ở trước mặt các bạn là có giới hạn với bốn cạnh. Ngoài những cái cạnh đó, giấy hết, tự nhiên là như vậy. Vậy mà ông đạo vật lý tân thời lại phán là vô biên, nghĩa là không có mép, không có bờ bến gì hết là thế nào?

Sự thật cũng chẳng có gì bí hiểm. Cứ lấy Trái Đất của chúng ta mà xem thì rõ. Hiển nhiên Trái Đất là một trái cầu tròn, như trái banh, nó có hạn trong không gian. Nhưng nếu có một con kiến bò trên trái banh đó, nó sẽ thấy trái banh là vô biên vì bò hoài không thấy bờ bến giới hạn đâu hết. Con kiến bò đến ngày tận thế cũng không đến được bờ mép của trái banh. Vậy hình dung trái cầu vũ trụ của Stephen cũng dễ ợt.

Nhưng chớ vội mừng.

Vũ trụ trong thế giới hai chiều.

Khi các ông bác học bắt chúng ta phải tưởng tượng vũ trụ như quả ba lông giãn nở với những chấm đen ở trên bề mặt là các thiên hà đang chạy xa nhau, chúng ta cũng cần phải hỏi: Thế còn trong ruột quả ba lông thì sao? Trong đó có hơi nên nó mới căng phồng, liệu trong đó cũng có các thiên hà chăng?

Các ông bác học sẽ nói: Chúng tôi có bảo vũ trụ là cái gì ở bên trong trái ba lông đâu, chúng tôi bảo các anh tưởng tượng vũ trụ như cái lần vỏ cao su của trái ba lông mà thôi.

Con kiến của Stephen Hawking cũng vậy, nó có đâu hiểu trái banh là tròn, vì nó không cần biết đến cái ruột của trái banh, điều nó biết theo vũ trụ học của nó chỉ là lần vỏ của trái banh.

Các nhà bác học cũng như Stephen Hawking đã bắt chúng ta tưởng tượng vũ trụ ba chiều thành hình ảnh vũ trụ mặt phẳng chỉ có hai chiều. Bề mặt ba lông, bề mặt trái banh là mặt phẳng hai chiều, chiều dài và chiều rộng.

Nếu vậy cái mặt phẳng đó bắt buộc phải cong. Đây cũng là điều khoa học hiện đại gợi ý cho chúng ta. Vũ trụ cong. Chính vì vũ trụ

cong nên Stephen Hawking mới quả quyết vũ trụ hữu hạn mà vô biên. Vũ trụ hai chiều và nó còn cong nữa, chúng ta đã làm khổ trí tưởng tượng của chúng ta. Nhưng không làm thế, chúng ta không thể nào hiểu được lý thuyết vũ trụ học.

Nhưng lấy gì làm bằng mà nói vũ trụ cong? Bằng chứng đã có, đó là ánh sáng trong vũ trụ đến con mắt chúng ta đã bị cong. Ánh sáng trên Trái Đất, ánh sáng ở những khoảng cách tương đối gần chúng ta từ vài ngàn năm ánh sáng hay vài triệu năm ánh sáng (nghĩa là ánh sáng với tốc độ 300.000 cây số một giây đồng hồ phải chạy hàng ngàn hàng triệu năm mới đến mắt chúng ta) đã bị cong mà chúng ta không biết, ánh sáng từ muôn trùng hàng tỷ năm mới đến chúng ta còn bị cong hơn. Cái gì làm nó cong? Khối lượng vật chất trong vũ trụ làm nó cong.

Thật ra lý thuyết vũ trụ cong đã có sẵn trong thuyết tương đối tổng quát của nhà bác học Albert Einstein từ 70 năm nay và đã được chứng minh. Chỉ riêng thuyết này cũng đã hành hạ trí tưởng tượng của chúng ta rồi. Einstein nói không những không gian mà cả thời gian cũng bị cong. Vũ trụ là một khối quyến thuộc không-thời gian, khi nó cong có nghĩa là cả bốn chiều đều cong. Tưởng tượng không gian ba chiều thành thế giới hai chiều đã khổ, bây giờ lại bắt nhồi thêm vào đó một chiều thời gian làm nó cong luôn còn khổ đến đâu.

Stephen Hawking không phải là người phát minh ra tất cả những gì khoa học đã tìm thấy về vũ trụ, ông chỉ là người dựa trên những khám phá của các thế hệ khoa học trước và xây dựng những lý thuyết của riêng mình. Vũ trụ không gian và thời gian cong làm ánh sáng cũng cong. Vì thế, nếu ánh sáng xuất phát từ một nơi nào trong vũ trụ và nếu nó có đủ năng lượng duy trì cường độ của nó mãi, rút cuộc muôn muôn tỷ tỷ năm sau nó cũng lại trở về chỗ cũ như con kiến bò vòng quanh Trái Đất để rồi trở lại nơi nó xuất phát.

Nhưng dù nếu ánh sáng có đủ mạnh mà chạy hàng tỷ năm như vậy, nó cũng không thể trở về chỗ cũ vì có lẽ vũ trụ đã chết ngóm từ lâu rồi. Chúng tôi muốn trở lại đề tài chính: vũ trụ của chúng ta kết thúc ra sao.

Tất cả tùy thuộc trị giá khẩn trương.

Hiện nay các nhà bác học vẫn tranh cãi về hai số phận của vũ trụ. Một là khi vũ trụ nở đến một độ nào đó (khoảng 180 tỷ năm), rồi ngừng nở, để sau đó vũ trụ lại thu vào, quay ngược tiến trình nở mà co rút lại. Người ta gọi đây là vũ trụ sụp đổ. Hai là vũ trụ không co vào mà tiếp tục nở hoài, nở đến ngày tận thế vũ trụ, nghĩa là đến thời kỳ mọi thiên hà, mọi ngôi sao xa cách nhau vĩnh viễn, giống như vệt khói tan biến mất tiêu, mọi thứ tản mạn đi hết không còn liên hệ gì với nhau, vũ trụ trở thành một bãi tha ma hoang vắng, tĩnh mịch và bất động.

Cả hai dạng kết thúc nói trên có nghĩa là vũ trụ sẽ chết. Vũ trụ sụp đổ được coi là vũ trụ đóng (closed universe), còn vũ trụ nở mãi được gọi là vũ trụ mở (open universe).

Nhưng cái gì làm vũ trụ đóng hay nở? Vũ trụ có một lực quan trọng nhất là lực hấp dẫn. Vũ trụ có vật chất, nghĩa là các thiên hà, các ngôi sao, kể cả những vật không đáng kể trong tầm vóc vũ trụ là những hành tinh như Địa Cầu của chúng ta. Hễ có vật chất là có sức hút. Chúng ta đã biết vật chất hút lẫn nhau, Mặt Trời hút Trái Đất, Trái Đất hút Mặt Trăng, Sở dĩ con người và muôn vật đứng vững trên vỏ quả Địa Cầu này cũng là nhờ sức hút của nó, ta gọi là trọng lực hay hấp lực.

Nếu các thiên hà là những khối vật chất khổng lồ hút lẫn nhau, tại sao các nhà bác học lại nhìn thấy nó đang chạy xa nhau theo thuyết vũ trụ giãn nở?.

Đó là vì vụ Bùng nổ (Big Bang) đầu tiên khi vũ trụ xuất hiện. Chúng ta hãy tưởng tượng vụ nổ của một trái lựu đạn. Khi đạn nổ các mảnh văng ra ngoài. Các mảnh đó là những thiên hà và chúng ta hiện nay đang ở trong một thiên hà và đang nằm trong vụ nổ, chứng kiến các mảnh khác văng ra xa.

Cái đà văng đó quá mạnh thắng được lực hấp dẫn. Nhưng khi các mảnh văng ra hết đà, lực hấp dẫn bắt đầu lấn lướt, nó kéo các mảnh trở lại thành vũ trụ sụp đổ. Vậy các mảnh văng hút lại với nhau (vũ trụ đóng) hay văng đi hoài (vũ trụ mở)?

Vấn đề tùy thuộc hai yếu tố đối nghịch: sức văng có đủ mạnh không, tức là các thiên hà có chạy nhanh không, và đối lại vật chất trong vũ trụ có nhiều không để tạo thành sức hấp dẫn đủ mạnh mà kéo lại.

Thời nay người ta đã có thể tính tốc độ chạy của các thiên hà. Sức giãn nở của vũ trụ tính theo hằng số Hubble, hằng số này đang phải sửa lại cho thật chính xác. Nhưng dù chạy nhanh hay chậm, quan trọng nhất vẫn là số

lượng vật chất của vũ trụ có nặng hay không để tạo ra sức hút làm giảm sức nhanh đó và cuối cùng có thể kéo các mảnh trở lại.

Tại sao nói nhanh hay chậm không quan trọng? Đó là vì theo các con tính vật lý, tốc độ chạy của các thiên hà ngay từ lúc khởi hành không thể quá nhanh và cũng không thể quá chậm, nó phải ở trong một phạm vi nào đó. Nếu lúc các thiên hà mới thành hình, chúng chạy quá chậm (tốc độ yếu), chúng sẽ bị mật độ khối lượng vật chất của chúng kéo chúng lại và vũ trụ sẽ chết ngay từ đầu chớ không thể thành hình như ngày nay. Còn nếu chúng chạy quá nhanh (tốc độ mạnh), chính các thiên hà cũng tan rã chớ không tụ thành từng khối để có các ngôi sao như chúng ta đã thấy.

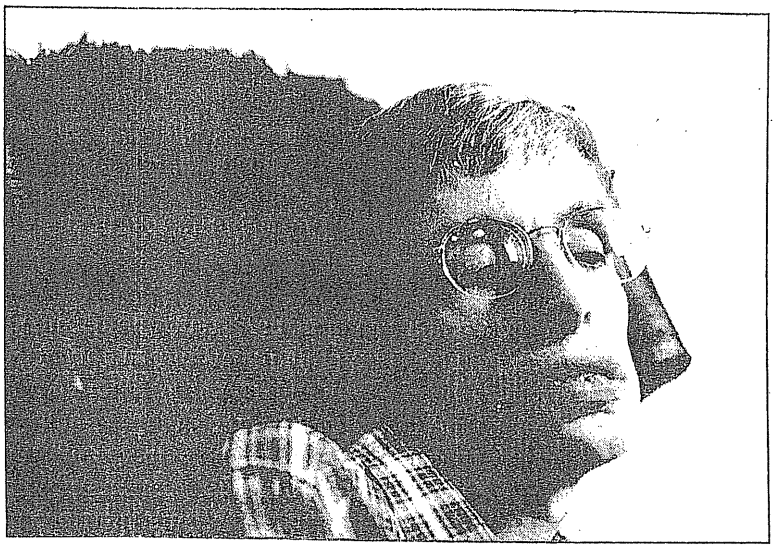

Stephen Hawking tại Caltech

AL SEIB / Los Angeles Times

Như vậy vũ trụ đóng hay mở tùy thuộc một câu hỏi giản dị: vũ trụ cân nặng bao nhiêu? Cố nhiên hỏi thì quá dễ, câu trả lời quá khó. Không một thứ máy hiện đại nào, không một trí tuệ ghê gớm nào có thể tính sức nặng của vũ trụ. Chưa nhìn hết vũ trụ mà dám tính vũ trụ năng bao nhiêu thật là coi Trời bằng vung, Cũng giống như một chú ếch ngồi đáy giếng chưa lên mặt đất bao giờ mà dám nói Trái Đất nặng bao nhiêu.

Thế nhưng các nhà khoa học lại có cách khác để tìm hiểu vấn đề. Họ nói đến mật độ khối lượng khẩn trương (critical mass density). Chúng ta đều biết ý nghĩa của từ "mật độ". Một thí dụ đơn giản nhất, người ta chỉ cần múc một muỗng dầu trong thùng lên nghiên cứu là có thể biết dầu trong thùng sệt hay loảng, khỏi cần đem cả thùng ra mà coi người ta cũng biết mật độ dầu như thế nào.

Mật độ khối lượng vũ trụ bao nhiêu chưa thể biết chính xác, nhưng cũng có thể ước lượng. Con tính mật độ vũ trụ không đơn giản như múc một muỗng dầu, mặc dù người ta có thể ước lượng một ngôi sao hay một thiên hà nặng bao nhiêu khi đo được chính xác hấp lực của nó. Thế nhưng từ mấy năm nay, con tính mật độ gặp trắc trở lớn vì các nhà bác học biết rằng ngoài những thiên hà mà chúng ta nhìn thấy để ước tính có bao nhiêu thiên hà, lại còn những vật chất tiềm ẩn trong vũ trụ và số lượng vật chất này không nhỏ. Đó là chất tối (dark matter) mà khoa học xác nhận có thể còn nhiều hơn gấp bội những vật chất mắt thường nhìn thấy trong vũ trụ.

Nhưng các nhà bác học không nói đến mật độ khối lượng vũ trụ. Họ chỉ nói đến trị giá "mật độ khẩn trương." Thế nào là khẩn trương? Đây chỉ là một phép toán. Khẩn trương có nghĩa là đến ranh giới nguy hiểm, đến giới hạn xác quyết, một phía là vũ trụ đóng và một phía là vũ trụ mở.

Sau khi ước lượng được phạm vi phải có của tốc độ giãn nở, các nhà bác học tính trị giá mật độ khẩn trương để xác đinh mật độ này đến đâu thì vũ trụ đóng và đến đâu thì vũ trụ mở. Thí dụ mật độ khẩn trương là con số 1, trên số đó một chút (1.00000000001 chẳng hạn) là khối lượng vũ trụ đủ nặng để kéo trở lại thành đóng, nhưng nếu dưới một chút (như 0.9999999999) là khối lượng vẫn không đủ sức hấp dẫn kéo trở lại, thành ra mở.

Sự sai lầm của Einstein.

Như vậy theo nhà bác bọc quái kiệt Stephen Hawking, vũ trụ đóng hay mở?

Nếu theo thuyết vũ trụ hữu hạn và vô biên của Hawking trước đây, lấy bề mặt của trái cầu như quả đất biểu diễn ba chiều không gian và một chiều thời gian, hiển nhiên vũ trụ phải đóng. Bởi vì vũ trụ được hình dung như vậy dù giãn nở đến mấy rút cuộc vẫn là hình tròn. Và khi là bề mặt hình tròn, vũ trụ vẫn đóng, vì

như con kiến bò hoài trên mặt Địa cầu rút cuộc nó phải trở về chỗ cũ. Khi đã là hình tròn hữu hạn có ngày vũ trụ phải thu vào.

Nhưng gần đây Kawking nói ông bắt buộc phải xét lại quan điểm của ông, dựa trên những chứng cớ ngày càng nhiều của một vũ trụ mở. Thí dụ như hồi trung tuần tháng 3-98, những kết quả đo lường mới về các ngôi sang đang nổ có vẻ cho thấy vũ trụ giãn nở nhanh hơn ở những vùng bờ mép của nó.

Điều đó có nghĩa là vũ trụ sẽ không bao giờ co cụm lại để đi đến sự sụp đổ Big Crunch, mà sẽ nở ra đến vô cùng tận. Thay vì là một trái cầu tròn, vũ trụ nở giống như một cái tù và, một đầu thì nhỏ còn đầu kia càng lúc càng rộng và mở ra toang hoác. Cuối cùng sau chót hết, nó sẽ biến vào hỗn loạn, "trải loãng sâu thêm mãi trong không gian và thời gian." Câu này tôi dịch nguyên văn mấy chữ của các ký giả Mỹ "spreading forever deeper into space and time."

Theo tôi nghĩ, vụ trụ chính là không gian và thời gian. Vũ trụ không phải là thực thể tách rời không gian và thời gian để tan biến hay mờ dần trong đó. Có lẽ Stephen Hawking muốn nói vũ trụ mở, tan loãng có nghĩa là không gian và thời gian tan loãng trong hư vô (neant, emptiness) để chấm dứt hết, cả không gian và thời gian cũng không còn nữa.

Điều trớ trêu là sức mạnh ghê gớm đẩy các thiên hà trong vũ tụ tiếp tục chạy xa nhau đến ngày tận thế, không phải là "đà" vụ nổ ban đầu như đã nói cho dễ hiểu, mà thực ra là một năng lượng của không gian rỗng không của vũ trụ. Đó là lực đẩy đối nghịch với lực hút. Trước đây khi Einstein hoàn thành lý thuyết tương đối tổng quát ông đã đề nghị một lực tiêu cực như vậy - mà ông gọi là hằng số vũ trụ. Lực tiêu đó là lực đẩy để hóa giải lực tích là lực hút, tức lực hấp dẫn mà ông đã giải thích trong nhưng phương trình rất đẹp về vũ trụ không-thời gian. Vì nếu không có lực tiêu, vũ trụ sẽ không giãn nở được vì lực tích sẽ kéo các thiên hà lại thành một đống. Khốn thay sau đó chính Einstein đã phải nhìn nhận rằng đưa ra thuyết về một lực tiêu như vậy là một sự sai lầm lớn của ông. Bởi vì môn vũ trụ học đã tìm thấy lý do vũ trụ giãn nở bất chấp lực hút. Đó là thuyết bộc pháp (inflationary) và (siêu bộc phát (super-inflationary theory).

Bây giờ Stephen Hawking lần đầu tiên muốn ấn chứng cho thuyết mà Einstein nghĩ ra rồi lại bỏ. Ông nói với các nhà báo như một câu như nói đùa: "Áp lực tiêu cực cũng chỉ là trạng thái căng thẳng của thế giới hiện đại mà thôi."

Đã đến lúc chúng ta đi đến câu nói ỡm ờ vũ trụ vừa đóng lại vừa mở.

(còn tiếp)

Tìm đọc:

THIỀN SƯ TĂNG HỘI

biên khảo của NHẤT HẠNH

Cuốn sách trình bày những nét chính về hành trạng và tư tưởng của Thiền sư Tăng Hội mà Phật tử Việt Nam thờ phụng như một vị sơ tổ của Thiền học Việt Nam.

ĐI VÀO CÕI THƠ - Cuốn Một

THI CA TƯ TƯỞNG

(Tính Sổ Đoạn Trường)

tức Đi Vào Cõi Thơ - Cuốn Hai

của BÙI GIÁNG

"...Ngôn ngữ thơ trong vài thế kỷ này đã nảy nở xum xuê, thiên hình vạn trạng. Hoặc ẩn mật thần bí, hoặc đơn giản như một lời ca dao, thi ca vẫn có sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền nhiệm của cuộc sống." Bùi Giáng - Thi Ca Tư Tưởng

AN TIÊM xuất bản - VĂN NGHỆ phát hành:

P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761

TRIỆT SẢN VĨNH VIỄN 50 NGÀN PHỤ NỮ BẰNG THUỐC QUINACRINE CÓ THỂ GÂY UNG THƯ

CAM VĂN

Trong Tháng Sáu, nhật báo The Wall Street Journal (WSJ) viết về chuyện hai bác sĩ Mỹ chế và phát không thuốc viên Quinacrine để triệt đường sinh đẻ của hàng trăm ngàn phụ nữ ở hơn 20 nước nghèo, trong đó có 51 ngàn người Việt Nam. Hai bác sĩ Mỹ đã được các tổ chức cực hữu góp cho hàng triệu đô la, vì chủ trương của họ là ngăn chặn tận gốc làn sóng di dân từ các nước nghèo vào nước Mỹ.

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) yêu cầu các nước không dùng thuốc Quinacrine vì nó có thể gây ra bệnh ung thư. Quinacrine là loại thuốc có khả năng gây đột biến di truyền (mutation) trong các tế bào. Nhiều phòng thí nghiệm y khoa ở Mỹ đã thử và xác nhận Quinacrine từng gây đột biến trong tế bào, và cơ quan WHO cho biết 60% đến 80% các chất gây đột biến di truyền (mutagen) cũng gây ra bệnh ung thư.

Trong ba năm, thí nghiệm trên 31 ngàn phụ nữ

Hai bác sĩ Stephen D. Mumford và Elton Kessel là những người duy nhất trên thế giới cung cấp loại thuốc triệt sản vĩnh viễn này. Họ phát thuốc miễn phí trên 20 nước ngõ hầu mở một cuộc "thánh chiến" nhằm ngăn ngừa nạn dân số bùng nổ.

Bác sĩ Đỗ Trọng Hiếu, Giám đốc về Kế hoạch hóa Gia đình ở Việt Nam đã cổ võ cho thuốc Quinacrine từ năm 1986, khi ông gặp Bác sĩ Kessel ở New Delhi, và được tặng một số viên Quinacrine. Chương trình hạn chế sinh sản ở Việt Nam lúc đó thường dùng lối đặt vòng xoắn, tốn 2,5 đô la một năm cho mỗi phụ nữ. Ngân sách cho việc Hạn chế sinh sản của chính phủ Việt Nam chỉ có 15 xu Mỹ cho một bà, cho nên ông Hiếu đã hồ hởi tiếp nhận thuốc Quinacrine, vì thuốc được tặng không — chi phí sản xuất chỉ tốn gần một xu Mỹ cho việc triệt sản một phụ nữ.

Sau ba năm, khi hơn 31 ngàn phụ nữ đã được triệt sản với thuốc Quinacrine rồi, chính phủ Việt Nam quyết định theo dõi, kiểm tra hiệu quả của thuốc. Họ thấy có 13% phụ nữ được dùng thuốc vẫn mang thai, và họ cũng không tìm thấy triệu chứng nào về bệnh ung thư. Để giải thích tỷ lệ 13% thất bại, B.S Hiếu cho là vì 1,300 cán bộ triệt sản chưa được huấn luyện kỹ. Chương trình dùng thuốc Quinacrine ở Việt Nam chỉ được bỏ năm 1993, sau khi tổ chức Y tế thế giới WHO bắt buộc. Khi đó 51 ngàn phụ nữ Việt Nam đã được đem thử. Trên thế giới cho đến năm 1997 mới có khoảng 104 ngàn phụ nữ dùng thử thứ thuốc này. Sau Việt Nam, đứng thứ nhì là 26 ngàn ở Ấn Độ, 15 ngàn ở Pakistan. Ở Trung Quốc cũng chỉ có 700 người. Không có ai ở các nước Âu Mỹ được phép dùng thuốc Quinacrine. Tại Bangladesh, sau khi các bác sĩ cho 4,700 người thử, thuốc đã bị cấm. Ấn Độ đang chuẩn bị làm luật cấm.

Nhiều tổ chức thế giới về kế hoạch hóa gia đình cũng chống việc dùng thuốc Quinacrine vì sợ gây ung thư. Cơ quan kiểm soát dược phẩm và thực phẩm (FDA) ở Mỹ không cho phép sử dụng thuốc này, nhưng việc dùng

thuốc ở nước khác không thuộc thẩm quyền của họ. Bà Adrienne German, chủ tịch Liên minh Y tế Phụ nữ Quốc tế ở New York nói rằng việc đem phát thuốc Quinacrine cho phụ nữ là hành động tội lỗi, cần phải cấm đoán. Ông Thomas Merrick, phụ trách cho các chương trình kế hoạch hóa gia đình vay tiền của Ngân hàng Thế giới, nói là việc cho dùng thuốc Quinacrine ở các nước nghèo, trong khi các nước tiền tiến cấm vì sợ nguy hiểm, cho thấy phụ nữ nước nghèo bị đối sử phân biệt.

Hai Bác sĩ Kessel và Mumford, chụp ở Ấn Độ.

Họ coi tôi là chuột để thí nghiệm?

Trong số 51 ngàn phụ nữ Việt Nam đã dùng thử thuốc này, nhiều người không hề biết họ đã được đem ra thí nghiệm. Như ở đồn điền Cao su Hòa Bình, cách Sài Gòn năm giờ lái xe.

Một công nhân đồn điền, báo WSJ ghi tên là bà Nguyễn Thi, kể lại ngày 10 Tháng Ba năm 1993 bà đến trình diện ở Chẩn y viện, để bác sĩ khám về sản phụ khoa. Nhưng B.S. Dương Đăng Hạnh trong khi khám đã rút cái vòng xoắn ngừa thai trong mình bà Thi ra, và cho thuốc Quinacrine vào. Công việc diễn ra trong mấy phút.

Bác Sĩ Đỗ Trung Hiếu, Giám đốc Kế hoạch Hóa Gia đình của Việt Nam

Việc cho thuốc Quinacrine được thực hiện với một ống thụt như ống chích, làm bằng plastic. Ống dài khoảng 20 phân tây, trong chứa một liều bảy viên thuốc Quinacrine, mỗi viên dầy khoảng ba mi li mét. Ống thụt đẩy thuốc vào sâu trong tử cung để tan trong vòng một giờ. Thuốc tan ra có tác dụng phá hủy lớp da trong ống dẫn trứng, lớp sẹo sẽ ngăn cho trứng khỏi rụng, từ đó tuyệt đường sinh sản. Muốn hiệu quả chắc chắn, nhóm bác sĩ Kessel, Mumford khuyến cáo một tháng sau phải bơm thuốc lần thứ hai.

Bác sĩ Dương Đăng Hạnh đã triệt sản 106 nữ công nhân đồn điền cao su Hòa Bình theo cách đó, tất cả không ai biết họ đã được đem làm thí nghiệm theo chương trình của các nhóm cực hữu ở Mỹ. Chỉ đến khi có mấy bà bị nhiễm độc phải đi chữa trị, họ mới biết rằng đã bị nhét thuốc triệt sản vào tử cung.

Khi gặp nhà báo ngoại quốc bà Nguyễn Thi đặt câu hỏi: "Có phải họ coi chúng tôi là chuột hay sao mà họ muốn làm gì trên thân thể chúng tôi thì làm?" Bà Thi, 41 tuổi, với thân hình gầy guộc và làn da nhăn nheo xạm nắng, dấu tích của một đời lao động nhọc nhằn, trên mặt biểu lộ những nét cay chua.

Câu chuyện cưỡng bách triệt sản bằng thứ thuốc có cơ gây bệnh ung thư bị chôn vùi trong rừng cao su Hòa Bình, vì không cho ai được biết và được loan tin. Tháng Hai vừa qua, một nhà báo đến đây tìm hiểu câu chuyện đã bị bắt rời khỏi đồn điền ngay lập tức, các tờ giấy ghi chú của cô ta cũng bị công an tịch thâu.

Về phần Bác sĩ Hạnh, người bác sĩ trẻ

măng này nói ông ta đã làm đúng chỉ tiêu, theo danh sách các nữ công nhân cần triệt sản mà Ban Giám đốc Đồn điền Cao su Hòa Bình đã trao cho ông ta. Nhà báo đã không thể phỏng vấn ban giám đốc Đồn điền cao su Hòa Bình, vì họ từ chối. Nhưng một số người trong ngành Y tế ở Hà Nội đoán rằng Ban giám đốc Đồn điền áp dụng kế hoạch triệt sản vì không muốn nữ công nhân sinh đẻ, việc thai sản cản trở kế hoạch sản suất cao su.

Một nữ công nhân khác, bà Nguyễn Thị Lành, không những bị nhiễm độc sinh bệnh vì phương pháp thụt thuốc vào tử cung thiếu tiêu chuẩn vệ sinh, bà lại còn bị chồng đánh, sau khi các ông chồng ở đây biết vợ mình bị triệt sản. Ông chồng bà Lành đã đuổi bà ra khỏi nhà và hiện nay bà và các con đang đi ăn xin ở ngoài chợ.

Trong ngăn kéo bàn giấy của ông, B.S. Hiếu vẫn giữ một mớ thuốc Quinacrine. Bác sĩ Hiếu nói rằng ông đem thuốc Quinacrine về dùng ở Việt Nam vì chi phí quá rẻ. Nhiều phụ nữ Việt Nam cũng nghĩ như vậy. Nhà báo kể rằng khi bác sĩ Mumford đến Việt Nam năm 1992 ông ta được đón tiếp như một anh hùng. Bà Đặng Thị Mai, 47 tuổi, có ba con, đã chờ đợi mấy giờ để gặp ông Mumford tại trụ sở Cơ quan Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Nam Định. Khi bác sĩ Mumford đến, bà Mai tự giới thiệu là

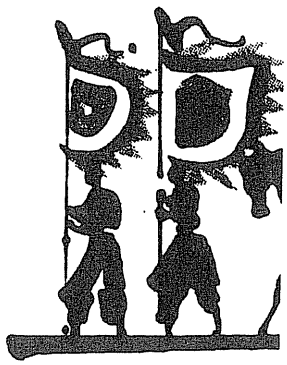

HỒNG KHẮC KIM MAI

PHẤT PHỚI NGỌN CỜ

Những đêm hề bóng bạc trụy đồng
Ưu tư hề vấy đục vầng trăng
Nghiêng ngả hề mòn tim lữ thứ
Cuộc đời hề mấy cõi thăng trầm

Ta phất ngọn cờ hề ta thắng ta
Ta đi bốn bể hề gióng tiếng sơn hà
Mặt trời mọc phương đông nghe oai của sấm
Rụng cần câu tán loạn nắng tiêu nhòa

Hỡi ai hề nằm yên trong chăn
Mở mắt hề ngắm bụi phong trần
Coi đời hề đành tâm sao anh
Đứng dậy hề xe ngựa đáo thành

Ta dong ngựa sắt hề vòm trời cao
Ta gọi bè trôi hề bến sông nào
Mặt trời lặn phương tây bức đùng tiếng nổ
Rầm rộ chân người về thơm nức phương nao

Yên ba chưa xong
Cho anh lên đường
Bay trong bụi hồng
Giục giã biên cương

Gót ngọc tòa son
Lấy lừng nhuệ khí
Ta theo heo may
Đi trong gió sớm
Anh về nửa khuya
Đuốc ngọn cầm tay
Rực sáng đêm ngày

một tín đồ Việt Nam đầu tiên của thuốc Quinacrine. Tại nơi bà làm việc, một nhà máy làm mì ăn liền ở Nam Định, các phụ nữ được khuyến khích dùng thuốc này, bà nói là "để sống khỏe mạnh và giữ sức sản xuất cao."

Bà Lê Thị Mầu, đại diện Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam nói với ông Mumford rằng bà không hiểu tại sao chính phủ lại không cho dùng Quinacrine nữa trong khi còn nhiều phụ nữ vẫn xin dùng. Bác sĩ Trần Thị Vinh, Giám đốc Kế hoạch Gia đình tỉnh Nam Định kêu gọi ông Mumford hãy đi "rao giảng lợi ích của thuốc Quinacrine cho cả thế giới biết."

Kỳ thị di dân

Phóng viên báo *The Wall Street Journal* đã tới Ấn Độ và Bangladesh, nhưng trong bài này chúng tôi chỉ dẫn các đoạn liên quan đến Việt Nam. Nhà báo đã đến coi tầng hầm ngôi biệt thự của B.S Mumford ở Chapel Hill, tiểu bang North Carolina, trong đó còn 300 ngàn viên thuốc Quinacrine, có thể dùng để triệt sản thêm 20 ngàn phụ nữ nữa.

Bác sĩ Mumford, 55 tuổi, nói rõ một mục đích kế hoạch triệt sản của ông là giảm bớt số di dân từ các nước nghèo có thể sẽ tràn vào nước Mỹ. Ông nói, "Sự bùng nổ dân số (ở Mỹ), vào năm 2050 sẽ hoàn toàn do các di dân hay con cháu của họ gây ra, hiện tượng đó sẽ chế ngự đời sống của chúng ta (người Mỹ). Sẽ xảy ra hỗn loạn và tình trạng vô chính phủ... Nạn nhân mãn là một vấn đề nghiêm trọng cho An ninh Quốc gia, còn nghiêm trọng hơn cả vũ khí nguyên tử." Bác sĩ Mumford thành lập Trung tâm Nghiên cứu về Dân số và An ninh. Ông chỉ trích Giáo hội Công giáo khuyến khích các di dân công giáo vào nước Mỹ.

Người đi vận động tài chánh tích cực nhất cho hai bác sĩ Kessel và Mumford là ông Donald A. Collins và bà Sally G. Epstein, ở Washington D.C.. Hai người này đều ngồi trong Hội đồng Quản trị của một tổ chức chống di dân mang tên Federation for American Immigration Reform (FAIR). Ông Collins còn ở trong H.Đ.Q.T. Cơ quan Scaife, tổ chức này đã cấp 160 ngàn Mỹ kim từ năm 1994, cho việc chế thuốc Quinacrine. Ngoài ra, gia đình Lee Fikes ở Dallas cũng cho 320 ngàn Mỹ kim. Cả cơ quan Scaife và Gia đình Fikes đều hỗ trợ tài chánh cho tổ chức chống di dân FAIR.

Việc sản xuất ba triệu viên thuốc Quinacrine trong thập niên qua chỉ tốn 36 ngàn Mỹ kim, mà số tiền tặng "Trung tâm Nghiên cứu" của hai ông bác sĩ đã lên đến một triệu.

Bác sĩ Mumford sinh ở tiểu bang Kentucky, đậu bác sĩ ở Đại học Texas, chuyên về hạn chế sinh sản. Bác sĩ Kessel tốt nghiệp các Đại học Havard và Chicago, đã làm việc ở Ấn Độ thập niên 1950. Hai người gặp nhau khi cùng làm cho Viện nghiên cứu FHI (Family Health International) ở North Carolina vào thập niên 1970, sau đó thì ông Kessel bị sa thải khỏi viện này, vì ông viết những bài chống giáo hội La Mã.

Kessel biết đến khả năng triệt sản của thốc Quinacrine nhờ B.S. Jaime Zipper, người đã chế ra thuốc này, thứ thuốc ở thể lỏng lúc đầu dùng để trị bệnh sốt rét. Kessel mang thuốc Quinacrine lỏng qua Bangladesh cộng tác với Chowdhury ở địa phương, cùng thí nghiệm khả năng triệt sản. Lần thử đầu tiên, năm 1973 có kết quả thảm khốc. Bơm thứ thuốc lỏng đó vào tử cung một bà 28 tuổi, vài phút sau bà ta chết vì độc. Từ đó Bác sĩ Chowdhury không bao giờ đụng tới Quinacrine nữa. Nhớ lại chuyện cũ, ông nói, "đúng là một vụ giết người lạnh lùng tàn nhẫn."

Kessel không nản chí, tiếp tục cùng Zipper tìm cách chế thành thuốc viên, an toàn hơn khi thụt vào tử cung để tan từ từ. Sau đó, Kessel và Mumford đi truyền bá việc dùng thuốc Quinacrine khắp thế giới, chi phí do các hội cực hữu ở Mỹ bảo trợ.

Bác sĩ Đỗ Trọng Hiếu cho biết ông muốn được dùng thuốc Quinacrine trở lại, nếu không bị Cơ quan Y tế Thế giới ngăn cấm.●

Một ly cà phê buổi sáng
Một tờ báo để đọc

NHẬT BÁO VIỄN ĐÔNG

5 ngày một tuần
Thứ Ba, Thứ Tư, Thứ Năm,
Thứ Sáu và Thứ Bảy
Tràn ngập tin tức, thời sự
về Hoa Kỳ, Việt Nam và thế giới

[714]379-2851 /Phone

[714]379-2853/Fax

NGUYỄN TUÂN VÀ TÁC PHẨM CHIẾC LƯ ĐỒNG MẮT CUA

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Người có bổn mạng nam Nhâm nữ Quý thì tuyệt nhất trong đời. Vậy mà tôi sinh vào năm Nhâm Ngọ ngày 22.8.1942 lại ở trong một gia đình cày thuê cuốc mướn, tôi không được sớm cắp sách đến trường. Mãi khi gia đình có điều kiện cho tôi đi học, thì ba tôi lại phải xa làng nhờ vị Hương bộ cho tôi hạ xuống ba tuổi tức là tôi "được" sinh vào năm 1944. Làng tôi ở một vùng quê nghèo nàn hẻo lánh có tên Hiệp Mỹ rồi hợp nhất với làng Hiệp Thanh lấy tên chung là Mỹ Thanh lúc thì thuộc tỉnh Khánh Hòa khi thì chia cho tỉnh Ninh Thuận. Rồi đến năm 1965 chính phủ cắt xã Cam Thọ trong đó có thôn Mỹ Thanh của tôi và xã Cam Lục (toàn người Thượng) thuộc quận Du Long, tỉnh Ninh Thuận và toàn bộ đất quận Cam Lâm (Suối Dầu cũ), tỉnh Khánh Hòa để thành lập thị xã Cam Ranh, vị thị trưởng đầu tiên là Trung Tá Phan Trọng Thiệu và người sau cùng là Đại Tá Trần Công Liễu. Hiện nay làng tôi trở lại thuộc tỉnh Khánh Hòa. Học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm hiện sống ở Pháp đã có một thời làm tỉnh trưởng Khánh Hòa vào năm 1953, và tỉnh trưởng Ninh Thuận 1954, một vị tỉnh trưởng được nhân dân ở hai tỉnh duyên hải này rất kính mến.

Nhà tôi thuở ban đầu là căn nhà lá một gian lợp tranh vách cài nẹp tàu dừa nằm bên cạnh chiếc cầu có tên Bàu Xoi, dưới cầu dòng nước chảy trong xanh hai bên bờ lau sậy, cây sung, cây dừng thi nhau bốn mùa soi bóng nước. Cũng ở dòng nước này đáng ghi nhớ nhất với lời xưa truyền lại rằng cụ Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) ra Huế thi hương nghe tin mẹ mất phải trở về Gia Định chịu tang, trên đường về cụ và đứa tiểu đồng có dừng chân lại nơi đây để tắm giặt. Do vậy khi lớn lên nghe được chuyện kể tôi rất lấy làm hãnh diện là mình đã hân hạnh tắm chung một dòng nước với... người xưa, mặc dù tôi biết "không ai được tắm một dòng nước đến

hai lần."

Thuở nhỏ tôi không dám mơ ước là mình sẽ có dịp thấy được ánh đèn điện ở thành phố, vậy mà theo thời gian rồi tôi cũng được gia đình cho lên tỉnh, rồi vào Sài Gòn. Năm đầu ở thủ đô, tôi theo học tại trường trung học tư thục Hoàng Việt ở đường Phan Đình Phùng do thầy Ngô Duy Cần làm hiệu trưởng, năm đó là niên khóa 1960 - 1961, lớp đệ nhị A2.

Tôi nhớ thầy Ngiêm Toản dạy cổ văn nhưng một hôm thầy "leo" sang Kim văn, thầy nói về "Vang Bóng Một Thời" của Nguyễn Tuân và trích đoạn cho lớp tôi bình giảng. Từ đó tôi biết yêu VBMT vì thầy Nghiêm Toản còn "khoe" tác phẩm này hay và được Nguyễn Tuân quý nhất.

Những gì đã nhập tâm in sâu vào ký ức thì tôi rất khó quên. Bởi vậy đến năm 1988 tôi có dịp ra Nha Trang thăm cụ Quách Tấn (lúc sinh thời) được nghe cụ luận về văn thơ tôi có khơi lại VBMT và hỏi thăm về Nguyễn Tuân thì cụ cho biết những năm đầu của thập niên 80, Nguyễn Tuân có vô Nam và nhân trong một bữa tiệc với một số văn hữu ở Sài Gòn nhà văn có xác định tác phẩm mà ông yêu thích nhất lại là "Chiếc Lư Đồng Mắt Cua."

Mãi đến nay tình cờ tôi đọc được một trang báo gói đồ từ trong nước gởi ra, trong bao có bài viết mà tôi chú ý của tác giả Vương Tân nói về Nguyễn Tuân, báo đã nhàu rách có nhiều chữ nhận không ra tôi chỉ đọc được một khoảng mà tôi thấy cần thiết như sau:

* Một bữa tôi (tức tác giả Vương Tân) ở Mỹ Tho lên Sài Gòn gặp anh Vũ Bằng, anh cho biết anh mới có cái "bổng," và mời tôi đi uống rượu. Bữa rượu này có Nguyễn Tuân.

"Nguyễn Tuân vào Nam mấy lần có hỏi thăm ông. Bữa nay Nguyễn Tuân gặp ông chắc ngạc nhiên lắm. Tính Tuân cầu kỳ, bữa nay tôi đãi Tuân món rùa rang muối."

"Ăn ở nhà anh hay ở đâu?"

"Thịt rùa thì phải ăn tiệm. Lại Cao Thắng chén món rùa mới đúng điệu. Mình còn mấy chai Whisky mẫu để làm cảnh nhưng hôm nay phải đãi ông với ông Tuân thôi."

Tôi thấy anh Vũ Bằng có mấy chai rượu Whisky, anh vẫn bầy trong tủ kính. Nay đem ra đãi chúng tôi là anh quý bạn lắm.

Theo anh Vũ Bằng, Nguyễn Tuân trước khi là nhà văn đã là một nhà báo có hạng. Chính

THIÊN YÊN

PUERTO VALLARTA, THÁNG TƯ

mặt trời ngùn ngụt
đẩy em thụt vào bóng đêm
soài ốm

lơ lửng trên đầu
băng qua những con đường quê quên lãng
có người đàn bà
đuối chìm vào chiếc máy may già
trong cơn mát chiều tà
đã ngủ yên

tháng tư ở Puerta Vallarta
chiếc xe đò cũ kỹ
vẫn từ đoạn vòng vo khúc khuỷu
xuống đoạn lót nhựa xanh
lận đận
qua những mụn đá lở loét
tung bụi
vào những quán dừa chỉ vài pesos
không chuyện trò
không hò hẹn
như
chúng tôi là

và
tôi sực nghĩ
tới những con đường
mỗi chúng ta
phải tự lựa chọn
khi chuyến đi chấm dứt.

cái nghề viết báo đã tạo thành nhà văn Nguyễn Tuân khi ông viết *Vang Bóng Một Thời*.

Nguyễn Tuân là một nhà báo có hạng. Phóng sự Tàn Đèn Dầu Lạc là một phóng sự hay của Nguyễn Tuân đấy!

Chiều hôm đó, tôi gặp lại Nguyễn Tuân sau hai mươi năm xa cách (lần cuối là lần về Hà Nội chơi, gặp Nguyễn Tuân ở Hội Văn Nghệ đường Hàng Vôi, tháng 11 năm 1954).

Anh Tuân nhìn tôi đăm đăm, mỉm cười:

"Có hơi già đi một chút, nhưng vẫn còn phong độ lắm đấy."

"Anh vẫn còn viết chứ?"

"Lai rai, nhưng không nhiều lắm. Ông có đọc Sông Đà của mình không?"

"Mới đọc đấy thôi!"

"Thấy thế nào?"

"Khó nói quá..."

"Không bằng *Chiếc Lư Đồng Mắt Cua* phải không?"

"Anh ưng *Chiếc Lư Đồng Mắt Cua?*"

"Có thể mình lẩm cẩm, nhưng thú thật mình ưng nhất *Chiếc Lư Đồng Mắt Cua.*"

"Thế còn *Chùa Đàn* và *Vang Bóng Một Thời?*"

"*Vang Bóng Một Thời* hơi ưng, nhưng *Chùa Đàn* thú thật mình chỉ thích lúc nó còn là yêu ngôn, chứ khi thành *Chùa Đàn* thì nó thế nào ấy."

"Còn *Tóc Chị Hoài*?"

"Cũng hơi ưng, nhưng những bài tùy bút, ưng nhất vẫn là *Chiếc Lư Đồng Mắt Cua.*"

Bữa đó ăn thịt rùa uống rượu whisky, tôi thấy Nguyễn Tuân có vẻ hào sảng lắm, anh nhắc tới anh Hoàng Văn Chí và những ngày ở Thanh Hóa trước khi anh lên Việt Bắc. Theo Nguyễn Tuân thì nhà văn cần phải sống và viết một cách thoải mái, anh bị nhiều khó khăn trong cuộc đời là vì anh sống thật và hay nói thẳng... Theo anh nhà văn cần phải được đời nhìn bằng mắt xanh. Nguyễn Tuân cầm cái chân rùa nói:

"Ông thấy món chân rùa ngon không? Thưởng thức văn chương cũng như ăn chân rùa vậy, phải ăn từ từ, chậm rãi và biết cách ăn biết cách nhai, chứ không thì chẳng thấy được cái ngon của món chân rùa đâu... Với những kẻ ăn mà không thấy cái ngon của món ăn thì không nên đề cập tới họ làm gì. Ăn phải biết cái ngon của món ăn, đọc văn cũng vậy, phải biết thưởng thức toàn bộ câu văn ý văn, lời văn, chứ cứ chẻ sợi tóc ra làm tư rồi gán cho tác giả những cái họ chẳng bao giờ nghĩ tới, thì tội nghiệp cho nhà văn lắm."

"Nghe nói anh không thích những nhà phê bình."

"Ông nên nhớ tôi là nhà phê bình. Nhưng bình văn chứ đâu phải bới bèo ra bọ, chứ mình mê những nhà phê bình lắm. Mình rất khoái Vũ Ngọc Phan..."

"Nghe nói anh có làm thơ."

"Mình mê thơ. Vũ Bằng biết đấy, mình mê bài Hồ Trường lắm... Nhưng mình không có tài làm thơ, có làm vài bài nhưng không có bài nào ra hồn cả."

"Nhà văn Việt Nam nào anh thích nhất?"

"Mình thích Thạch Lam và hơi khoái Vũ Bằng. Nhưng là Vũ Bằng viết về món ăn chứ không phải Vũ Bằng viết tiểu thuyết."

"Anh có định viết hồi ký không?"

"Có ghi lai rai nhưng bây giờ không còn sức để viết nữa..."

"Tại sao trong thiếp báo danh anh ghi là Prosateur mà không ghi là Écrivain..."

"Mình muốn là người làm văn xuôi chứ không muốn làm nhà văn, nhà văn lớn quá..."

Sau bữa thịt rùa đó ít lâu, Vũ Bằng qua đời và Nguyễn Tuân cũng rời cõi thế, mỗi lần nghĩ tới Nguyễn Tuân tôi lại nghĩ về chữ Prosateur và chữ Écrivain, những con người lớn lao ở đời luôn là những con người khiêm nhường và thâm thúy.

Nguyễn Văn Cường (Na Uy)

Bài viết của cụ Vương Tân đã cho tôi một kết luận về CLĐMC là Nguyễn Tuân ưng nhất, đúng với chuyện học giả Quách Tấn đã kể trước đây.

Và khi giới thiệu chuyện văn học đến với bạn đọc, tôi nhằm mục đích để có thêm tài liệu khảo cứu khi cần. Tôi cũng tự tách những ngôi sao văn nghệ đã có công vun bồi nền văn hóa nước nhà ra khỏi ý thức hệ chính trị và thời cuộc của đất nước.●

Bergen, (Na Uy) 27 tháng Ba 98

SỰ CHẾT VÀ NGƯỜI Y SĨ

(Nhân đọc bài "Trả lại nhân tính cho sự chết" của Bs Nguyễn Tiến Cảnh, Thế Kỷ 21 số 109)

NGUYỄN HOÀI VÂN

"Tôi Muốn Chết": Một Thông Điệp Cần Được Diễn Dịch

Trong đa số trường hợp, khi bệnh nhân nói với Y Sĩ: "Tôi muốn chết", thì người ta phải diễn dịch lại là: "Tôi không muốn phải chịu đau đớn, khổ sở nữa." Tìm sung sướng, tránh đau khổ, là nguyện vọng tự nhiên của mọi loài hữu cảm. Người ta có thể đi tìm sự chết vì thất tình, thua bạc, vỡ nợ, thi trượt, và hàng trăm nguyên do có vẻ ngớ ngẩn khác, khi mà, theo nhận định chủ quan của đương sự, những nguyên do ấy đem lại một sự khổ đau to lớn hơn lạc thú có thể mong chờ được nơi sự sống. Người bệnh nặng, phải chịu nhiều đau đớn, kể cả đau đớn gây nên bởi việc trị liệu (điển hình là việc thay băng hàng ngày cho những mảng lở loét gọi là escarres, hay mỗi giờ phải bị chọc ống vào phế quản để hút những đàm thấp ứ đọng...), có thừa nguyên do để đi tìm sự chết. Tuy nhiên, khi nhận ra được rằng họ "muốn chết" tức là "muốn đỡ đau khổ," thì bổn phận của Y sĩ là phải nỗ lực làm giảm đau cho người bệnh (thí dụ chích một liều morphine phụ trội mỗi khi thay băng escarres, dùng morphine bằng ống tiêm điện do người bệnh tự điều chỉnh, dùng Tricycliques, carbamazépine, clonazepan v.v...) đồng thời làm giảm bớt những khổ sở khác trong đời sống bệnh tật của họ như: buồn nôn, ngứa, khó thở, đại tiểu tiện không thông, hoặc ngược lại tiêu tiểu bừa bãi, nuốt không được, mùi hôi thối lở loét, chứng mất ngủ, lo lắng v.v... Khi đó, có nhiều hy vọng đòi hỏi "muốn chết" sẽ tự nó tiêu tan. Người bệnh sẽ ra đi khi mà họ phải ra đi... (1)

Ảnh Hưởng Văn Hóa La Tinh

Một tường trình về trị liệu cho biết Y sĩ Pháp ít sử dụng Morphine hơn Y sĩ ở các nước Anglo-Saxons đến khoảng 50 phần trăm. Hiện bộ trưởng Bernard Kouchner đang đưa ra một kế hoạch để điều chỉnh tệ trạng này. Lý do của thái độ tránh né thuốc giảm đau cỡ Morphine của Y sĩ Pháp được cắt nghĩa là do ảnh hưởng văn hóa La Tinh. Văn hóa này thường coi sự đau khổ như điều không thể tránh, như một cái giá phải trả cho cuộc sống. Tôn giáo ở các xứ La Tinh thường tập trung vào sự đau khổ của Đức Giê Su trên thập giá, tôn thờ sự khổ đau ấy, coi nó như điều kiện của Cứu Rỗi. Chính để chuộc tội cho con người mà Đức Giê Su phải tự nguyện đau khổ, thế thì làm sao con người tội lỗi lại có thể khước từ đau khổ như Đức Giê Su? Người ta cũng cho đau khổ là sự thử thách do Thiên Chúa gửi đến, con người phải gánh chịu lấy để xứng đáng được hưởng lạc thú trên Nước Trời sau này! Người Anglo - Saxons thực tế và ít giáo điều hơn. Ta cũng thấy đạo Tin Lành trong các nước này thường dùng cây Thánh giá trống trơn, không có hình ảnh Đức Giê Su đau khổ máu me trên đó.

Những Sự Ra Đi Tẻ Lạnh

Một nhận xét khác: thống kê cho biết trên 90 phần trăm người Pháp muốn được trút hơi thở cuối cùng ở nhà mình, giữa gia đình thân thương. Nhưng trong thực tế, không tới 10 phần trăm người Pháp được chết ở nhà. Đại đa số qua đời trong khung cảnh tẻ lạnh của nhà thương, giữa những máy móc vô tri. Lỗi ở gia đình và xã hội muốn tống khứ sự chết "đi chỗ khác chơi," vì sự chết làm rộn cuộc sống của họ, vì họ kinh tởm sự chết, hay hoang mang không biết phải làm gì, nói gì trước sự chết? Hoặc giả lỗi ở Y sĩ không dám tuyên bố đầu hàng, bảo gia đình đem bệnh nhân về nhà

chăm sóc và nâng đỡ cho sự ra đi của người thân mình được nhẹ nhàng êm thắm? Gần đây, chính tôi cũng đã không đủ can đảm cãi lại đồng nghiệp trong bệnh viện, và lãnh trách nhiệm đem một bà cụ bị tai biến mạch máu não và suy tim nặng, về nhà chờ ngày ra đi trong tình thương của con cháu. Ít hôm sau, khi Y sĩ bệnh viện tìm cách để ống vào bao tử để tiếp thức ăn cho bà, thì bà tắt thở trong đau đớn, giữa những kẻ xa lạ, đang cáu kỉnh, bực bội vì một động tác không làm được... Nửa ngày sau, con cháu mới đến khóc lóc vài phút, trước khi bà bị tống vào một ngăn kéo trong phòng lạnh, chờ hai hôm sau ra nhà thờ khoảng nửa giờ, rồi đem chôn chớp nhoáng, tất cả giải quyết trong vòng hai tiếng đồng hồ! (2)

Câu Chuyện Đời Sau

Một điều có khi phải đề cập đến với bệnh nhân là sự hoang mang của họ trước khi đi vào cõi chết. Thường họ chỉ dám hỏi: "có phải tôi sắp chết?" hay "khi nào tôi mới chết?". Họ ít dám tiến thêm một bước nữa và đề cập đến cái "sau khi chết." Một cách ý thức hay vô thức, họ không muốn lôi chúng ta. Y sĩ, hay người thân thương, vào chỗ của họ, không muốn đặt chúng ta trước cái chết của chính chúng ta, với vấn nạn nền tảng của nó. Sự tế nhị ấy không phải là lý do để chúng ta tránh né bỏ chạy. Cần kín đáo tỏ thái độ sẵn sàng trao đổi về vấn đề quan trọng này, nhưng không bao giờ trực tiếp và trắng trợn lôi nó ra để "giảng đạo," tràng giang đại hải cho người sắp chết những quan điểm triết lý hay niềm tin tôn giáo của mình. Cần nghe họ, vì chính trong lời nói của họ mới có cái sự thật mà họ đang sống, con đường mà họ đang đi, con đường mà chúng ta cũng sẽ đặt chân lên, một ngày nào đó.

Theo thiển ý, thì viễn tượng một cuộc sống vĩnh cửu, không có hy vọng thay đổi, sau cuộc đời hiện tại, có thể là hình ảnh vô cùng ghê rợn. "Xuống Hỏa Ngục" và ở dưới đó muôn đời chỉ vì chút trách nhiệm mơ hồ trong cuộc sống chớp nhoáng nơi trần thế này, có một vẻ gì không cân xứng. Nếu lấy giai thoại được Doãn Quốc Sỹ nhắc đến trong bài "Không Tâm..." (Thế Kỷ 21, số 109, trang 39) thì đây chính là bắt sư ông ôm cô gái vượt qua vũng bùn phải tiếp tục vác cô đi suốt thiên thu... Hình ảnh sống chết nối tiếp nhau như một chuỗi biến cố ràng buộc bởi liên hệ nhân quả, có lẽ dễ đem lại cho con người nhiều hy vọng hơn, vì dù cho đời sống này có tệ hại cách mấy, đời sống sau vẫn có thể khá hơn chút đỉnh, không có gì mất mát vĩnh viễn. Thật ra, tôi tin rằng cả hai cách nhìn đều sai, nhưng cách nhìn sau có ích hơn. Tuy nhiên, tôi chẳng bao giờ nói chuyện ấy với bệnh nhân người Pháp, vì sự khác biệt văn hóa quá to lớn. Khi họ đặt ra câu hỏi "tôi sẽ đi đâu sau khi rời khỏi cuộc đời này?" thì tôi thường đặt họ trước họ một câu hỏi khác "ông hay bà đã ở đâu trước khi bước vào cuộc đời ấy?" (3)

5 tháng năm 1998

(1) Trong một số trường hợp, bệnh nhân muốn chết vì sợ làm rộn gia đình, con cháu, nhất là khi họ được chăm sóc ở nhà. Bổn phận của Y sĩ ở đây là tổ chức sự chăm sóc làm sao cho nhẹ nhàng nhất đối với người chung quanh. Ở Pháp, Sở Anh Sinh Xã Hội cho phép Y tá đến nhà chăm sóc bệnh nhân khoảng bốn lần một ngày (kể cả lau chùi, rửa ráy). Có thể gọi thêm "Kiné," tức chuyên viên xoa bóp đến thêm hai lần trong ngày, để giúp bệnh nhân đi lại chút đỉnh, hay giúp tập thở v.v...

(2) Nhớ bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine:

Người chết ra đi, buồn bã
Về nơi an nghỉ cuối cùng
Linh Mục bước đi, hớn hở
Gấp gấp chôn kẻ mệnh chung
(Un mort s'en allait tristement
S'emparer de son dernier gite
Un curé s'en allait gaiement
Enterrer ce mort au plus vite!)

(3) Ở thời phôi thai của Thiên Chúa giáo, Giáo phụ và nhà Thần học Origène (khoảng 183-252), do ảnh hưởng quan điểm luân hồi của Platon (có lẽ cũng chịu ảnh hưởng của triết lý Arien "Ấn Âu"), đưa ra thuyết tiền hiện của linh hồn. Sau ông bị Giáo hội lên án, nhưng vấn đề ông nêu lên vẫn chưa được các nhà giáo điều giải quyết ổn thỏa. Cần nói là Origène cũng không tin là có Hỏa Ngục.

* "Ông cho tôi được phỏng vấn tại sao tuổi thọ của ông cao vậy?"
"Đơn giản chỉ vì tôi sinh năm 1890."

* "Anh ơi! Em chả có gì để mặc đi chơi chiều nay cả!"
"Thế à, vậy thì mình đi tạm ra bãi biển khỏa thân chơi vậy."

SỢI DÂY CHUYỀN

Ninh Hạ NGUYỄN ĐỨC TÂM

1.

Trang về đến nhà chạy thẳng vào phòng riêng đóng chặt cửa nằm úp mặt xuống giường khóc nức nở như để trút theo giòng nước mắt tất cả uất ức thất vọng trước sự việc phũ phàng bất ngờ vừa xảy ra mà Trang chẳng thể nào hiểu được.

Nghe tiếng đập cửa và giọng hốt hoảng của mẹ:

"Trang! Trang! con làm sao vậy?"

Trang gào lên:

"Mẹ để con yên. Mặc kệ con... mặc kệ con."

Bà Viên ngạc nhiên đến sững sờ. Lần đầu tiên Trang dám lớn tiếng trả lời cộc lốc vô lễ như thế với mẹ. Bà lẩm bẩm:

"Thôi đúng rồi! Hèn gì người ta nói, ở đây tự do quá con cái riết trở thành mất dạy coi mẹ cha không ra gì cả."

Cố nén giận bà đập cửa nói với vào:

"Nhưng mày cũng phải nói cho tao biết chuyện gì đã xảy ra chứ?"

Trang đã ngưng khóc nhưng còn tức tưởi:

"Con đã nói là mặc kệ con mà!"

"Ừ. Thôi mặc kệ mày. Chút nữa ba mày về tao kể cho ông... rồi đừng trách."

Bà quay xuống bếp lo cơm chiều. Tuy dọa con nhưng bà sẽ chẳng bao giờ cho chồng biết. Tính ông nghiêm khắc nóng nảy không chịu được thái độ của con, thế nào cũng ầm ĩ lên. Rồi thì cha con mặt lầm mày lì, chiến tranh lạnh hàng tuần. Không khí bữa cơm tối gia đình đông đủ trở nên nặng nề khó chịu.

May mà chiều nay chồng vắng nhà. Ông theo bạn đi họp mặt tiệc tùng. Bà cũng mong có những dịp như thế để ông có nơi mà cười đùa hàn huyên giải tỏa phiền muộn lo âu. Bà thấy hình như đàn ông, bên cạnh vợ con, bạn bè là một nhu cầu không thể thiếu cho một cuộc sống bình thường.

Bà và mấy con cũng có đi theo ông mấy lần, giờ thì bỏ cuộc ở nhà. Lúc đầu ông cằn nhằn, cuối cùng thấy vợ con cũng chẳng vui vẻ gì ở mấy chỗ đó, ông đành nhượng bộ đi một mình. Lý do rất đơn giản. Bà và mấy con nhất là đám con gái không chịu được mùi khói thuốc lá. Các ông ở nhà ngại vợ ngại con còn kiêng khem hạn chế, khi gặp nhau có một hai lon bia vào thì đua nhau hút liên tu bất tận nhả khói mịt mù ngột ngạt.

Bà cũng lấy làm lạ, khi còn ở bên nhà thì không đến nỗi, qua đây nghe mùi thuốc lá thấy choáng váng nhức đầu buồn nôn. Mấy đứa con giải thích rằng ở đây trời lạnh mà nhà cửa lại kín mít bịt bùng. Khổ hơn hết là tóc tai áo quần đầy mùi thuốc. Trời lạnh cách mấy, khuya bao nhiêu, làm biếng mệt mỏi cách nào, khi tan tiệc về nhà cũng phải vội vàng gội đầu tắm rửa ngay. Áo lạnh khăn quàng cả tuần sau còn nặng mùi.

Một lần tan tiệc bà lên xe bus về nhà chen vào chỗ trống ngồi cạnh một bà hình như người Đại Hàn. Thoáng thấy nét cười lịch sự gượng gạo cố che dấu một cái gì đó rất khó chịu, hai cánh mũi người lạ phập phồng như đánh hơi, rồi khé né đứng dậy đi về phía cửa. Nghĩ là bà ta sắp xuống xe, nhưng qua mấy trạm vẫn đứng đấy để chịu người lên kẻ xuống xô đẩy. Giật mình, ngượng ngùng nhột nhạt, bà bỗng khám phá ra người lạ không chịu nổi mùi thuốc lá nồng nặc bốc ra từ áo quần tóc tai của mình. Kể từ hôm đó bà và các con không còn theo ông đến những nơi hội họp ăn uống đông người.

2.

Nồi nước trên bếp sôi rít lên làm bà giật mình quay về với nỗi bực dọc vì thái độ vô lễ khác thường của Trang, đứa con gái dễ thương biết điều nhất của bà.

Tới Mỹ chưa đầy một năm, sáu con của bà học hành chăm chỉ. Mấy đứa lớn chịu khó chịu khổ vừa học vừa làm thêm, tiền bạc kiếm được bao nhiêu tiện tặn đem về giúp mẹ trang trải tiền nhà tiền nợ, tiền giúp thân nhân nội ngoại ở bên nhà.

Thâm tâm bà vẫn canh cánh nỗi âu lo. Không biết cái hạnh phúc tưởng chừng đơn giản hiện nay sẽ còn được bao lâu. Hôm trước đem chuyện con cái ra khoe với chị bạn mới quen qua đây khá lâu, chị bĩu môi. "Để rồi coi chị ơi, đừng mừng vội. Mới qua gia đình nào cũng vậy. Con cái ngoan ngoãn. Vài ba năm sau quen nước quen cái, bạn bạn bè bè, quần quần áo áo mốt này mốt nọ, lo thân chúng nó chưa đủ. Đừng hòng! Lo làm nuôi lấy thân, dành dụm chút ít dưỡng thân già. Ở đó mà trông nhờ vào chúng nó, còn khuya!" Hỏi ra mới biết chị ta là người trong cảnh nên chua chát.

Mà quả thật ở đây việc dạy dỗ con cái khó khăn bội phần.

Trong building đang ở có mấy gia đình con vừa mới lớn lên đã bỏ nhà đi hoang chỉ vì mẹ cha la rầy, mới nứt mắt đã trốn theo bồ theo bịch, theo băng đảng bụi đời, có khi chỉ vì xốc nổi muốn chứng tỏ mình có thể tự lập không cần nhờ cậy ai. Ăn mặc thì lố lăng quái dị tóc tai nhuộm trắng nhuộm vàng, nói năng lấc cấc, đi đứng nhún nha nhún nhẩy cố bắt chước cho giống Mỹ đen.

Bà tự trấn an, vô phúc vô phận con hư thì bên nhà cũng hư chẳng cầu qua tới đây. Nhưng bà cũng phải nhận rằng ở xã hội này bên cạnh vật chất thừa dư lãng phí, mầm mống sự hư đốn của con cái đôi khi còn được bảo vệ nhân danh tự do. Việc một đứa con trai mười ba tuổi đầu ở Florida ra tòa từ cha mẹ ruột rồi cười rạng rỡ đắc thắng khi được kiện là một việc quá sức ngao ngán và chỉ có thể xẩy ra ở Mỹ.

Bên cạnh sự miệt thị về chính trị, sự khó khăn bế tắc chạy ăn từng bữa, với bà đi Mỹ là để tránh cái chướng tai gai mắt hằng ngày đụng đầu với đám cán bộ cha cán bộ con và họ hàng dòng họ chúng nó. Nhà cao cửa lớn chúng chiếm ở, hàng quán sang trọng chúng nó vào, xe đẹp xe sang chúng nó đi. Công lao xương máu khó nhọc mấy đời thoáng chốc rơi về tay lũ đười ươi. Tuổi tác như vợ chồng bà qua Mỹ thì cũng đã quá muộn màng. Cái được nếu có cũng không thể nào đền bù được cái mất mát to lớn khi phải bỏ nước ra đi. Như hầu hết bạn bè cùng cảnh, ra đi nghĩ cho cùng đều vì tương lai của bầy con trẻ.

Ở Việt Nam đám con mất tương lai chỉ vì cái lý lịch ba đời của cha. Qua đến đây mới thấy lo. Không chừng học đòi theo cái xấu tệ nhất của tự do, cái tiêu cực nhất của đời sống gia đình Mỹ, chẳng được là Mỹ mà Việt cũng chẳng còn là Việt. Lai căng mất gốc, dở dở ương ương, nửa nạc nửa mỡ, tương lai không những vẫn tuột khỏi tầm tay mà mẹ cha còn đau đớn mất luôn con.

Thái độ của con gái chiều nay thật ra cũng chẳng đến nỗi nào, nhưng bị ám ảnh như thế nên bà đã bi thảm hóa.

Nghe bước chân rón rén biết Trang xuống bếp bà làm ngơ tiếp tục xào nấu.

"Mẹ, con xin lỗi."

Thấy mẹ không quay mặt trả lời biết mẹ còn giận, Trang ấp úng:

"Con... con biết lỗi."

Bà Viên như được xoa dịu nhưng cố làm như yên lặng.

"Mẹ ơi con bị giựt mất sợi dây chuyền rồi."

Như vỡ lẽ lý do xui Trang có thái độ như thế, bà quay lại:

"Đi học mà mang nữ trang vàng bạc làm gì. Diện cho cố vào! Hôm kia thằng gì trên lầu ba sáng đi học qua khu chợ Việt nam bị hai thằng Mỹ đen dộng cho mấy đấm bầm tím cả mắt rồi giựt dây chuyền ở chỗ đông người."

Nhìn mặt con bà thấy như còn đọng trong ánh mắt nét thảng thốt buồn bả lạ thường.

"Mất mười sợi dây chuyền mẹ cũng không tiếc không buồn bằng cái thái độ của con vừa rồi."

Trang phụng phịu:

"Thôi mà mẹ, con đã biết lỗi rồi."

Bà Viên cười mãn nguyện:

"Đi tắm rửa, đợi mấy anh chị về đủ ăn cơm. Của đi thay người. Đừng tiếc nữa!"

Nói thế nhưng bà biết Trang sẽ buồn lắm. Đó là kỷ vật ông ngoại đã trao cho đứa cháu mà ông thương yêu và vừa lòng nhứt như nhắc nhở như gửi gắm một ước mơ, một hoài bão.

3.

Thời gian chồng tù cải tạo mịt mù tận ngoài Bắc, bà Viên gửi Trang về sống với ngoại ở vùng quê miệt vườn Cần Thơ. Ngoại là nguồn yêu thương tin cậy của Trang. Ngoại uyên thâm Phập pháp, tính tình sảng khoái tự tin, yêu đời yêu người. Ít khi thấy ngoại chê ai. Ai ngoại cũng thương yêu giúp đỡ. Họa hoằn có ai ngoại chê thì quả tình hết thuốc chữa. Có lần Trang thắc mắc:

"Ngoại ơi, con thấy ai ngoại cũng quen cũng gần gũi được."

Ngoại xoa đầu cháu rồi giải thích:

"Nhân vô thập toàn. Người nào cũng có cái

tốt cái xấu. Nhằm vào cái tốt mà gần, biết cái xấu để răn mình. Có nhiều người thoạt đầu mới gặp thấy ghét không ưa, nhưng về sau mới thấy họ là người tốt, chơi được thân được. Ở lâu mới biết lòng người con ạ. Oán ghét hận thù có khi chỉ vì ngộ nhận."

Ngày ngoại tiễn vợ chồng con gái và lũ cháu qua Mỹ là lần đầu tiên Trang thấy ngoại buồn. Cả nhà đã vào khu vực cách ly với kẻ đưa người tiễn. Như sực nhớ, ông vội vàng xô đẩy chen qua đám đông, cố nài nỉ tên công an cởi vội sợi dây chuyền quàng vào cổ Trang. Ôm cháu một lần cuối như chừng chẳng bao giờ gặp lại. Ông không ngăn được những giọt nước mắt hiếm hoi lăn dài trên má. Trang cũng sụt sùi. Xa quê hương với Trang đơn giản là xa ngoại. Sợi dây chuyền là vật bất ly thân, ông sắm khi lãnh tháng lương đầu tiên của đời quân ngũ.

PHƯƠNG NGUYỄN

TỊNH TÂM

chiều ra ngoài hiên vắng
ngồi kiết già tịnh tâm
thở vào trong tĩnh lặng
ngắm hoa miệng mỉm cười

bâng khuâng nhìn nắng đổ
bóng trải dài trên sân
chậu cúc vàng trước cửa
chiều về bỗng vàng hơn

ta một mình quanh quẩn
chừ đã ngoài bốn mươi
tách trà xanh lãng nguyệt
đêm tàn rồi trăng phai.

Mất kỷ vật của ngoại Trang buồn lắm, nhưng đau đớn hơn là niềm tin yêu vui sống trên mảnh đất mới thoáng chốc đã sụp đổ tan tành. Khác với mẹ cha thường than thở tiếc nuối kỷ niệm quê nhà. Nhiều bạn bè của cha mẹ suy sụp thất vọng bởi thực tế khác xa với ảo tưởng mong ước. Trang vui sướng hòa nhập vào cuộc sống mới.

4.

Trang dấu mẹ trường hợp bị mất của.

Hôm nay trời đang độ thu. Nắng vương nhẹ trên hàng cây maple trở màu, trời không trong mà như vẩn đục mù sương se lạnh. Trường học nửa ngày tan sớm. Trang và con bạn mới quen nhưng chóng thân rủ nhau tung tăng trên con đường ngập lá vàng. Mùa thu vàng rực rỡ. Cảnh đẹp như trong mấy tấm lịch Nhật Trang đã thấy ở quê nhà.

Không sợ lạc đường, hai đứa men theo con đường nhỏ song song với đường chính có tuyến xe bus đưa về tận nhà. Qua khỏi mấy block Trang đi dần vào một vùng nhà trệt. Thảm cỏ xanh rờn được chăm bón, hoa và hoa muôn màu sặc sỡ. Hình như từng gốc cây ngọn cỏ, mọi ngỏ ngách đều có bàn tay người chăm sóc. Đây mới thật là Mỹ như sự mường tượng của Trang. Thỉnh thoảng đôi người ăn mặc lịch sự tản bộ trên đường cười chào niềm nở.

Gặp hai người đàn ông đi ngược chiều, Trang lên tiếng chào hỏi với nụ cười hồn nhiên tự tin. Một trong hai người lạ đi qua nửa bước rồi kéo bạn quay phắt lại, nét mặt thoáng hung dữ lạ thường. Hoảng hốt lo sợ, linh tính báo cho Trang biết có chuyện chẳng lành. Cúi xuống nhìn thẳng vào sợi dây chuyền Trang đeo, nhanh như cắt người đàn ông túm lấy giựt mạnh, thô bạo đẩy Trang té xuống thảm cỏ, ném mạnh sợi dây chuyền vào bụi hoa.

Con bạn đứng chết trân, Trang thì sợ đến kinh khiếp, muốn kêu cứu nhưng khớp quá chẳng ra lời. Đợi khi hai người Mỹ khuất sau góc đường, hai đứa mới hoàn hồn co giò chạy một mạch gần đứt hơi ra đến con đường chính đón xe bus về nhà.

Trang mất của không phải kẻ chiếm đoạt tham tiền túng quẫn mà bởi một sự hận thù nào đó Trang chưa giải thích được. Kể từ hôm đó mỗi khi ra khỏi nhà hễ thấy người Mỹ dù đen dù trắng nhìn mình Trang có cảm giác như họ khinh họ ghét mình. Trang mất đi cái hồn nhiên yêu đời phát sinh từ tấm lòng yêu thương tin cậy mọi người.

Lúc này Trang nhớ ngoại và cần có ngoại.

5.

Thời gian trôi thật nhanh.

Lúc còn ở quê nhà Trang thấy sao ai cũng có quá nhiều thì giờ nhàn rỗi mà ngày tháng lại ù lì chậm chạp. Ở đây cuộc sống tất bật ngày tháng cũng vùn vụt đuổi theo. Thấm

thoát mà đã qua tám mùa tuyết lạnh. Chuyện xẩy đến với Trang rồi cũng rơi dần vào quên lãng chỉ còn để lại một thoáng kỷ niệm buồn và một thắc mắc không lời giải.

Năm ngoái ngoại mất.

Trang khóc đến mấy ngày, buồn bã cả tháng khôn nguôi. Trang chưa qua một mất mát nào lớn hơn, sâu đậm hơn là mất ngoại. Đang khỏe mạnh, sáng khăn gói đi thăm người bệnh bên sông, chiều về kêu choáng váng vào giường nằm một lúc sau thì mất. Ngoại sống thoải mái, chết cũng nhẹ nhàng. Sống thương yêu giúp đỡ mọi người, chết cũng chẳng phiền hà con cháu lấy một ngày. Ngoại ơi, ngoại là Bồ tát, là Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật.

Trang nhớ rất rõ như mới hôm nào gần đây thôi.

Nhớ rõ ràng nét mặt hiền lành chòm râu dài phất phơ trong bộ áo bà ba nâu sồng bạc màu. Nhớ đôi bàn tay da mồi nhăn nheo vân vê quấn thuốc. Trang nhớ, nhớ rất rõ cả màu nắng đong đưa qua hàng cau một buổi xế chiều êm ả trên hàng hiên thềm nhà. Nhớ cả mùi hương hoa cau lẫn mùi hăng hắt của khói thuốc rê, mùi bùn non của ruộng vườn thoang thoảng. Tất cả như gần gũi như lẩn quất đâu đây. Thế mà ngoại đã mất, đã xa chẳng còn gặp lại. Kỷ vật ngoại cho cũng không còn. Hôm sau ngày ngoại mất Trang ra khu chợ Việt nam làm một sợi chuyền vàng và tượng y hệt như dợi giây chuyền ngoại cho đeo vào cổ để tưởng nhớ ngoại.

Chiều hôm đó ngoại dặn dò đủ điều. Ngoại nói nhiều như muốn tận dụng khoảng thời gian quý báu ông cháu còn được bên nhau:

"Qua bên gắng mà học cho có bằng có cấp. Đất nước người ta phải có học có tài mới làm nên sự nghiệp. Không như mình đây mánh mung thời cơ, chó nhảy bàn độc. Vô học vô tài mà vẫn làm lãnh tụ làm lớn làm giàu. Mai kia mốt nọ đất nước đổi thay không ưng ở thì về, về đây với ngoại. Cái bên đó là thừa là thường thì bên mình là thiếu là quý. Đừng đua đòi ham nhà ham xe ham có tiền cho sớm bỏ ngang thì phí đời, phí đi một dịp may ngàn năm một thuở. Trước kia dễ đầu gì mà được qua Mỹ học."

Ngoại nhìn mông lung ra vườn. Tiếng ngoại buồn buồn xa vắng. Thoảng xa tiếng chèo khua nước, tiếng nói tiếng hò âm vang từ dòng sông vọng lại. Trang hưởng những giây phút thật yên bình bên ngoại.

"Ngoại đã từng tu nghiệp bên đó ngoại biết. Kỳ thị là điều luật pháp cấm kỵ, nhưng trong đời sống thì có mọi lúc mọi nơi. Bạn bè của ngoại thư về và rồi đây con sẽ thấy, giờ không phải chỉ giữa Mỹ trắng Mỹ đen với mình, mà buồn là giữa những người cùng chung màu da huyết thống, tuy bỏ nước ra đi trong những điều kiện hoàn cảnh thời gian khác nhau nhưng cùng chung cảnh ngộ mất nước ly hương. Không phải toàn bộ nhưng điều đau lòng đó có thật. Sống qua chiến tranh và dưới nhiều chế độ chính trị gạt gẫm, muốn sống phải xoay xở luồn lách. Riết rồi người mình trở nên ích kỷ và nghi kỵ, cố tìm cái khác nhau để khinh người và khen mình."

Thấy Trang tư lự, ngoại đứng phắt dậy dắt tay cháu ra vườn cải hoa vàng. Ông cháu lúi húi hái mớ rau nấu canh cho bữa cơm chiều.

Ngoại cười ha hả tiếp tục nói như sợ rằng chẳng còn dịp nào để nói với cháu nữa:

"Xưa kia thì không nói làm gì, giờ đây người Phi người Đại Hàn di dân đến Mỹ là mang theo được cả của cải sang bên đó làm giàu. Tội nghiệp người mình, trừ một số ít, hầu hết bỏ của chạy lấy người, đào đâu ra vốn liếng mà buôn với bán. Nói rằng mẹ con tụi bây đi Mỹ chỉ còn cái quần xà lỏn, tưởng là nói tệ mà thật ra không đúng lắm. Phải nói là cả cái quần xà lỏn cũng không còn."

Trang cười:

"Ngoại ơi là ngoại! Ngoại nói gì mà thảm quá vậy. Mẹ con mua áo quần đủ xài cả năm."

Trang khoe:

"Ba con mới may một bộ đồ lớn sang lắm. Nói là mặc để xuống máy bay bà con ra đón khỏi khinh."

"Bày đặt cho tốn kém. Đồ đó qua bên vất bỏ, chở gỗ về rừng. Tao nói đâu có trật. Mẹ mày kể. Để đủ tiền chạy lo dịch vụ giấy tờ xuất cảnh, mua sắm chi phí phải muối mặt mượn nợ đến hai ngàn đô. Qua bên nai lưng cày mà trả. Cái quần xà lỏn cho đến cái rương nhôm đựng đồ của cha con bây cũng là của mượn nợ của thiên hạ. Có đúng không hả?"

Ngoại đắc chí vuốt râu cười. Trang cũng gập người cười theo:

"Chưa qua tới nơi, nghe ngoại hù con mất tinh thần chưa chừng xin ở lại."

"Nói cho mầy biết, không phải nói cho mầy sợ. Yên tâm, ngoại đã có bùa trị."

"Ừ, ngoại trao cẩm nang để con xuống núi."

"Đây là bùa thiêng ngoại trao cho tiểu tặc tử."

Vừa nói vừa cười ngoại lấy ngón tay viết

xuống đất. Trang chăm chú đọc lớn "Học!"

Thấy tiểu tặc tử ngu si chưa nghĩ ra, ông đứng dậy vung tay hét lớn:

"Học! Học! Học!"

Giọng ông sang sảng:

"Muốn ngửng mặt lên với thiên hạ, muốn xóa bỏ tị hiềm phân biệt giữa Mỹ và mình, giữa kẻ qua trước người tới sau, chỉ có một con đường là học. Học càng cao càng tốt. Học vấn là con đường tri thức đưa con đến tự tin và bình đẳng, đến tương lai sự nghiệp nơi quê người."

Cầm lấy tay cháu thân mật:

"Cháu của ngoại thông minh chịu khó, ngoại yên tâm. Có thua là thua cái tiếng Mỹ tiếng mèo. Giỏi mấy thì giỏi mà tiếng Mỹ ú ớ là thua đậm. Nhớ lời ngoại!"

Dạ, con nhớ lời ngoại, con đã làm theo lời ngoại. Hẹn sang năm tốt nghiệp sẽ về thăm ngoại, đem cái ước mơ ôm ấp, cái hoài bão thiết tha đã trở thành hiện thực về dâng ngoại thì nay ngoại đã khuất núi. Ngoại ơi. Ngoại ơi!

6.

Trời đã vào xuân.

Hoa tulíp nở đầy công viên, sân nhà. Xuân ở đây rất ngắn, chỉ đủ cho tulíp nở rồi tàn. Hôm nghe mẹ nói thế, Trang cười nhại theo câu thơ cũ "Xuân đời chưa kịp hưởng, Nắng mùa hạ vội sang!" Mẹ mắng yêu. Con này độ rày cũng đặt bày thơ với thẩn.

Xứ sở gì mà lạ lùng, lạnh thì quá lạnh mà nóng thì cũng quá nóng. Quen rồi Trang thấy thà là mùa đông tuyết giá còn hơn cái hực lửa của ngày hè. Năm kia chỉ trong đợt nóng mấy ngày mà đã có hàng trăm người chết. Có ai chết lạnh đâu?

Hôm nay xong giờ học, đuổi theo Jenny và David, Trang chạy ùa ra bải cỏ xanh sân trường. Cả bọn nằm ngữa dang tay soải chân nhìn trời xanh trong vắt. Thích thật! Hơn nửa năm nay mới trút bỏ được cái áo lạnh dày cộm nặng trịch, rồi hai ba lớp áo trong, cái khăn quàng vướng víu. Trong chiếc T-shirt quần jean, Trang thấy người nhẹ hẳn, khoan khoái lạ thường.

Những năm gần đây Trang có nhiều bạn đủ mọi chủng tộc, đặc biệt chơi rất thân với chị em Jenny và David, những người Mỹ trắng rất dễ thương, cùng học cùng chơi, cùng hoạt động trong các club sinh viên và công tác thiện nguyện. Đúng như lời ngoại, vượt qua rào cản ngôn ngữ và học vấn Trang tự tin, không còn tự ti lấn cấn trong tình bạn giữa những người khác màu da chủng tộc.

Ngoài bửu bối của ngoại, Trang còn nhận ra rằng học vấn chỉ là một phần của hành trang. Điều kiện ắt có mà không đủ. Phải tháo vát năng nổ xông xáo mới đủ bản lĩnh hòa nhập thành công trên quê người. Việc này không phải nằm nhà mà có được, phải dấn thân. Có điều, những nơi như thế còn thiếu vắng các bạn bè đồng hương, Trang ít khi gặp họ.

Trang nằm nghiêng người xoay về phía Jenny. Tay chống má, kéo sợi dây chuyền ngậm môi, tay mân mê chiếc tượng đeo. Jenny và David không hẹn ngồi nhổm dậy ngạc nhiên. Chỉ vào chiếc tượng, David hỏi dồn:

"Bạn...bạn đeo cái...cái này?"

"Có chuyện gì thế?"

Jenny bình tĩnh hơn em trai:

"Sao Trang lại đeo dấu hiệu này?"

"Ừ. Làm theo mẫu kỷ vật của ông ngoại mình."

"Ông của Trang tôn sùng Hitler?"

"Bậy! ở nước tao làm gì có Hitler. Bộ tụi mày điên sao hỏi tao những câu ngớ ngẩn. Đây là dấu hiệu chữ Vạn của Phật. Tao tin Phật mà!"

"Sao giống hệt chữ thập ngoặc swastika của Đức quốc xã?"

"Giống sao được. Ừ! Thoạt nhìn thì giống, nhìn kỹ sẽ thấy ngược chiều. Mà giống thế nào được. Hitler là tên sát nhân khủng khiếp của nhân loại. Đức Phật là đấng từ bi, trân trọng sinh mạng mọi loài chúng sinh, không chỉ nhân loại và muôn thú mà cho đến cả côn trùng giun dế."

Một ý nghĩ thoáng nhanh, Trang phát hiện được nguyên nhân bị thô bạo giựt mất sợi dây chuyền tám năm về trước. Thuật lại câu chuyện cho hai bạn nghe.

David chăm chú, Jenny trợn tròn mắt ngạc nhiên:

"Sao có chuyện trùng hợp lạ lùng. Tụi mình ở ngay khu vực đó."

Thì ra Trang đã đi vào khu ở của người Do Thái, đúng tuần lễ họ đang đau đớn uất nghẹn tưởng niệm hàng triệu sinh mạng nạn nhân bi thảm đã bị Đức quốc xã thiêu sống trong lò hơi Holocaust.

Nằm sấp mặt trên thảm cỏ để dấu niềm xúc động bất chợt, Trang run run thổn thức nghe vẳng giọng nói trầm buồn của ngoại. "Oán ghét hận thù có khi chỉ vì ngộ nhận."●

Chicago, 94

MỘT THUỞ BÌNH YÊN

TÔN NỮ THU NGA

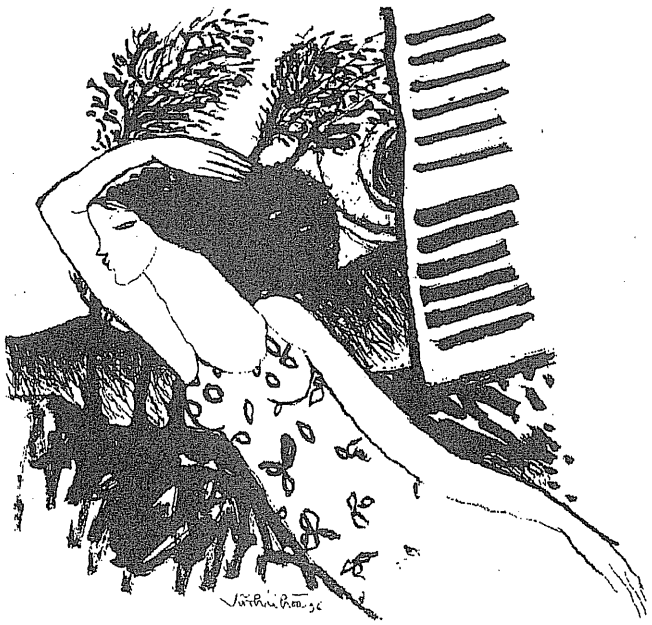

Trái tim của cô chợt biết rung động lại vào một buổi chiều đầu mùa mưa giông.

Ngẩng đầu nhìn qua cửa sổ, sau một giờ thực tập trên phím dương cầm, cô rướn cổ, dang tay, ngọ ngậy cái đầu cho đỡ mỏi, từ trái sang phải..., cô sửng sốt, giao động khi ánh mắt cô chạm phải một đôi mắt đen tròn. Ánh mắt như một lưỡi dao bén nhọn, đâm thẳng vào trái tim cô.

Thời gian như ngừng lại, đôi mắt đen từ từ lui xa khung cửa, không gian nới rộng giữa hai làn nhãn tuyến và đột nhiên biến mất khi cô chưa kịp hoàn hồn.

Như một kẻ vừa giật mình thức giấc, cô vùng dậy, chiếc băng ghế ngã xuống sàn gạch hoa gây lên một tiếng động khô khan. Cô nhảy vọt tới khung cửa sổ, nhoài người ra, nhìn xuống dãy hành lang hun hút. Tiếng chân người còn gõ nhịp nhè nhẹ sau khúc quanh. Cô thất vọng quay vào, nâng chiếc ghế lên, đặt vào vị trí cũ, ngồi thẩn thờ trước phím ngà, những ngón tay cô rã rời gõ nhịp... "Mưa vẫn hay mưa trên tầng tháp cổ, dài tay em mấy thủa mắt xanh xao..." Tiếng nhạc buồn lảnh lót, rơi rụng, hòa lẫn trong tiếng mưa rơi. Cô nhắm mắt, nghe dòng nhạc nhỏ những giọt buồn tênh trong hồn.

Sáng cô đi làm, chào hỏi các bạn đồng sự, bước vào văn phòng. Ngồi sau bàn giấy, cô nhấn tay bấm mật số vào máy vi tính, cô phải lập đi, lập lại ba lần mới có kết quả. Những con số quen thuộc bỗng dưng chơi trò cút bắt trong trí cô. Lâu nay cô không còn nhận được qua máy này những dòng thư, những lời hẹn hò trìu mến của Duy nữa. Hai người đã đồng ý chấm dứt liên lạc từ lâu nhưng cô vẫn không điều khiển được trái tim yếu đuối của mình. Trái tim cô đã dâng hiến cho mối tình đầu tiên, một mối tình mà cô cứ ngỡ rằng miên viễn, trường tồn.

*

Cô yêu Duy khi cô vừa tròn mười tám tuổi. Cô vừa mới chạy giặc ở Việt Nam qua. Cô biết

một chút xíu Anh ngữ từ trung học nên cô vừa đi học vừa đi làm bán thời gian. Cô gặp Duy trong lớp toán. Duy hiền lành, đẹp trai lại học giỏi vì chàng đã học xong chương trình đại học ở Việt Nam. Duy giải thích cho cô những bài toán khó, lâu ngày hai tâm hồn trở thành quyến luyến quen thuộc và họ yêu nhau. Cô gởi tấm lòng mình cho Duy, cô tin tưởng Duy một cách tuyệt đối. Duy đến nhà cô thường xuyên để giảng dạy cho hai chị em cô những bài làm, bài học. Duy ngồi đọc sách hằng giờ bên cô trong những lúc cô may vá, thêu thùa. Duy thường giúp bố mẹ cô sửa chữa những vật dụng trong nhà, trong lúc cô loay hoay nấu ăn.

Duy ra trường sớm, có việc làm khá, Duy không có gia đình ở gần nên anh trở thành một người rất thân thuộc với gia đình cô. Chuyện tương lai của hai người chẳng ai cần bàn bạc lui tới gì nữa cả vì ai cũng biết là sớm muộn gì khi cô học xong, đương nhiên cô và Duy sẽ chính thức thành hôn.

Duy chiều chuộng, thương yêu hai chị em cô. Mỗi khi đi chơi với nhau, Duy lễ phép xin mẹ: "Xin mẹ cho phép con đưa hai em đi phố." Anh thường dẫn hai chị em cô đi ăn tiệm, đi nghe nhạc, đi xem hát bóng vào mỗi cuối tuần. Duy để dành được nhiều tiền vì anh không biết tiêu xài phung phí. Anh dẫn cô đi mua một căn nhà xinh xắn, cô hãnh diện mua sắm, trưng bày cho tổ ấm tương lai của mình. Đôi khi cô bận học thi hoặc làm việc thêm giờ thì Duy dẫn cô em gái cô đi phụ anh mua sắm. Em gái cô tỏ ra sung sướng lắm mỗi khi được giúp chị mình như vậy. Chính cô, cô cũng vui vẻ khi thấy Duy chú trọng đến em mình. Cô cần phải học giỏi để ra trường sớm, cô muốn có công việc làm tốt hy vọng rằng mai sau con cái của cô và Duy được sung sướng chứ không phải cực khổ như cô, một người tị nạn, chân ướt chân ráo đến xứ sở này.

Cô tự cho mình là người may mắn, cô cao ráo trắng trẻo nhất trong đám con gái Á Đông cô thường gặp. Cô có đủ bố mẹ. Bố mẹ cô tính tình cởi mở với con cái. Bố cô tuy nghiêm nghị nhưng hiền hòa, ông luôn luôn giáo dục con cái trong căn bản đạo đức. Mẹ cô đẹp đẽ, nấu ăn ngon, dạy các con công dung ngôn hạnh. Bây giờ cô có một tương lai mới với Duy, một chàng trai hiền lành, ít nói, được gia đình chấp nhận. Cô chẳng có gì để phàn nàn về số phận của mình cả. Cô có bận bịu đôi chút vì cô vừa đi làm, đi học. Cô hãnh diện với sự cố gắng của mình. Một mai khi về nhà chồng, cô sẽ không khóc, không buồn vì cô đã trọn đạo làm con, cô sẵn sàng làm vợ.

Cô ra trường vào tháng sáu, mấy bà chị họ ở xa gọi về hí hửng:

"Khi nào cô làm đám cưới để chị liệu mua đồ mừng?"

Bà khác thì réo:

"Nói ngày đi để anh chị mua vé máy bay không thôi để gần ngày giá đắt lắm."

Cô ấm ớ chẳng biết tính sao, đám cưới hay không cần gì làm vội. Cô muốn đi làm một thời gian trong công việc mới, lương cô bây giờ gấp ba ngày xưa nên cô hăng hái đi làm, cô chưa muốn bị chia trí vì vấn đề chồng con. Duy gần như thuộc về quyền sở hữu của cô đã năm sáu năm nay, hai người kề cận bên nhau giống như một cặp vợ chồng già. Săn sóc nhà cửa cho Duy, cô mua từng cái chén ăn cơm, tấm trải giường, khăn bàn ăn, thực phẩm... cô còn thêu tên hai người trên bao gối và treo những hình ảnh chụp chung trong những chuyến du ngoạn lên tường. Duy bảo cô là một cô gái Việt Nam chính cống, vừa ngoan lại vừa hiền, không giống như những con thiêu thân Duy thường gặp ngoài đường, trong sở. Duy nói rằng chàng cũng cảm thấy bình an thanh thản khi ở bên cô. Duy thích đọc sách, nghe nhạc, coi tivi, loay hoay sửa chữa nhà cửa, máy móc. Duy không biết rượu chè, cờ bạc, không hút thuốc, không tụ họp để nói dóc với bạn bè. Số mạng của cô hên "như người được đẻ bọc điều."

Em gái cô, Lisa là một cô gái xinh xắn. Lisa có nhiều bạn Mỹ nên gọi tên Lisa cho bạn gọi, dễ hơn là tên cúng cơm của mình. Lisa tánh tình khác cô nhiều, Lisa hay tươi cười, ca hát, nhảy múa hồn nhiên lắm. Lisa cuồng nhiệt yêu đời, cứng đầu, nhanh nhẹn, tự lập và hơi ích kỷ một chút vì được làm con út. Cô thương Lisa và nhường nhịn em. Lúc còn nhỏ, mỗi lần hai chị em gây gỗ đánh nhau, mẹ thấy cô lớn mạnh hơn em nên sợ cô lỡ tay đánh em đau, mẹ thường bảo cô rằng:

"Nếu một mai bố mẹ chết sớm, con thay thế bố mẹ để nuôi em. Bố mẹ chưa bao giờ đánh đập con, mẹ muốn con cũng thương em như bố mẹ thương con vậy."

Cô luôn luôn ngẫm nghĩ đến câu nói của mẹ mà thương em nhịn em. Được cái là Lisa cũng ngoan, lâu lâu mới nổi cơn bướng bỉnh cứng đầu với chị một lần.

Lisa thấp hơn cô một chút, khi cười con mắt có đuôi giống như mắt mẹ. Lisa thích

nũng nịu với mẹ cha, chị và cả Duy nữa. Lisa hay vòi vĩnh đòi Duy dẫn đi mua sắm, đi ciné vì cô chưa được lái xe một mình. Cô thương em nên bắt Duy cũng cưng chìu Lisa như mình vậy. Khi đi đâu với Duy cô cũng dẫn em theo. Bố mẹ cũng đồng ý vì dù sao, cô với Duy chưa chính thức đám hỏi, bố mẹ không muốn nghe bạn bè thóc mách, dị nghị.

Hôm ấy cô đi làm về trễ, xe vừa quẹo vào nhà, cô thấy Lisa tuôn chạy ra khỏi nhà với một bao vải lớn, tựa tựa như bao gối, căng phồng trong tay. Lisa nhảy lên một chiếc xe đậu bên lề đường, chiếc xe rú ga chạy vọt ra đường chính. Linh cảm chuyện không lành, cô hấp tấp đậu xe và gấp rút chạy vào nhà, chiếc giầy gót nhọn trượt trên sàn xi măng làm cổ chân cô đau điếng. Trong phòng khách, mẹ cô ngồi ôm mặt khóc, gương mặt bố hầm hầm giận dữ, trong tay ông, ống điếu gãy đôi. Cô trố mắt, chưa kịp hỏi thì bố khoát tay:

"Chẳng có gì quan trọng cả, chỉ có con Lisa hư đốn, bỏ nhà đi rồi nên mẹ mày khóc lóc." Bố gằn giọng "Không cần khóc lóc nữa, nó đi năm bữa nửa tháng, đói thì lại bò về."

Cô biết bố giận lắm nên nói thế, cô đến gần mẹ, nâng mẹ dậy lau nước mắt cho mẹ, dẫn mẹ về phòng ngủ.

"Mẹ ơi, Lisa đến nhà bạn chơi vài bữa rồi về chứ nó dám đi đâu xa. Con sẽ đi kiếm nó về cho mẹ."

Mẹ lắc đầu, nước mắt tuôn dàn dụa, mẹ bây giờ yếu đuối như một đứa trẻ con. Cô đặt mẹ nằm xuống giường, lấy hộp giấy lau mặt để bên cạnh mẹ rồi nhỏ nhẹ:

"Thôi mẹ nằm nghỉ một chút cho khỏe, con ra nấu cơm chiều cho bố dùng."

Cô đứng lên, về phòng thay áo, trong lòng bực tức lắm. Con bé này thật là hư, dạo sau này nó hay đi chơi về trễ, hay bỏ những buổi cơm chiều, hay bị trường gọi về than phiền làm bố mẹ bực mình nhiều lần, bây giờ còn bày đặt bỏ nhà ra đi. Mỹ hóa quá sức rồi, thế nào mai mốt đem nó về, cô và Duy sẽ cùng nhau nói cho nó nghe những điều phải trái.

Bữa cơm chiều hôm ấy thật là ảm đạm. Mọi hôm Duy [illegible] ng đến nhà ăn cơm mỗi tối thứ Sá[illegible] y anh chàng cũng bặt tăm. Cô chế[illegible] Thế cũng hay, chắc bố mẹ cũng muốn [illegible] yên tĩnh trong buổi chiều phiền muộn đắng cay này!

Bầu không khí trong nhà nặng nề khó thở nguyên một cuối tuần. Mẹ u sầu trong phòng ngủ, bố lẳng lặng trầm ngâm trước tivi, cô cũng thẩn thờ lui tới trong nhà, làm những công việc lặt vặt. Duy có ghé qua một chút rồi anh cũng lặng lẽ ra về. Anh có vẻ ngượng nghịu không biết phải nói gì để an ủi bố mẹ. Thật ra bố cũng chỉ ngồi trong chiếc ghế bành quen thuộc, bâng quơ, phì phà ống điếu, đôi mắt đen tinh anh của bố ngày xưa đã hết còn sáng quắc nay lại điểm thêm một chút tàn phai. Bố nhìn Duy lặng thinh, ánh mắt bố làm Duy mất tự nhiên nhìn qua chỗ khác. Mẹ thì thầm với Duy:

"Con phụ với em đi tìm Lisa về cho mẹ, nó tuy lớn xác nhưng còn ham chơi dại dột lắm... ráng khuyên nhủ nó dùm mẹ, có chuyện gì thì nói cho mẹ chứ đừng bỏ nhà ra đi như thế..."

Duy gật gật đầu, lấy kính mắt ra lau lau, chùi chùi rồi đứng lên chào bố mẹ ra về. Cô bước theo anh ra cửa, cảm thấy đôi mắt bố chuyển hướng nhìn theo, lòng cô xót xa khi nhìn thấy sự ngậm ngùi tỏa ra từ đôi mắt ấy. Dựa lưng vào khung cửa cô nhìn theo bóng xe Duy chạy khuất sau ngõ quanh, ngẫm nghĩ: Anh chàng Duy nhiều khi lầm lì kỳ quặc lắm, dấu diếm bao nhiêu là cảm xúc qua sự thinh lặng. Chả bù cho cô, khi vui cô cười, khi buồn cô khóc, khi tức giận cô bộc lộ ra ngoài. Cô không vùi lấp tâm tư như Duy, tâm hồn anh ta chắc cũng giống như ngọn hỏa sơn còn ngái ngủ.

Cô đi vào phòng ngủ, ngồi xuống bàn gọi điện thoại cho Jane, người bạn thân đã chở Lisa đi. Jane không biết Lisa đi đâu vì Lisa chỉ nhờ Jane chở hộ ra bến xe công cộng. Thẩn thờ bỏ điện thoại xuống, cô leo lên giường, đắp chăn lên bụng, với tay lấy cuốn tiểu thuyết đang đọc nửa chừng, lật qua lật lại vài trang, cô bỏ sách xuống không đọc nữa. Cô vòng đôi tay sau ót, đăm đăm nhìn tấm ảnh trên tường. Bức ảnh cô đứng một mình trên bờ đê xanh, che cây dù đỏ, nhìn ra dòng sông Mississippi. Tấm ảnh này người bạn chụp giùm cô trong một chuyến du ngoạn miền Nam. Cô hồi tưởng lại thời gian ấy: mưa phùn bay bay, giòng sông ngầu đục, đưa đón những thương thuyền xuôi ngược đôi bờ chầm chậm, êm ái. Cuộc đời cô cũng như dòng sông ấy. Công việc, tình duyên cũng êm ái, lặng lờ. Bỗng nhiên "đùng một cái" như mẹ ví. Lisa trở thành một cơn sóng động trong dòng sông êm ái của cô, một cơn giông tố trong cuộc đời của bố mẹ.

Chuông điện thoại reo vang cắt đứt dòng tư tưởng của cô:

"Em đấy hả? Lisa vừa gọi cho anh."

"Ủa sao nó không gọi về nhà?" Cô hỏi.

"Sợ bố mẹ nên nhờ anh nhắn lại. Cô ấy ở nhà bạn, không sao cả, em thưa giùm bố mẹ."

"Nó đang ở đâu vậy hở anh?"

"Cô ấy không chịu nói, không cho số điện thoại, chỉ nhờ anh nói vậy."

"Nó có nói tại sao nó bỏ đi không anh?"

"Không, anh không biết, nếu cô ấy gọi lại nữa thì anh sẽ hỏi. Chắc cô ấy giận hờn gì đó, đừng lo cô ấy cũng lớn rồi."

"Lớn gì, nó mới mười tám tuổi, em lớn hơn nó nhiều mà đâu có dám làm như nó."

"Mười tám tuổi là lớn lắm rồi, tại em là chị nên lúc nào cũng thấy rằng em mình nhỏ dại. Thôi ngày mai gặp, em nhắn lời Lisa cho mẹ kẻo mẹ lo."

Cô bước ra phòng khách, nói cho bố mẹ nghe. Ánh mắt mẹ tỏa ra một niềm an tâm mới, bố không nói, không cười, đăm đăm nhìn vào máy truyền hình. Ánh mắt bố ưu tư, ái ngại. Bố trầm ngâm yên lặng, nhớ thương đứa con gái út. Bố hồi tưởng đến cô bé tròn trĩnh, hồng hào, đôi mắt đen nhánh, quấn quít bên bố như một chú chó con. Lúc còn bé tí teo, cô bé thường lê la trên sàn nhà bếp, cô kéo tất cả những nồi niêu soong chảo của mẹ ra khỏi tủ. Cô ngồi gõ cái này xếp cái kia lanh canh, chát chúa làm mẹ dọn dẹp liên miên đến nhức đầu. Đôi khi mẹ mệt nên tức giận hét lên to tướng. Bố lật đật chạy tới nâng cô bé ra khỏi đống đồ đạc tan hoang trước khi mẹ nổi cơn thịnh nộ. Lisa cười nắc nẻ, cưỡi trên vai bố, hai bố con chạy vụt ra khỏi nhà đi trốn mẹ. Bây giờ Lisa mười tám tuổi, Lisa bỏ bố mẹ ra đi, không một lá thư, không một lời giải thích, chỉ có vài lời điện thoại nhắn về. Ngôn từ lúc này không còn ý nghĩa mấy, sự buồn đau mới giống như một sợi chỉ luồn kim, đâm vào lòng vải, châm chích, xâu xé, thêu dệt.

Ngày qua ngày, Lisa vẫn không chịu gọi về nhà. Duy trở thành một liên lạc viên cho Lisa và gia đình. Từ Duy, cô biết Lisa vẫn khỏe, Lisa đi làm việc, Lisa nhớ bố mẹ, nhớ chị nhưng chưa muốn trở về. Duy vẫn chưa điều tra được lý do Lisa bỏ nhà ra đi, hỏi mãi cũng chán nên không ai buồn hỏi nữa. Mẹ đêm ngày cầu trời khẩn Phật cho Lisa được bằng yên.

Trong nhà thời gian trôi đi buồn bã nhưng không bi ai. Dường như mọi người đã quen dần với sự im lặng và tẻ nhạt. Mẹ đan len

NGUYỄN HÒA TRƯỚC

LỜI GIẢI

đã đến phút mây đi rong trở về
đám rước kéo theo vô vàn chim cánh đêm
choán mất của em vòm xanh khô khát
sao lại sợ mưa khi em sẽ sở hữu bao nhiêu là nhạc
nhạc ngoài trời, và trong này, tôi mở lời tim?

hãy đặc biệt đắm say một sắc màu, em!
chẳng phải vì người kém ân cần luyến ái
chỉ để thấy tầm nhìn quanh dịu dàng thư thái
son phấn nữa, vốn mọi thuở vẫn mong
góp chút men cho quả cựa hơi nồng

tuần đến thăm em sáng chiều thứ tự
ngõ không dài, mỗi lần mới một loài hoa
mùi giọng quen reo thở máu bọt sa đà
em ngồi tĩnh bốn bên là ảnh phóng
bắt hướng nào khỏi hụt tay lỡ trớn?

đá vỉa mòn nhiều bước về lạc như chơi

sẽ đến lúc chẳng gì làm khó hiểu
cả tình yêu, sản phẩm rất nhiệm mầu
chữ ngắn đầu tiên, âm khó phát trao!
vẫn cậy vả được các giác quan ngoài tiếp sức

so khắp phía góp gom vào đây, một
một em thuần đủ tiếp cận sau, xưa

năm 98

nhiều thêm, những chiếc nón len xanh hồng nhỏ xíu; những chiếc mền len mềm mại, những đôi tất tí teo chỉ vừa một lóng tay của mẹ. Mẹ tặng những vật dụng này cho nhà thương để họ dùng cho những em bé thiếu tháng. Mẹ miệt mài sản xuất, đem nỗi buồn của mẹ đổi lại tình thương cho những con búp bê mảnh khảnh, vất vả từng hơi thở trong lồng kính. Dạo này mẹ còn sinh tật lái xe đi đến những khu chợ búa xa xôi, mẹ viện cớ là đi mua len, mua vải nhưng cô biết rằng lòng mẹ không nguôi cơn đau nhức. Mẹ bâng khuâng, lơ lửng kiếm tìm.

Duy dạo này cũng bận rộn lắm, anh thỉnh thoảng ghé qua, ăm cơm tối rồi vội vã ra đi. Cô càng đọc sách nhiều hơn để trốn tránh sự im lặng. Cô không nghĩ đến tương lai nhiều nữa, cô đi làm như con người máy, cô học thêm những lớp cắm hoa, làm đồ gốm. Dù cho bận rộn đến chừng nào, dòng sông tâm hồn cô cũng không còn bình lặng nữa. Những cơn sóng buồn cứ ray rứt, vu vơ.

Một năm trôi qua từ ngày Lisa bỏ nhà ra đi. Duy không đến nhà thường xuyên nữa vì mẹ Duy vừa mới được đoàn tụ qua Mỹ, bà cần nhiều đến sự săn sóc của Duy. Cô đến nhà Duy, giúp bà trong việc chợ búa hoặc chuyện trò với bà trong những lúc Duy bận đi làm những giờ phụ trội. Mẹ cô cũng hay đưa mẹ Duy đi phố xá thường xuyên. Cô cũng mừng khi thấy hai bà hàn huyên tương đắc. Nhiều khi cô bước vào phòng Duy ngủ, nhìn những chiếc gối thêu cô trang hoàng trong phòng ngủ, những tấm trải giường thanh nhã cô chọn, đôi khi lòng cô cảm thấy bâng khuâng.

Bẵng đi một tuần, Duy không đến nhà chơi, cô cũng tự nhiên bận bịu nhiều với mẹ.

"Con ơi, đi với mẹ đến nhà bác Phán, bác ấy không được khỏe, phải đến thăm không thôi nhỡ có bề nào!"

Hôm khác mẹ rủ rê:

"Mẹ tìm được một chỗ bán vải thật rẻ nhưng hơi xa, con đi lựa cho mẹ một ít hàng đẹp để mẹ gởi về Việt Nam."

Tới ngày thứ Bảy, mẹ bảo:

"Hôm nay con dì Năm đám cưới, con nhớ dì Năm không? Bạn thân với mẹ từ thuở nhỏ. Dì ấy mời mẹ đi họ nhà trai vì dì qua đây một mình, không có nhiều họ hàng thân thuộc. Bố mày không chịu đi với mẹ, ông ấy chả biết xã giao gì cả! Con chở mẹ đi dùm, nhà ấy ở dưới quận Riverside."

Cô ngập ngừng nhìn mẹ:

"Hôm nay con có hẹn trượt tuyết với Duy."

"Ủa thế nó chưa gọi cho con à? Mẹ gặp nó hôm qua, nó đang bị cảm cúm liệt giường, mà con đừng qua bên ấy nhé, lỡ lây bệnh không đi làm được."

"Chán quá, mẹ thấy không, mẹ bắt con đi chơi với mẹ hoài nên con chẳng còn để ý đến Duy nữa. Để con gọi hỏi thăm Duy một chút rồi con đi với mẹ."

Cô bước vào phòng ngủ, nhấc điện thoại gọi qua nhà Duy. Mẹ Duy trả lời:

"À, con đó hả? Thằng Duy mới ra khỏi nhà."

"Ủa, nghe mẹ con nói là ảnh bệnh liệt giường mà ảnh lại đi đâu sớm thế hả bác."

"Thì hắn bị bịnh đó chớ, chắc hắn chạy đi mua thuốc men chi đó, khi hắn về bác biểu hắn kêu cho con."

"Thôi khỏi đi bác, con phải chở mẹ con đi ăn cưới, chắc khuya lắm mới về, bác để anh ấy nghỉ."

"Con đi chơi cho vui hỉ, đừng để ý tới thằng ni nhiều, có bác săn sóc hắn rồi."

Mẹ Duy người miền Trung, nhiều khi nói giọng lạ và nhẹ như tiếng chim hót. Cô lắc đầu mỉm cười, mai mốt mấy đứa cháu nội mặc sức mà lẫn lộn giữa tiếng Mỹ, tiếng Việt, giọng Huế, giọng Bắc lung tung.

Đám cưới con dì Năm thật là vui. Mẹ ngồi với đám bạn già của mẹ. Bà nào cũng diện áo nhung, áo gấm. Đeo hạt xoàn, vòng vàng rực rỡ. Mẹ cũng đẹp không kém trong chiếc áo dài thêu và chuỗi hạt trai. Mẹ bới tóc cao, kiêu sang, cười con mắt có đuôi, nói chuyện với bạn bè một cách vui vẻ. Mẹ và dì Năm dẫn cô đi giới thiệu lung tung với các bạn già trẻ. Cô cười bảo mẹ:

"Mẹ không cần đi kén rể đâu nhé, con đã yên phận rồi."

Mẹ chau mày:

"Làm gì mà đã yên phận sớm thế, càng quen nhiều người càng vui, mình lại có thêm nhiều sự lựa chọn chứ sao đâu?"

Cô trố mắt nhìn mẹ:

"Sao tự nhiên mẹ lại ăn nói văn minh thế?"

Dì Năm nhìn mẹ trêu:

"Bộ cháu không biết là chính mẹ cháu lựa chọn bố cháu sao?"

Mẹ liếc mắt nhìn dì Năm mắng yêu:

"Đồ quỷ, già rồi mà không nên nết."

"Già đâu mà già, chút nữa tui ra nhảy đầm cho chị coi."

Mẹ và dì Năm nhìn nhau cười nắc nẻ.

Hôm ấy, thật khuya, hai mẹ con lái xe về trên xa lộ vắng. Bầu trời trong vắt và mát lạnh, tinh tú lấp lánh như kim cương. Cô quay kính xe xuống, gió lùa tóc cô bay phơi phới, mẹ dựa đầu vào thành ghế ngái ngủ, lặng thinh. Cô nhớ lại lời mẹ nói trong bữa tiệc cưới: "Càng quen nhiều người thì càng có nhiều sự lựa chọn!" Từ ngày gặp Duy, chàng trở thành tấm chăn ấm, bao trùm cả cuộc đời cô, cô cần gì phải lựa chọn ai nữa? Cô mỉm cười thương mẹ quá lo xa.

Sáng chủ nhật, bố dậy sớm pha cà phê, mùi thơm của cà phê và trứng chiên làm cô tỉnh giấc. Ngoài cửa sổ những con chim se sẻ bận rộn, ríu rít nhảy thoăn thoắt từ cành nọ qua cành kia. Bố mẹ cô cũng như những con chim ấy, tíu tít bên nhau, tha mồi về nuôi những con chim non trong tổ. Một mai, như những con chim non mọc đủ lông cánh, cô cũng bay ra khỏi tổ, nhưng cô sẽ không bay đi đâu xa cả. Cô đi về ở với Duy, cách nhà cô mười lăm phút lái xe, cô vẫn còn nhiều dịp để làm nũng với bố mẹ.

"Con ơi, xuống ăn sáng với bố mẹ không thôi thức ăn nguội cả."

Nghe mẹ gọi, cô nhảy xuống giường, vào phòng tắm đánh răng, rửa mặt. Khoác vào người chiếc áo kimono, nhìn gương mặt hồng hào bóng nhoáng của mình trong gương, cô mỉm cười sung sướng khi được bố mẹ chiều chuộng như một đứa bé. Cô thích ngồi đủng đỉnh uống cà phê, ăn sáng và đọc báo chủ nhật cùng với bố mẹ.

Dùng điểm tâm xong, cô bưng chén đĩa vào bếp, dọn dẹp những vỏ trứng vỡ còn nằm tung tóe dưới đáy chậu. Mẹ đang lau bàn bỗng dừng tay nhìn cô:

"Mẹ gặp Lisa."

Cô giật mình ngẩng lên nhìn mẹ. Bên kia bàn bố cũng buông tờ báo xuống, chăm chú nhìn mẹ.

"Lisa đi chợ Lucky."

Thảo nào, cô thầm nghĩ, cô và mẹ chỉ đi chợ Vons mà thôi. Mẹ tiếp tục:

"Nó đem theo một đứa bé độ chừng ba tháng."

Một cảm giác ớn lạnh chợt len lỏi vào lòng. Cô nhìn xuống bàn tay mình, miếng bọt biển rơi ra khỏi bàn tay yếu đuối và run rẩy của cô.

"Mẹ không biết phản ứng như thế nào nên tránh mặt nó lúc ấy, chờ nó ra khỏi chợ mẹ len lén đi theo, nào ngờ nó đến nhà Duy để thăm bác gái nên mẹ theo vào, nhờ vậy mẹ mới hỏi rõ tất cả sự việc."

Tiếng bố tằng hắng văng vẳng đâu đây, bầu trời ngoài kia đầu xuân xanh biếc nhưng trong lòng cô, một đám mây đen ào ạt bay về. Giọng mẹ đều đều như những giọt sầu rơi rụng đau nhức trong lòng cô:

"Mẹ muốn kể cho con nghe từ tuần trước nhưng mẹ chưa chuẩn bị được. Bố mẹ có gặp Duy và có yêu cầu Duy đừng đến đây gặp con nữa. Bố mẹ buồn lắm mà không biết làm sao nói chuyện với con..."

Cô nhắm đôi mắt lại, hai tay bám vào thành chậu, cố chận những giọt lệ nặng nề tràn lấp đôi mi.

"Phải đứa bé là con của Duy và Lisa không?"

Cô nghe giọng mình khàn đục cất tiếng, hỏi mẹ một câu thật là thừa thãi. Lời mẹ đáp mơ hồ văng vẳng nhưng cô đã biết, đã hiểu những ẩn khuất, những thấp thỏm u hoài lâu nay cô cố tình xua đuổi ra khỏi tâm trí của mình. Bây giờ, bao nhiêu dữ kiện bi đát dồn dập phản chiếu trong tâm tư cô, qua một tấm lăng kính nhạt nhòa mà cô đang gội rửa bằng những giọt lệ tràn lan trên đôi má.

Cơn đau bất chợt nổi lên làm cô ôm bụng, oằn người trên chậu chén bát. Thức ăn sáng vừa mới vào tới dạ dày cô chợt tràn trề dâng lên trong lồng ngực, cô gục đầu nôn mửa thốc tháo trên những mảnh trứng vỡ, những mảnh vụn mong manh, tan nát như trái tim cô.

*

Trời hôm nay lại trở màu xám đục. Cali dạo này mưa nhiều hơn mọi năm. Thời tiết bây giờ không còn ảnh hưởng nhiều đối với cô nữa. Ngày qua ngày cô đi làm việc, cô đi học nhạc, cô cố tránh những cảm xúc đắng cay, buồn giận. Những cảm xúc ấy đã giày vò trong lòng cô suốt cả năm qua làm tâm tư cô dửng dưng

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU
TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21

lạnh lẽo. Ngồi trước phím dương cầm, những nốt nhạc buồn rơi rụng từ những ngón tay cô. Từ ngày Duy ra khỏi đời cô, dường như cô không còn nhớ được một dòng nhạc vui nào nữa, đôi tay cô lướt chầm chậm trên phím trắng... "thà như giọt mưa, vỡ trên tượng đá, thà như giọt mưa..." cô cảm thấy nỗi lạnh lẽo ngoài trời thấm nhập vào đáy lòng mình. Cô vương vấn một nỗi chán chường và thất vọng. Cô thất vọng vì mình đã trao niềm tin cho Duy, cô dựa vào Duy như một đứa trẻ thơ cho tâm linh cô được thoải mái, an bình. Ngày xưa, khi bố cô đi hành quân xa, cô không chịu ngủ, mẹ phải cho cô một tấm áo cũ của bố để cô ôm vào lòng cô mới chịu đi ngủ. Ngày nay, cô đã hai mươi mấy tuổi rồi, lại một lần nữa, cô dùng Duy để thay thế tấm áo cũ ngày xưa. Chính cô, cô đã tự gạt gẫm mình để tìm một thứ bình yên giả tạo.

"Hi, are you Philippina?"

Giật mình cô quay ngoắt lại, chút nữa thì té khỏi ghế. Hai bàn tay vươn ra chụp cô lại, giọng nói hốt hoảng:

"Oh, I am sorry that I startled you!"

"It's alright!"

Đôi gò má cô nóng bừng vì ngượng, người con trai đối diện cô chính là người hôm qua đứng nhìn cô qua cửa sổ.

"I am Vietnamese."

Đôi mắt đen tỏa ra những tia sáng hóm hỉnh làm cô càng hổ thẹn. Người con trai mỉm cười:

"Tôi tên Minh, cô chơi đàn hay quá nên tôi đánh bạo làm quen, ai ngờ cô cũng là người Việt... Cô có thể cho tôi ngồi đây vài phút để nghe cô đàn được không?"

Cô bối rối mỉm cười, nhìn xuống phím đàn, tránh đôi mắt đen làm hồn cô choáng váng ấy.

"Tôi chỉ đàn được một vài bài thôi, hay không thì chưa chắc vì chưa bao giờ tôi có thính giả cả!"

Cô ngập ngừng nhìn đôi tay mình, những móng tay nhỏ xinh hồng dường như cũng thẹn thùng run rẩy. Cô nhắm mắt, lặng thinh, cố quên đôi mắt nhung tròn, láu lỉnh nhìn mình hôm qua từ khung cửa sổ, cố quên giọng nói ấm cúng của chàng trai đối diện. Cô bắt đầu lướt nhẹ đôi tay trên phím ngà để dòng nhạc dìu cô đi. Bồng dưng cô vươn cánh bay, cô bay mãi vào trong một khung trời mới, khung trời hồng với trăng sao huyền hoặc, những con bươm bướm trắng lung linh trên cỏ xanh, gió thơm ngào ngạt hương ngọc lan. Trên đồi hoa vàng ngập lối, những người tình thơ thẩn, tay trong tay, tim rộn rã, mắt nồng nàn và môi cuồng nhiệt...

*

Từ đó, sau một buổi chiều giông tố. Cô tự dạy mình cách tránh né những hy vọng hão huyền, cô bắt đầu biết hoài nghi, cô biết đương đầu với những nỗi đam mê mới, cô biết đùa cợt với những lời hẹn thề giả dối và tự hứa rằng, mai sau, khi cô bước vào một tình yêu mới, cô muốn yêu và được đền đáp bằng một tình yêu nồng nàn như lửa hồng, như rượu ngọt và cô sẽ ôm ấp tình yêu này bằng một trái tim say đắm, ngất ngây.●

NGUYỄN TẤN HƯNG

MƯA

Mưa đêm nhỏ giọt hiên ngoài
Mưa nào nhỏ giọt u hoài trong tôi
Lại lần nữa nếm chia phôi
Đêm nằm nghe tiếng mưa rơi cũng buồn

Rả rích mưa, lệ sầu tuôn
Nhắc đêm gác trọ nỗi cuồng điên dâng
Đường khuya luống những ngại ngần
Ướt vai, ướt cả lòng trần đắm say

Người về chốn cũ có hay
Mưa theo tôi suốt đêm dài lê thê
Quán khuya tình tự vọng về
Riêng mình tìm lại đam mê ngọt ngào

Mưa rơi mau, lệ tuôn trào
Mất nhau mất những ngày nào có đôi
Mưa ngoài hiên mưa trong tôi
Đầm đìa tiễn cuộc tình trôi về nguồn.

HỒ CHÍ MINH HOẠT ĐỘNG TẠI VIỄN ĐÔNG và CSVN XUẤT HIỆN

THƯỢNG-HUYỀN dịch

(Trích dịch từ sách Hồ Chí Minh Tại Trung Quốc, nguyên tác Hoa ngữ của Tưởng Vĩnh Kính, Đài-loan)

(Tiếp theo)

Vì nuốn nhấn mạnh tính nhất trí với các "đảng anh em", khi thành lập đảng Cộng Sản Việt Nam, ông Hồ một mặt khoe khoang "cách mạng Việt-nam được công nhân nước Pháp chi viện", mặt khác tố cáo "chủ nghĩa quân phiệt" Pháp đã "chống đối cách mạng Trung-quốc và tấn công Liên-sô".[32] Thủ lãnh cộng sản Pháp, ông Andre Marty, trong một văn kiện gửi cho Trung-cộng, cũng nhấn mạnh đến sự quan hệ của "đảng anh em" của họ: *"Sáu chục triệu dân nô lệ ở thuộc địa dưới sự áp bức của chủ nghĩa đế quốc Pháp, đều được lãnh đạo bởi đảng cách mạng anh em oai hùng (chỉ cho Trung-cộng) của chúng tôi, cho thấy, chắc chắn sẽ chỉ ra cho họ rõ, cái mốc chung cục của cách mạng là con đường giải phóng; cuộc đấu tranh cách mạng vĩ đại của An-nam (bức thành của chủ nghĩa đế quốc Pháp — đế quốc Pháp đang chuẩn bị để từ đó tấn công sang Vân-nam và cách mạng Trung-quốc), và sự việc "đảng anh em" An-nam của chúng ta đã được thành lập trong đấu tranh, đó là những minh chứng."*[33]

Trong hoạt động thực tế, Việt-cộng và Trung- cộng cũng phối hợp nhau chặt chẽ. Lúc bấy giờ Trung-cộng đang tiến hành công cuộc "chống chủ nghĩa đế quốc", đã yêu cầu cộng sản các nước phái cán bộ đến Trung-quốc để thi hành các công tác phá hoại quân đội liệt cường đang trú đóng tại Trung-quốc.[34] Trong số binh sĩ và công nhân người Việt trong tô giới Pháp ở Thượng- hải, cuối năm 1929, đã có tổ chức bí mật của Việt-cộng thực hiện công tác binh vận.[35] Đầu năm 1930, ông Hồ đến Thượng-hải, giới thiệu các đảng viên bí mật của Trung-cộng với họ để liên hệ hợp tác. Một nhân vật bí mật của Việt- cộng thời đó là Nguyễn Lương Bằng có thuật như sau:

"Cuối năm 1929 tôi đến Thượng-hải. Trong tô giới Pháp tại Thượng-hải có khoảng hơn 4.000 lính khố-đỏ và khố-xanh (tức binh sĩ người Việt), và trong xưởng chế dưỡng khí cũng có một số công nhân Việt-nam..... Tôi đến xưởng chế dưỡng khí, phát động số công nhân ở đây thành lập Hỗ Tế Hội. Thành viên của tổ chức, từ các đồng chí công nhân dần dần phát triển đến những người làm bếp trong các nhà hàng, các người buôn bán, sau đó lại quan hệ tiếp đến lính khố-đỏ, khố- xanh và lính thủy. Từ tổ chức quần chúng tiến một bước nữa đến kiến lập tổ chức hạ tầng cơ sở đảng. Lực lượng của chúng tôi không ngừng phát triển lớn mạnh. Đảng lại phái đồng chí Chu Tấn đến Thượng-hải để cùng tôi làm công tác tuyên truyền và tổ chức. Một hôm, tôi nhận được một bức thơ, khẩu khí có vẻ thương người. Trong thơ viết: "Tôi đợi anh ở phòng đạn dược của công ti Tiên Thí"..... Đến giờ hẹn, tôi đến công ti Tiên Thí..... Bỗng, tôi nghe ở phía sau có người gọi..... Tôi quay đầu lại, thì mừng rỡ biết bao, người vừa gọi tôi chính là đồng chí Vương! .....(lược qua vài đoạn hai người nói chuyện) *Đồng chí bảo tôi: "Hiện tại, khí thế đấu tranh đang lúc lên cao, công tác của đồng chí lại*

quá nhiều, một mình không kham hết được; lại nữa, điều kiện hoạt động cũng không đủ tốt. Vậy, muốn tiến hành công tác, tất phải nhờ đến sự giúp đỡ của đảng anh em. Đảng viên cộng sản khi tiến hành công tác ở bất cứ nước nào, đều phải chịu sự lãnh đạo của tổ chức đảng địa phương." Sau đó không lâu, tôi được tiếp xúc với đồng chí Thái Sướng (đảng viên Trung-cộng, vợ của Lí Phú Xuân). Bà giới thiệu với tôi một đồng chí Trung-quốc chuyên phụ trách về các binh sĩ ngoại quốc. Đồng chí Trung-quốc này đã giúp đỡ tôi tận lực."[36]

Những đảng viên Việt-cộng hoạt động bí mật tại Thượng-hải thời bấy giờ, ngoài Nguyễn Lương Bằng còn có vợ chồng Hồ Tùng Mậu (đã gia nhập đảng Cộng Sản Trung Quốc), Chu Tấn, Quốc Long v.v...[37] Ông Hồ cũng thường đến Thượng-hải. Trong năm 1930, ông đến Thượng- hải vài lần để chỉ đạo các hoạt động của đảng viên Việt-cộng.[38] Lúc này, Trung-cộng đã tổ chức một ủy ban tuyên truyền, phụ trách tiến hành các hoạt động quấy nhiễu trong quân đội ngoại quốc đang trú đóng tại Trung-quốc. Cộng sản Việt-nam và cộng sản Nhật cũng tham gia các hoạt động này. Các cán bộ Trung-cộng phụ trách binh sĩ Anh; Nhật-cộng phụ trách các binh sĩ Nhật-bản, Triều-tiên và Đài-loan; Việt-cộng phụ trách binh sĩ Pháp và Việt-nam.[39] Năm 1930 chính là năm Trung-cộng quyết liệt thực hiện *"Lộ tuyến Lập Tam"*.[40] Từ tháng 6, thừa lúc Trung-quốc có nội chiến, Lí Lập Tam đã hạ lệnh cho đảng viên Trung-cộng tổ chức tổng bạo động toàn quốc; ra lệnh cho hồng quân ở các địa phương phải phát động tổng tấn công, chiếm lấy các thành phố lớn.[41] Trong hai tháng 7 và 8, hồng quân Trung-cộng đã chiếm được Trường-sa của tỉnh Hồ-nam, đồng thời uy hiếp các cứ điểm quan trọng của miền Hoa-trung như Vũ-Hán, Nam- xương, Cửu-giang v.v... Ngày 23.7, ban chấp hành cộng sản quốc tế đã thông qua bản *"Nghị quyết về vấn đề Trung-cộng"*, công nhận rằng, *"cao trào mới của cuộc vận động cách mạng Trung-quốc đã trở thành một sự thật không thể tranh biện"*;[42] cùng qui định cho Trung-cộng nhiều nhiệm vụ, mà liên quan đến Việt-nam thì có: *"Phải nhận thức ý nghĩa trọng đại của cuộc đấu tranh cách mạng An-nam ngày càng lớn mạnh, mà phát triển ảnh hưởng của chính mình trong nhân dân An-nam, luôn cả tại Hương-cảng và Quảng- châu."*[43] Lúc này ông Hồ rất thường qua lại giữa Hương-cảng và Thượng-hải, vừa chỉ đạo các hoạt động của Việt-cộng để phối hợp với các hành động của Trung-cộng cũng như sách lược của cộng sản quốc tế, vừa đảm trách nhiệm vụ trọng yếu của cộng sản quốc tế về Viễn Đông. Những cơ quan mà ông thường quan hệ gồm có: 1) Viễn Đông cục của cộng sản quốc tế tại Thượng-hải — *được thành lập năm 1929, là cơ quan đại lí của cộng sản quốc tế tại Viễn Đông, quản lí các đoàn thể chính trị địa phương, cùng liên lạc các tổ chức thuộc hội Công chức và Công nhân*; 2) Phòng Bí thư hội Công chức và Công nhân Thái Bình dương — *từ 1930 đến 1931 do Viễn Đông cục quản lí*; 3) Ông là người phụ trách Nam Dương cục của cộng sản quốc tế — *từ tháng 3.1930 đến tháng 6.1931, các tổ chức cộng sản ở các nước Nam-dương, Mã-lai và Xiêm-la đều do ông chi phối*; 4) Liên hệ chặt chẽ với hội Liên hiệp Lao công Pháp quốc và đảng Cộng Sản Pháp; 5) Liên minh chống chủ nghĩa đế quốc — *thành lập năm 1925 tại Bá-linh* — và Viễn Đông bộ của liên minh này.[44]

Như các tư liệu của Trung-quốc đã nói rõ, Viễn Đông cục của cộng sản quốc tế nguyên trước kia do Pavel Mif (Nga-cộng) điều hành. Sau đó thì đến Hilaire Noulens.[45] Ông Hồ thay thế H. Noulens, nhưng phụ trách Nam Dương cục.[46] H. Noulens đến Thượng-hải năm 1930, đã dùng nhiều tên giả để mướn 4 chỗ ở, 8 hộp thơ, 4 số điện tín đăng kí. Công tác của Viễn Đông cục không những trù định các cuộc bạo động của Trung- cộng ở các địa phương, mà còn chỉ huy cả các cục Nam-phương (tại Hương-cảng), Trường-giang và Bắc-phương của Trung-cộng, luôn cả các đảng cộng sản Ấn-độ, Phi-luật-tân, Mã-lai, Triều- tiên, An-nam và Nhật-bản.[47] Người điều khiển phòng Bí thư hội Công chức và Công nhân Thái Bình dương là Dư Phi (ủy viên trung ương đảng Trung-cộng), H. Noulens làm bí thư. Sau khi Dư Phi rời chức vụ thì H. Noulens thay thế.[48] Cho nên, năm 1930, những cơ quan mà ông Hồ quan hệ cũng như những hoạt động mà ông tham gia tại Trung-quốc, thật ra là đã cùng với cộng sản Trung, Nga và Pháp kết chặt làm một thể "bất- khả-phân". Với *"Lộ tuyến Lập Tam"*, Trung-cộng liên tục phát động các cuộc bạo động, thì đồng thời, Việt-cộng cũng thi hành bạo động tại Việt- nam. Và kết cục, cả hai đều thất bại. Năm 1930, tại Việt-nam cũng như tại Trung-quốc, Việt-cộng và Trung-cộng đều đem toàn bộ lực lượng để phát động các cuộc bạo

động vũ trang, lập các tổ chức vũ trang cùng chính quyền sô-viết. Tháng 2 năm đó, do từ sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên-báy của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt- cộng đã chộp lấy cơ hội để phát triển. Sau khi lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng là cụ Phan Bội Châu bị Pháp bắt năm 1925, các đồng chí Nguyễn Thái Học v.v... đã thừa kế tinh thần, năm 1927 xây dựng tổ chức tại Hà-nội, và hoạt động thật tích cực. Chính cương và chế độ của đảng đều mô phỏng theo Trung Quốc Quốc Dân Đảng. Họ yêu cầu Trung-quốc viện trợ để đánh đổ nền thống trị của người Pháp. Tổ chức đã phát triển thật mau chóng tại Bắc-Việt. Năm 1929, số lượng đảng viên đã lên đến 1.500 người, đa số là giáo sư, học sinh và binh sĩ.[49] Vì bị cảnh sát Pháp ruồng bắt quá gắt gao, ngày 9.2.1930, lãnh tụ Nguyễn Thái Học cho lệnh khởi nghĩa, tập kích quân Pháp ở đồn Yên-báy, giết 5 và làm bị thương 6 lính Pháp; nghĩa quân có 4 tử thương. Nhưng cuộc khởi nghĩa đã mau chóng bị quân Pháp dập tắt. 34 binh sĩ Việt-nam và 30 đảng viên tham gia cuộc tập kích đều bị bắt. Sau vụ này, quân Pháp đã mở cuộc ruồng bố sâu rộng, gây nên một không khí khủng bố kinh hoàng trong dân chúng Việt-nam.[50] Theo tư liệu của Pháp, trong tháng 2 và tháng 3 năm ấy, số đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng bị tuyên án tử hình là 58 người (trong đó có 22 người bị chặt đầu), 61 người bị tù chung thân, 42 người khổ sai có kì hạn. Cũng trong năm đó, còn có 576 người nữa bị thẩm tra.[51] Ngày 15.6 năm ấy, khi Nguyễn Thái Học cùng với 15 cán bộ trọng yếu khác bị hành quyết, họ đều hô to: *"Tổ quốc Việt-nam giải phóng muôn năm!"* Cái án thảm khốc ấy được truyền đến Ba-lê, không những đã gây xúc động trong giới Việt kiều tại Pháp, mà một số người Pháp cũng cảm thấy bất bình.[52]

Sau khi cuộc khởi nghĩa Yên-báy thất bại, số cán bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng hầu như bị tàn sát hết, thế lực của chủ nghĩa dân tộc coi như bị tan rã; và thay thế vào đó để hưng khởi lên, chính là chủ nghĩa cộng sản. Ông Hồ rất vui mừng thấy Việt Nam Quốc Dân Đảng thất bại. Điều đó được thấy rõ trong cái ngữ khí của ông khi bình luận về cái *"thu hoạch được của Việt-cộng"* như sau: *"Từ sau cuộc khởi nghĩa đó* (Yên-báy), *giai cấp tư sản* (chỉ cho Việt Nam Quốc Dân Đảng) *đã mất tất cả ảnh hưởng trong cuộc vận động giải phóng dân tộc; và giai cấp công nhân cùng quần chúng nông dân lao động được tổ chức lại trong đảng tự do* (chỉ Việt-cộng). *Đảng trở thành người lãnh đạo duy nhất của cuộc cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc."*[53] Việt- cộng liền lợi dụng cái ý chí chống Pháp vốn phổ biến trong khắp nhân dân Việt-nam, đề ra khẩu hiệu *"Phản đối khủng bố"*, kết hợp với khẩu hiệu *"Đấu tranh để tranh thủ cải thiện đời sống"*.[54] Một số đông đảng viên Việt-cộng quá cuồng nhiệt (đa số đã từng thấy được những cuộc bạo động cũng như vận động nông dân khởi loạn tại Trung-quốc), một mặt bị khích động bởi cuộc khởi nghĩa Yên-báy thất bại, mặt khác, do cuộc khủng hoảng kinh tế của thế giới lúc bấy giờ đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến phá sản tại nông thôn Việt-nam, bèn quyết nắm lấy tình hình, bắt chước Trung-cộng, lãnh đạo đám nông dân đang phẫn nộ, công khai bạo động. Ngày 1.5.1930, quần chúng nông dân được tập hợp đại qui mô tại nông thôn, làm một cuộc diễn hành đói khát, kéo đến trung tâm hành chánh. Thực dân Pháp dùng súng máy bắn xối xả vào đoàn diễn hành, gây thành cuộc đổ máu thảm khốc. Để cứu vãn nỗi tuyệt vọng do sự thất bại của cuộc nông dân bạo động đem lại, Việt-cộng bèn bắt chước theo phương thức của Mao Trạch Đông, ngày 12.9 năm đó, đã tổ chức nông dân vũ trang và thành lập chính quyền sô- viết tại Nghệ-Tĩnh (quê hương Hồ Chí Minh). Nhưng chỉ ba tháng sau, toàn bộ đã bị thực dân Pháp trấn áp.[55] Tổ chức Việt-cộng từ đó bị tàn hoại, đại đa số đảng viên và cán bộ bị bắt bớ, bị giết, hoặc bị truy lùng.[56] Một số đảng viên bị truy đuổi đến phải trốn sang Trung- quốc, gia nhập hồng quân Trung-cộng.[57]

Việt-cộng từ khi thành lập cho đến khi sô-viết Nghệ-an thất bại, tính ra chưa tròn một năm. Trực tiếp lãnh đạo tuy là do bí thư Trần Phú, một thanh niên trẻ tuổi, nhưng trước sau vẫn do ông Hồ, ở cương vị đại diện cho cộng sản quốc tế, chỉ đạo; như Trường Chinh sau này có nói: *"Mùa thu năm 1930 và đầu năm 1931, Hồ chủ tịch hoạt động cách mạng tại Trung-quốc. Tuy không chỉ đạo mọi công tác quốc nội, nhưng Bác đã quan tâm mật thiết đến cuộc vận động cách mạng tại quốc nội."* Lối nói nhẹ nhàng ấy như có ý tẩy xóa trách nhiệm của ông Hồ về sự thất bại kia. Không lâu sau khi sự việc này xảy ra, ông Hồ đã qui trách nhiệm cho trung ương Việt-cộng. Ngày 20.4.1931 ông đã gửi thư cho trung ương Việt-cộng, nói: *"Đảng đã phạm phải biết bao nhiêu khuyết điểm trong công tác, như tác phong công*

tác đầy hình thức chủ nghĩa, không thật tế, không cụ thể, không nắm vững tình hình địa phương, những quan điểm hẹp hòi vẫn tồn tại trong các tổ chức quần chúng (như các đoàn thể công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ v.v...), không đặc biệt quan tâm đến các hiệp hội phản đế....."[58] Sự thật thì, *"mười khẩu hiệu"* được nêu lên trong bản *"Hiệu Triệu"* ngày 18.2.1930 của ông Hồ, cũng như *"mười yêu cầu"* trong thời kì *"Lộ tuyến Lập Tam"* của Trung-cộng, đều phát xuất từ các qui định của Mạc-tư-khoa. Vả chăng, sự thất bại của cả Trung-cộng và Việt-cộng chỉ là do cả hai đã cùng theo đuổi một quyết sách ấy mà thôi.

Trong thời gian từ 1931 đến 1933, không những cuộc vận động cách mạng ở Việt-nam đã bị để cho chìm xuống, mà chính bản thân ông Hồ cũng luôn gặp vận xấu. Về Việt-cộng, ông Hồ từng nói: *"Từ năm 1931 đến năm 1933, thực dân Pháp đã điên cuồng bách hại nhân dân, rất nhiều cán bộ và quần chúng bị bắt hoặc bị hi sinh. Đảng và các tổ chức quần chúng cơ hồ như hoàn toàn tan vỡ. Do vậy, cuộc vận động cách mạng cũng tạm thời phải để cho chìm lắng."*[59] Về số phận ông Hồ, nhân vì các tổ chức tại Viễn Đông của cộng sản quốc tế bị khám phá, ngày 5.6.1931, ông đã bị người Anh bắt tại Hương-cảng.

Việc ông Hồ bị bắt có liên quan với vụ Hilaire Noulens, từng làm náo động một thời tại Trung-quốc. Nguyên vì, một viên Pháp-cộng tại phòng Bí thư hội Công chức và Công nhân Thái Bình dương là Joseph Ducroix (nguyên tên là Serge Lefranc) bị bắt tháng 6.1931 tại Tân-gia-ba, đã tiết lộ hết về nội tình Viễn Đông cục của cộng sản quốc tế, khiến cho H. Noulens bị bắt tại Thượng-hải và Hồ bị bắt tại Hương-cảng.[60] Trước khi bị bắt, Ducroix đã có tiếp xúc với ông Hồ tại Hương-cảng, và cũng được ông Hồ giới thiệu cho một liên lạc viên tại Việt-nam. Sau này, Ducroix đã nói cho Jean Lacouture, tác giả của *Truyện Hồ Chí Minh*, rằng, không thể xác định là do ai đã báo cáo để họ bị bắt, nhưng ông tin rằng, ông Hồ, Noulens, cũng giống như bản thân ông, đều là những người hi sinh để cho người Anh bắt. Ducroix, với tội danh giả mạo thân thế, bị thực dân Anh kết án 18 tháng tù.[61] Hồ, với tội danh âm mưu hoạt động phá hoại, bị 6 tháng tù, nhưng thực dân Pháp lại lấy lí do ông hoạt động chống Pháp, đã bị xử tử hình khiếm diện

BÙI MINH QUỐC

THƠ TẶNG VỢ HIỀN

Em ngồi đó, quên cả ngày tàn quên đêm khuya khoắt
Mười ngón tay, lau một thế giới dịu hiền
Những con búp bê kia muôn màu lung linh ánh mắt
Em lẳng lặng đẩy lùi cơn bão dập đời anh.
Gầm rít quanh ta cơn bão phũ phàm
Cuộc vây hãm dằng dai của mắt cú miệng hùm lưỡi rắn
Em ngồi đó, mười ngón tay lau đằm thắm
Một thế giới dịu hiền - thông điệp của hồn em.
Cái thời nhố nhăng cặn bã hóa vương quyền
Rồi lọc hết qua bàn tay em - chỉ sau cùng còn lại
Chỉ sau cùng còn lại
Một thế giới dịu hiền nâng giấc mãi thơ anh.

28.7.1997

GỬI MỘT NHÀ THƠ ĐÀN ANH

Tưởng bạn nghìn dặm thơ
Hóa vòng vo nhảy nhót
Trong cái lồng rất to
Tự đan bằng tiếng hót

1997

NHƯNG CHÍNH PHÚT NÀY

Chúng muốn chặn ta từ trong lồng ngực
Những câu thơ còn bập bẹ ầu ơ
Nhưng chính phút này thơ ta vụt hát
Tung trời bài Tự Do!

1997

tại Nghệ-an, nên yêu cầu nhà đương cuộc Anh ở Hương-cảng cho dẫn độ.[62] Để ngăn trở việc Hồ và Ducroix sẽ bị dẫn độ cho nhà đương cuộc Pháp, một cơ cấu bảo vệ của cộng sản có tên là Hội Cứu tế Quốc tế Đỏ, liền phát khởi cuộc vận động cứu viện, bằng cách thông qua phòng Bí thư Liên minh Quốc tế Chống chủ nghĩa đế quốc, họ sách động công nhân Anh-quốc làm áp lực với chính phủ Anh hãy tôn trọng "quyền che chở".[63] Hội Cứu tế Quốc tế Đỏ cũng mời ông Frank Loseby, một luật sư trẻ người Anh, biện hộ cho ông Hồ, chuyển qua thành tội phạm chính trị, mới khỏi bị dẫn độ.[64] F. Loseby cũng là người hoạt động chống chủ nghĩa đế quốc,[65] thật là người đi cùng đường với cộng sản quốc tế. Đối với ơn cứu mạng này, ông Hồ ghi nhớ mãi. Về sau ông đã nói với một đồng chí:

"Lúc ngồi trong tù, thật ra tôi cũng chưa biết nên phải thế nào. Về sau tôi mới biết đã được hội Cứu tế Đỏ hết lòng giúp đỡ; lại nhờ có một vị luật sư người Anh biện hộ cho. Nhà đương cuộc Anh tại Hương-cảng kết tội tôi không được, cho nên đã trục xuất tôi ra khỏi biên cảnh. Đó là một gian kế vô cùng hiểm độc, vì nếu không thể ở lại Hương-cảng thì tôi nhất định phải lên tàu làm công. Mà một khi đã lên tàu thì nếu không sa vào tay của Việt Nam Quốc Dân Đảng phản động, thì cũng phải vào tay của chủ nghĩa đế quốc; đàng nào thì cũng chỉ có chết mà thôi. Ông luật sư người Anh kia thật tốt vô cùng. Vợ ông ta cũng thật tốt. Hai vợ chồng thường đến nhà lao thăm tôi, và lúc nào cũng có mang theo cho tôi đồ ăn thức uống. Họ thật đã tìm mọi cách giúp tôi trong tình thế khó khăn."[66]

Đầu năm 1932, ông Hồ mãn hạn tù, được phóng thích và rời khỏi Hương-cảng. Nghe nói, ông đi Tân-gia-ba, và lại bị người Anh bắt, đưa trở lại Hương-cảng. Vì bị bệnh phổi, ông được đưa vào nằm bệnh viện, rồi đột nhiên mất tích. Người Anh đã không tuyên bố gì về trường hợp mất tích của ông. Có người nói rằng, ông lại được thả vì nhận làm công tác tình báo cho Anh.[67] Nhưng theo lời tự thuật của ông thì ông đã đi Thượng-hải. Để tránh tai mắt của "địch", ông luật sư người Anh kia đã sắp xếp cho ông ở trên một chiếc tàu, ngụy trang là một thương nhân Trung-quốc, và sau đó đã rời Hương-cảng một cách bình an. Ông đi Hạ-môn[(c)] và ở lại đó nửa năm, rồi lại trở về Hương-cảng.[68]

Sau khi ông Hồ "mất tích" tại Hương-cảng, báo chí các nơi đều công bố tin tức cho rằng, vì ông bị bệnh phổi quá trầm trọng nên đã chết trong nhà tù. Các báo chí này bao gồm cả báo của nhà đương cuộc Pháp-Việt,[69] lẫn báo của các cơ quan đảng cộng sản các nước, như báo *Công Nhân* của cộng sản Anh,[70] báo *Nhân Đạo* của cộng sản Pháp; luôn cả báo chí Liên-sô, cũng đều loan tin là ông Hồ đã chết. Sinh viên Việt- nam tại đại học Đông Phương, Mạc-tư-khoa, đã cử hành lễ truy điệu, vừa tưởng niệm Hồ Chí Minh, vừa tưởng niệm bí thư Việt-cộng Trần Phú vừa chết trong tù ở Sài-gòn hồi tháng 4. Cộng sản quốc tế đã cử đại diện đến đọc điếu văn trong lễ truy điệu.[71] Tại Pháp, năm 1933, cảnh sát cũng đã ghi chú vào hồ sơ cá nhân của ông Hồ là *"đã chết tại Hương-cảng"*.[72] Những tin tức đó rất có lợi cho sự trốn tránh của ông Hồ. Đó có phải là do sự sắp đặt của ông luật sư người Anh kia hay không, rất khó mà chứng thật được. Chỉ buồn cười là chính Hồ cũng chấp nhận cái tin tức nói rằng mình đã chết rồi ấy. Sau này ông có nói, tin tức trên là đã do thực dân Pháp bịa đặt tung ra, cốt làm suy sụp "tinh thần đấu tranh của dân chúng".[73] Vậy mà trước sau ông cũng chưa hề mở miệng nói lời nào để cải chính nhằm khôi phục lại cái "tinh thần đấu tranh của dân chúng" mà ông đã nói.

Đầu năm 1933, ông Hồ từ Hạ-môn đi Thượng-hải.[74] Tình thế của Thượng-hải lúc bấy giờ hoàn toàn khác với lần ông đến trước đây vào năm 1930. Tổ chức bí mật của Việt-cộng, vào tháng 5.1931, đã bị cảnh sát của tô giới Pháp phá nát.[75] Từ mùa hè năm đó, các tổ chức bí mật của Trung-cộng cũng bị phá hoại nặng nề. Theo thống kê từ phía Trung-quốc, các cán bộ lãnh đạo trung ương và địa phương, luôn cả các đảng và đoàn viên bị bắt vào lúc đó có đến 2.000 người; trong đó có 23 ủy viên trung ương và 31 tỉnh ủy.[76] Những nhân vật được biết tên như thủ lãnh đặc vụ Trung-cộng Cố Thuận Chương, tổng bí thư trung ương Hướng Trung Phát, xử lí thường vụ tổng bí thư Lư Phúc Thản, chủ nhiệm các báo cơ quan trung ương Dương Bào An, La Ỷ Viên, trung ủy Dư Phi v.v... Sau khi bị bắt, những nhân vật này đều xin qui chánh, và cung khai các bí mật của tổ chức. Do đó, khi vừa đến Thượng-hải, ông Hồ liền tìm mọi cách liên lạc ngay với các đảng viên Trung-cộng, nhưng kết quả không được gì. Đúng vào lúc đó, một ủy viên trung ương cộng sản Pháp cũng đến Thượng-hải. Ông Hồ lập tức viết thư cho ông ta, yêu cầu cho được diện

kiến, một đối một, không có người thứ ba. Bức thư này ông nhờ Tống Khánh Linh chuyển giao. Họ Tống vốn có mộ tổ chức "bảo vệ nhân quyền" tại Thượng-hải, từng bôn tẩu ngược xuôi để giúp đỡ cho Noulens lúc bị bắt. Đó cũng vừa là một cơ quan ngoại vi của cộng sản.[77] Để tránh sự chú ý của các nhân viên an ninh, ông Hồ phải mặc một bộ quần áo trông thật xa xỉ, thuê một chiếc xe hơi mới toanh, mang bức thư đến bỏ vào thùng thư nhà họ Tống. Vài ngày sau, ông được hội kiến với viên cộng sản Pháp. Nhờ cách này, ông Hồ mới bắt liên lạc được với các đảng viên Trung-cộng. Trung-cộng bèn sắp xếp cho Hồ lên một chiếc tàu Liên-sô để rời Thượng- hải đi Hải-sâm-uy(d). Từ đây Hồ lại đáp xe lửa đi Mạc-tư-khoa.[78] ◉

CHÚ THÍCH:

32. Tuyển Tập Hồ Chí Minh, q. 1, tr. 226.

33. Chúc từ của đảng Cộng Sản Pháp gửi cho đại hội Trung-cộng ngày 1.3.1934, xem báo Trung Hoa Đỏ số 256, và Cộng Phỉ Họa Quốc Sử Liệu Vựng Biên, q. 2, tr. 140.

34. Cộng Phỉ Họa Quốc Sử Liệu Vựng Biên, q. 2, tr. 35.

35. Hồ Thơ, tr. 55.

36. - nt -, tr. 55-57.

37. - nt -, tr. 58.

38. - nt -, tr. 58.

39. Nguyễn Lương Bằng, Brought to political maturity thanks to the people and the party, in A Heroic People, tr. 30, Foreign Languages Publishing House, Hà-nội, 1960.

40. "Lập Tam" tức Lí Lập Tam, đương thời là Bộ trưởng Tuyên truyền của Trung ương Trung-cộng. Trong đại hội kì 6 của Trung-cộng cử hành tại Mạc-tư-khoa tháng 7 năm 1928, tuy Hướng Trung Phát được chọn làm Tổng Bí thư Trung ương Trung-cộng, nhưng thật quyền thì nằm trong tay của Thường ủy kiêm Bộ trưởng Tuyên truyền Lí Lập Tam. Lí chủ trương bạo động vũ trang tại thành thị, lấy thành thị khống chế nông thôn, gọi là "Lộ tuyến Lập Tam".

41. Tư Mã Lộ, Cù Thu Bạch Truyện, tr. 65 (Tự Liên xuất bản, Hương-cảng, 1962).

42. Cộng Phỉ Trọng Yếu Tư Liệu Vựng Biên Tục Biên, q. 2, tr. 22 (Tổ 6 Trung ương xuất bản).

43. - nt -, tr. 28.

44. J. Lacouture, tr. 56-57.

45. Phán quyết về Noulens do Tòa án Giang-tô công bố, đăng trên nhật báo Trung Ương, Nam-kinh, ngày 13.9.1932.

46. Ellen J. Hammer, tr. 82.

47. Phán quyết về Noulens do Tòa án Giang-tô công bố.

48. Bộ Tổ chức Trung ương Trung Quốc Quốc Dân Đảng, Nha Điều tra soạn, Trung Quốc Cộng Sản Đảng Chi Thấu Thị, tr. 309-310 (ảnh ấn bản của Văn Tinh thư điếm, Đài-bắc, năm Dân-quốc 51).

49. Ellen J, Hammer, tr. 82-83.

50. Nguyễn Văn Cang, Việt Nam Độc Lập Vận Động Nhất Lãm, tr. 19.

51. Charles B. McLane, tr. 149.

52. Nguyễn Văn Cang, sđd, tr. 19.

53. Hồ Chí Minh, "Mười Năm Thành Lập Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa", ngày 2.9.1955.

54. Trần Hoài Nam, sđd, tr. 54.

55. Hoàng Văn Chí, tr. 49-50.

56. Trần Hoài Nam, sđd, tr. 9, 54.

57. Hồ Thơ, tr. 106-107.

58. Trường Chinh, tr. 10-11.

59. Tuyển Tập Hồ Chí Minh, q. 2, tr. 155.

60. Charles B. McLane, tr. 147.

61. J. Lacouture, tr. 63.

62. Fall, tr. 96.

63. J. Lacouture, tr. 63-64.

64. Fall, tr. 96.

65. J. Lacouture, tr. 64.

66. Hồ Thơ, tr. 66.

67. Barnard Fall, Le Viet Minh, tr. 31 (Librarie Armand Colin, Paris, 1960), xem Hoàng Văn Chí, tr.50.

68. Hồ Thơ, tr. 66-67.

69. - nt -, tr. 60, 115.

70. Hoàng Văn Chí, tr. 50-51.

71. Hồ Thơ, tr. 115.

72. Hoàng Văn Chí, tr. 51.

73. Hồ Thơ, tr. 66.

74. Theo ông Hồ tự thuật thì ông đến Thượng-hải khoảng đầu năm 1933. Xem Hồ Thơ, tr. 67; Fall (tr. 97) thì nói vào tháng 11 năm ấy.

75. Hồ Thơ, tr. 59.

76. Trung Quốc Cộng Sản Đảng Chi Thấu Thị, tr. 415-417.

77. - nt -, tr. 168.

78. Hồ Thơ, tr. 67.

Phụ chú của người dịch:

(a) Xin xem chú thích số 40.

(b) Lưỡng-Hồ: hai tỉnh Hồ-nam và Hồ-bắc.

(c) Hạ-môn: một hòn đảo thuộc Trung-quốc, nằm phía đông-nam huyện Đồng-an, tỉnh Phúc-kiến.

(d) Hải-sâm-uy: một thành phố ngày xưa thuộc tỉnh Cát-lâm, miền Bắc Trung-quốc. Vua Hàm-Phong (1851-1861) nhà Thanh cắt nhường cho Nga. Hiện nay là một hải cảng quan trọng và cũng là căn cứ Hải-quân của Nga ở Viễn Đông. Đó cũng là trạm cuối của đường xe lửa xuyên Tây-bá-lợi-á.

TIẾNG ĐÁ

NAM DAO

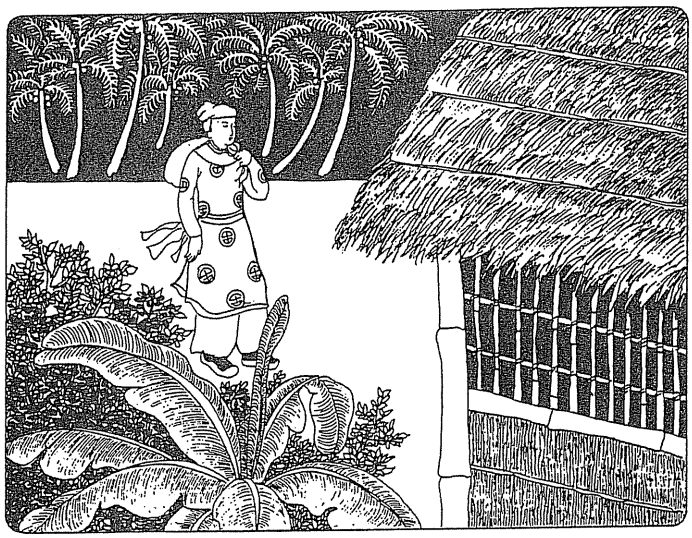

(tiếp theo và hết)

Đêm tân hôn được sắp đặt vào đúng đêm trăng tròn lần thứ bảy. Ngày trước đó, chính Đèo công đích thân mang đủ lễ vật lên Mê Thượng. Thớt voi thách cưới là một con voi trắng đã dậy thuần thục. Đèo công vỗ đầu nó cười bảo:

"Chủ mới đây, quì xuống."

Hà công chống nạng đu lên mình voi, rồi vỗ hai cái vào lưng, con voi đứng dậy rống lên, vòi vươn ra dài đến năm trượng. Hà nghếch mặt cười, oang oang nói:

"Đa tạ, voi này thì thật là xứng!"

Lễ tơ hồng được làm ngay ngày hôm đó. Nguyễn thị ứa nước mắt bảo con gái:

"Thế là mẹ con mình còn được ở với nhau thêm một ngày nữa."

Sáng hôm sau, người bản Mê Hạ ra về. Theo lệ Táy-khao, tối hôm tân hôn, mọi người phải uống thật say, rồi chú rể phải "đánh cắp" cô dâu mang về nhà chồng. Mây nghe vậy chỉ cười. Bọn con Hường, con Hằng, rúc rích, chỉ mặt Mây bảo: "...sướng nhé, chôn kim nay đà có chỉ, mà lại chỉ hồng, gớm ới là gớm, nhưng sướng ơi là sướng!" Trong bản, người ta vật trâu, vật lợn ra xẻ cho bữa tiệc ban tối. Những lu rượu cần bày lũ lượt trong sân nhà Hà công, bốc mùi ngây ngất nồng như khích động tiếng reo tiếng hò của bọn trẻ con nách cắp những bánh pháo hồng chỉ đợi dịp để đốt. Đèo Kha ngượng nghịu khều Mây đi về phía sau quán.

Ngồi riêng với Mây, Kha ghé vào tai nói nhỏ. Mây bỗng đơ người ra, mắt ngước lên

hoảng hốt nhìn Kha. Tròng mắt ngấn nước, Mây miệng mím chặt, lắc đầu. Kha lại nói. Mây vẫn mím miệng. Đèo Kha rút dao cắt vào đầu ngón tay. Mây hốt hoảng. Nhanh như chớp, Kha nắm tay Mây liếc nhẹ đầu dao, ngón tay Mây chảy máu. Đèo Kha áp tay mình vào tay Mây rồi đưa cả hai ngón tay máu me vào miệng mình. Mây khóc. Kha đưa hai ngón tay vào miệng Mây. Máu dây ra khóe miệng Mây, chảy xuống hai vệt dài. Kha lại nói, mặt chan hòa nước mắt.

Trăng lên xế đầu đã tròn vành vạch. Từ đỉnh Giăng Màn nhìn xuống, dãy Thiên Nhận xa xa như được bao phủ trong màn khói sương trắng tựa pha lê, lơ lửng nửa như muốn chìm xuống nửa như muốn bay lên. Chim muông xào xạc bay vù qua rục rịch bữa ăn đêm. Côn trùng bắt đầu nỉ non, và tráng đinh bản Mê đã có kẻ say khướt. Trong gian nhà họ, Hà công xếp bằng tròn ngồi giữa, bên phải là cây nạng gỗ mun, bên trái là Nguyễn thị đương ẵm đứa con út tên là Lữ. Ngoài Lữ và Mây là gái đầu lòng, Hà gia đã sinh hạ hai đứa trai giữa. Thằng lớn độ mười tuổi, nhâng nháo đòi cần uống rượu. Hà công lừ mắt, nó nhanh như cắt ngồi lùi ra đằng sau. Thằng bé hơn, chắc độ năm, sáu tuổi, ngồi cạnh mẹ, mắt đảo lên nhìn mọi người, mặt lạnh như tiền trong cái huyên náo của những chiếu rượu có đôi người say đã ngã gập đầu xuống mâm. Trước mặt gia đình họ Hà, phía bên kia chiếu, là Đèo Kha và Mây. Mây lại vào xách ra hai lu, một lu Mây đặt trước mặt Hà công, một lu trước mặt Kha. Hà công nghĩ thầm: "Thách cưới đến thế tưởng chúng nó sức nào lo được! Mà thôi, số nó vậy" rồi xua tay, tay kia cắm cần vào lu rượu. Kha vái tạ, và nâng cả lu lên, nói: "Kha này bây giờ là con rể của Mê Thượng, nếu bố vợ tôi cho phép và cả làng ưng lòng thì xin ba tháng sau chúng tôi lại về đây sống với bản..." Nói xong, tu rượu ừng ực, và ngã lăn ra chiếu. Trong số tráng đinh, một người cười ầm lên và bảo: "Say thế này thì đánh cắp thế nào được cô dâu" và giúp Mây dìu Kha ra trái sau nhà họ. Người ta lại hò nhau bưng thêm rượu và thịt trâu thui. Có dăm ba người đứng dậy lảo đảo múa rồi hát theo điệu chầu văn bài "Giá ông Hoàng Mười về Hồng Lĩnh."

Khi người tráng đinh vừa ra, Đèo Kha nhỏm ngay dậy. Những lu rượu Kha uống chỉ toàn là nước lã. Kha nắm tay Mây, hôn lấy hôn để vào mặt, rồi kéo Mây mở cửa trái và lẩn vào bóng những cây rạc cạnh gian nhà họ, chạy về phía đình bản. Khi Mây thấy tấm bảng "Cấm Nhập," nàng sựng người lại, nhưng Đèo Kha kéo nàng vào ngách Hang Sau. Hang tối mù mịt. Đèo Kha đốt cây đuốc đã sắp sẵn mang theo. Dơi trong hang vừa bay ra toán loạn vừa kêu eng éc như lợn con. Kha cắm đuốc vào vách đá rồợi hỏi Mây:

"Mây ơi, sách ở chỗ nào?"

Bấy giờ Mây ngồi phệt xuống, thừ mặt ra, nước mắt chan hòa:

"Thế này thì em mất bố mất mẹ mất cả ba đứa em rồi!"

Đèo Kha hốt hoảng:

"Vợ anh ơi, có sách thì *"kíu"* được nước, khơi mó đỡ được cho dân mường dân bản, làm phúc làm đức cho con cháu mình sau này. Xong việc, vợ chồng mình sẽ mang mười thớt voi, một trăm lạng vàng, một nghìn lạng bạc đến xin với bố mẹ Mây để tha tội... Rồi Mây xem, tội sẽ được tha, Mây sẽ đẻ cho anh mười đứa con trai, mười đứa con gái... Anh lạy mình, mình ơi... gấp đi, kẻo trễ, không đợi được nữa đâu!"

Mây nhớ lại thuở trước khi ba đứa em ra đời, Mây được chiều như là con một, Hà công đi đâu cũng cho Mây theo. Một hôm Hà công dặn Mây chơi ở ngoài rồi vào ngách Hang Sau. Mây không nghe, mò theo bố. Khi Hà công thấy Mây, ông đang mở mật kíp ra đọc. Phát giận, ông tóm lấy Mây, dang tay đánh vào đít, vừa gầm gừ vừa cẩn thận nhét quyển sách vào lại một hốc đá nằm khoảng ngang ngực phía bên phải bệ thờ thần Hang.

Mây ngước mắt về phía cái hốc đá, ngần ngừ quay sang nhìn Kha. Mặt Kha căng cứng ra trong niềm hoang mang, mồm tiếp tục giục, mắt nhìn Mây cầu khẩn van lơn. Nàng đứng dậy, đi ba bước, đưa tay thờ thẩn chỉ. Đèo Kha chồm lên, bới cục đá chặn hốc, thò tay vào, rồi rú lên, lôi ra cái hộp ngà. Mây nhìn Đèo Kha mặt mũi méo xệch đi vì đau đớn và sợ hãi. Mặc bàn tay chảy máu như bị dao đâm, Kha tay kia mở hộp, nâng quyển sách lên ngang trán, nói: "Đây, đây..." rồi hộc lên "Ới Then (9) ơi...Then!" Lưỡi Kha bỗng cứng lại, người ngây đờ ra, chỉ còn cặp mắt vẫn căng lên nhìn Mây, giải phòi ra miệng, thều thào: "... Mây...Mây..." Mây hoảng hốt nhìn bàn tay chảy máu của Kha đang sưng vù lên và đổi sang màu đen sậm. Vực đầu Kha dậy, Mây cố tìm sự sống trong cặp mắt bắt đầu đang lạc đi, rồi trơ ra như mảnh thủy tinh vô hồn đục sệt của một cái chai vừa vỡ. Sự sống mỏng manh đó

cứ lạnh dần trong vòng tay Mây cố trì kéo vô vọng. Tiếng vó ngựa dồn dập từ xa mỗi lúc một gần. Bản năng đẩy Mây bật dậy. Nàng vội buông xác Kha xuống, cầm lấy quyển sách kẹp chặt vào lưng váy chên, rồi dụi đuốc. Tiếng nạng gỗ chống lên nền đá đình bản nghe thình thịch. Mây lẻn thoắt ra ngách Hang Sau, chúi người vào một bụi cây, vừa lúc Hà công đến.

Nghe tiếng dơi kêu, Hà công đang ngà ngà rượu nhưng còn đủ tỉnh táo, đứng bật dậy, lẳng lặng ra trái sau. Không thấy Mây và Đèo Kha, ông lật đật về sàn, sách theo cây mác rồi chống người vào nạng đu lên lưng con ngựa vẫn buộc ở lối vào. Linh tính báo điều chẳng lành, Hà công phóng thẳng đến đình bản, chống nạng đi ra Hang Sau. Ông thở hổn hển, bật hỏng đánh đuốc lên, rồi kẹp vào tay nạng. Tay kia, Hà công lăm lăm giơ cây mác, bước từng bước vào ngách hang. Ông quát: "Chúng bay đâu? con Mây đâu..." Tiếng quát vọng ngược trở lại, ầm ầm đánh vách núi rồi văng ra xa tít tận góc rừng. Hà công vào đến trong hang thì chỉ thấy xác Đèo Kha. Ông nhìn bàn tay Đèo Kha nhiễm độc đen thùi, cười khẩy, lấy vải cuốn tay mình rồi cẩn thận thò vào hộc đá. Tiếng người lao xao nghe đâu đã gần, Hà công mím miệng, dắt mác vào người rồi lôi xác Đèo Kha ra ngoài. Đến cửa ngách, Hà công gầm lên, tay nạng dơ cao quật xuống đầu Đèo Kha, rồi ngã bệt xuống đất. Tiếng xương vỡ rào rạo. Máu bắn lên miệng Hà công nhuộm đỏ những sợi râu chớm bạc. Khi bọn tráng đinh vây quanh, Hà công vừa thở vừa nói: "Nó định phạm luật Cấm Nhập vào hang, ta đánh chết nó rồi." Nguyễn thị tất tả đến, hỏi dồn:

"Con Mây nó đâu?"

Hà thét lên:

"Bay đi bắt cho ta đứa con bất hiếu, bắt sống cũng được mà chết cũng được!"

*

Đợi cho mọi người đi hết, Mây chui ra khỏi bụi. Không dám nhìn xác Đèo Kha đầu bị đánh vỡ toác ra, óc trắng lều bều như nổi lân tinh dưới ánh trăng, Mây vái ba vái rồi đi nhanh xuống núi. Nàng tính là bọn tráng đinh đuổi theo đường về Mê Hạ nên quyết định đi ngược về núi Bạch Tượng. Đầu nàng lúc đó tỉnh táo đến độ nỗi căm hờn lịm hẳn xuống. Sống, phải sống đã. Sống để trả hận cho Đèo Kha đã chịu chết hai lần, lần chết sau thân thể không vẹn toàn, đầu óc nát nhè dưới cây nạng mun đầu bịt sắt. Bây giờ về đâu? Về nơi nào an toàn? Làm sao trả được mối hận của Đèo Kha? Mây nhớ đã gặp Đặng thị bẩy năm trước, khi cùng bố mẹ đến Nguyệt Ao để khẩn cầu một lời của Nguyễn công, kẻ người đời gọi là Cuồng ẩn. Bà lúc nào cũng dịu dàng từ tốn như có một sức mạnh tiềm tàng vững chãi tựa bãi bờ để chỗ thả neo thuyền. Sức mạnh ấy lại bất ngờ rõ nét hiện ra hệt như lúc Mây linh cảm khi nhìn trời rồi đoán ra mưa ra gió. Khi cưới Mây, tráng đinh có mang thiệp mời đến Nguyễn công và về báo là gia đình Nguyễn đã lên trại Bùi Phong. Văng vẳng bên tai, Mây nghe như có tiếng Đèo Kha giục, cứ đi đi, ở phía trước mặt kia kìa. Mây vật vờ nhắm đỉnh Thiên Nhận hướng tới. Sau hai ngày trèo núi, Mây mệt đến ngất đi lúc nửa đêm. Sáng nay, trước mặt Nguyễn công, Mây gom hết sức để kể cho hết sự tình.

Nguyễn thở dài nhìn Đặng thị, rồi quay sang Mây, mắt dọ hỏi. Mây đập đầu xuống đất:

"Nếu đập Cheo Reo phá được, nước lại đầy sông Mê, thì chắc linh hồn Đèo Kha cũng được mát mẻ."

Nguyễn trầm ngâm:

"Tại sao Mê Thượng làm đập chặn nước?"

Mây không biết, chỉ vào quyển mật kíp:

"Tất cả mọi chuyện trước sau đều nằm trong này..."

Nguyễn đưa sách cho Mây, nhỏ nhẹ:

"Cháu mở ra mà xem."

Mây mím môi, mở sách, mắt ánh lên một niềm ngạo mạn khó định tên. Mây lật một trang, rồi hai trang, ba trang... Mây luống cuống lật nhanh, lật nhanh nữa, mặt cứ tái dần đi, trở thành xanh mướt. Quyển sách chỉ toàn là những tờ giấy trắng có vân ngà, từ tờ đầu đến tờ cuối trống trơn không một chữ. Mây ngật người ra khóc, kêu lên:

"Trời cao đất dầy ơi! Tôi mất chồng tôi vì một thếp giấy trắng... Đèo Kha ơi, làm sao *kíu* nước bây giờ?"

Mây lại ngất đi. Khi tỉnh dậy, Mây chạy ra ngoài thềm đập đầu vào tảng đá núi, mong thoát kiếp nhân sinh. Đặng thị kéo Mây lại được, nhưng những lời khuyên bảo cứ như nước trôi sông. Nguyễn động lòng thương đứa con gái vừa toan vất bỏ cái quí nhất là sự sống. Nguyễn cau mày bực bội mường tượng ra những cuộc chém giết vì *kíu* nước. Nguyễn băn khoăn không hiểu vì lẽ gì quan trọng đến độ đã khiến những kẻ xây đập Cheo Reo chặn nước từ hai trăm năm nay. Có thực chăng cái mạch rồng thiên hạ đồn đãi ở đất Hoan Châu?

Và nếu thực, liệu nó có liên hệ gì chăng với cuốn mật kíp mang hình dạng một thếp giấy trắng tinh không có đến một vết chữ? Bao nhiêu câu hỏi ùa đến làm đầu Nguyễn nóng bừng lên. Không cưỡng lại được một sự thôi thúc, hay đúng hơn, một sự thèm muốn, Nguyễn bật miệng:

"Thêm một ngày nữa, may ra ta có thể hiểu được những tờ giấy trắng trong mật kíp."

Suốt hai ngày sau, Nguyễn lẳng lặng cầm quyển sách chăm chú nhìn từng trang, ngửi từng trang. Sáng ngày thứ ba, Nguyễn nắm tay Mây, thở ra rồi nói:

"Cháu tạo nghiệp cho ta đây. Thôi, tờ cuối cùng của mật kíp có mùi dầu là. Cứ ngâm vào nước, ắt biết."

Mây xé tờ giấy rồi y lời, thấy hiện ra đồ hình nhìn đúng là những cục đá tảng xếp lại, dựa lên nhau, và một dãy chữ li ti *"Thượng nhị hữu tam hạ tả tứ lục."* Nguyễn chăm chú nhìn, lẩm nhẩm đếm rồi chỉ vào một nơi, nói chậm rãi:

"Chỗ này là chỗ phá được."

Mây quì xuống chân Nguyễn lậy tạ. Khi ngửng lên nhìn, ánh lửa trong mắt Mây nóng đến độ có thể thiêu cháy được cánh rừng trước mặt chỏm Bùi Phong.

*

Nguyễn ra bờ ao ngồi cạnh vợ, tay vuốt tóc Thúc Khải đang chập chờn ngủ trong lòng Đặng thị, mắt hướng về phía đông nơi chập chùng rặng Thiên Nhận. Xa tít tắp, biển nhìn chỉ còn là một giải xanh lục chạy vòng theo chân trời. Ao đào năm ngoái, nay hoa súng đã nở, và những con chấm thả tháng trước thỉnh thoảng nhô lên đớp muỗi, làm vấn gợn những vòng tròn lan quanh ra từ những chỗ nước sủi tăm. Mới chừng năm nay, cuộc sống của gia đình Nguyễn đã thay đổi khá nhiều. Từ ngày thầy mình là Nguyễn Nghiễm được phong Tuyên phủ sứ Nghệ An, Nguyễn tránh mặt, chỉ lên Tiên Điền hầu vào dịp Tết. Tết vừa rồi, thầy lại nhắc: "Đỉnh đương (10) còn dành đó. Cứ một mình một ý không chịu nghe ai sao?" Khi Nguyễn thưa: "Ấy vì đối với hành thạch, (11) tôi vốn không có bụng mà thôi" thì thầy nổi giận lôi đình, lời lẽ đến độ tính cắt tình nghĩa sư môn: "...anh sinh ra, được học chữ thánh hiền, có công thầy công cha, sao cứ khăng khăng một hai là không có bụng với hai chữ công danh. Nhưng không công không danh cho khỏi lấm tay thì lấy gì mà giúp đời trong cái buổi nước đục này. Anh chắc còn nhớ câu Khuất Nguyên mượn ông chèo đò trên con sông Thương nói: *Thương lang chi thủy thanh hề. Khả dĩ trạc ngã anh. Thương lang chi thủy trọc hề. Khả dĩ trạc ngã túc* (12). Nước đục ư, cứ dùng nó để rửa chân, rón rén sợ bẩn mà trốn tránh thì có khác gì như kẻ khiếp đảm cầu an. Anh không nghe thầy lần này là anh phụ thầy... Vậy thì từ nay chẳng có còn gì để mà cứ thầy trò như trước nữa." Nguyễn cắn răng: "...xin thầy thu xếp cho tôi được đem đạo nghĩa Trình Chu ra dậy cho đám trẻ vậy." Lúc ấy, đất Nghệ An có Nguyễn Diên và Lê Duy Mật làm loạn, phất cờ tôn phù vua Lê đã bị nhà chúa lấn áp hơn hai trăm năm. Nghiễm được cử đến xứ Nghệ chủ yếu để tróc nã loạn quân. Trước khi Nguyễn nhậm chức huấn đạo, Hoàng tôn Lê Duy Mật từ nơi đồn binh là Ngọc Lâu đến gặp, ý mong Nguyễn hợp tác vì lẽ Trung Quân. Nguyễn cúi đầu thở dài. Mật không nỡ ép, biết như vậy là dồn Nguyễn vào cái thế phải phản thầy, quay qua hỏi chuyện thành bại. Nguyễn cũng chỉ lắc đầu, không nói. Mật giọng luyến tiếc: "Trai thời loạn, sao lại xử mà không xuất?" Nguyễn lại lắc đầu, chỉ tay vào đống sách Tính lý, Ngũ kinh, Tứ truyện, Chu lễ, Nghi lễ cận tư lục. Mật biết chí Nguyễn đã quyết, cười nói đùa: "Sách nào cho kẻ chẳng được an nhàn này là sách phải đọc?" Nguyễn nghiêm trang trả lời: "Sách Chu tử toàn tập."

Nguyễn ném một hòn đất xuống ao, lặng lẽ nhìn những gợn nước lan rộng ra từng vòng để rồi tan biến vào cái bằng phẳng của mặt ao lặng lờ dưới nắng. Nguyễn lẩm nhẩm như nói cho mình nghe "nếu lẽ là vô thường thì sự thường tại cũng phải có. Biến là biến bởi có sự bất biến. Đạo khả đạo, phi thường đạo. Gốc ở bất biến mà biến, nhưng biến lại đồng thời bất biến vậy..." Câu nói chưa xong, một tiếng nổ long trời lở đất vang lên từ phía rặng Giăng Màn. Thúc Khải khóc thét lên. Từ nhà trong, hai đứa bé chạy ùa ra, miệng mếu máo, mặt mũi tái mét ngơ ngác nhìn hết cha đến mẹ. Tiếng nổ từng đợt ầm ầm vọng qua vách núi Thiên Nhận chạy dọc suốt nam chí bắc. Chim kêu nháo nhác hàng đàn từ nóc rừng rạc bay lên đen nghịt cả trời. Tiếng hổ gầm, tiếng voi thét, tiếng khỉ vượn chí chóe, hòa vào tiếng lạo xạo như đá vụn rào rào rơi xuống làm không gian nứt ra những vực sâu tưởng chừng vô đáy. Trời bỗng tối sầm lại, và từ phía biển những tia chớp xanh lè lóe lên xé dọc không gian

thành muôn mảnh. Rồi mưa, bắt đầu nhẹ hột, sau cứ dần dần nặng hột cho đến lúc tưởng cứ như là trời đổ chì xuống thế gian. Qua vài khắc, những hạt nước mưa hóa đá. Trời biến thành mầu sữa pha lê. Những cục đá to bằng đầu ngón tay cái rơi xuống nhìn hệt như những sợi dây thừng trắng căng giữa trời với đất, đẩy nhau ra rồi lại kéo nhau vào như một sự trói buộc không cưỡng lại được. Hôm ấy là ngày hai mươi ba cuối tuần trăng thứ tám.

Phải mất đến ba ngày, Nguyễn và Đặng thị mới lợp lại được mái gianh đã bị trận mưa đá làm hư hại. Sau bữa cơm trưa, Nguyễn bị máy mắt liên hồi. Nguyễn bứt cuống lá cây thị trồng ở góc vườn phía trái gần bờ ao, nhìn một chập rồi bảo vợ:

"...Quẻ Hỏa Sơn Lữ. Cấn hạ ly thượng. Trên ly là hỏa, dưới cấn là sơn. Núi thì định nhưng lửa chưa biết đến chốn nào, nên gọi là Lữ."

Đặng thị bồn chồn:

"Thế thì lành hay dữ?"

Nguyễn ngẫm nghĩ:

"Chưa thể biết được! Nhưng nội nhật nay mai là có khách đến viếng. Mình làm sao có được rượu, được thịt thì hay!"

Nói rồi, Nguyễn vào nhà đốt hương mở sách Chu dịch cẩn trọng đặt lên thư án.

Khoảng đầu giờ Thân, lúc mặt trời xế về Tây, tiếng xe thồ rầm rập dưới núi. Một lúc sau, Hà công tay chống nạng, tay cầm cương con ngựa ngang lưng có vắt một bọc vải điều, lên trại Bùi Phong. Theo sau là Nguyễn thị ôm đứa con nhỏ, hai đứa con trai lớn và một tráng đinh cắp đao. Nguyễn mở rộng cửa, vái một vái, rồi nói:

"Đa tạ Hà công quá bộ. Tôi đoán trước, đã sắp sẵn rượu thịt đây..."

Hà ngạc nhiên, trợn mắt nhìn hai mâm đồng đầy những đĩa thịt gà, thịt lợn đã dọn ra để giữa chiếc chiếu điều trải trên phản gỗ. Không vái lại, Hà sẵng giọng:

"Thầy có biết tôi vì sao đến đây không?"

Trước lối xưng hô thay đổi của Hà, Nguyễn cười cười:

"Bảo rằng biết, cũng đúng. Bảo rằng không, cũng chẳng sai. Dịp này, tôi chỉ nói thêm một điều cho trọn vẹn câu trả lời việc ngài đã hỏi dăm bẩy năm về trước."

Hà công vội vã:

"Điều gì?"

Nguyễn im lặng nghiêng mình chào Nguyễn thị rồi đưa tay mời vào nhà, giữ thần thái ung dung tự tại. Hà ngồi lên chiếu, chưa kịp nói gì, Nguyễn đã vừa dâng ly rượu vừa điềm đạm

TRẦN HỒNG CHÂU

NÂNG MÃI CUNG NGUYỆT

Giây lạnh nguyệt chùng sương sữa đọng
Ngàn khơi buồng nhỏ rụng trăm năm
Tỳ bà lõa thể chiều tan nhuyễn
Ai ngợp đời ai *kiều vô lực*

Vòng tay ấm bến xuân mi ướt
Nâng mãi cung nguyệt mắt thiên thu
Hồn cháy đào hoa tranh Tố nữ
Ai về linh hiển cát phù du

Buồn nước ấm xanh trầm ngọc bích
Gấm biển say nguyệt hẹn tơ vàng
Thủy triều lên gót xinh trăn trở
Lung linh hồi tưởng khóc phù sa

Lông ngỗng về đâu chiều nhỡ trắng
Tượng bi thương đỏ mấy hoàng hôn
Cỏ tương tư hồn đau cẩm thạch
Bơ vơ thu nguyệt lá hoa cồn

Cháy mười phương đêm trường mạt thế
Ta còn gì không một mảnh trăng!

nói:

"Chủ mời, khách chớ từ. Xin ngài cạn chén."

Câu nói cố ý nhắc Hà tư thế của Nguyễn. Hà chau mày nhưng vẫn đưa tay ra đỡ lấy chén rượu rồi uống ừng ực. Nguyễn rót thêm chén nữa, rồi lại thêm một chén, và ngầm hiểu rằng dẫu chẳng thuần phục được người đã giết con hổ cái hóa tinh ở núi Giăng Màn năm nọ, cái họa manh động của một tay võ dõng chắc có lẽ đã giảm được ít nhiều đe dọa.

Uống đến chén rượu thứ năm, nước mắt Hà công đục ngầu ứa ra, chảy dài xuống hai má như nước vỡ đê. Ngay sau ngày cưới Mây, đinh làng Mê Hạ xô lên cướp được xác Đèo Kha, rồi bị đinh Mê Thượng đánh bật lùi ra khỏi đập Cheo Reo. Để giữ bản, việc tầm nã Mây phải hoãn lại. Lần này, Mê Hạ đã liên kết được với Mường Rây bên cạnh nên số đinh trực chiến đông gấp ba, khí giới sẵn, gạo lương đầy đủ. Ít lâu sau, chúng khảo rằng đã bắt được mật kíp của Mê Thượng. Tin đưa ra, tráng đinh trên Mê Thượng hoảng lên, cả bản đòi Hà công tra mật kíp tìm cách chống giặc. Hà lúng túng chưa biết làm thế nào thì đêm hôm ấy mơ thấy Trần Trung mặt mũi máu me đến vái lạy:

"Hà công đập vỡ đầu nó, trả cái oán nó đập vỡ đầu tôi. Nay đến lượt tôi báo đền. Ngày mai ra quân cứ đánh bằng hỏa hổ, đầu thì đổ thêm lưu hoàng vào!"

Sáng ra, nửa tin nửa ngờ, Hà công nói với bản đinh là mật kíp truyền cho đổ lưu hoàng vào đầu hỏa hổ, và chiều ra quân đánh xong rồi rút trong đúng hai canh. Quả nhiên, hỏa hổ trở thành vô cùng dũng mãnh, bất ngờ làm đinh làng Mê Hạ và quân Mường Rây hoảng sợ, tháo chạy lung tung. Nhưng vì hẹn chỉ đánh hai canh, đinh Mê Thượng lại phải rút về Cheo Reo, không đủ thì giờ thọc sâu vào bản dinh của địch. Hà công tức tối trong bụng nhưng ngậm tăm âm thầm trách mình và nguyền rủa thếp giấy trắng truyền đời. Địch lại hợp quân tiếp tục tấn công, xua voi tiến tới và dùng những chiếc mộc quấn lá dầm nước bùn để chống hỏa hổ. Hà công lùi, quyết định táo bạo là tản binh ra để trống Cheo Reo, rồi vòng mặt sau theo hai đường phản công vào lưng địch. Không thấy phản ứng, đinh Mê Hạ vào Cheo Reo, đặt bộc lôi, rồi cho nổ. Đập vỡ đúng lúc trời tối sầm lại. Nghe tiếng nổ, Hà công hiểu ra, ngửa mặt lên trời gào to rồi khạc ra một búng máu bầm. Vừa khi đó, cơn mưa đá đổ xuống. Hà ngẫm nghĩ một lúc rồi vẫn ra lệch tập kích vào phía sau địch, đồng thời đích thân dẫn năm mươi tráng đinh gốc gác họ Hà theo giòng nước vừa tìm lại được lòng sông Mê đang ứa lên ào ào chảy xuôi về Mê Hạ. Hệt như những kẻ tử tù vừa phá ngục, nước quay cuồng nhẩy múa, thênh thang vỗ vào bờ đá làm bắn tung bọt trắng xóa hai bên bờ. Đến một ngọn đồi trọc, Hà lấy thước đo ra, vừa đo vừa tính toán, rồi cau mày chỉ vào một vuông đất nằm cạnh cây đề cổ thụ, nói gọn:

"Đào lên, đây là mả tổ chúng mày!"

Đêm hôm đó, mang đống hài cốt mới đào trở về đến bản, Hà họp Bản hội, tự tát vào mặt mình đến sưng húp lên như tai voi, rồi xuống chiếu mời bản lập Tộc thứ lên. Ngay sáng hôm sau, Hà mang gia đình và con cháu chính ngành mình xuống núi Giăng Màn, đi về phía Lạp Đính. Được hơn mười dặm đường, cả đoàn đang đi bỗng nhiên khựng lại vì tiếng sáo đinh-bia ở đâu văng vẳng bay tới. Hà nghiến răng:

"Hỡi Đèo Kha, Cheo Reo đã vỡ là mày toại chí rồi... Ra đây đi! Ta cho mày chết thêm lần nữa!"

Tiếng sáo ngưng lại. Rừng sâu lại chỉ còn tiếng gió thổi qua những tàu lá rạc đâm nghiêng như mũi dáo, tiếng ve sầu hờn giận gió nồm bỏng lửa. Một tiếng cười lanh lảnh làm kẻ gan dạ nhất cũng chột dạ. Nhìn lên, ngang chạc ba một cành cây, Mây ngồi vắt vẻo, cười ngặt nghẽo rồi hát:

Gió giận cành đào
gió bẻ cành mai
Gió ơi gió
gió chẳng vì ai
Chỉ vì tiếng đinh-bia mà cứ một hai đọa đầy

*

Hà công tợp thêm một ngụm rượu rồi tiếp:

"Thế là hai trăm năm đi toi! Hai trăm năm giữ đập Cheo Reo, chặn nước để đất bờ sông Mê khô cằn đi, khô đến độ lửa cuối cùng phải bốc lên. Đủ lửa thì Rồng mọc cánh bay cao, họ Hồ phục nghiệp để rửa cái nhục phải đổi họ, đổi tên..."

Hà quay phắt lại nhìn hai đứa trai bảo:

"Chúng mày họ Hồ, cách đây ba trăm năm mươi năm ông tổ chúng mày đã từng dựng nghiệp đế, nhưng than ôi! than ôi..."

Rồi Hà nức nở gào lên:

"...chỉ được đúng bảy năm."

Hà im bặt một lúc, bỗng cười khềnh khệch,

quát:

"Bảy năm, ừ thế mà đã đánh đến Đồ Bàn, mở rộng giang sơn này ra tận hai vùng Nam-Ngãi. Ông tổ chúng mày gầy dựng lại cái thời mạt vận của họ Trần, nào là làm tiền giấy, nào lại sửa lại phép đo đạc, nào là phát ruộng cho người cầy. Đấy thế mà đám hủ nho nó gập đầu xuống đất, chỉ thấy kỷ cương ở dăm câu nói suông kiểu quân, sư, phụ. Bọn giun dế chúng nó đứa thì tránh, đứa thì trốn, đứa thì xúi bẩy dân ngu đến chỗ thấy quân Minh vào xâm lăng mà chỉ trơ mắt ra nhìn."

Hà quay sang Nguyễn công gằn giọng hỏi:

"Nếu ngài sống cách đây ba trăm năm mươi năm, ngài sẽ xử sự thế nào?"

Nguyễn với chiếc xe điếu, châm thuốc rít, nước trong điếu reo lên như cười. Nguyễn tợp một ngụm nước chè, suy nghĩ một chặp rồi thủng thẳng:

"Danh phải chính, ngôn tất thuận. Trị dân không dùng thuật. Lập quốc phải lập từ lòng người. Xưa, Hồ tiên đế vừa thoán ngôi là xuống ngay, lập Hồ Hán Thương lên. Đấy là vì biết danh mình chưa chính. Vì danh chưa chính nên mới xua quân vào đánh Chiêm, lập công mở mang giang sơn, rắp tâm vì cái công đó mà định danh cho họ Hồ ở đời sau. Nhưng có chiến tranh thì có kẻ cửa nhà tan nát, có người trận mạc thương vong. Như vậy, làm sao mà lấy được lòng người buổi đó? Lòng người tan tác, ngẫm sau chỉ thấy đánh Chiêm là gây ra xương rơi máu đổ, nhìn trước thì quân Minh ùa vào, cũng sẽ lại máu đổ xương rơi. Đổ vỡ, trước sau toàn là đổ vỡ! Đổ vỡ đó cứu bằng gì? Bằng lòng người. Muốn có lòng người, lại chưa đặng chính danh thì làm sao mà có được."

Hà bĩu môi, khạc đờm xuống đất, trương mắt nhìn Nguyễn công trừng trừng không chớp, gầm lên:

"Kẻ thất phu này bây giờ mang hài cốt tiên di mà không biết đi về đâu đây? Tội này với tổ tiên chỉ có cái chết mới đền bù được!"

Vừa dứt lời, Hà vớ lấy cây nạng gỗ mun rồi cứ thẳng tay giáng xuống đất cho đến độ bàn tay cầm nạng toạc máu ra. Một lúc, Hà nguôi đi, ngồi thất thần hổn hển thở. Nguyễn thị lúc đó quì xuống chân Nguyễn thưa:

"Ân công, dẫu tôi là đàn bà, lời ngài dạy tôi cũng hiểu được năm bảy phần. Tôi người họ Nguyễn-Hữu ở Hải Dương, Cầu là đường huynh, phiêu giạt đến đây rồi kết nghĩa phu thê với Hồ công. Nay lại thêm một phen phiêu giạt, xin ân công vì ba đứa trẻ long đong mà chỉ cho đường đi lối bước."

Đặng thị bỗng chao người đi chực ngã, tay nắm vào vai Nguyễn thị, mắt hoa lên, sự vật bỗng nhiên như hư như thật. Một sức mạnh vô hình khiến bà vội nâng Nguyễn thị dậy, rồi quay về phía Nguyễn, bật miệng:

"Xin thầy nó nghĩ cho, họ Nguyễn-Hữu là dòng hào kiệt, dẫu gì cũng chỉ vì nghĩa cả, đứng lên tôn phù nhà vua, lại lấy của phi nghĩa chia cho dân nghèo hai vùng Ninh, Hải. Vả lại, chuyện sông Mê không phải là mình không can dự."

Nói xong câu cuối, Đặng thị chột dạ không hiểu tại sao mình hớ hênh đến vậy. Vô lý hơn nữa, trước cái nhìn dọ hỏi của Hà công, chẳng hiểu ma đưa lối quỉ dẫn đường thế nào, Đặng thị thất thần đi như đi trong một cơn mộng du vào lấy quyển sách gáy da hai tay đưa lại cho Nguyễn thị. Hà công chồm lên giằng lấy mật kíp, miệng gào:

"À, thì ra thế... Nó có đến Bùi Phong này."

Hà xúc động, mặt tái mét, miệng khò khè thở tựa bị bóp tắc họng, mắt nhắm nghiền, đầu ngật ra sau như chỉ chực ngất đi. Quyển sách gáy da văng bắn xuống đất, nằm trơ trẽn như một bản án. Thằng bé lớn gọi:

"Bố, bố ơi..."

Thằng nhỏ hơn quắc mắt trừng lên nhìn Nguyễn công. Còn thằng Lữ, vừa thức giấc, cất tiếng khóc oe óe. Nguyễn cúi mặt, thở dài rồi đứng dậy bước ra ngoài, nhìn về phương Nam.

Khi quay vào, Nguyễn đi thẳng đến ngồi trước thư án, mở sách, chậm rãi:

"Ngày hôm trước, tôi ngắt lá, lấy được quẻ Hỏa Sơn Lữ. Sau quẻ Phong, là Lữ. Phong là thịnh lớn, mà lớn đã cùng cực ắt đến nỗi mất chốn ở mà phải đi. Lữ, nghĩa là đã đến lúc đi làm khách. Cảnh đời có thường có biến. Việc người có cùng có thông. Đến thánh hiền, như đức Khổng tuyệt lương ở Trần Thái, cũng có lúc đã kỵ Lữ. Nhưng đại nghĩa ở giữa tâm, không biến mà chỉ thường. *Soán viết, Lữ, tiểu hanh, nhu đắc trung hồ ngoại, nhi thuận, hồ cương, chi nhi lệ hồ minh, thị dĩ tiểu hanh, Lữ trinh, cát dã." Ở đất khách, thế lực không ở mình, quá ty thời mắc lấy nhục, làm cao thời mắc lấy họa, cần nhất là giữ một chữ Minh. Tượng viết, Sơn thượng hữu hỏa, Lữ quân tử, dĩ minh thân, dụng hình, nhi bất lưu ngục.* Núi có lửa soi sáng, quân tử xem tượng ấy bắt chước làm việc hình luật, soi xét bằng minh đoán, phán quyết cẩn thận. *Tượng viết, đắc đồng bộc*

trinh, chung vô ưu dã. Tấn văn công ở tả huyện, mất ngôi bỏ nước chạy ra ngoài lưu lạc, chỉ có năm người theo hầu, vừa trung kiên, vừa tài giỏi, sau lại trở về Tấn làm bá chủ chư hầu. Ở vào quẻ Lữ, níu chặt hai chữ Trung, Nhu làm bùa hộ thân. Cùng thông đắp đổi, họa phúc cập kè, không ai cứ Lữ mãi, đừng quên hai chữ Trinh, Cát. Muốn cát phải trinh. Muốn vượng thì phải lấy lòng trung thực làm gốc."

Nguyễn ngừng một lát, tay chỉ:

"Vả lại, cháu này đây tên là Lữ, ứng vào quẻ này từ ngày cháu mới đẻ."

Ông quay sang nhìn đứa bé năm, sáu tuổi. Nó vẫn trừng trừng nhìn lại, lửa trong mắt rừng rực tóe ra làm Nguyễn quay mặt đi rồi nói:

"Cháu này khí tượng khác người, tên là gì..."

Nói chưa dứt lời, Nguyễn xây xẩm mặt mày, ngã chúi người xuống đất. Câu Hà công vừa than "...kẻ thất phu này bây giờ mang hài cốt tiên di mà không biết đi về đâu đây?" bỗng vang lên trong đầu Nguyễn như đến từ một cơn mê sảng. Nguyễn nhắm mắt, lại thấy cái cảnh mình thấy trên mây trong cơn động kinh ngày nào: một khoảng đất trống xung quanh là đồi núi, một con voi trắng đầu rồng đuổi đàn ngựa, đám dạt về Nam, đám dạt về Bắc. Đầu như mụ đi, Nguyễn nhìn Hà công chăm chăm, máy miệng nói:

"Về phương Nam, đến nơi nào đất cao mà bằng, xung quanh là rừng núi. Chỗ ấy phải là chỗ khi về không ai dám tới quấy phá. Khi đi thì nhanh chóng xuống được thành, và ra được biển."

*

Sáng sớm hôm sau, khi mặt trời vừa qua khỏi đầu ngọn Lạp Đính, gia đình họ Hà sửa soạn xuống núi Bùi Phong. Hà công chỉ vào bọc vải điều vắt ngang lưng ngựa, khạc đờm nhổ xuống đất:

"Thi thể con tiện nữ đây."

Nguyễn thị nước mắt chan hòa, mở bọc vải. Tóc Mây xổ tung ra như một dòng thác đen tuyền cắm đầu đổ xuống lòng đất tìm về nguồn cội. Miệng Mây vẫn hé mở, để lộ cái răng nanh khênh khểnh, cứ như là đang cười trêu chọc. Trên ngực Mây, về phía trái, một mũi tên còn găm vào như đóng cọc. Mũi tên ấy bắn ra từ cây cung dài hai thước Hà công mang trên mình, xé gió rít lên tiếng nghiến răng oan nghiệp của định mệnh rồi vụt đi bay thẳng vào một trái tim đầy oán hờn. Nguyễn thị xin cho chôn cất Mây trên chỏm Bùi Phong, nhưng Hà công làu nhàu gạt đi:

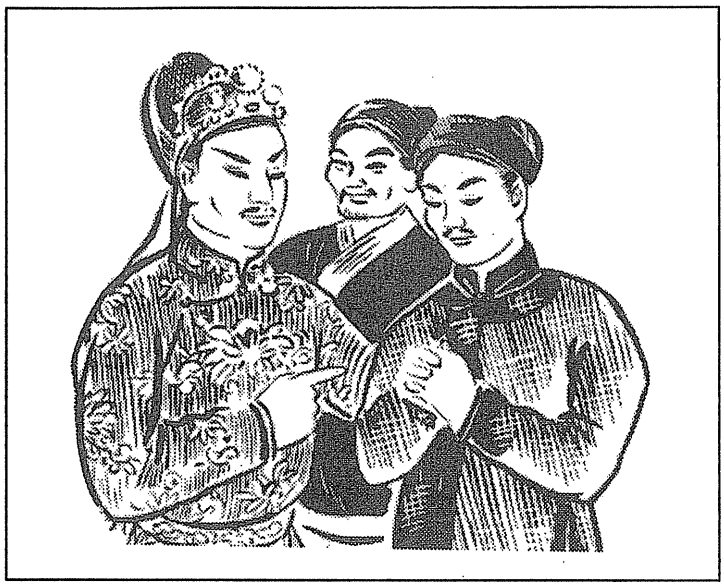

"Ta đem vứt xác nó cho quạ rỉa!"

Rồi tiện tay bổng thốc Thúc Khải lên. Đặng thị đi từ ngạc nhiên đến hoảng sợ, hỏi thất thanh:

"Ngươi định làm gì thế này?"

Hà công bất chợt vòng chiếc nạng đánh ngang vào một thân cây chè. Cây chè dập gãy làm đôi. Hà công cắn răng:

"Chúng ta còn dây dưa nợ nần. Lạp Sơn xử sĩ đã chỉ đường phá Cheo Reo, hài cốt tổ tiên nhà họ Hồ bây giờ lại phải tìm chỗ đủ lửa cho rồng bay lên. Chỗ ngài chỉ, chúng tôi không biết thực hư thế nào."

Hà im lặng một lúc, rồi nói như nói một mình:

"Họ Hồ bắt đầu từ nay đổi ra họ Nguyễn."

Chỉ đứa trai nhỏ, Hà tiếp:

"...và tên mi nay là Nguyễn Quang Bình, chữ Quang đây là chữ đệm của Lạp Sơn Nguyễn Quang Thiếp, lấy đó mà đừng quên lời xử sĩ dạy. Còn thằng nhỏ này, ta đem theo

làm con tin cho lời xử sĩ, nếu nghiệp đế mà thành thì nó sẽ được phong vương, còn không xác nó ta băm ra thành trăm mảnh."

Đặng thị xông lại định giằng Thúc Khải, nhưng Nguyễn thị vội ôm chầm lấy, vừa khóc vừa nói:

"Em lạy bà chị, em sẽ trông nom cho cháu như con em đẻ, bà chị đừng cưỡng vô ích, chỉ lại gây ra thêm tội nghiệt mà thôi!"

Nguyễn nắm chặt hai tay, đứng trơ ra như tượng, nhìn con trong tay Hà đang khóc dãy lên, thấy mình bất lực đến độ chẳng bằng cái sâu con kiến. Mớ kinh sách trong đầu lúc này thật không bằng một cái dậm chân của kẻ vũ phu trước mặt khiến Nguyễn thấy thèm chui hẳn vào lòng đất để chết, chết hẳn đi.

Hà công trừng mắt nhìn Đặng thị rồi ngó vào mặt Nguyễn gằn giọng:

"Nhưng nghiệp đế đó, đến khi nào thì tái tạo được?"

Nguyễn thả lỏng dần hai nắm tay, gượng cười, mồm mếu máo, nói cho có:

"Khi thấy rồng bay lên."

Quay lại, Nguyễn để tay lên vai vợ, đứt giọng nói với Nguyễn thị:

"Bà lấy mang theo ít sách để dạy các cháu và Thúc Khải. Bà nhớ cho là Trung, Nhu, Trinh, Cát. Sách đây có Tứ Thư, Tiểu Học, Đại Học, Trung Dung..."

Nguyễn thị phục xuống lạy tạ. Nguyễn phất nhẹ tay áo, không nhìn Hà công, cúi đầu vào nhà.

Gia đình Hà công xuống núi. Dưới chân Bùi Phong, đám tráng đinh đã sẵn sàng quang gánh trên vai, rồi đoàn xe thồ bắt đầu rục rịch. Đặng thị bồng Thúc Khải xin đi theo một thôi đường. Đến trưa, khi nắng vừa đậu ngọn cây thì bỗng chốc mây đen từ phương đông mù mịt kéo về. Trời nồm đến độ rờ lên lưng lên cổ tay nhớp nháp mồ hôi như nhúng tay vào dầu vào mỡ. Dừng lại ven con suối dưới chân núi Bạch Tượng, cả bọn mang cơm nắm ra ăn. Đặng thị ôm Thúc Khải trong tay, biết rằng giờ chia tay sắp đến. Nhìn con đang bắt đầu thiêm thiếp đi vì nóng và ẩm, Đặng thị ứa nước mắt linh cảm thấy rõ ràng lần ấp ủ Thúc Khải này là lần cuối cùng. Hà công ra lệnh:

"Cái gì nặng, vất hết đi."

Nói xong, Hà giằng mấy quyển sách trong bọc vải của vợ cười khinh bỉ thẳng tay ném vào góc rừng. Những trang sách rách rời ra tung bay thành một đàn bướm trắng sạc xào trong gió rồi rụng xuống nằm phục trên đám cỏ gai khô héo. Cúi bồng xác Mây ra đứng trên một mỏm đá cheo veo, Hà công hai tay quăng xác Mây xuống suối, miệng cười ằng ặc như có người bóp vào cổ họng. Một tiếng đá ở lòng suối ngân lên rền rĩ tưởng như không bao giờ dứt được. Tiếng đá từ một cõi âm u không thủy không chung cứ văng vẳng lời hờn oán cho đến khi mưa đổ ào xuống. Lát sau, đám con cháu tộc Hà, xưa là họ Hồ và bây giờ mang họ Nguyễn, lên đường. Thúc Khải, nằm gọn lỏn trong một cái thồ vắt vẻo phía sau một cỗ xe, kêu gào ngặt nghẽo. Đặng thị quì bên suối, rũ người ra khóc. Dưới suối, nơi xác Mây quăng xuống, chỉ thấy mảnh vải điều bọc thây đang bị hút xuống trong lòng một cái xoáy nước sủi lên bọt trắng hệt như kẻ sùi bọt mép vì căm giận. Mưa vẫn xối xả trút nước lên núi rừng đã chuyển mình trở thành âm u dọa nạt những bóng người đang gò mình bước lên dốc cao rồi khuất nẻo. Đặng thị đứng dậy, vuốt nước trên mặt rồi lủi thủi một mình đi ngược về phía Bùi Phong.

Cho đến tận bây giờ, tức là quá hai mươi năm sau, mỗi khi cầm quyển sách gáy da trong còn trắng chữ mà Hà công vứt lại, Nguyễn vẫn tủi thân khi hồi tưởng lại cái cảnh Hà công giằng phắt bắt lấy Thúc Khải. Nguyễn ngậm ngùi nghĩ về con sông Mê, cái đập Cheo Reo và chua xót cho máu xương của đám tráng đinh, cả kẻ chặn lẫn kẻ *kíu nước*, từ hai trăm năm nay đổ ra chỉ vì nấm mộ họ Hồ cần đất cần để đủ lửa cho thỏa giấc mộng rồng bay. Và nhất là Nguyễn vẫn không thể nào quên được đôi mắt đỏ mọng lên như trái dâu rừng sắp rụng của Đặng thị khi bước qua ngưỡng cửa, cặp mắt nửa như chịu đựng, nửa như trách cứ cái nghiệp dĩ chẳng biết đã vướng vít tự kiếp nào.

Còn tiếng đá ven suối dưới chân núi Bạch Tượng cứ mỗi tuần trăng lại một lần rền rĩ vẳng lên. Dân xã Nam Hoa cách con suối nửa ngày đường kể lại rằng chỉ đến năm Gia Long thứ tư, tức là gần năm mươi năm sau, tiếng đá ấy mới dứt hẳn.●

(2-07-97, 1-12-97)

CHÚ THÍCH

9. Tiếng chỉ ông Trời.

10. Bổng lộc của hàng quan Đại Thần.

11. Chỉ việc ra làm quan.

12. Nước sông Thương mà trong, Đem ra rửa giải mũ. Nước sông Thương lỡ đục, Thì nhúng vào rửa chân.

ĐƯỜNG BÃO QUÉT

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Từ cửa sổ ngôi nhà đứng nhìn ra hướng biển, đại dương trải dài và rộng dưới tầm mắt. Biển vào những ngày đẹp trời, mặt nước phẳng lờ lặng lẽ và lóng lánh sáng. Sáng như tấm gương dưới vầng thái dương vừa mọc. Chỉ nom thấy những đợt sóng nhấp nhô lặc lờ gần mép bờ bãi. Và sóng đó đụng nhằm thềm cát thì tung cao ngọn đổ ập lên viền đại lục. Sóng trắng và nhẽu bọt để lại nơi đổ bộ sau khi rút ra.

Vùng này, nhà cửa dân cư thưa thớt. Dăm ba ngôi biệt thự sang trọng với kiến trúc tân kỳ nom rất ngoạn mục. Đất ở dọc bờ mép biển vùng Oceanside thuộc tiểu bang Oregan nguyên là bãi rác. Bãi rác được bồi đắp lâu năm đã biến thành bình địa lấn ra mé bờ. Thấy phong cảnh tráng lệ và hùng vĩ một nơi danh lam, một số ít người giầu có đã mua đất cất nhà để cư ngụ.

Trong số những nhôi nhà đó, khang trang và tráng lệ nhất phải kể đến ngôi nhà của bà Cheryl Wiley. Thừa hưởng gia tài đồ sộ của bố mẹ đã quá cố để lại, bà Cheryl Wiley cùng chồng bỏ ra một số tiền khá lớn mua khu đất này rồi cất nhà để ở. Tuổi tác cao, muốn có nơi tĩnh mịch, hai nữa lại ưa chốn thiên nhiên biển cả, ông bà Cheryl vì lẽ đó đã ưng ngay mảnh đất vùng này vào bẩy năm trước đây khi họ đến thăm thú. Nhà xây xong, ba năm sau thì chồng tạ thế. Sống heo hút lẻ loi một mình, bà cụ Cheryl vẫn không có ý bán ngôi nhà rời đi chỗ khác. Cái nhà dưỡng lão dành cho những người già cả chỉ là viễn ảnh sau này, lúc sức khỏe đã không còn cho phép bà cụ sống đơn thân độc chiếc, lúc bệnh tật gõ cửa đến với cụ, thì chẳng cần ai mời mọc, chẳng muốn hay không muốn, bà Cheryl cũng quyết định bán ngôi nhà rồi vào nơi tiếp cư dành cho những người già để ở. Ở đó để người ta trông nom giúp đỡ khi ốm đau bệnh tật. Ở đó để có phục dịch viên lo cho mọi cái cần lo cho mình. Ở đó có những bạn bè cao niên để thăm hỏi trò chuyện. Nhưng cái "ở đó" còn xa lắm và chưa từng để bà cụ bận tâm nghĩ tới. Bởi lúc này, dù cao tuổi, chân vẫn vững, mắt vẫn sáng, bà Cheryl cần gì phải gửi thân vào cái nơi tù túng giam hãm đó. Vào để rồi tối ngày chỉ thấy những người già ngồi trên những cỗ xe lăn, những bà già đi lại đu đưa trên đôi nạng gỗ, những ông cụ lù khù khờ khạo như kẻ thất thần mất trí, nghĩ và tưởng tượng thế thôi, bà Cheryl đã thấy quá nản rồi. Còn ở đây, buổi sáng dậy bà có những cây hồng để tưới bón chăm sóc, có ly cà phê quậy sữa ngồi uống ngắm mặt trời ló lên trên biển cả, có cảnh sóng tung bọt trắng như cánh chim hải âu vỗ vào bờ, có núi xa và rừng cây mờ mờ ẩn hiện ở cuối bãi, thế thì nghĩ chi tới cái nơi u ám buồn thảm ở chốn già lão ghê sợ đó.

Thời tiết quanh vùng mấy bữa ấm áp dễ chịu. Nắng vẫn nắng vàng hoe như tơ lụa vải áo dệt. Mây thì mỏng và xanh lơ bay lờ lững khắp bầu trời mở rộng. Và gió cũng chỉ phơn phớt thổi nhẹ đủ lao xao lá cây cối trong vườn nhà. Đẹp trời nắng ấm, chim hải âu bay từng đàn rỡn đùa trên mặt sóng biển hiền hòa gợn khúc nom như những con rắn nước mềm mại ngo ngoe từng đợt chạy vào bờ.

Thực ra, tin dự báo thời tiết sẽ thay đổi vào những ngày sắp tới do ảnh hưởng trận bão El Nino gây ra thì bà Cheryl không nghe đài coi TV nên chưa rõ. Cái điểm bão xuất phát từ đâu thì không biết, nhưng đường đi của gió lớn và mưa giông sẽ quét qua vùng biển này

với sức gió trên cả trăm "miles" một giờ. Gió và mưa làm biển động nước dâng gây ra những đợt sóng thần đánh dữ dội vào thềm lục địa. Tin tức khí tượng mới chỉ là dự đoán chứ cơn bão mặt mũi ra sao thì chưa thấy đến.

Nhưng đêm đó, cây cối và mái nhà bà Cheryl ở đã bị xô đẩy lay động bởi những cơn gió ồ ạt tới tấp kéo lại. Rồi tiếp đó là những trận mưa giông như vũ bão làm ngập lụt đường sá và biển dâng cao. Chẳng rõ dưới đáy đại dương đất có nứt trồi ra sao không, nhưng mặt biển bỗng chốc dựng sóng lớn lắm. Sóng đó nghểnh cổ cất cao như đầu những con khủng long rồi phóng thẳng về bờ biển nơi vùng Oceanside trút từng đợt đánh xuống. Tiếng sóng đánh dội lên trong đêm vắng nghe như tiếng nổ của đạn đại bác khi trúng bờ đá mép ghềnh.

Ở biển lâu năm, bà Cheryl đã quá quen qua vài trận bão kéo đến lộng hành phá phách như thế nên không sợ. Đêm tối, bà đành kiên nhẫn và bình tĩnh ngồi đợi trời sáng, hi vọng sức gió và mưa lũ giảm dần, trận bão sẽ qua nhanh. Nhưng lần này, bão tới đã không như người khách đến rồi cuốn xéo đi ngay mà ù lì ở lại quấy nhiễu vùng thị trấn suốt mấy ngày liền.

Do mưa và gió không dứt, do nước ở đất liền đổ xuống xối xả, nước biển mỗi lúc mỗi dâng cao. Buổi sáng đứng ở cạnh cửa sổ ngó ra đại dương, bà Cheryl thấy những cột sóng cao và lớn hùng hổ kéo về bờ thì bắt sợ. Mở đài phát thanh, bà nghe chính quyền địa phương khuyến cáo cư dân trong vùng rời nhà lánh bão. Bà bốc điện thoại gọi người bạn ở cận nhà hỏi thăm này nọ, nhưng chuông rung liên hồi chẳng có ai nghe cả. Ra họ đã bỏ nơi ở và di tản đi rồi. Cái nguy hiểm tới tính mạng đã cận kề khi bà nghe người ta khẩn cấp kêu gọi dân chúng trên TV phải lánh xa vùng đất trũng, nếu không, dọc bờ bãi mép biển, dưới thềm đất, sóng đánh tới và moi rỗng chân những móng nhà của nhiều ngôi biệt thự nằm trong đường nước xói.

Mặc. Bà Cheryl nghe thế thì nghe, nhưng di tản bỏ nhà thì bà không bỏ. Bà cứ ở và thách thức sóng thần kéo ngôi nhà của bà ra khơi nếu thực tình nó muốn. Bà đủ sức chịu đựng và can đảm đương đầu với trận bão ác nghiệt này như bà đã can đảm đương đầu qua mấy trận bão vào những năm trước. Có lẽ chùn chân và lui bước trước ý chí cứng cỏi và sự thách thức can đảm của bà cụ già, vị thần chỉ huy những đợt sóng tấn công đã phải né đường mà hướng qua mé khác. Nhưng né thì né, nước ngầm ở dưới thềm nhà đã làm lở và kéo đi làm hủm nền móng rỗng tuếch rỗng toác một phần đáy tòa biệt thự. Lỏng chỏn, mặt sàn nhà đã hẫng và nằm chơi vơi không vật tựa đỡ. Mỗi khi sóng ùa tới, dù ngọn sóng sát tới ngôi nhà đã giảm tốc, bà Cheryl vẫn có cảm tưởng mình đang ngồi trên cái thuyền bị

LƯU HY LẠC

Ở, LÒNG XUÂN

gửi pvc.

dung nhan thắm ở lượng đời nối tiếp
vọng động trời rung mãn hạn sang mùa
ném hạnh phúc vào luống cày chung kiếp
đợi bông đơm chỗ bậc cấp cửa chùa

thể như bức buộc dằn lòng vô thủy
nửa vòng xoay nửa sấp ngửa mê mê
mảng da non từ thay mùa thế kỷ
dậy giấc trưa lên đồng áng bội thề

lá mộng huyễn lạc gió giông phản nghịch
bọt bèo trôi nơi xoáy nước phân chia
rũ lọn tóc rối trải miền u tịch
hồ như tan sợi tơ nõn, ô kìa...

xuân thì ủ da dáng mềm như lụa
rạng thản nhiên sau đuôi mắt cợt đùa
tự tâm mở rợp thổ ngơi trẩy hội
hắng khẽ khàng giọng kèn cựa hỏi mua.

nâng nhấc bồng bềnh. Cũng có lúc yếu lòng sợ hãi, bà già ngại nếu tình trạng sóng cứ liên tục đổ về, ngôi nhà bà chắc rồi đứng không vững mà bị nước cuốn ra khơi mất. Lúc đó, chẳng những của cải đồ vật quí giá trong nhà bị cướp mất, mà cả thân xác bà cũng sẽ như củi gỗ rong rêu vùi lấp dưới lòng biển sâu. Bà nghĩ thế nhưng không để ý nghĩ lớn dần theo điều nó muốn. Bà phải dập tắt ngay cái ý nghĩ chẳng mấy tốt đẹp đó như dập tắt cái làn khói manh nha phát ra trong đống củi trước khi khói biến thành ngọn lửa cháy bùng.

Bão tới và biển động rồi bão và biển động cũng phải đi. Phải đi như một chuyện bắt buộc và bình thường của ngày và đêm kế nhau đổi chỗ. Đấy là luật tuần hoàn của Trời Đất xưa nay không thể khác được.

Ngay trận cuồng phong tấn công đợt đầu vào thị trấn, có những cây đại thụ đứng đúng đường gió quét đã bị lay gốc và nhổ bật. Có những mái nhà mỏng manh yếu ớt đã bị hốt rồi bay đi tứ tung. Có những cột trụ kéo hệ thống điện gẫy gốc, ngã đổ và kéo theo những sợi giây đồng đứt tung, rối mù.

Đêm thứ hai khi trận bão quét tới, bình hơi và cầu chì điện đóm ở nhà bà Cheryl đã bị cúp. Bà sưởi ấm và lấy ánh sáng qua đêm bằng cách đốt lò. Củi gỗ tích trữ dùng cho mùa đông thì trong nhà đã có sẵn. Củi đó mua ở siêu thị được hong khô, chẻ miếng, gói thành bao, đốt cứ việc đẩy vô miệng lò là cháy ròn tốt ngọn. Cái TV không có điện để mở ra theo dõi tin tức loan báo thì bà có cái radio cassette chạy bằng "pin." Nên dù bị cô lập với bên ngoài, bà Cheryl vẫn có thể gián tiếp biết tình hình của cơn bão nặng hay giảm qua tin người ta đọc trên làn sóng.

Ngày thứ ba, trời đất giữa trưa mây vẫn đen đặc và nom thấp như một tấm chăn mầu đen khổng lồ chụp xuống mặt đất. Mây đen đặc cuồn cuộn như tảng nhựa mầu hắc ín ở thể lỏng, vặn thắt thân, quằng quật xác, đổ xuống những trận mưa dầy và tím hạt. Mưa đó vỗ lên mái nhà bà nghe như đạn đại liên bắn không một phút ngưng nghỉ. Đã bị mưa hành hạ, gió còn hung hăn kéo về từng cơn thổi như thể có chiếc phản lực đáp xuống vùng đất cạnh nơi bà ở, cái ống hút và phóng gió chĩa thẳng ngôi nhà mà phả như điên cuồng rồ dại. Cái ống phóng của gió đó hốt tất cả những đồ vật, gạch đá vụn, cây cành khô cản đường của nó, để rồi quất vào tường vách, cửa sổ kính làm nhà thì rung lên, kính bể vỡ nghe loảng soảng.

Hoành hành tác quái đủ bẩy ngày, chắc đã thỏa mãn và yếu sức như một kẻ điên khùng đã thấm mệt, bão dứt. Không còn gió lớn, không còn mưa giông, không còn sóng thần dựng móng, cái thằng bé con nghiệt xúc El Nino đã trốn mất dạng. Nhưng trước khi đi, nó đã để lại nơi bão quét đến những tan hoang đổ vỡ, đường xá ngập lụt, cầu đổ, nhà cửa xập, cây cối gẫy, xe cộ úng nước, đồ đạc trong nhà hư hỏng cả. Suốt vùng bờ biển vùng thị trấn Oceanside đã điêu tàn nom như cảnh đổ vỡ sau trận đánh bom không chừa một chỗ bỏ trống.

Bãi biển nơi có những ngôi nhà thường thấy, nay có cái đã bị sóng kéo ra khơi, có cái còn nhưng mái tốc, vách nứt và cây cảnh chậu kiểng đổ kềnh đổ càng. Nhà bà Cheryl Wiley đứng thì vẫn đứng đó, nhưng một phần ba cái nền và sàn thì nằm chìa ra bờ mép biển. Nước dưới phần chìa đó vẫn phập phèo với những đợt sóng lúc kéo vào bờ, lúc rút ra khơi mang theo vài mảng đất vụn lở rụng xuống.

"Thật phúc đức," bà già nói, "bão dứt chứ kéo thêm vài ngày nữa, cái nhà này tất cũng không tránh khỏi làm mồi cho những đợt sóng đánh về mà ngoạm lấy đem ra khơi."

Gần chỗ bà đứng, có cái chậu hoa hồng gió vật ngã nằm cạnh chân. Chậu đã bể toác làm hai, nhưng cây hoa vẫn còn một bông hồng đỏ mầu cánh tươi lắm. Cúi nghiêng người, bà già Cheryl Wiley cầm cái hoa lên, cảm thấy bông hoa như chào và mừng bà bình an sau cơn bão quét.●

2.98

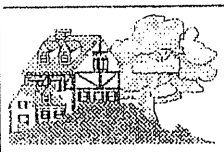
DALAT
LANDSCAPING

Design & Mainenance
Lic. # 699783

P.O. Box 2054 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683

Call: Mr. PHƯƠNG
(714) 418-1928

QUẬN CAM

Nhạc Hội Mùa Hè với ban Star Band

Chiều thứ Bảy 13 tháng Sáu 1998, hơn 100 khán giả đã ngồi kín hết phòng hội của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) để thưởng thức một chương trình nhạc chủ đề Nhạc Hội Mùa Hè 1998 với ban nhạc The Star Band.

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu giới thiệu ban nhạc "Những Vì Sao" là một ban nhạc hơi là lạ gồm những đặc điểm như: nhạc sĩ đã có đến hai màu tóc, nếu nhạc sĩ nào chỉ có một màu tóc đó là vì nhạc sĩ ấy... nhuộm. Thứ hai là một số những nhạc sĩ trong ban the Star Band là những nhạc sĩ có những sinh hoạt riêng thuộc các ngành kỹ thuật và khoa học và nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu nói những nhạc sĩ trong ban không muốn nêu học vị của mình. Những nhạc ca sĩ này chỉ vì mê nhạc mà ngồi lại với nhau tập luyện để vui cho mình và để cân bằng tinh thần. Bên cạnh lại có những ca nhạc sĩ đã thành danh từ lâu như nhạc sĩ Ngọc Bích, Nguyễn Hiền, Nguyễn Đức Lưu, Thanh Hùng, ca sĩ Mỹ Thúy.

Trong vòng hai năm nay, ban nhạc The Star Band xuất hiện rất nhiều lần trong các sinh hoạt cộng đồng và đã làm những cuộc trình diễn từ Nam đến bắc Cali trên căn bản tự nguyện và phục vụ không điều kiện, và sẽ còn thực hiện các chuyến viễn du trong thời gian sắp tới.

Nhạc sĩ Trần Nhất Hoan đại diện cho ban The Star Band nói về các thành phần trong ban nhạc: thứ nhất là niên trưởng nhạc sĩ Nguyễn Hiền, nhạc sĩ Nguyễn Đức Lưu, chuyên viết hòa âm cho The Star Band, trước kia là tay vĩ cầm của đài phát thanh Huế; nhạc sĩ Phạm Gia Cổn, còn là một bác sĩ y khoa, một võ sư; nhạc sĩ Ngọc Bích, một nhạc sĩ chỉ muốn... giấu tên và chỉ thích đàn hát mà thôi; người chơi trống là Tiến sĩ Trình, đã từng trình luận án về nguyên tử và cơ khí, nhưng chỉ thích âm nhạc và coi đi làm là... phụ; Phạm Đình Nghiêm cũng là bác sĩ y khoa và là tay chơi contre-bass; tiếp đến là Thanh Hùng nhạc sĩ saxo và Trần Nhất Hoan hiện là bác sĩ và trước đó là thi sĩ. Các ca sĩ của ban gồm có nữ bác sĩ Thùy Trang, bác sĩ Trần Ngọc Thuật, Nguyễn Năng Tế và Quốc Việt. Ngoài ra còn tay kèn trompette có hạng, bác sĩ Phan Diệu, đã từng chơi với các ban nhạc khác, là một thành viên không thường trực.

Mở đầu chương trình toàn ban đã chơi bản Hè Về của Hùng Lân rồi theo chương trình đã định, các bản hòa tấu kèn và các bản đơn ca chen lẫn nhau, lôi cuốn khán giả theo dõi một cách thích thú.

Buổi trình diễn rất thành công. Đây là một ban nhạc "nặng" vì có rất nhiều kèn, và có một mô thức trình diễn mới. Những ca sĩ Mỹ Thúy, Thùy Trang, Nguyễn Năng Tế, Trần Ngọc Thuật đều có phong cách trình diễn rất nghệ thuật. Khán giả đã say mê theo dõi cho đến hết chương trình mà vẫn còn... thấy chưa đã khi chương trình chấm dứt với bản hòa tấu Khúc Ca Mùa Hè của Canh Thân.

Với một nhóm nghệ sĩ vừa nhà nghề, vừa "vui chơi văn nghệ," ban nhạc The Star Band chắc chắn sẽ còn gặt hái được nhiều thành công trong ý hướng mang lại một nét nghệ thuật đặc biệt cho cộng đồng.

QUẬN CAM

VNCR (Vietnam California Radio) kỷ niệm ba năm thành lập đài

Khoảng một ngàn tân khách, thân hữu và đồng nghiệp trong ngành truyền thông đã đến tham dự đêm dạ hội Kỷ niệm ba năm thành lập đài phát thanh VNCR tại Vũ trường Majestic vào tối thứ Sáu 12 tháng Sáu năm 1998 trong bầu không khí thân thiện và vui nhộn.

Mở đầu, ban tổ chức đã làm cho mọi người có cảm tưởng như đang tham dự một chương trình phát thanh thường lệ của đài VNCR với nhạc hiệu cùng những lời giới thiệu của các xướng ngôn viên thường trực của đài như Hoàng Trọng Thụy, Hồng Nga, Y Sa, Nguyễn Trường... Trích đoạn Hòa tấu khúc 1975 của Lê Văn Khoa và bài hát Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ của Nguyễn Đức Quang được đài sử dụng như đài hiệu trước mỗi buổi phát thanh của đài đã được khán giả tán

"Toàn ban" VNCR đang trình diện bà con.

thưởng nhiệt liệt trong đêm hôm ấy. Bắt chước y hệt cung cách các buổi phát thanh, xướng ngôn viên Hoàng Trọng Thụy giới thiệu chương trình và Hồng Nga đã đọc bản tin thời tiết, nhưng ở đây lại là "thời tiết" của đêm dạ tiệc.

Ông Lê Đình Điểu, Giám đốc đài VNCR lên diễn đàn trong mục "điểm tin và bình luận" như là lời mở đầu của đêm dạ hội. Dịp này ông giới thiệu đến quan khách ngoại quốc bằng Anh ngữ những sinh hoạt của đài phát thanh VNCR trong ba năm qua. Kế đến ông bày tỏ niềm vui mừng vì sự hiện diện của rất đông đài phát thanh bạn và những đồng nghiệp trong ngành truyền thông chứng minh được tình tương thân tương ái giữa những người cùng hoạt động trong ngành. Trong dịp này, ông Lê Đình Điểu đưa ra đề nghị các cơ quan truyền thông cùng ngồi lại với nhau để thống nhất cách đọc những địa danh, nhân danh thường hay sử dụng trong tin tức.

Ông Hoàng Ngọc Tuệ tiếp tục chương trình trong mục "Người và Việc." Đại diện cho Ban Quản trị đài ngỏ lời cám ơn sự hiện diện của quan khách và nhắc đến đặc điểm trong dịp kỷ niệm năm nay, VNCR có thực hiện một tập Kỷ Yếu với một nội dung phong phú với sự đóng góp của nhiều cây bút cùng với sự tham dự của một số đài phát thanh bạn trong vùng nói về những sinh hoạt phát thanh ở miền Nam California. Tất cả khách tham dự dạ hội đều được tặng tập Kỷ Yếu này.

Dịp này, ông Hoàng Ngọc Tuệ cũng đã giới thiệu đến quan khách những sáng lập viên của đài VNCR và những người hiện đang điều hành chương trình phát thanh của VNCR hằng ngày. Một số những cộng tác viên của đài VNCR qua những lãnh vực y tế, luật pháp, giáo dục... cũng được mời lên sân khấu.

Qua tài điều khiển chương trình của Đinh Quang Anh Thái, một chương trình "phỏng vấn ngược" rất vui nhộn, tiếp theo là cuộc xổ số mà phần thưởng chính là chín vé máy bay khứ hồi đi Đông Nam Á của các hãng hàng không quốc tế Asian Airways, Cathay Pacific, Eva Airways, Korean Airlines, Malaysian Airlines và Marriot Hotel hiến tặng qua văn phòng du lịch AV Travel của cô Simone Nga.

Phần ẩm thực trong đêm dạ hội do nhà hàng Song Long nổi tiếng ở quận Cam cung cấp. Cuối cùng là một chương trình dạ vũ, văn nghệ đặc biệt và rất hào hứng với sự đóng góp của những nghệ sĩ thân hữu của đài VNCR và những nghệ sĩ cơ hữu của vũ trường Majestic.

HÒA LAN

Ra mắt bộ sách Học Kỹ Đọc Đúng

Ngày 25.5.1998, nhà xuất bản Zwijsen (Tilburg, Hòa Lan) đã tổ chức buổi ra mắt bộ sách giáo khoa *Học Kỹ Đọc Đúng* do ba soạn giả Phạm Thị Tú Minh, Nguyễn Văn Thế và Đoàn Xuân Kiên biên tập. Chủ tọa buổi ra mắt sách là Thứ Trưởng Giáo Dục Hòa Lan, bà Netelenbos. Buổi ra mắt gồm hai phần: phần đầu được tổ chức tại hội quán Grandcafé, phần thứ nhì tại trường tiểu học De Wsetten, cả hai đều thuộc thị trấn Drachten nằm khuất nẻo xa trên phía bắc xứ Friesland. Nơi đây, hơn mười năm trước đã nhen nhúm những ý tưởng đầu tiên về bộ sách.

Tham dự buổi ra mắt có khoảng 100 quan khách Việt Nam và Hòa Lan. Về phía khách người Hòa Lan có các giới chức giáo dục tại địa phương và trung ương, các vị trong Hội Phát Triển Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Việt, và các giới quan tâm đến hoạt động của người Việt tại Hòa Lan. Khách người Việt cũng bao gồm các giới quan tâm đến việc phát triển sinh hoạt văn hóa Việt Nam tại hải ngoại, trong đó phải kể đến bác sĩ Trần Đại Sỹ

thuộc Institut Franco-Asiatique (Paris), Hội giáo chức Việt Nam tại Hòa Lan, Nhóm Văn Hóa *Cái Đình*, Ủy Ban Yểm trợ Quốc Tế, một số nhà văn nhà giáo tại các nước châu Âu khác.

Mở đầu buổi họp mặt, ông Albert Klaver, Hội Trưởng Hội Phát Triển Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Việt nhắc lại quá trình ra đời của bộ sách *Học Kỹ Đọc Đúng* từ ngày xa xôi hơn mười năm trước, khi một cô giáo Việt Nam ngỏ ý muốn soạn một tập bài học cho trẻ Việt theo phương pháp mới của bộ sách "học vần" nổi tiếng tại Hòa Lan, *Veilig leren lezen* (Tilburg: Zwijsen). Dần dà, những kiểm nghiệm phương pháp qua việc dạy lớp dẫn đến những suy nghiệm mới, cộng thêm sự tham gia của hai người cộng tác sau này, bộ sách đã trở nên quy mô hơn với cơ sở lý luận giáo dục và ngữ học vững chắc. Bộ sách ra mắt hôm nay là kết quả của một công phu kinh nghiệm và lý luận nghiêm túc của tập thể biên tập. Ông Hội Trưởng cũng không quên nhắc đến cái duyên khác nữa: nhà xuất bản Zwijsen đã rất hào hiệp mà hoan hỷ bảo trợ cho việc biên tập cũng như xuất bản bộ sách ra mắt hôm nay.

Ông Giám Đốc nhà xuất bản Zwijsen thì ca ngợi giá trị của bộ sách về mặt dạy học, và nhìn về tương lai với niềm tin tưởng là bộ sách sẽ góp phần làm mới phong cách soạn sách giáo khoa trong việc dạy đọc tiếng Việt ở bước đầu tiên. Ông là người lăn lộn nhiều trong ngành giáo dục nên cũng hiểu là giá trị của một bộ sách giáo khoa không chỉ là ở nội dung, mà còn ở những yếu tố thuộc về phương pháp, về cơ sở lý luận của việc biên soạn.

Thay mặt Ủy Ban Yểm Trợ Quốc Tế, ông Trần Thanh Hiệp cho rằng sự việc ba nhà giáo cùng đầu tư công sức và hiểu biết để tìm hiểu và làm mới phương pháp dạy học đọc ở bước đầu tiên là một việc có ý nghĩa. Các soạn giả đã tỏ ra rất ý thức về một mục tiêu cơ bản của giáo dục nói chung, và dạy học nói riêng, trong việc rèn luyện tư duy năng động cho trẻ: học đọc để hiểu, để phán đoán và phê phán. Ngoài ra bàng bạc qua những bài đọc, những câu truyện cổ tích mới, là một chủ nghĩa nhân bản. Đó là mẫu số chung của giáo dục, để có thể trở thành chất keo gắn bó các thành viên của xã hội với nhau. Từ những nhận định trên, ông Hiệp cho rằng bộ sách mở ra một hướng mới cho việc biên soạn sách giáo khoa dạy đọc cho trẻ em Việt Nam.

Ông Nguyễn Gia Kiểng, một mạnh thường quân khác trong Ủy Ban Yểm Trợ Quốc Tế, cũng nhận thấy là bộ sách giáo khoa "học vần" mới này không giống như những quyển dạy học vần khác, mà nó là một sự khai phá về phương pháp dạy đọc bước đầu trong khung cảnh một chương trình giáo dục mới mà Việt Nam chúng ta đang trông chờ. Theo ông thì qua những thành tựu ban đầu đáng kể về phương pháp biên soạn trên các mặt giáo dục và ngữ học, bộ sách sẽ có giá trị là một dấu mốc mở đầu cho một công trình đầu tư toàn diện và lâu dài vào công cuộc canh tân giáo dục cho Việt Nam trong thế kỷ mới.

Sau phát biểu cảm tưởng của các giới quan tâm, quan khách được dịp theo dõi một buổi dạy mẫu. Bài học cho thấy việc sử dụng rộng rãi có kết quả các giáo cụ trực quan, vai trò hướng đạo của thầy cô giáo và sự chủ động tham gia làm việc của học sinh.

Thứ Trưởng Giáo Dục, bà Netelenbos, đã khen ngợi công lao của nhóm soạn giả và những mạnh thường quân của bộ sách. Ở cương vị lãnh đạo giáo dục trong một quốc gia đa văn hóa, bà cho rằng bộ sách đã góp phần lớn lao trong việc nâng cao chất lượng dạy đọc tiếng mẹ đẻ với việc áp dụng phương pháp cơ cấu mà Hòa Lan đã áp dụng thành công xuất sắc suốt hơn bốn mươi năm qua. Phát biểu của bà Thứ Trưởng tuy ngắn gọn nhưng đã phản ảnh một quan điểm giáo dục ngôn ngữ tân tiến hiện nay, theo đó thì trong bối cảnh đa văn hóa và đa ngữ thì học tiếng mẹ đẻ sẽ góp phần lớn giúp trẻ phát triển khả năng ngôn ngữ làm chuyển ngữ trong nhà trường nữa. Những ý nghĩ này cũng được bà Thứ Trưởng nhắc lại khi trả lời phỏng vấn của Đài Truyền Hình Friesland sau đó.

Đối với người Việt hải ngoại cũng như trong nước, bộ sách *Học Kỹ Đọc Đúng* ra đời cũng là một dấu hiệu mở đường có ý nghĩa cho công cuộc đổi mới giáo dục nước nhà để bước vào thế kỷ mới — thế kỷ của văn minh và dân chủ.

(Xuyến Như *thuật*)

HOA THỊNH ĐỐN

Ra mắt sách Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam

Chủ nhật ngày 17 tháng Năm 1998, lúc hai giờ chiều, tại hội trường của Viện Đại Học Gheorge Mason ở Arlington, Virginia, giới hâm mộ văn chương nghệ thuật thuộc cộng đồng người Việt trong vùng tam biên D.C. -

Maryland - Virginia đã có dịp đến dự buổi giới thiệu đặc khảo mới nhất của nhà biên khảo Lê Văn Lân, cuốn *Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam. Buổi ra mắt được đặt dưới sự bảo trợ phối hợp của Hội Văn Hóa Việt Nam tại Bắc Mỹ, Trung Tâm Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ và Nhóm Duyên Văn.*

Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung phụ trách phần điều hợp chương trình. Nhà văn kiêm nhà thơ Hà Bỉnh Trung thay mặt ban tổ chức nói mấy lời khai mạc. Hà Kỳ Lam, với tư cách một thành viên của Nhóm Duyên Văn mà người chủ trương là bác sĩ Lê Văn Lân, đã giới thiệu với cử tọa đôi điều về tác giả Lê Văn Lân. Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích đã trình bày khái quát cảm nghĩ của mình về tác phẩm. Theo ông cuốn sách vừa có tính thời sự, vừa có đặc tính khoa học của thể loại biên khảo, lại pha hơi hướm của những trang tùy bút, nên nó có cái duyên dáng mà những pho biên khảo trịnh trọng, khô khan không có được. Cũng theo ông Nguyễn Ngọc Bích, vì chủ trương linh hoạt phóng khoáng trong lối viết, nên tác giả Lê Văn Lân đã gọi "bút khảo" là thể loại riêng cho sách của mình, cũng như cuốn sách trước đây của tác giả có tên *Bút Khảo Về Ăn*.

Tiếp theo bài nói chuyện của ông Nguyễn Ngọc Bích, tác giả Lê Văn Lân thuyết trình đặc biệt về *nghệ thuật và thú chơi ấn triện*. Bài nói chuyện có kèm theo phóng ảnh chiếu trên màn ảnh. Phần này đã được cử tọa theo dõi với đầy thích thú.

Buổi ra mắt sách kết thúc lúc sáu giờ chiều, mọi người ra về mang theo những cuốn sách gói ghém công trình tìm tòi sưu khảo và tâm tình của tác giả Lê Văn Lân trước một sự kiện thời cuộc và lịch sử, Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam.

(Người Miền Đông *ghi*)

QUẬN CAM

Mỹ Thúy với Ý Nhạc Chiều

Ba giờ chiều Chủ Nhật 7 tháng Sáu 1998, nữ ca sĩ Mỹ Thúy thêm một lần ra mắt thân hữu và người ái mộ vùng Quận Cam CD đầu tay của cô: Ý Nhạc Chiều, tại phòng sinh hoạt đa dụng của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA). Buổi họp mặt văn nghệ này được sự bảo trợ của VAALA trong chương trình sinh hoạt cuối tuần của Hội và The Stars Band, một ban nhạc trình độ nhà nghề, nhưng chỉ trình diễn thiện nguyện, phục vụ. Ngay từ lúc bắt đầu, phòng sinh hoạt đã chật người tham dự. Nhiều người đến trễ phải đứng bên ngoài hay dọc theo hành lang.

Mỹ Thúy đang hát với Star Band

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu giới thiệu Mỹ Thúy từng là một xướng ngôn đài truyền hình trung ương Sài Gòn có giọng nói chuẩn mực, một ca sĩ có giọng ca tươi tắn, truyền cảm. Nữ ca sĩ Mỹ Thúy bày tỏ lòng biết ơn đến các thân hữu, người ái mộ đã tới dự buổi ra mắt CD Ý Nhạc Chiều trước đó và buổi họp mặt văn nghệ hôm nay, rồi hát tặng cử tọa hai ca khúc: Trở Về Bến Mơ của Ngọc Bích và Nỗi Lòng của Nguyễn Văn Khánh. Các nhạc sĩ Nguyễn Hiền, Trầm Tử Thiêng nhắc lại những kỷ niệm với Mỹ Thúy thuở cô mới khởi đầu con đường ca hát thật cảm động. Nhiều ca nhạc sĩ thân hữu cũng lên đóng góp tiết mục trình diễn tạo cho buổi họp mặt văn nghệ một không khí rộn ràng vui tươi. Phần trình diễn của Kim Tước, Nguyễn Năng Tế, Quốc Việt rất được tán thưởng. Ngoài ra, The Stars Band cùng nhạc sĩ Nguyễn Hiền cũng đã cống hiến nhiều bản hòa tấu quen thuộc rất ăn ý, chứng tỏ công phu tập luyện đáng kể.

Ý Nhạc Chiều - Mỹ Thúy là buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật thứ chín của Lịch Sinh Hoạt Xuân Hè 1998 do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức tại trụ sở của Hội. Gần đây, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ liên tiếp tổ chức các lịch sinh hoạt mỗi ba tháng gồm các bộ môn triển lãm Hội Họa, Nhiếp Ảnh, trình diễn âm nhạc, thơ ca, giới thiệu tác phẩm mới và trình bày những vấn đề học thuật, nhân văn...Những buổi sinh hoạt này được hưởng ứng đông đảo. (Tâm Hoa)●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Cờ Bạc

hồi ký của **Huỳnh Văn Lang**, tác giả xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, 271 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Khác với những hồi ký chính trị, trong đó các tác giả, bằng những cách khác nhau, đề cao những ngày huy hoàng xưa vì dân vì nước của mình, cuốn sách tạm gọi là hồi ký này chỉ đề cập đến bốn món: đá cá, chọi gà, đánh phé, chơi dà dách.

Tác giả, ông Huỳnh Văn Lang, là một người nổi tiếng từ hơn 40 năm trước tại Nam Việt Nam: từ năm 1954 ông đã là Tổng Giám Đốc Viện Hối Đoái Quốc Gia, là giáo sư trường Đại học Sư Phạm Sài Gòn, Giám đốc trường Đại học Bình Dân, sáng lập kiêm chủ nhiệm, chủ bút trong sáu năm đầu của tạp chí Bách Khoa, sáng lập và điều khiển các đại công ty như Đông Phương, độc quyền nhập cảng xe Honda, Phương Phương Export, khai thác và xuất cảng lâm sản...

Sự nghiệp như thế, nhưng trong sách này ông chỉ nói về các môn chơi mà ông đã biết từ ngày nhỏ do ảnh hưởng môi trường gia đình, và lớn lên một thời ông đã say mê. Những gì ông viết lại không chỉ thuần kỷ niệm mà còn là kiến thức, vì môn nào ông cũng tìm hiểu đến nơi đến chốn, vì cờ bạc đối với ông một phần nào đó phải là trò chơi của trí tuệ, của tính toán và can trường; những môn hoàn toàn may rủi thì ông không chơi. Những môn như đá cá, chọi gà là các môn chơi đã có từ lâu đời trong dân gian Việt Nam, ông đã trình bày rất cặn kẽ như một vốn liếng của văn hóa dân tộc. Kiến thức trong sách này là của một người trong cuộc, người tham dự, với tất cả đam mê tình cảm lẫn trí tuệ nên rất sinh động, thú vị, khác hẳn với tính chất từ chương của những cuốn sách nghiên cứu về văn minh Việt Nam, hoặc những sách dạy nghề cờ bạc. Đọc sách này mới thấy phục câu *Nghề chơi cũng lắm công phu* của Nguyễn Du, cũng như phục cái công tìm tòi những cái ly kỳ trong môn chơi của tác giả, chẳng hạn như đá gà theo quan niệm ngũ hành, thực hành theo một cuốn sách của Tả quân Lê Văn Duyệt để lại.

Không dân tộc nào là không có môn chơi, và theo tác giả, có dính cờ bạc vào thì mới hào hứng. Đã chơi thì phải cố làm sao để ăn. Và đây là "triết lý cờ bạc" của tác giả: ... *Cái mục đích cờ bạc mà tôi nói ra trên đây là đem về cho mình được nhiều thích thú tinh thần, được nhiều thỏa mãn cho tâm can khi đã thành công trước thử thách của ngoại vật, của ngoại cảnh, của người khác cũng như của bản thân mình. Beat the dealer (thắng người chia bài) và Beat the self (thắng bản ngã của mình) nhiều khi không phải là không gây xúc động, mà cái xúc động này không phải là không sâu xa mà có khi còn cao siêu và ly kỳ hơn nữa!*

Không Một Vòng Hoa Cho Người Chiến Bại

truyện dài của **Thế Uyên**, Xuân Thu xuất bản, 348 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Xuân Thu, P.O. Box 97 Los Alamitos CA 90720 USA. Tel: (714) 828-9222.

Truyện kể về cuộc đời của một người sinh ra ở miền Bắc quãng giữa thập niên 30, bắt đầu từ những gì ký ức với tới được trong quá khứ, cho đến một năm nào đó trước 1975 tại miền Nam, và cuối sách thấy ghi là "hết tập thứ nhất." Không thấy thông báo bao giờ thì có tập kế tiếp.

Diễn tiến của truyện nặng vẻ ghi lại ký ức theo trình tự thời gian hơn là một truyện dài có dàn dựng cốt truyện, vì thế giống như là hồi ký, nhưng tác giả đã khẳng định ở đầu sách đây không phải là hồi ký, mà chỉ thuần túy là truyện dài. Nhân vật xưng "tôi" kể các kỷ niệm thời thơ ấu khi sống trong một căn nhà bên bờ hồ Tây, Hà Nội, một số ký ức về biến cố tháng Tám 1945, những ngày đi tản cư và rồi hồi cư rất sớm sủa trong năm 1947. Cuộc sống hồi cư tại Hà Nội năm ấy, khi các lỗ đục xuyên tường nhà này nối nhà kia vẫn còn nguyên, là những hình ảnh khá độc đáo trước nay không mấy tác giả đề cập tới, có thể giúp người đọc một ít tư liệu lịch sử. Di cư vào Nam 1954, cuộc sống học hành, yêu đương, dạy học, đi lính, công cuộc vận động văn hóa chính trị... lại được tuần tự trình bày, cho thấy nhân vật là một con người có ý thức cao về nhân sinh và đời sống chính trị của đất nước; yêu đương, làm việc, suy nghĩ, hành động đều cố đạt tới mức tột cùng của khả năng, và tự căn bản đó là một con người phóng khoáng, không tự ràng buộc vào một giáo điều nào. Sự tự do trí tuệ cộng với ít nhiều tính chất nghệ sĩ, cả sự đam mê tình dục và quan niệm thẳng thắng khi đề cập đến vấn đề này, mang lại cho cuốn sách nhiều dáng vẻ tiểu thuyết mặc dù tính chất hồi ký khá rõ của nó.

Có nhiều hy vọng đây sẽ là một tiểu thuyết trường thiên, nếu những tập kế tiếp sẽ tiếp tục ra đời, để qua câu chuyện đời của một nhân vật, người ta thấy được một đoạn lịch sử, tuy không phải là một bức bích họa rộng lớn về một thời đại và một đất nước, nhưng phô bày rất nhiều những nhịp đập thầm kín, thâm trầm của một người sống nhiều, sống đủ với ý thức rất cao về mọi chuyện của thời mình.

Ánh Mắt

tập truyện của **Trương Anh Thụy**, Cành Nam xuất bản, 226 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Cành Nam Publishers, 2607 Military Rd. Arlington, VA 22207, USA. Tel: (703) 525-4538.

Trương Anh Thụy là một tác giả có cái tâm rất lành, và cái tâm ấy hiện rõ trong truyện của bà. Truyện dù thuộc đề tài gì, có thể là một tình huống buồn hoặc với nhân vật quá quắt, cũng đều được dẫn dắt với lời lẽ trung hậu, đĩnh đạc, từ tốn, và sẽ đi tới một cánh cửa mở ra một khung trời tích cực. Bà không có tham vọng nói hết mọi điều, giải quyết dứt khoát mọi chuyện, truyện của bà chỉ đưa người đọc đến cánh cửa ấy thôi, rồi bỏ đó. Như thế là đủ, nhìn thấy những gì qua khung cửa ấy là việc của người đọc. Nhiều truyện có một kết cục hơi đột ngột, lửng lơ, chính là lúc tác giả thấy có thể rời sự dẫn dắt, như khi tập cho ai đi xe đạp, thấy người tập đã đạp ngon trớn rồi thì buông tay.

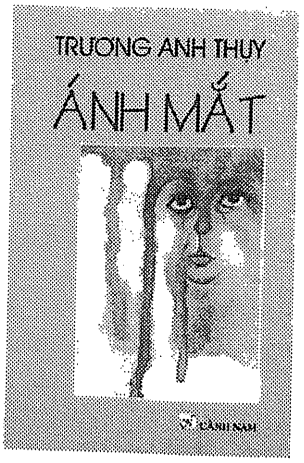

Tuy đi Mỹ rất sớm, du học từ đầu thập niên 60 và ở luôn tại xứ này, tác giả không viết đề tài nào ra ngoài cuộc sống của người Việt Nam. Truyền thống Việt Nam không những được giữ gìn kỹ lưỡng nơi tác giả mà còn được vun đắp thêm mãi bởi con mắt quan sát, nhìn ra những đặc tính, những vấn đề điển hình của cộng đồng người Việt, và trình bày ra trong những truyện mình viết. Đó có thể là chuyện một sĩ quan Mỹ gốc Việt đi đánh nhau ở Iraq, chuyện kỳ thị, hoặc cả chuyện cúng kiến lên đồng ngay tại xứ Mỹ này... đặc tính chung của tất cả các truyện là đều quy chiếu, mô tả, đều nhằm nêu lên *những vấn đề* của người Việt Nam tị nạn tại Mỹ. Dù ý kiến của người đọc có khác nhau thế nào về tác phẩm của bà, tất cả mọi người có lẽ dễ dàng đồng ý một điểm: Trương Anh Thụy thật là một con người "thuần khiết" Việt Nam, dù xa nước bao nhiêu năm tâm hồn, hoạt động và nhất là văn chương đều luôn luôn hướng về văn hóa, dân tộc và đất nước của mình.

Một Mình Em, Đến Giữa Đời

tập truyện của **Hồ Minh Dũng**, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, 184 trang, giá US$10.00; ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Bl, Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Từ ngày đến Mỹ vào cuối năm 1993, Hồ Minh Dũng viết khá khỏe. Liên tiếp ba năm kể từ 1996, mỗi năm ông xuất bản một cuốn truyện ngắn, đều là truyện mới viết. Trong hai cuốn trước, đề tài của ông gồm cả hiện tại và quá khứ, kể cả quá khứ rất xa, là truyện lịch sử. Cuốn thứ ba này thì toàn là chuyện quá

khứ, không có một cảnh nào tại nước Mỹ. Trong chín truyện thì có một là truyện lịch sử, một thuộc loại "cải tạo," còn lại toàn là chuyện xảy ra tại xứ Huế của ông mà có lẽ ông đã quan sát từ thời thơ ấu đến thời điểm trước 1975.

Hình như Hồ Minh Dũng vừa đi vào một thời kỳ cảm hứng mới, các truyện có khung cảnh cũ lại mang nhiều sắc thái mới và ý tưởng lạ. Đặc biệt những truyện ông viết về thời tuổi nhỏ đều hay, mang lại nguyên cái linh động của thời ấy cộng thêm cái nhìn phân tích sâu sắc mà người ta chỉ có ở tuổi già. Đạt tới được một cái gì mới mẻ là điều đáng mừng ở người viết văn, bất cứ là đang ở tuổi nào. Viết được nhiều và không dẫm vào lối cũ như Hồ Minh Dũng hiện nay cũng là điều hiếm thấy nơi một ngòi bút đã trưởng thành trước 1975, đã bị tù tội, đi định cư muộn màng với tất cả lận đận của một lớp người gọi là HO. *Một Mình Em, Đến Giữa Đời* cho thấy dù ở cảnh huống thế nào, người cầm bút vẫn có thể mang lại những điều mới mẻ trong sáng tạo của mình.

Hành Trình Cuối Đông

bút ký của **Tiêu Dao Bảo Cự**, Văn Nghệ xuất bản, 346 trang, giá US$16.00; ngoài nước Mỹ $19.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Tiêu Dao Bảo Cự là một khuôn mặt chống đối nhà cầm quyền cộng sản trong nước để đòi hỏi tự do dân chủ một cách tích cực suốt một thập niên qua. Giữa những năm 60 ông vốn là sinh viên tranh đấu ở Huế, sau đó hoạt động nội thành và trở thành đảng viên cộng sản năm 1974. Nhưng từ sau 1975 ông dần dần vỡ mộng về chủ nghĩa cộng sản. Năm 1988 mở đầu công cuộc vận động cho tự do dân chủ của ông với chuyến đi xuyên Việt nổi tiếng cùng Bùi Minh Quốc, Hữu Loan... từ Sài Gòn ra Hà Nội, suốt dọc đường đi ghé lại từng tỉnh để vận động giới cầm bút tích cực tranh đấu cho quyền tự do ngôn luận, và đến Hà Nội trực diện đấu tranh với trung ương để đòi hỏi quyền ấy. Vì cuộc vận động này tác giả Bảo Cự và Bùi Minh Quốc đã bị kỷ luật khai trừ khỏi đảng, bị cách chức trong hội Văn Nghệ Lâm Đồng, và bị bao vây kinh tế. Hai ông đã ở vào thế đối nghịch với chính quyền cộng sản suốt mười năm nay.

Hành Trình Cuối Đông là bút ký về chuyến đi ấy, chiếm 91 trang đầu cuốn sách. Tác giả viết một cách cụ thể, mạch lạc, đúng cung cách một người chép nhật ký cho một phái đoàn vận động. Nhưng tập bút ký còn cho thấy phong cách của người đại diện cho một ý đồ đấu tranh có chính nghĩa, luôn thẳng thắng, rõ ràng và trong sáng, rất khác với lối quanh co, chụp mũ, đàn áp một cách đen tối của phía cầm quyền — bất kể là cầm quyền chính trị hay văn nghệ. Nó cũng cho thấy niềm khát khao được tự do ngôn luận của hầu như tất cả nhà văn nhà báo, đồng thời phơi ra ánh sáng cái quan niệm chật hẹp tối tăm, nhất định bóp nghẹt tự do về phía đảng cộng sản.

Số trang còn lại của cuốn sách in một số tài liệu chung quanh "Vụ án Langbian," gồm các kiến nghị, tuyên bố, thư từ, quyết định v.v... liên quan đến cuộc vận động này. Đây là những tài liệu khá quan trọng, cho người ngoài cuộc hiểu rõ những điều sôi sục bên trong một cuộc vận động cho đến ngay đã lộ rõ tính chất bức thiết và lịch sử của nó.

Ông Già Và Biển Cả

truyện dịch của Mặc Đỗ, nguyên tác của Ernest Hemingway, Văn Nghệ xuất bản, 98 trang, giá US$7.00; ngoài nước Mỹ $8.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Sách chỉ có 98 trang, nhưng thuộc hạng kiệt tác, đã được dịch ra hầu hết các thứ tiếng trên thế giới, đã được quay thành phim. Và tác giả của nó là người đã đoạt giải Nobel văn chương. Truyện kể chuyện một ông lão chài lưới nghèo khó, một hôm câu được một con cá thật lớn ở tận ngoài khơi thật xa. Ông đã tranh đấu để chế ngự nó, kéo nó vào bờ. Nhưng thiên nhiên rất khắc nghiệt, một con mồi khổng lồ được kéo đi khơi khơi ngoài biển

không thể nào không là mục tiêu tấn công của bao con cá khác. Ông già lại phải liên tục chiến đấu với lũ cá mập để bảo vệ thành quả của mình. Cuối cùng sau mấy ngày đêm vật lộn không ngừng, ông già vào được đến bờ, kiệt sức, và con cá câu được chỉ còn là một bộ xương. Trong *Lời người dịch* ở đầu sách có đoạn viết rằng:

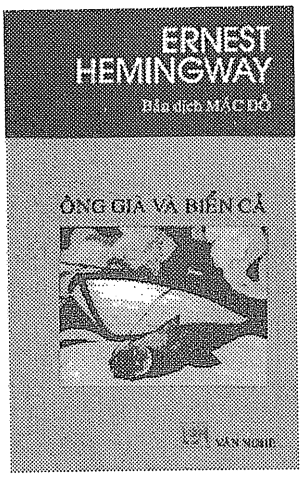

Tuy Hemingway sống rất nhiều, nhân vật trong tiểu thuyết của ông thường biểu lộ tâm trạng trơ trọi của con người bất phùng thời. Trơ trọi vì kiêu hãnh từ chối đầu hàng, không chịu phó mặc cho số phận. Ông lão đánh cá trong thiên truyện này là một thể hiện đặc sắc của sự trơ trọi kiểu Hemingway. Bị người đời rẻ rúng ông lão vẫn cương quyết đi con đường của mình cho trọn, chống trả kịch liệt cho đến thành công, rồi lại đem sức tàn ra đương đầu với Định Mệnh, không một lời ta thán, tin ở mình cho đến cùng.

Bản dịch của Mặc Đỗ kỹ và hay, lột tả được cái văn thể mong manh nói về một nhân vật hoàn toàn cô độc, vừa chiến đấu với ngoại cảnh khắc nghiệt, vừa độc thoại đằng đẵng với bao ý nghĩ, tâm trạng nảy ra trong cảnh huống cam go lạ lùng ấy. Một cuốn sách nếu đã đọc rồi thì nên đọc lại, chưa đọc thì cần phải đọc.

Bảy Năm Trên Đất Tây Tạng

sách do **Trần Viết An Cựu** phóng tác theo cuốn *Seven Years in Tibet* của *Heinrich Harrer*, tác giả xuất bản, 369 trang, giá US$18.00. Liên lạc: Tran, 4343 W 142nd Street #F Hawthorne, CA 90250, USA.

Cuốn sách gồm 18 chương thì 17 chương là dịch của Heinrich Harrer, còn một chương cuối "Vài suy nghĩ lan man về Tây Tạng và Phật giáo" là do dịch giả viết. Cuốn *Seven Years in Tibet* kể chuyện của chính tác giả là một người Đức lưu lạc sang Ấn Độ rồi trôi giạt lần đến Tây Tạng và ở luôn tại đó bảy năm, chỉ rời khỏi "nóc nhà của thế giới" vào năm 1950 khi Trung Cộng rục rịch thanh toán xứ này. Một câu chuyện phiêu lưu ly kỳ, nhiều tình tiết và tài liệu lạ về xứ Tây Tạng, được người dịch chuyển một cách suông sẻ khúc chiết sang Việt ngữ. Cuốn sách này đã được điện ảnh Mỹ quay thành phim với tựa đề cùng tên.

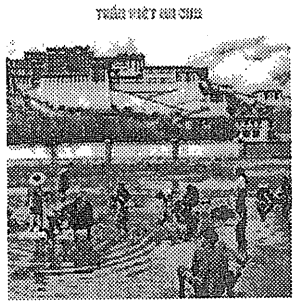

Chương 18 là phần đóng góp của người dịch, có trích hai đoạn khá hay về Phật pháp của Thượng tọa Thích Trí Quang và học giả Trần Trọng Kim, để từ đó nói về ảnh hưởng ngày càng lớn và càng cần thiết của Phật giáo đối với thế giới Tây phương ngày nay. Có lẽ đó cũng là động lực khiến người dịch bỏ công dịch tác phẩm này, vì ngoài khía cạnh phiêu lưu kỳ thú, đây là còn là cuốn sách giới thiệu đất nước Tây Tạng, một đất nước thấm nhuần Phật đạo mà tác giả, mặc dù đến từ một nước Tây phương, đã yêu mến nhớ nhung như là một quê hương thứ hai của mình.

Quảng Đà

Đặc san biên khảo văn học nghệ thuật do Ái Cầm - Thái Tú Hạp chủ trương, Sông Thu xuất bản, 482 trang, giá tại Mỹ và Canada US$10.00; các nơi khác cộng thêm cước phí. Liên lạc: Saigon Times, P.O. Box 428, Rosemead, CA 91770, USA. Tel: (626) 288-2696.

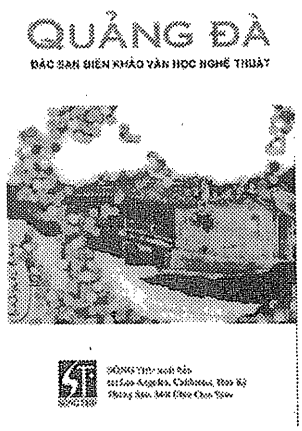

Đất Quảng Nam không phải là đất cũ của dân tộc Việt Nam, nó chỉ được thành lập trên bước đường Nam tiến, sau thành một tỉnh. Đó tương đối là một tỉnh lớn ở miền Trung, có núi non, sông ngòi, biển cả, có nghề cấy lúa, trồng dâu nuôi tằm, trồng quế trồng chè, có mỏ than mỏ vàng, con dân cần cù làm ăn, ham học, có tâm hồn và chí khí... Khi đi tị nạn cộng sản ở nước ngoài, một số người cầm bút đất

Quảng đã thực hiện hằng năm một tập họp các bài viết ghi lại lòng tưởng nhớ quê hương. Dần dần giai phẩm thành một đặc san biên khảo, văn học, nghệ thuật. Kể ra viết về một vùng đất phong phú như Quảng Nam thì không bao giờ cạn đề tài. Lịch sử, địa lý, nhân văn, rồi đời sống tình cảm muôn màu muôn vẻ của biết bao thế hệ người. Đặc san Quảng Đà năm 1998 về hình thức lẫn nội dung đã đạt một bước tiến vượt trội hơn các năm trước với các bài biên khảo của Kiêm Đạt, Trương Duy Hy, Đằng Vân, Nguyễn Văn Xuân, Thích Như Điển, Nguyễn Chí Thiệp, Dương Đức Như, Võ Phiến, Trương Duy Cường, Nguyễn Phước Tương...; thơ, văn của Luân Hoán, Hoàng Lộc, Phan Ngô, Thành Tôn, Hoàng Quy, Tường Linh, Huy Tưởng, Hồ Thành Đức, Đặng Hiền, Bích Xuân, Phan Nhật Nam, Hồ Minh Dũng, Đinh Trầm Ca, Hà Kỳ Lam, Tống Nữ Mộng Hoa, Phạm Xuân Đài, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Thái Tú Hạp, Lê Khuê... Thật là một tuyển tập nhiều màu sắc, súc tích và rất lý thú, mà các tác giả hiện sống rải rác khắp nơi trên thế giới, kể cả Việt Nam.

Số này tuy không phải là một số đặc biệt về Hội An, các bài biên khảo chú trọng nhiều vào Hội An, từ lịch sử của thị xã đến làng Minh Hương, từ tiếng địa phương của Hội An đến những ngôi chùa cổ của Hội An, bài văn bia trùng tu Chùa Cầu triều Gia Long... giúp người đọc hiểu biết thêm nhiều về thành phố cổ này. Vì Quảng Nam nói chung là một vùng đất phong phú về nhiều mặt, ước ao trong tương lai phần khảo cứu sẽ tập trung vào nhiều loại đề tài khác, về nhiều địa phương khác nữa trong tỉnh, vì chỉ cái tên gọi *Quảng Đà* đã bao gồm một địa bàn và một nội dung vô cùng đa dạng rồi.

Thơ Tình Sương Mai

thơ của **Sương Mai**, Suối Hoa xuất bản, 386 trang, giá US$15.00; ngoài Hoa Kỳ $18.00. Liên lạc: Suối Hoa, P.O. Box 59039 San Jose, CA 95159 USA. Tel: (408) 289-1252.

Hãy cùng tôi thả hồn theo những nhớ nhung, những dằn vặt của con tim, để nhận thấy đời đáng sống biết bao nhiêu... là khi chúng ta có tình yêu và được yêu; cho dù đôi khi tình yêu chỉ là nỗi cay đắng, nỗi đớn đau vô tận của một mối tình đơn phương thầm lặng...

Chúng ta sẽ thấy những dòng trên đây của tác giả là rất thật, nếu chúng ta đọc thơ của tuyển tập này. Hình như mọi xúc cảm của tác giả đều quy chiếu vào tình yêu, lời nào nói lên

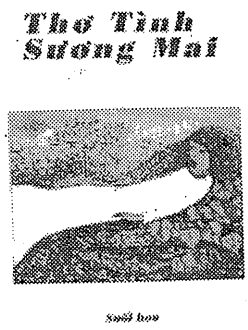

cũng là lời tình. Một người biết dành hết khả năng ưu tú nhất về ngôn ngữ của mình, là thi ca, để chỉ nói về tình yêu, dù phần lớn là những nỗi đau đớn buồn bã do tình yêu mang lại, là một người hạnh phúc. Biến được mối sầu tình thành thơ là một hành động thăng hoa cả con người, cả tình yêu của mình, mà "người phàm," tức người không biết làm thơ, không thể nào có được. Có thể nói Sương Mai đam mê làm thơ tình, mọi tình huống của đời sống đều có thể được nhìn quan lăng kính của tình yêu và thi ca. Có lúc tưởng như tình yêu, thơ và tác giả nhập làm một, hóa thân thành những bài thơ tình.

Người đầu tiên đón nhận thơ tình Sương Mai là những nhạc sĩ. Họ dễ có chung niềm rung động với nhau khi tình cảm hóa thành vần điệu và âm thanh. Thơ tình Sương Mai biến thành nhạc rất tự nhiên, với các nhạc sĩ Anh Bằng, Võ Tá Hân, Phạm Anh Dũng, Hoàng Linh, Song Ngọc...

Trúng Số Độc Đắc

tập truyện của **Phạm Hữu Bính**, Song Văn xuất bản, 217 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Song Văn, 3300 Midvale Avenue, Philadelphia, PA 19129. Tel: (215) 849-4528.

Sách gồm tám truyện, trong đó có truyện *Trúng Số Độc Đắc*. Qua suốt 217 trang sách, tác giả đã cho người đọc gặp gỡ những người Việt ly hương hay tại quê nhà, cùng sống những giây phút buồn vui, lo âu, hồi hộp của họ hoặc chia sẻ những tâm trạng bàng hoàng sửng sốt. Tác giả lấy chất liệu sáng tác từ cuộc sống của chính mình và chung quanh mình. Nếu có gì mới lạ hay độc đáo thì đó là những gì ông chon để mô tả, đề cập, và lối nhìn sự vật của ông.

Tính chất chủ đề có thể tìm thấy ở hầu hết các truyện trong cuốn sách. Mỗi truyện đều tạo một dư hưởng kéo dài trong lòng người đọc, đều tiềm ẩn một thông điệp. Tác giả không chen vào một lời thuyết giáo trịnh trọng nào, nhưng những câu chuyện kể bình thường,

theo từng màn lớp của chúng đã tự nói lên biết bao điều rất thiết thân với tất cả chúng ta, lớp người được coi như thế hệ thứ nhất di dân.

Phạm Hữu Bính có một lối kể chuyện hấp dẫn. Truyện được dàn dựng chặt chẽ, những tình tiết và sự việc đan bện vào nhau rất khít khao. Hành văn gãy gọn, khúc chiết và súc tích. Mạch văn đi rất khéo, đủ "báo động" cho người đọc về một đột biến của tình huống nhưng không để người đọc đoán được sự việc sắp xảy ra. Nhìn chung đây là một cuốn sách hay, nên có trong tủ sách gia đình. (Hà Kỳ Lam)

Sau Lũy Tre Xanh

CD Ca Nhạc gồm 10 ca khúc do Kim Tước trình bày. Liên lạc : Kim Nguyên P.O.Box 1173 Fullerton, CA 92836 USA. Tel. (714) 441-2856.

Kim Tước, một mình trình bày 10 ca khúc của các nhạc sĩ thuộc lớp tiền phong như Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Võ Đức Thu, Vũ Thành, Nguyễn Hiền, Văn Phụng, Nhật Bằng. Mười ca khúc đã được chắt lọc bởi thời gian và cũng đã được trình bày bởi nhiều thế

hệ ca sĩ. Chúng gần như trở thành kinh điển. Ngoài kỹ thuật, còn cần có cảm xúc thật khi trình bày những ca khúc này. Từ giữa thập niên 1950, Kim Tước đã từng đơn ca với giàn nhạc đại hòa tấu Sài Gòn. Mười năm trước, tại hải ngoại, Kim Tước ra CD thứ nhất. 1998, CD thứ hai - Sau Lũy Tre Xanh - như một ấn chứng sự nguyên vẹn của giọng ca trau chuốt không mang dấu vết thời gian. Phần nhạc nền, Quốc Toản hòa âm, phối khí và Hồ Xuân Mai dương cầm vừa đủ. Nghe Sau Lũy Tre Xanh như được sống lại một thời với những kỷ niệm êm đềm pha chút u hoài. (Ngô Mạnh Thu)●

Đã phát hành khắp nơi

QUẢNG ĐÀ

Đặc san biên khảo văn học nghệ thuật

Với sự cộng tác:

Kiêm Dạt . Thy Hảo Trương Duy Hy . Đằng Vân . Nguyễn Văn Xuân . Thích Như Điển . Nguyễn Phước Tương . Nguyễn Chí Thiệp . Dương Đức Nhự . Võ Phiến . Trương Duy Cường . Vũ Ký . Ngô Tấn Cúc . Hoài Hương . Thi Vũ . Tường Linh . Hoàng Quy . Luân Hoán . Trần Hoài Thư . Duy Lam . Nguyễn Đông Giang . Hoàng Lộc . Nguyễn Thùy . Nguyễn Phúc Vĩnh Tung . Phan Ngô . Phương Đình . Thành Tôn . Huy Tưởng . Lưu Nguyễn . Nguyễn Mạnh Trinh . Hồ Thành Đức . Vô Tình . Sư Trưởng Hà Quốc Huy . Nguyễn Kim Sắc . Dư Mỹ . Trần Lộc . Võ Dương Hồng Lâm . Duy Chân . Nguyễn Hữu Hoạt . Lý Trường Trân . Phùng Minh Tiến . Vũ Hối . Bích Xuân . Đặng Hiền . Nguyễn Nam An . Võ Văn Viên . Phan Huy . Võ Đình Tuyết . Cung Diễm . Mỹ Khê Huỳnh Tấn Lực . Mặc Lan Đình . Hồ Ngọc Thanh . Hà Nguyên Dũng . Trần Yên Hòa . Xuân Đài Hoàng Hưng . Huỳnh Nhâm . Phạm Xuân Đài . Vương Trùng Dương . Cao Mỵ Nhân . Phan Nhật Nam . Hồ Minh Dũng . Lê Chín . Trần Trung Đạo . Nguyễn Hương Nhân . Đynh Trầm Ca . Hồ Văn Quang . Phạm Phú Hay . Hà Kỳ Lam . Đoàn Ngọc Nam . Tống Nữ Mộng Hoa . Trần Đình Trung . Lê Tống Củng . Lê Khuê . Tường Vi . Nguyễn Thị Ngọc Liên .

Chủ trương: ÁI CẦM - THÁI TÚ HẠP

Dày trên 500 trang . Bìa 5 màu lộng lẫy . Giá mỗi số 10 Mỹ Kim . Gửi ra nước ngoài cộng cước phí.

Thư từ, bài vở, chi phiếu, xin gởi về: SAIGON TIMES

P.O. Box 428, Rosemead, CA 91770 . ĐT: (626) 288-2696 - Fax: (626) 288-2033

Xin tìm nghe dĩa nhạc dân ca Việt Nam

Hò Khoan Lệ Thủy

Qua cầu gió bay * Lý ngựa ô * Cây trúc xinh * Hò khoan Lệ Thủy * Lý chiều chiều * Cò lả * Lý bằng răng * Hoa thơm bướm lượn * Ru con * Lý thiên thai * Duyên phận phải chiều * Chặt gỗ đóng thuyền

với

NGUYỄN THÀNH VÂN

và

QUỲNH GIAO, THU TÂM, BÍCH LIÊN, LINH SƠN, NGỌC SƯƠNG, THANH HẰNG & BAN THIẾU NHI NGÀN KHƠI

hòa âm

MARK KNOX

Thâu thanh tại
San Francisco, Orange County và Philadelphia

Có kèm theo một tập sách 8 trang với phần dẫn giải và lời bài hát, bằng hai thứ tiếng Việt và Anh

Có bán tại các tiệm sách và băng nhạc

LIÊN LẠC: **14265 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92843 . Tel: 714-531-2773**
42 Castro Street #6, San Francisco, CA 94114 . Tel: 415-621-3215
Email: vann@cgl.ucsf.edu
Web: http://www.vannguyen-music.com

KT FURNITURE
2775 W. LINCOLN AVE., ANAHEIM
(Góc Lincoln & Dale)
(714) 821-4989

EXPO FURNITURE
149 E. ORANGETHORPE AVE., ANAHEIM
(Góc Orangethorpe & Lemon)
(714) 871-1817

Bộ Giường ngủ Italy

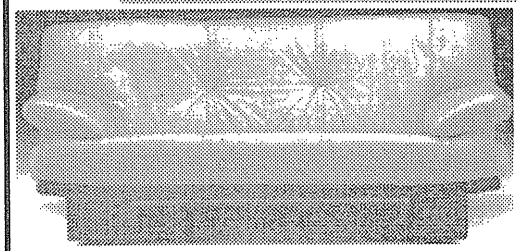

Bộ Sofa - Italy

Bàn ghế phòng ăn, Tủ chưng

Show Room rộng 15,000 sqft
cung cấp đủ loại FURNITURE
sang trọng với giá phải chăng

*** NHẬN LAYAWAY * FINANCING DỄ DÀNG**
*** MASTER CARD * VISA**

Viễn đông

Thuần Túy Món Bắc

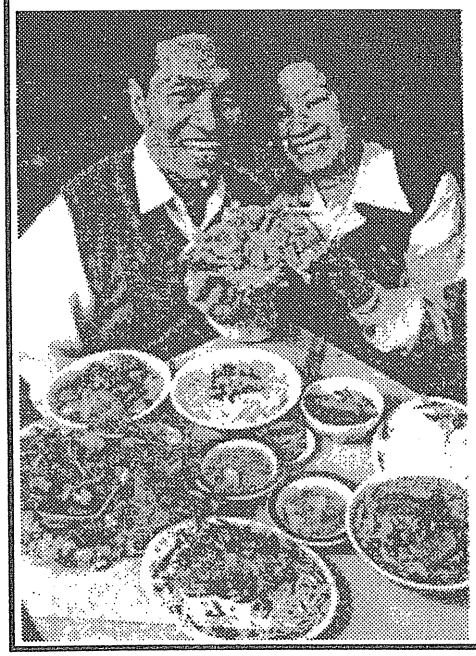

Người Việt từ khắp nước Mỹ,
từ khắp thế giới về thăm
Little Saigon, muốn thưởng thức
các món ăn quốc hồn quốc túy,
xin mời đến

VIỄN ĐÔNG 1
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92844
(714) 539-4614

Giờ mở cửa: 9 AM - 9 PM
Nghỉ ngày thứ Ba

CHÚNG TÔI CÓ BÁN CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

Ăn Chơi Ngon Hơn Ăn Thiệt

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

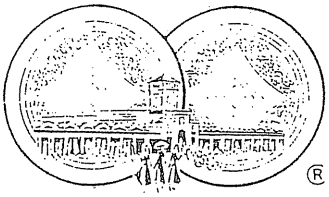

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢農產市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

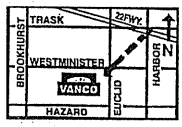

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Bolsa Medical Center

Bolsa Medical Group
Thuộc nhóm Y Tế AMVI Medical Group

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091
Fax: (714) 531-7926

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê và bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già...
* **Chuyên Trị:** Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe
Chương trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2 PM - 3 PM trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

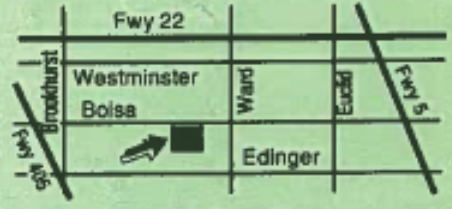

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet.

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim